

GIẢNG GIẢI TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

(CON ĐƯỜNG CHẤM DỨT KHỔ)

Võ Thế Hòa

(Nhà nghiên cứu Phật giáo và Triết học phương Đông)



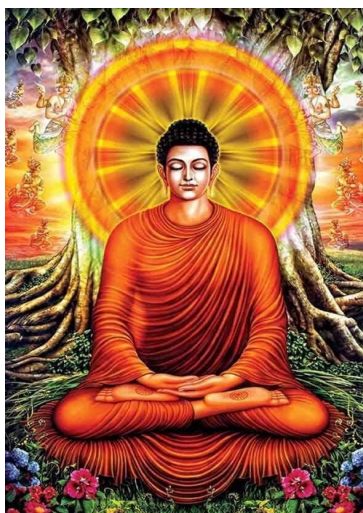
NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa

(Thành kính dành Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-La-Hán, đấng Chánh Biến Tri)

Giải Giải.

Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng.



Nhà nghiên cứu Phật giáo & Triết học

Võ Thế Hoà biên soạn



Lời Giới Thiệu.

Bởi Hòa Thượng Thích Bửu Chánh.

*Tôi xin hân hạnh và trân trọng giới thiệu tác phẩm **Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng** của tác giả **Võ Thế Hòa** đến chư Tăng, Ni và các Phật tử xa gần.*

*Đây là công trình nghiên cứu và ứng dụng giáo pháp **Tứ Thánh Đế** trong đời sống hàng ngày của tác giả. Tác phẩm góp phần làm phong phú kho tàng Phật học Việt Nam.*

*Tác giả đã khai thác tài liệu bậc I, tài liệu cổ xưa, tài liệu gốc và giới thiệu đến độc giả. Tôi rất hoan hỷ với những trích dẫn những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật trong kinh tạng Pāli về **Tứ Thánh Đế**, đây là giáo lý cốt lõi của Phật Giáo.*

*Người tu hành phải chứng ngộ **Tứ Thánh Đế** mới thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn. Người muốn thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn phải tu tập **Tứ Thánh Đế** hàng ngày như bài **Kinh Niệm Xứ** trong **Kinh Trung Bộ** đã dạy:*

“Iti dukkham pajānāti, Iti dukkha samudayaṃ pajānāti, Iti dukkha nirodham pajānāti. Iti dukkha nirodhagāmininī patipadāṃ pajānāti”.

(Vị ấy biết đây là khổ, vị ấy biết đây là nguyên nhân của khổ, vị ấy biết đây là sự diệt khổ, vị ấy biết đây là con đường đưa đến sự diệt khổ).

*Xin tán thán công đức tu tập và nghiên cứu **Kinh Tạng Nikāya** của tác giả cũng như phổ biến những lời dạy trí tuệ của Đức Phật đến với mọi người của tác giả và các học viên, các cộng sự để xuất bản tác phẩm này.*

Xin cầu nguyện phước lành đến tác giả, gia đình cùng các học viên Phật tử.

Đôi Lá Giang 17 - 2 - 2021

Hòa Thượng Thích Bửu Chánh

Trụ Trì Thiền Viện Phước Sơn

Lời Giới Thiệu.

Bởi Tỳ Kheo Thích Giác Tâm.

Tôi có duyên được quen biết cư sĩ Võ Thế Hòa hơn mười năm và thường xuyên chia sẻ giáo lý Đức Phật. Cư Sĩ hiểu biết giáo lý sâu và thực tập tu học rất tốt. Đặc biệt Cư Sĩ nghiên cứu Kinh tạng Nikaya một cách nghiêm túc tìm ra con đường giác ngộ và giải thoát khỏi sinh tử trong kiếp này. Mới đây, Tác Giả gửi cho tôi đọc bản thảo cuốn sách với tựa đề "Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng" là một công trình nghiên cứu và thẩm thấu trong việc tu học mà tác giả dự định xuất bản vào năm 2021 này. Tôi nhận thấy tập sách này rất hữu ích và rất tốt cho hành giả và độc giả tiếp cận đến giáo lý và tu học chứng ngộ trong hiện đời này vì tác giả khéo léo vận dụng tư duy logic và tu học của chính mình hệ thống lại cốt tủy, tinh hoa của Đức Phật để cho hành giả, độc giả tiếp cận nhanh và đầy đủ những lời dạy của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Do đó tôi xin trân trọng biết ơn đến Tác Giả và xin được giới thiệu tập sách này đến chư độc giả nhằm góp phần trong việc xiển dương chánh pháp và chứng ngộ giáo lý Đức Phật trong kiếp nhân sinh này.

Tỳ kheo Giác Tâm trụ trì tịnh xá Ngọc Long.

Cẩn Bút,

Vài nét về Sư Giác Tâm, Sư có bằng Thạc sĩ Phật học Ấn độ và đã trình Luận án Tiến sĩ nhưng vì Covid19 chưa qua Ấn độ để bảo vệ Luận án được. Sư thuộc về phái Khất sĩ, đang trụ trì tịnh xá Ngọc Long, Bình định.

Sư Toại Khanh có một nhận xét lý thú về cuốn sách này.

Nhà sư Toại Khanh đã đọc qua bản thảo "Tứ Thánh đế là Tối thượng" có ý kiến như sau:

Kinh Phật bao la, rộng không bờ và sâu không đáy, bởi Phật trí không có giới hạn và đối tượng để Ngài thuyết giảng cũng muôn trùng. Tùy căn cơ mà mỗi người có một sức tiếp nhận khác nhau khi đi vào biển lớn lời Phật.

Có không ít trường hợp ai đó đặc biệt tâm đắc với một góc nhỏ trong ba tạng kinh điển rồi lấy đó làm chìa khóa bước vào Phật giới rồi nhờ vậy mà cũng có những thành tựu nhất định. Chọn lọc điều mình tâm đắc nhưng không chỉ tâm đắc trong những gì chọn lọc là một việc khó, như đi trên lửa mà không bỏng hay chân trần bước trên bờ biển mà không dính cát vậy. Một tí sơ sót có thể làm hỏng toàn bộ công phu, vì thuyền đã đi lệch hướng.

Soạn giả của tập sách này đã dành trên mười năm trời làm công việc mà thiên hạ có khi phải mất một đời: Dùng kinh Phật để giải thích kinh Phật một cách công phu và tâm huyết. Đặc biệt soạn giả đã thuần túy vận dụng riêng mỗi Kinh Tạng để thực hiện việc ấy. Một công trình gian khó nhưng ý nghĩa, khi chứng minh được một điều rằng trong chừng mực nào đó, vùng biển nào cũng có thể đại diện cho cả đại dương.

Rõ ràng đây là một công trình lớn, có ý nghĩa và có thể được xem là của hiếm.

Toại Khanh, 08-02-2021.

Lời Nhấn Nhủ

Đến những ai được tặng cho cuốn sách "Tứ Thánh đế là tối thượng".

Sách này viết chỉ toàn là những ký tự A,b,Cb...v.v.. không phải là sự thật. Từ những văn tự này để chứng nghiệm được sự thật rất khó. Tác giả chia sẻ những kinh nghiệm mà tác giả đã học qua các Triết gia Đông Tây.

1-Học được từ Trang Tử từ năm 1975 (21 tuổi)

Trang Tử viết:

"Có nôm là vì cá,

Đặng cá hãy quên nôm"

"Có dò, là vì thỏ

Đặng thỏ hãy quên dò"

"Có lời, là vì ý,

Đặng ý, hãy quên lời"

"Ta tìm đâu đặng người biết

Quên lời, hầu cùng nhau đàm luận!"

Tác giả đã hiểu và đã áp dụng những câu văn trên từ 1975 cho đến nay. Khi học gì cần đạt ý quên lời vô cùng khó nên kiên nhẫn và cần suy tư lâu ngày mới hiểu được, không có việc ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

2-Học được Krishnamurti từ 1973-1978.

Open mind là tâm rộng mở sẽ đón nhận những luồng gió mới. Tác giả đã áp dụng open mind xuyên suốt từ 1973 đến nay. Tác giả có thể đọc kinh sách Bắc Tông, Nam Tông, Lão Trang, Khổng, Kinh dịch, Tử vi, Cao đài, Hoà hảo v.v.. Tác giả đã không dính mắc vào một truyền thống nào cả. Trải qua suốt 47 năm đã đi tìm hiểu Chân

lý. Cuối cùng tác giả đã thấy rằng năm bộ Kinh Nikaya chính do đức Phật Gotama đã thuyết còn những kinh khác không phải Đức Phật thuyết do người sau viết và dán nhãn hiệu Phật thuyết để mưu lợi.

3-Học được Khổng Tử từ 1976 đến nay.

Do đọc cuốn Khổng học đăng vào 1976, tác giả nhớ rằng nếu mình đốt cần học gấp 10 lần cũng bằng người thông minh học một lần. Tác giả luôn luôn thấy mình đốt và cố gắng học nhiều hơn cuối cùng cũng bằng người thông minh. Tác giả đã áp dụng từ 1976 cho đến nay.

4-Học được Lão tử từ 1975 cho đến nay.

Trong Đạo Đức kinh có viết “ Trí giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.”

Có nghĩa là biết thì không nói và nói thì không biết.

Khi nói chuyện với ai mà họ nói nhiều, tác giả biết rằng người này là thùng rỗng kêu to như một người không có tiền thường nói chuyện về tiền nhiều. Thật sự người có tiền rồi thường im lặng. Đó là ý nghĩa mà Lão Tử muốn nhắn gửi hậu thế về sau

Người biết như thật không có gì để nói, còn nói chứng tỏ chưa thấy sự thật nên diễn đạt nói lung tung. Người học Phật biết rõ Tứ Thánh đế không cần diễn dịch nhiều ngôn từ, nếu còn dùng ngôn từ diễn đạt bốn chân lý vì chưa thấy sự thật.

5-Năm bộ kinh Nikaya từ 2009-2021.

Tác giả đã nghe hoặc đã đọc năm bộ kinh Nikaya suốt 11 năm qua, có nhận xét rằng đã có nhiều trí tuệ phát sanh nhờ năm bộ kinh này.

Tác giả khi xưa đã đọc câu chuyện người rờ voi trong cuốn Cổ học tinh hoa vào những ngày đầu vào Sài gòn. Khi đọc kinh Tiểu bộ đã thấy câu chuyện “Người mù sờ voi “ trong kinh Tiểu bộ một. Chứng tỏ ông bà tổ tiên mình đã hấp thụ kinh Phật từ xưa. Nếu bất cứ ai muốn có trí tuệ nhiều dành thời gian đọc năm bộ kinh sẽ có mà không cần học ở đâu nữa cả.

Túi khôn loài người nằm năm bộ kinh Nikaya mà ít ai biết. Tác giả đã trải qua 11 năm học không biết mệt, không biết chán trong thời gian dài. Do đã có nhiều trí tuệ phát sanh.

Tập sách này có Phần III nói về Khổ và Nguyên nhân khổ có Chương 6,7,8. Hành giả cần chứng nghiệm duyên Thức, duyên Lục Nhập, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái và duyên Vô minh. Nếu không chứng nghiệm được dù có đọc vạn cuốn kinh cũng chỉ là huyền thoại thôi.

Chúc mừng những học viên lớp chứng ngộ Tứ Thánh đế đã gieo được những hạt giống Tứ Thánh đế, Lý Duyên khởi, Bát Thánh đạo sẽ phát triển và sẽ trở quả dị thực trong tương lai. Nếu tương lai có những học viên mới muốn theo học lớp chứng ngộ T.T.Đ cũng sẽ được gieo vào tâm quý vị những hạt giống giải thoát và chấm dứt khổ đau trong đời này hoặc đời sau. Tác giả có thể khẳng định với quý vị rằng ngoài hạt giống Tứ Thánh đế ra sẽ không có những hạt giống nào khác có thể giúp quý vị thoát khỏi sanh tử, luân hồi.

Tác giả không hy vọng gì quý vị hiểu được những gì tác giả muốn trình bày. Tuy nhiên sẽ có những hạt giống Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo sẽ gieo trong tâm quý vị và sẽ phát triển trong vị lai. Dù muốn hay không, thế kỷ 21 là thời kỳ ác pháp thịnh hành, nếu có Đức Phật xuất hiện thuyết pháp cũng không ai nghe chứ nói gì có năm bộ kinh Nikaya.

Quý vị nào có thắc mắc về những lời của tác giả hay những lời kinh trích dẫn có thể email hay vào google meet hỏi tác giả cho sáng tỏ. Chúc quý vị thành công khi đọc tập sách này

Tác giả

TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

Biên soạn bởi Võ Thế Hoà.

*Nhà nghiên cứu và thực hành Phật giáo và Triết học
Đông phương*

Lời phi lộ

Tác giả thấy có nhiều kinh sách và những bài giảng trên Youtube, nhất là đã có năm bộ Kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch từ Pali ra Việt. Bây giờ có viết thêm ra nữa chỉ làm rắc rối thêm. Nhưng có duyên vào Facebook tháng 09/2019 live stream những gì mà tác giả đã hiểu được kinh Nikaya và đi tìm kiếm những ai muốn tìm hiểu kinh và giúp họ. Tác giả không có ý định viết ra tập sách này. Nhất là tác giả không có tiền làm sao ấn tống và nếu nhờ ai giúp thì tác giả không nhờ. Duyên vào tháng 4 năm 2020, có Covid-19, nhà nước Úc cho dân Úc một số tiền hằng tháng. Tác giả đã tiết kiệm được khoảng 60 triệu V.N.D nên có ý định ấn tống tập sách Tứ Thánh Đế là tối thượng nhưng có những học viên của lớp chúng ngộ Tứ Thánh đế đã đóng góp thêm nữa nên có tập sách này ra đời.

Có học viên Võ Thị Hoàng Yến đang ở Việt Nam lo phần ấn tống tập sách này và một số học viên khác đóng góp lên trên 100 triệu đồng V.N nên sẽ xuất bản được khoảng cuối tháng 4/2021. Thành thật cảm ơn học viên Yến và những học viên khác đã đóng góp cho sự hình thành cuốn sách tựa đề "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng".

Tại sao Tác giả chọn tựa đề Tứ Thánh Đế là Tối Thượng?

Tác giả đã trải qua trên 47 năm, đã đi tìm hiểu và đã đọc đủ loại như kinh sách Đại thừa, Lão Trang, Khổng, Khoa học, Kinh dịch v.v.. và năm bộ kinh Nikaya trên 11 năm. Tác giả có thể khẳng định rằng nội dung Thế Tôn Gotama đã thuyết nằm trong Tứ Thánh Đế không ngoài gì khác. Nếu không có Tứ Thánh đế không thể chấm dứt luân hồi. Đó là lý do khi Đức Phật thuyết kinh Chuyển Pháp luân đã rung động 10 ngàn thế giới giống như tiếng chuông thức tỉnh chúng sanh sau một giấc ngủ dài để học Tứ Thánh đế mà thoát khổ.

Tác giả đã có trích một đoạn kinh cho biết những ai đi rao giảng những gì Như Lai không nói mà cho rằng Như Lai nói sẽ bị tội phá hoại Tăng và sẽ bị đọa địa ngục một kiếp. Nếu Quý vị không tin đoạn kinh đó thì không có gì để nói. Tác giả đã tin đoạn kinh đó nên trong tập sách này có trích dẫn nguyên văn trong kinh Pali Việt do Thầy Minh Châu dịch và tác giả đã chứng nghiệm bốn chân lý đúng như Đức Phật đã thuyết chứ không tin suông mà không chứng nghiệm gì cả.

Lão Tử có viết một câu trong Đạo Đức kinh: "Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri" có nghĩa là biết thì không còn gì để nói, còn nói nhiều thì chưa biết. Đức Phật thuyết năm bộ kinh Nikaya thì sao? Đức Phật có Tha tâm thông, Ngài biết tâm chúng sanh nên chỉ nói cái gì người nghe cần thôi để giúp họ giải thoát. Do thuyết nhiều đối tượng khác nhau suốt 45 năm nên dồn lại thành 5 bộ kinh. Trong bài kinh Trung bộ số 107 viết như sau: "Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.

Thấy biết Niết Bàn là tự mỗi hành giả tự biết còn "Như Lai chỉ là người chỉ đường".

Tác giả đã thấy 5 bộ kinh Nikaya có quá nhiều bài kinh rất phức tạp, rất khó hiểu và ít ai chịu bỏ thời gian học cho đến nơi, cho đến chốn. Tập sách này ra đời có mục đích trình bày những cốt lõi trong kinh và cũng như trình bày theo thứ tự mà Chư Phật quá khứ, hiện tại, tương lai đều thuyết như vậy, theo kinh Trung bộ số 91 và kinh Trường bộ số 14 có viết như sau:

"Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoai mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo."

Đáng lý ra, Tác giả đã có ý định viết Tứ Thánh đế trước xong mới đến phần sơ thiện. Tuy nhiên có nhiều vị không thể trực tiếp lãnh hội Tứ Thánh đế được nên giới thiệu Sơ thiện cho những ai chưa biết về Phật Pháp nên học trước còn những vị nào có trình độ cao hay căn cơ cao đọc thẳng vào Tứ Thánh đế mà không phải đọc Sơ thiện trước.

Có những lỗi như dấu chấm hay dấu chấm phẩy không thể tránh khỏi. Mong quý vị độc giả thông cảm cho tác giả. Nếu tái bản sẽ điều chỉnh những lỗi như thế.

Tác giả khi viết một câu thì theo thứ tự: Chủ từ (subject) + động từ (verb)+túc từ (object)+trạng từ (adverb) + liên từ (conjunction). Tuy nhiên vẫn còn có sai sót không theo quy trình như vậy. Mong quý vị thông cảm khi gặp một một số câu đã viết sai như thế.

Những từ ngữ Phật học trong cuốn sách này cần định nghĩa. Tuy nhiên thời gian xuất bản sắp đến ngày 17/02/2021 quá gấp vì nhu

cầu cho những học viện có tài liệu để học. Nếu tái bản lại sẽ có phần định nghĩa những từ ngữ Phật học trong phần Phụ lục của cuốn sách.

Có những độc giả nào đọc cuốn sách này mà phát sanh ra tâm hoan hỷ. Tác giả chúc mừng quý vị sắp có những hạt giống Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo sẽ được gieo vào tâm, sẽ giúp quý vị thoát khỏi ra tam giới trong đời này hay đời vị lai.

Có những độc giả nào đọc cuốn sách này mà phát sanh ra tâm không hoan hỷ nên xem xét tham, sân, si của quý vị có suy giảm hay chưa. Nếu chưa giảm thì quý vị nên xem xét những cách tu của quý vị có đúng không? Nếu đúng thì tại sao tham, sân, si không giảm? Làm thế nào quý vị biết có tu đúng hay không? Hãy nhìn chung quanh quý vị có chùa lớn, có nhiều tài sản không? Nếu có là quý vị đã tu sai rồi. Quý vị có nhớ Đức Phật đã từ bỏ cung vàng điện ngọc và chọn cuộc sống rất đơn giản nơi rừng núi, vắng vẻ, chỉ với ba y, bình bát với những thức ăn, sàng tọa, thuốc men. Ngài không xây dựng chùa to mà quý vị xây chùa to có vấn đề hay không? Quý vị tự xem xét khi đọc cuốn sách này không hài lòng nên suy nghĩ lại, nếu không thì khi thân hoại mạng chung, cửa địa ngục đang chờ đón.

Tác giả chỉ giới thiệu Tứ Thánh đế là tối thượng, đồng nghĩa không có pháp nào cao hơn nữa. Hành giả phải học thuộc những gì đã trình bày rồi suy tư chúng để hiểu rõ ràng và giai đoạn cuối cùng phải chứng nghiệm những gì trong tập sách đã nêu ra. Nếu hành giả không qua ba giai đoạn này thì tập sách này không ích lợi gì. Nếu hành giả nào cố gắng trải qua ba giai đoạn Văn, Tư, Tu thì tập sách này sẽ hữu dụng vô cùng chỉ còn khổ đau tối đa 7 kiếp.

Kính.

Giới thiệu

Những khó khăn học Phật pháp.

Đa số kinh Phật Giáo tiếng Việt ngày nay dịch từ Tiếng Tàu hoặc có một số kinh sách dịch từ tiếng Anh nên số lượng rất nhiều nhưng không giúp cho Phật tử hiểu Phật Pháp sâu xa hơn. Thật sự số lượng kinh sách nhiều không quan trọng mà là kinh sách nào do Đức Phật thuyết còn kinh sách do người sau sáng tác mới thật sự là quan trọng.

Sau khi đã nghiên cứu nhiều kinh sách đại thừa và năm bộ kinh Nikaya. Tác giả đã nhận ra rằng Đức Phật đã dạy rất đơn giản do khó thực hành nên người học Phật đã sáng tạo ra nhiều lý luận và nhiều cách tu tập khác nhau dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn không xảy ra và phải luân hồi trong tam giới. Có nhiều lý do mà những người học Phật không hiểu lời Đức Phật dạy như sau:

- ★ Kinh nào là do đức Phật thuyết là vấn đề nan giải cho những người học Phật Pháp ngày nay. Có nhiều người không chứng nghiệm mà đi rao giảng những điều mà Đức Phật không dạy sẽ phạm tội phá hoại Tăng. Đây là vấn đề rất quan trọng mà ít ai để ý. Cứ nghe kinh Phật lại đi giảng thuyết mà không hay biết rằng nếu những gì Như Lai không nói mà nói rằng Như Lai nói sẽ mang họa vào thân. Vì lý do này những ai đi giảng Phật Pháp cần trọng tìm hiểu cho kỹ và chứng nghiệm những lời dạy đức Phật đúng trước đã.
- ★ Kinh Nikaya ngày xưa chỉ truyền tụng bằng âm thanh trong một thời gian khá lâu trước khi viết xuống lá bối. Trong thời gian đầu truyền tụng có một số Tỷ kheo không thuộc đầy đủ

nên đã hiểu sai kinh và đã phát triển ra một số bộ phái và tiếp tục truyền cho đến ngày nay.

- ★ Những danh từ Phật Pháp thường không có định nghĩa. Vì vậy những người học Phật Pháp về sau dùng cái tưởng của họ để diễn dịch những danh từ chế định sai rất nhiều.
- ★ Dịch kinh Phật từ tiếng Tàu sang tiếng Việt không thể chính xác được do tiếng Tàu là ngôn ngữ tượng hình không có văn phạm như ngôn ngữ Tây phương nên khi dịch ra tiếng Việt rất khó hiểu ví dụ như : "Xá Lợi Tử! SẮC (vật chất) không khác với KHÔNG, KHÔNG không khác với SẮC (vật chất). SẮC chính là KHÔNG, KHÔNG chính là SẮC". Danh từ "Sắc" không có định nghĩa và từ "Không" vô nghĩa, người học hiểu gì cũng đúng.
- ★ Kinh Phật tiếng Pali - Anh rồi dịch sang tiếng Việt cũng sai lệch. Điều này cũng làm sự hiểu kinh Phật càng khó khăn hơn.
- ★ Những nhà dịch giả sử dụng những danh từ tiếng Việt để dịch Kinh tiếng Tàu hay Kinh tiếng Pali không có ai định nghĩa cả. Tùy vào những người học hiểu những danh từ đó theo cách nào cũng đúng.
- ★ Những người đi giảng về những danh từ chế định về 12 nhân duyên, về Bát Thánh đạo thường tự biên, tự suy diễn về những từ này mà không biết những định nghĩa có trong kinh Pali - Việt nên sai lời Đức Phật dạy nên người học Phật không chứng nghiệm được.
- ★ Đa số những người học kinh Phật không chứng nghiệm những từ ngữ mà đức Phật đã dạy trong kinh mà chỉ thuần tin

vào những từ ngữ đó và không cần kiểm chứng chúng có biểu thị cái gì có thật trong cuộc sống hiện tại hay không?

- ★ Ngôn ngữ là những âm thanh. Đây là một phương tiện truyền đạt giữa con người với con người để hiểu nhau do loài người quy ước đặt ra. Người xưa đã ký hiệu âm thanh thành ký tự xuống lá bối vào khoảng 500 năm sau khi Đức Phật diệt độ và viết xuống giấy ngày nay. Đây cũng là một dạng truyền thông giữa con người với con người qua ký tự để hiểu nhau. Vì vậy khi học cần phải đạt ý quên lời hoặc phải chứng nghiệm những lời đó chứ không phải ôm văn tự tụng đọc suốt ngày chẳng ích lợi gì. Người học bài kinh nào cần phải biết ngôn từ dùng biểu thị một cái gì đó mà có thật nên phải biết quên lời thấy cái thật đó. Ví dụ từ Khổ biểu thị một sự thật về khổ, Người học cần chứng nghiệm cái khổ chứ không phải tụng đọc chữ Khổ suốt ngày không ích lợi gì.
- ★ Người Phật tử Việt nam chỉ biết 5 bộ kinh Nikaya khá đầy đủ từ khi được xuất bản vào năm 1991. Như vậy để học, hiểu và chứng nghiệm cần khoảng 10-20 năm. Nếu ít quá rất khó mà thấu hiểu và chứng nghiệm được.
- ★ Đa số những người học Phật Pháp không nhận ra duyên Lục nhập rất quan trọng nên không nhận biết sự nguy hiểm khi mắt nhập kinh sách, tai nhập những bài giảng trên YouTube, Facebook, v v... vì những gì nhập vào sẽ sanh ra khổ về sau theo tiến trình 12 nhân duyên. Những ai khi học phải cần kiểm chứng những thông tin thấu qua mắt, qua tai có đúng hay không, nếu không kiểm chứng thì hậu quả không lường trước.

- ★ Kinh Pali - Việt do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch Việt không thể chính xác 100/100 chỉ tương đối nhưng so với Kinh Pali - Anh mà dịch ra Việt thì bản dịch Thầy Minh Châu chính xác hơn vì Thầy tham khảo tiếng Hán, có thể tiếng Anh. Tuy nhiên cũng không thể hiểu dễ dàng, cần phải tìm các danh từ có định nghĩa rõ ràng để học thuộc và tìm các bài kinh có ví dụ thì có thể hiểu và cuối cùng cần chứng nghiệm những từ ngữ mà đã có định nghĩa chứ không phải ngồi tưởng về những từ ngữ trong kinh không tốt. Hơn nữa đọc một bài kinh cần có đạt ý quên lời chứ không nên bám vào những lời mà không đạt ý chính kinh sẽ không tốt.

Những lý do đã nêu trên đã cản trở những người học Phật Pháp ngày nay không chứng bậc Thánh được mặc dù kinh sách khá nhiều và có nhiều bài giảng của nhiều vị nổi tiếng khắp nơi nữa. Trải qua hơn 11 năm nghiên cứu và suy tư về năm bộ kinh Nikaya, Tác giả đã nhận ra rằng bài kinh duy nhất Tứ Thánh để chứng được Lưu tận minh. Do đó bài kinh này được thuyết cho những vị có căn cơ cao sau khi đã trải qua bố thí, trì giới, các cõi trời, vị ngọt nguy hiểm xuất ly của dục rồi mới thuyết Tứ Thánh để sau cùng. Như vậy bài kinh này tối quan trọng nhưng có những người học Phật pháp không ráo đã vô tình hạ thấp Tứ Thánh để xuống chỉ dành cho những vị nào có trình độ thấp học trước chờ đến thời kỳ cuối đức Phật thuyết giảng những Pháp cao siêu hơn. Đó là sai lầm lớn nhất của Phật tử Việt nam và Tàu.

Những bài kinh liên hệ Tứ Thánh đế.

Hãy đọc và suy tư bài kinh Chuyển Pháp Luân duy nhất khi mà Đức Phật đã thuyết làm rung chuyển 10 ngàn thế giới còn những bài kinh khác có thể rung động 1000 thế giới. Như một ông vua ra lệnh sẽ ảnh hưởng cả nước do uy quyền ông vua còn một ông tỉnh trưởng ra lệnh chỉ uy quyền trong tỉnh đó thôi. Cũng vậy kinh Chuyển Pháp Luân có uy lực vô cùng lớn vì giúp chúng sanh thoát khỏi tam giới.

Thử xem nội dung bài kinh này là gì?

Bài kinh Chuyển Pháp luân trong kinh tương ưng 5 - Tương ưng sự thật theo bản dịch Pali - Việt của Hòa Thượng Thích Minh Châu như sau:

1-Kinh Chuyển Pháp Luân.

II. I. Như Lai Thuyết (I) (S.v,420)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

7) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa

từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

11) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong

thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đến này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỳ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".

16) Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư Thiên Yà mà... chư

Thiên Tusitā... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xức, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annāta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Tác giả phân tích.

Tóm tắt nội dung bài kinh trên.

- ★ Tránh xa hai cực đoan: dục lạc và tự hành hạ mình khổ.
- ★ Thánh đạo Tám ngành là con đường Trung đạo sẽ dẫn đến chấm dứt khổ.
- ★ Khổ đế là quả khổ đã trình bày khá chi tiết.
- ★ Khổ Tập đế là nguyên nhân khổ đã trình bày tổng quát còn phân biệt thuyết là Lý Duyên khởi được nói trong bài kinh khác.
- ★ Khổ Diệt đế là Niết Bàn đã trình bày tổng quát còn phân biệt thuyết là Lý Duyên diệt được nói trong bài kinh khác.

- ★ Khổ Diệt Đạo đế là Bát Chánh được trình bày một cách tổng quát còn phân biệt thuyết liên hệ đến những bài kinh khác để biết rõ ràng.
- ★ Khổ Thánh đế cần phải liễu tri. Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ. Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập. Bốn câu này rất quan trọng được giải thích rõ ràng trong tập sách này.
- ★ Bài kinh Vô Thượng Pháp luân đã vang lên đến chư Thiên cõi dục, chư Thiên cõi sắc và đã làm rung chuyển 10 ngàn thế giới.
- ★ Có một vị đã chứng bậc Thánh dự lưu.

Đức Phật đã tuyên thuyết bài kinh Chuyển Pháp Luân một cách tổng quát nhưng không có chi tiết về Khổ Tập, về Khổ Diệt và về Khổ Diệt Đạo. Vì vậy trong năm bộ kinh Nikaya sẽ có những bài kinh khác làm sáng tỏ Tứ Thánh đế.

Hơn nữa Đức Phật đã nói quá rõ ràng rằng con đường Trung đạo Thánh đạo tám ngành đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn. Nhưng tại sao ngày nay, những người học Phật không tin tưởng tuyệt đối vào con đường tám ngành này để tu tập vì có nhiều kinh sách do hậu thế viết lại tức là vàng giả đã xuất hiện thì vàng thật (chánh pháp) biến mất.

Sau đây là một bài kinh được trích để thấy Đức Phật đã nói rõ Khổ Tập là Lý Duyên khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt.

2-Bốn Thánh đế

Bài kinh này trích từ kinh Tăng chi ba pháp - Phẩm lớn - Mục 61 - Sở y xứ.

Nguyên văn kinh Pali Việt.

9.- Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

10.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

11.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

12.-Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Nay các Tỳ-kheo, Đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

13.-Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt?

Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Đoạn kinh này cũng cho biết rằng sự hình thành bào thai con người từ sự chấp thủ sáu giới chính là Hoả giới, Thuỷ giới, Thổ giới, Phong giới, Không giới, Thức giới. Như vậy chữ Thức giới chính là Thức trong 12 nhân duyên.

3-Không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn Trường bộ số 16, Đức Phật vẫn nhắc lại như sau:

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma"

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm,

Ta và các Ngươi. Này các Tỳ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ,

được thông hiểu; khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.

3. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

Đoạn kinh này cũng lại khẳng định rằng nếu không giác ngộ, không thông hiểu Tứ Thánh đế thì luân hồi dài dài và không có Niết Bàn. Quý vị nghĩ sao bậc Đạo sư đã nói như vậy mà chúng sanh không nghe lời dạy của Ngài thì đau khổ triền miên. Do không nghe lời mà bày vẽ ra nhiều pháp môn khác nhau để tu tập mà gạt bỏ Bát Thánh đạo.

Có một bài kinh nữa mà Đức Phật đã dạy cho người xuất gia cần ghi nhớ Tứ Thánh đế suốt đời đã nói lên sự quan trọng Tứ Thánh đế như thế nào, được viết trong kinh tạng chi ba pháp như sau:

"Này các Tỳ-kheo, có ba pháp này, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, Tỳ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ

diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, một Tỳ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ."

Tại sao người xuất gia cần phải trọn đời ghi nhớ Tứ Thánh đế? là vì sẽ giúp những người xuất gia sẽ chấm dứt sanh tử. Nếu ghi nhớ những gì khác Tứ Thánh đế thì không hết khổ đau. Thử hỏi có bao nhiêu thầy tu ngày nay ghi nhớ ba điều này?

Có một con đường xưa cũ mà những bậc Chánh Đăng Giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều phải đi qua. Bài kinh này được trích từ Kinh Tương ưng 2 - Nhân duyên như sau:

4-Con Đường Xưa Cũ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

V. Thành Ấp (Tập 12.5, Đại 2,80b) (Tăng 384, Đại 2) (S.ii,104)

1) ...*Tại Sàvatthi.*

2) -- *Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết".*

3) *Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?"*

4) *Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi".*

5) *Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu? Ái hiện hữu? Thọ hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xú hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?"*

6) *Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi".*

7) *Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?"*

8) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi".

9) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi..". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) "Tập khởi, tập khởi". Này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?"

12) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt".

13) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: " Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Hữu không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xứ không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?"

14) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt".

15) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt?"

16) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt".

17) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. ..(như trên)...Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt".

18) "Đoạn diệt, đoạn diệt". Này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, này các Tỳ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi này các Tỳ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: "Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy".

21) Rồi này các Tỳ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đăng Giác thuở xưa đã đi qua.

22) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đăng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỳ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đăng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già, chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

23-31) Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy; Ta thấy rõ sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức...

32) Ta đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt, Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

33) Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Này các Tỳ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài Người khéo léo trình bày.

Tóm tắt nội dung con đường xưa cũ gồm có:

Như lý tư duy từ duyên Già chết, duyên Sanh, duyên Hữu duyên Hành, Duyên Vô minh. Đây là chính là về Lý duyên khởi đi từ Vô minh cho đến Sanh, duyên Già chết.

Theo con đường xưa cũ mà áp dụng Tứ đế vào 11 Duyên trong 12 Duyên để thấy rõ, biết rõ duyên này gì, duyên kia là gì vì sao nó sanh, vì sao nó diệt và làm sao thực hiện để diệt nó v.v..

Theo con đường xưa cũ là tu tập hay thực hành bát Thánh đạo sẽ hết khổ.

Cũng có một đoạn kinh khác trình bày có sự khác nhau giữa Như Lai và đệ tử Như Lai viết như sau: *"Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khơi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".*

Như vậy còn đường xưa cũ đã được phơi bày. Những ai hữu duyên với con đường xưa cũ mà cứ thế bước đi sẽ hết khổ.

Tác giả phân tích.

Bài kinh con đường xưa cũ này chỉ cách áp dụng Tứ Thánh đế vào 11 Nhân trong 12 Nhân duyên để biết cách diệt từng duyên. Vì vậy mỗi duyên trong 12 duyên mà không biết Tứ đế thì không thể nào hiểu được khổ Tập thì làm sao diệt khổ được.

Có bao nhiêu người Phật tử Việt nam biết được bài kinh Thành áp (con đường xưa cũ) này. Chắc chắn rất ít người biết hoặc không biết. Do vậy số người hiểu Phật Pháp rất ít là vậy.

Có một bài kinh nữa xác quyết rằng chỉ có Tứ Thánh đế là điều ta nói sẽ đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn. Bài kinh này trích trong kinh Tương ưng 5 - Đại phẩm.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

5-Rừng Simsapà

IV. Phẩm Rừng Simsapà

31.I. Simsapà (S.v,437)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỳ-kheo:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

-- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Tác giả phân tích.

Trí tuệ của Đức Phật bao la nhiều như lá trong rừng nhưng trí tuệ bao la đó mà có nói ra cũng không chấm dứt khổ. Nhưng trí tuệ ít như nắm lá trong tay Đức Phật đó giúp chúng sanh thoát khổ, chấm dứt khổ nên Đức Phật nói "này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói."

Xem hình minh họa : Hình 2 trang 479.

Sau hơn 25 thế kỷ, con người cứ tập trung vào những sự hiểu biết vô số ví như lá trong rừng Simsapa. Họ đã sáng tạo ra nhiều pháp môn cao siêu, đã viết ra nhiều kinh sách dán nhãn hiệu Thế Tôn Gotama thuyết tối thắng hơn Tứ Thánh đế. Cuối cùng là dẫn dắt con người đi luân hồi mãi mãi mà cứ tưởng mình là giải thoát

6-Pháp luật nào có Bát Thánh đạo có bốn bậc Thánh..

Ngày đầu tiên Đức Phật thuyết Chuyển Pháp Luân đã nói Bát Thánh đạo sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến ngày cuối cùng trước giờ Ngài nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo cần tu tập sẽ có bốn bậc Thánh được nói trong kinh Trường bộ số 16 như sau:

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambalì, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. - Nay Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Nay Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Nay Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

Nay Subhadda, năm hai mươi chín,

Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.

Trải năm mươi năm với thêm một năm

Từ khi xuất gia, này Subhadda,

Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn đệ nhất cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỳ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

Tác giả phân tích.

Ngày đầu tiên Chuyên Pháp Luân Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám ngành sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến những giờ sau cùng trước khi Nhập Niết Bàn vẫn lập lại Thánh đạo Tám ngành sẽ có bốn Sa môn quả. Như vậy những lời dạy Đức Phật nhất quán đã xuyên suốt từ những ngày đầu cho đến cuối đời vẫn thuyết Bát Thánh đạo.

Đức Phật đã xác quyết chỉ có thực hành bát Thánh đạo mới có bốn bậc Thánh nhưng tại sao ngày nay các vị tu hành không nghe lời dạy của Thế Tôn. Có một một đoạn trong bài kinh Trung bộ số 107 viết như sau:

"Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường."

Như một đoạn kinh trong kinh trung bộ số 22 cũng viết như sau:"
Chư Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ."

Tác giả phân tích.

Với những bài kinh đã nêu trên mà Phật tử không lo học Tứ Thánh đế mà khổ Tập là Lý Duyên Khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt và Đạo đế là bảy con đường nhưng Thánh đạo Tám ngành và Tứ Niệm Xứ được nhắc nhiều nhất so với năm con đường kia. Chúng ta nên cố gắng rõ biết Tứ Thánh đế để có quả Thánh Dự Lưu trước.

Nếu những đệ tử Như Lai ngày nay không rao giảng Tứ Thánh đế mà lo đi rao giảng những gì Như Lai không thuyết sẽ bị đọa địa ngục một kiếp. Quý vị hãy suy nghĩ kỹ về bài kinh Phá hoà hợp Tăng trích từ kinh Tăng chi 10 pháp cho kỹ trước khi rao giảng.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Phá Hòa Hợp Tăng

(V) (35) Phá Hòa Hợp Tăng

1. - *Phá hòa hợp tăng, phá hòa hợp tăng, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?*

2. - *Ở đây, này Upáli, các Tỳ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.*

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất động yết-ma, họ tuyên đọc giới bốn Pàtimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upáli, là chúng Tăng bị phá hoại.

Đoạn kinh trên cho biết rằng căn trọng cái gì Như Lai không nói, không thuyết là mà cho rằng Như Lai có nói có thuyết là tội phá hoà hợp tăng. Sau đây xin trích dẫn tội phá hoà hợp tăng như thế nào?

Quả Của Phá Hòa Hợp Tăng.

(VIII) (38) Quả Của Phá Hòa Hợp Tăng

1. - Phá hoại Tăng hòa hợp, đem lại kết quả gì?
2. - Nay Ananda, đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.
3. - Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?
4. - Nay Ananda, bị nấu trong địa ngục một kiếp.

Kẻ phá hòa hợp Tăng

Bị rơi vào đọa xứ,

Bị rơi vào địa ngục

Kéo dài đến một kiếp;

Ưa thích sự bất hòa,

An trú trên phi pháp,

An ôn các khổ ách,

Lại xa lìa, từ bỏ;

Ai phá sự hòa hợp,

Của Tăng chúng Tỳ-kheo,

Trong một kiếp, người ấy,

Bị địa ngục nung nấu.

Tác giả phân tích.

Như vậy những lời dạy đức Phật hãy cẩn trọng tìm hiểu cho kỹ rồi mới đi rao giảng nếu không chúng ta sẽ rơi vào tội phá hợp Tăng đoàn địa ngục một kiếp.

Bài kinh Chuyển Pháp Luân nói tổng thuyết về Tứ Thánh đế chỉ dành cho những ai ít nhiễm bụi đời mới thấu hiểu được chánh pháp còn chúng ta sống thời đại văn minh dục nhiều, bụi nhiều làm sao hiểu được Tứ Thánh đế nên về sau loài người đã diễn dịch sai Tứ Thánh đế và đã phát sanh nhiều pháp môn khác nhau sẽ bị tội phá hoà tăng mà không hề hay biết cứ tưởng rằng mình đang rao giảng chánh pháp.

Không lẽ đức Phật ra đời chỉ giảng cho những người có căn cơ cao như năm anh em Kiều Trần Như hay dành cho 1250 vị Thánh A La Hán sao. Đức Phật có một cách giảng khác dành cho những ai còn nhiễm nhiều bụi đời.

Thật sự có bài kinh trung bộ số 91 cho biết đức Phật dạy tuần tự cho những ai còn nhiễm bụi đời như sau:

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau: "Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?

Thế nào thông Vệ-đà?

Thế nào là ba minh?

Thế nào gọi cát tường?

Thế nào là ứng cúng?

Thế nào bậc Viên mãn?

Thế nào bậc Mâu-ni?

Thế nào gọi Phật-đà?

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

Ai biết được đời trước,

Thấy thiện thú, ác thú,

Đoạn tận được tái sanh,

Thăng trí được viên thành,

Vị ấy gọi Mâu-ni.

Ai biết tâm thanh tịnh,

Giải thoát gọi tham dục,

Sanh tử đều đoạn tận,

Phạm hạnh được viên thành,

Thông đạt nhưt thiết pháp,

Vị ấy xưng Phật-đà.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay rờ xung quanh và tự xưng danh:

-- Thưa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vi diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tối đa như vậy". Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

-- Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu: "Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt". Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bốn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

Tác giả phân tích.

Ý chính đoạn kinh là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo".

Hơn nữa theo kinh Tăng chi tám pháp - Phẩm Gotami viết rằng "Này Ananda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ananda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm. Vì rằng, này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, này Ananda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ananda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm."

Thời gian đã vượt quá 500 năm rồi, nên ngày nay đã có những kinh sách không phải Như Lai thuyết đầy khắp cả Việt nam và Thế giới. Tuy nhiên những ai có hữu duyên với chánh pháp do Như Lai thuyết thì vẫn có thể tìm thấy trong năm bộ kinh Nikaya.

Có một bài kinh Lối Cây cho biết rằng muốn chứng ngộ Niết Bàn, người học Phật Pháp cần biết rõ ràng những bước đi cần thiết trước khi đi tìm Lối Cây tức là Niết Bàn.

Như vậy Tứ Thánh đế được thuyết sau cùng sau khi hành giả đã viên mãn bố thí, viên mãn giới, biết và tin các cõi trời dục giới do bố thí và giữ giới mà có, biết vị ngọt, nguy hiểm, biết xuất ly của dục lạc, sau cùng thuyết Tứ Thánh đế để chứng lậu tận minh, không sanh lại tam giới nữa.

Tóm tắt nội dung cuốn sách.

Tập sách này sắp xếp thành bốn phần:

Phần I trình bày về bố thí, trì giới, các cõi trời dục giới.

Dành cho những người chưa biết gì về Phật pháp nên tập trung học, hiểu và hành vào Phần I cho được năm giới hay tám giới sẽ có quả lớn được sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới mà có tuổi thọ rất lâu dài so với tuổi loài người khoảng 80-100 tuổi quá nhỏ nhoi. Hãy cố gắng thực hành cho viên mãn Phần I và bước vào Phần II.

Phần II trình bày về vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly của dục.

Phần này dành cho những vị từ bỏ sắc dục, từ bỏ thanh dục, từ bỏ hương dục, từ bỏ vị dục, từ bỏ xúc dục. Thường là những vị xuất gia tu hành chứ hàng cư sĩ tại gia còn nhiều dục rất khó tu tập phần II này. Hàng xuất gia tu phần này rất tốt nhưng thế giới ngày nay quá phức tạp nên nhiều tu sĩ khi vào chùa không thể ly dục được nên tu không thành công. Nếu tu thành công mà chưa chứng Thánh nhưng chứng được sơ thiền vẫn sanh vào Phạm thiên giới tuổi thọ vô lượng. Hàng tại gia khó tu tập ly dục.

Phần III trình bày về Khổ đế và Tập đế tức là Lý Duyên khởi.

Thế Tôn đã nói như sau: "*Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi*".

Phần III này gồm có năm chương: Chương sáu trình bày về nghiệp cũ là những hành động đã tạo rồi mà không biết trong những kiếp sống quá khứ. Chương bảy trình bày những quả khổ và quả lạc trong hiện tại do nghiệp cũ trở quả chứ không có việc may mắn hay xui xẻo. Như vậy Chương sáu và Chương bảy bàn về nghiệp cũ sanh ra quả báo cho con người mà không phải Thượng đế quyết định.

Chương tám trình bày về nghiệp mới tức là những hành động thân, khẩu, ý đã bắt đầu tạo khi sanh vào thế gian này. Chính nghiệp mới này sẽ tái tạo sáu giác quan mới hoặc có 5 uẩn mới sau khi thân hoại mạng chung còn những quả trở ra do nghiệp mới vừa tạo chỉ là những thiên sứ cảnh báo để tu thôi. Chương chín trình bày về quả khổ sau khi thân hoại mạng chung. Quan trọng là sau khi chết sẽ tái sanh vào ba đường ác khổ vô cùng hoặc biết tu tập có thể sanh lên thiên giới hưởng thiên lạc hoặc biết tu thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi luân hồi. Chương mười bàn về bốn mươi bốn căn bản trí rất quan trọng giúp con người có thể chứng bậc Thánh Dự lưu chỉ còn khổ đau bảy kiếp luân hồi.

Phần này hàng tại gia và xuất gia có thể tìm hiểu được nhưng sống độc cư dễ chứng nghiệm về Lý Duyên khởi hơn sống với gia đình.

Phần IV trình bày về Khổ Diệt Thánh đế và Khổ Diệt đạo Thánh đế.

Phần này gồm có hai chương:

Chương Mười Một trình bày về Diệt khổ tức là khổ hết hoàn toàn đồng nghĩa không sanh lại thế gian. Trước khi thực hành Chương Mười Hai cần biết bậc Thánh thứ nhất diệt kiết sử nào, bậc Thánh thứ hai diệt kiết sử nào, bậc Thánh thứ ba diệt kiết sử nào và bậc Thánh thứ tư diệt kiết sử nào. Khi biết kiết sử tồn tại làm cho luân hồi và các kiết sử mất hay diệt gọi là Thánh.

Chương Mười Hai trình bày hai phương pháp để diệt các kiết sử. Phương pháp thứ nhất là Bát Thánh đạo sẽ giúp hành giả chứng được một trong bốn bậc Thánh. Phương pháp thứ hai là Chánh niệm là ngành thứ 7 trong bát Thánh đạo nhưng biệt thuyết về chánh niệm

có tên khác là Tứ Niệm xứ. Phương pháp Tứ Niệm xứ chứng được bậc Thánh bất lai hoặc bậc Thánh A La Hán.

Còn những con đường khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Thất giác chi, Tứ như ý túc không trình bày trong tập sách này. Những hành giả nào muốn tìm hiểu thì vào kinh Tương ưng năm - Tương ưng Đạo nhưng riêng tập sách này chỉ bàn về Bát Thánh đạo là chính và biệt thuyết là Chánh niệm.

Phần I: Bồ thí, Trì giới, Các cõi trời dục giới.

Đại cương

Phần I dành cho hàng cư sĩ chứ không phải dành cho hàng xuất gia.

Ba đời chư Phật đều bắt đầu dạy căn bản về bồ thí, trì giới và các cõi trời cho loài người chứ không dạy Tứ Thánh đế là căn bản như nhiều người học Phật Pháp thường đi rao giảng trên mạng và trên sách vở. Tại sao những người Phật tử phải thực hành những điều trên?

Bồ thí sẽ giúp cho chúng sinh có quả báo về vật chất sung túc nên giúp cuộc sống con người có nhiều an lạc. Nếu chúng sinh vô minh sanh ra tâm keo kiệt nên khi sanh ra đời nghèo túng, sống thiếu thốn rồi phát sanh ra những bất thiện.

Thứ hai chư Phật dạy về trì giới để giúp chúng sinh không rơi đọa xứ như địa ngục, ngạ quỷ. Ba đọa xứ rất đau khổ, do vậy người Phật tử phải trì 5 giới tối thiểu sẽ sanh lại làm người hoặc sanh vào 6 cõi trời dục giới hưởng thiên lạc. Đức Phật dạy Phật tử phải có niềm tin Phật bất động, niềm tin Pháp bất động, niềm tin Tăng bất động. Đây là điều kiện cần có để giúp Phật tử thành tựu giới, ngược lại không tin thì không thực hành giới được.

Chư Phật có Thiên nhãn Minh thấy chúng sanh thành tựu bồ thí, thành tựu giới sẽ sanh vào sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc nên thuyết về các cõi trời.

Theo Lý Duyên Khởi do duyên Vô minh sanh ra Hành gồm có ý hành, khẩu hành, thân hành sẽ sanh vào tam giới: Dục giới, Sắc giới,

Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh cứ quanh quẩn ba cõi này ngoài ra không có cõi nào nữa khác còn Niết Bàn không còn sanh vào ba cõi này. Chỉ có cõi dục gồm cả những hạnh phúc và những đau khổ còn cõi sắc, cõi vô sắc toàn là những cảm thọ lạc không có cảm thọ khổ. Để không còn sanh lại thế gian, cần giác ngộ Tứ Thánh đế nhưng biết bốn chân lý này vô cùng khó khăn. Chúng sinh ra đời phải gặp được một Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian này rất hy hữu tuyên thuyết Tứ Thánh đế mới biết, nếu không có Đức Phật toàn giác chúng ta mù và cứ tiếp tục hành động để luân hồi mãi mãi. Ngày nay Đức Phật đã diệt độ rồi chỉ còn năm bộ kinh Nikaya đã dạy Tứ Thánh đế rất đầy đủ, nếu ai chịu khó tìm hiểu và chứng nghiệm có thể ra khỏi tam giới.

Giác ngộ Tứ Thánh đế rất khó nên những ai mà căn cơ thấp nên cố gắng tu tập bố thí, tu tập giới. Cuối cùng sẽ sanh vào Thiên giới hưởng Thiên lạc rất lâu dài mà tuổi thọ từ 9 triệu năm và cho đến cõi trời Tha hoá tự tại có tuổi thọ 9126 triệu năm so với tuổi thọ loài người 100 năm quá nhỏ nên cố gắng tu tập bố thí và giới. Phật tử dù chưa là bậc Thánh hãy thực hành bố thí và trì giới hằng ngày rất tốt cho đời sau.

Chương một: Bồ thí

Đại cương

Tại sao cần phải bồ thí?

Đây là bước đầu giảm bớt khổ, là đang đi trên con đường dẫn đến hạnh phúc, nếu không biết bồ thí sẽ khổ rất nhiều ví dụ một người biết trồng lúa sẽ sanh ra nhiều lúa sau một thời gian đã gieo. Tương tự khi bồ thí sẽ sanh ra nhiều của cải, vật chất, sẽ không vất vả phải đi kiếm tiền. Ngược lại phải vất vả để có tiền. Hành động bồ thí thuộc về ý hành thiện.

Bồ thí là cho một người khác một cái gì đó như tiền bạc, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men v.v., nếu cho cha mẹ hay các vị tu hành thường gọi là "Cúng dường" để tỏ sự cung kính chứ không dùng chữ "Cho" thông thường. Có hai loại bồ thí thông thường nói nhiều trong kinh Nikaya là bồ thí vật chất và bồ thí Pháp nhưng bồ thí Pháp cao thượng nhất vì sao vậy Pháp giúp chúng sanh biết thế nào là thiện, biết thế nào là ác để tránh ác làm lành được quả an lành trong đời này và đời sau. Khi bồ thí vật chất có thể giúp chúng sanh được ấm no nhất thời nhưng không biết vì sao mình nghèo khổ nên cứ làm những điều ác mà không làm điều thiện nên tiếp tục khổ nữa trong hiện tại và trong tương lai.

Hành động con người gồm có ý hành, khẩu hành và thân hành. Sau đây là bài kinh cho biết vì sao giàu có, chết yểu hay sống lâu v.v.. trích từ kinh Trung bộ số 135.

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

-- Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy.. đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường đưa đến tài sản nhỏ, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống... ngọa cụ,

nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy... thiện thú... nhiều tài sản. Con đường đưa đến nhiều tài sản nhỏ... ngọạ cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Tác giả phân tích.

Để hiểu bố thí cho rõ ràng, cần quan sát những hiện tượng trong thiên nhiên.

Bố thí là hạt giống sẽ có những quả tốt đẹp thuộc về vật chất như nhà cửa, xe hơi, có nhiều tài sản khác v.v.. do bố thí hay cúng dường mà trở ra chứ không phải ngẫu nhiên mà có nhưng đa số loài người không có thiện nhãn mình nên nói do mình tài giỏi hay may mắn.

Có một bài kinh Trung bộ số 142 sẽ giải thích có 14 ruộng phước để biết cúng dường, quý vị nên tham khảo trước khi bố thí, cúng dường. Bố thí không phải là chuyện dễ cần phải tập lâu ngày sẽ quen và sẽ bố thí dễ dàng.

C1.1: Căn bản bố thí

Bố thí là ý hành nên có tám cách bố thí chỉ có cách thứ 7 và thứ 8 là tốt nhất còn bố thí do tâm tham, tâm sân, tâm si thường không tốt lắm.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

1. - Nay các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bố thí. Thế nào là tám?

2. Vì lòng dục nên bố thí; vì sân hận nên bố thí; vì ngu si nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Trước tổ tiên đã bố thí, trước đã làm. Ta không xứng đáng là người để truyền thống này bị bỏ phế" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Sau khi cho bố thí này, khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Khi ta bố thí này, tâm được tịnh tín, do hân hoan,

hỷ được sanh" nên bố thí; để trang nghiêm tâm, trang bị tâm, nên bố thí.

Này các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bố thí này.

C1.2 Người được nhận cúng dường như thửa ruộng.

Có bài kinh sau đây cho biết người tu hành được ví như đám ruộng tốt hay xấu, nếu ruộng xấu thì trồng lúa sanh ra quả nhỏ, nếu ruộng tốt khi trồng sẽ có quả lớn. Tương tự người tu thực hành Bát Chánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là người nên được cúng dường sẽ có quả rất lớn. Vì người thực hành bát Thánh đạo sẽ chứng một trong tám bậc Thánh nên đọc thêm bài kinh Phân biệt cúng dường sẽ cho biết tám bậc Thánh.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Kinh Thửa Ruộng

1.- Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

2. Này các Tỳ-kheo, ở đây thửa ruộng lồi lên lõm xuống, đầy đá và sạn, đất mặn, không có bề sâu, không có chỗ nước chảy ra, không có chỗ nước chảy vào, không có nước chảy, không có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu được tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, không có

quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

3. Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn.

4. Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

5. Này các Tỳ-kheo, ở đây thửa ruộng không lồi lên lõm xuống, không có đầy đá và sạn, không có đất mặn, có bề sâu, có chỗ nước chảy ra, có chỗ nước chảy vào, có nước chảy, có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

6. Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn.

Khi ruộng được đầy đủ

Hột giống gieo đầy đủ

Khi mưa xuống đầy đủ

*Lúa gặt được đầy đủ
Tai họa không có mặt
Tăng trưởng được đầy đủ
Rộng lớn được đầy đủ
Kết quả được đầy đủ
Cũng vậy, sự bố thí
Giữa những người đủ giới
Và vật liệu bố thí
Cũng được sắm đầy đủ
Đưa đến sự đầy đủ
Vì sở hành đầy đủ
Vậy ai muốn đầy đủ
Phải tự mình đầy đủ
Phục vụ người đủ tuệ
Như vậy thành công đủ
Đầy đủ trí và đức
Với tâm được đầy đủ
Làm nghiệp được đầy đủ
Lợi ích được đầy đủ*

Như thật biết cuộc đời

Đạt được kiến đầy đủ

Đường đầy đủ đi đến

Tiến đến ý đầy đủ

Vứt bỏ mọi cấu uế

Đạt Niết-bàn cụ túc

Giải thoát mọi khổ đau

Tức đầy đủ vẹn toàn.

Tác giả phân tích.

Dựa bài kinh trên những hành động cho vật chất đến người khác được ví như một hạt giống và thửa ruộng được ví như người nhận vật đã cho. Như vậy bồ thí có quả lớn hay quả nhỏ tùy vào người nhận có tu tập nhiều hay không. Hãy tham khảo bài kinh số 142 Phân biệt cúng dường thuộc kinh Trung bộ sẽ biết ai sẽ cho ra quả lớn nhất trên thế gian này.

Bồ thí là bước đầu tiên sẽ giúp con người bớt khổ về thân vì nhờ có tài sản do nhân bồ thí sanh ra. Đây là quy luật nhân quả vận hành trong thiên nhiên còn quy luật nhân quả vận hành trên con người chỉ có Đức Phật biết và nói lại cho chúng ta biết. Vì vậy khi một người Quy y Phật là phải tin tuyệt đối về 10 ân đức của Đức Phật (xem phần phụ chú trong tập sách này). Nếu chúng ta nghèo phải biết do không biết bồ thí. Nếu chúng ta giàu phải biết rằng do kiếp trước hay kiếp này có bồ thí.

C1.3: Bố thí Pháp.

Có những bài kinh Tăng chi 4 pháp được trích ra đây sẽ giúp cho những ai mà muốn giúp người khác giống như mình gọi là lợi mình và lợi người nên suy tư những lời dạy trong bài kinh sau đây:

C1.3.1: Nhiếp phục Tham, Sân, Si.

Bài kinh Lợi Minh (1)

1. - Nay các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

2. Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, nay các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho mình... nhiếp phục si cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, nay các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, khích lệ nhiếp phục tham cho người, không hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... không hướng đến nhiếp phục si

cho tự mình, khích lệ nhiếp phục si cho người. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, không nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục sân... không nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, và khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... hướng đến nhiếp phục si cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi ích cho mình và cho người.

Này các Tỳ-kheo, bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

C1.3.2: Lợi ích cho mình

Bài kinh - Lợi Ích Cho Mình (2)

1. (Như kinh (96), đoạn đầu)

2. - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người, mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp

đã được thọ trì, sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; nhưng không phải là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; không phải là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không có lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp tùy pháp; là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người, không hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không có mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; không phải là người thiện ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Là người thiện ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

C1.3.3: Lợi cho mình - Những Học Pháp

Bài kinh - Những Học Pháp

IX) (99) Những Học Pháp

1. - Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người.

2. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu; nhưng không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu; khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu; không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho... tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục... tự mình từ bỏ nói láo... tự mình từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Tác giả nhận xét.

Còn nhiều bài kinh khác nữa nhưng vài bài kinh đã nêu trên vừa đủ có thể giúp những Phật Tử biết bố thí đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Bố thí Pháp cao hơn bố thí vật chất vì chỉ giúp con người ấm no nhất thời còn bố thí Pháp sẽ giúp con người có hạnh phúc lâu dài hoặc có thể giúp con người chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Ví dụ giúp cho một người một bữa ăn thì chỉ no ngày hôm đó, nhưng ngày mai có thể đói tiếp nên giúp họ học một nghề thì tự họ có thể nuôi thân suốt đời được. Tương tự như vậy một người không biết giữ 5 giới hay 8 giới sẽ tạo vô số ác nghiệp sẽ sanh ra quả khổ dài lâu nhưng nhờ một người thiện trí thức dạy mình học 5 giới hay học 8 giới, học bố thí sẽ sanh ra quả tốt đến với mình và đồng thời không có quả khổ. Khi giúp một người biết giữ giới, biết hành thiện là bố thí Pháp, còn khi giúp một người có thức ăn, thức uống hay có quần áo hay có thuốc men hay có tiền bạc gọi là bố thí vật chất.

Nếu ai sanh ra đời biết bố thí giúp người là do kiếp trước đã từng làm rồi nên tiếp tục làm nữa. Nếu ai sanh ra đời biết bố thí pháp cho người khác, biết rằng kiếp trước đã từng làm việc đó rồi và tiếp tục làm nữa kiếp này. Người sống tại gia có thể vừa bố thí vật chất và bố thí pháp. Người xuất gia không có tiền nên thường là bố thí pháp là chính. Tuy nhiên trong kinh có vị xuất gia rồi nhưng hay tin cha mẹ mình già yếu, nghèo khổ. Ngài đi khát thực rồi chia phần ăn cho cha mẹ mình chứ không phải tu hành đi quyên tiền phật tử để giúp đỡ người nghèo không đúng vì nhiệm vụ bố thí vật chất dành cho người tại gia. Người xuất gia lo tu thoát khỏi tam giới như vậy người tu hành sẽ là ruộng phước vô thượng ở đời cho ai cúng dường.

C1.3.4 Kết luận về bố thí

Có hai loại bố thí: Bố thí vật chất sẽ giúp cho bớt khổ trong vòng luân hồi, nhưng quả trở lớn hay nhỏ tùy thuộc vào thừa ruộng tốt như những thầy tu theo bát Thánh đạo hoặc thừa ruộng xấu như những thầy tu không thực hành bát Thánh đạo thì quả trở rất nhỏ. Quả trở tốt mà hưởng trọn vẹn lại hay không hưởng được lại lệ thuộc tâm khi bố thí như thế nào như bài kinh Căn bản bố thí cho biết khi bố thí cách thứ 7, cách thứ 8 là tốt nhất vì khi trở quả ít phiền não còn sáu cách bố thí kia khi trở ra quả vẫn có nhiều phiền toái sanh khởi. Tuy nhiên bố thí là bước đầu đi trên con đường chấm dứt khổ vĩnh viễn trong vị lai. Bố thí pháp thì cao thượng hơn giúp chúng sanh tránh khỏi cái khổ như sanh vào ba đường ác: Bàng sanh, địa ngục, ngạ quỷ nên được chư Phật giảng dạy cho chúng sanh biết và thực hành sẽ có hạnh phúc ở các cõi trời dục giới mặc dù con đường luân hồi còn dài nhưng ít ra cũng một khoảng thời gian hưởng lạc cõi người và cõi trời. Bài kinh Trung bộ số 142 - khuyến khích nên giúp đỡ những người thân mình nên thành tựu năm giới, tin Tam bảo bất động và không nghi ngờ về Tứ Thánh đế vì khổ đau chỉ còn bảy kiếp.

Chương hai: Trì giới

Đại cương

Tại sao phải trì giới?

Trì giới sẽ giảm khổ nhiều hơn nữa so với bố thí vì nhờ có giới không rơi vào ba đường ác và được sanh làm người hay chư thiên hưởng lạc không còn đau khổ nhiều. Vì vậy cần trì giới để hưởng thiên lạc.

Trì giới sẽ dẫn đến con đường giải thoát sau này. Nếu giới không thành tựu thì không thể nào chấm dứt khổ trong tương lai. Vì vậy Phật tử cần trì giới để hạnh phúc lâu dài khi sanh vào các cõi trời. Giới ví như là hàng rào để bảo vệ Phật tử không rơi vào những đường ác. Dù chưa chứng Thánh nhưng giới sẽ giúp cho con người được sanh lại làm người hay sanh làm loài trời hưởng phước lâu dài. Sau đây là những bài kinh nói về giới giúp những người học Phật Pháp biết để tạo nguồn công đức lớn.

Dù năm giới, tám giới, 10 giới hay hằng trăm giới đều thu tóm trong ba giới: ý hành, khẩu hành, thân hành. Vì vậy Phật tử tìm hiểu ba hành này cho kỹ trong cuốn sách "Tứ Thánh đế là tối thượng". Trong kinh có một vị tỷ kheo học trên hai trăm giới không thuộc muốn hoàn tục nhưng tiếng đồn đến bậc Đạo sư. Đức Phật nói cho ông ta ba giới và đã hỏi vị Tỷ kheo có thuộc không? Vị Tỷ kheo trả lời thuộc. Vậy ba giới ấy là gì? Chính là ý hành giới, khẩu hành giới, thân hành giới. Sau đó không bao lâu thì vị này chứng Thánh A la hán (kinh Tiểu bộ).

C2.1: Năm giới

Người cư sĩ cần thực hành hằng ngày năm giới này sẽ không rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục. Bài kinh sau đây trích từ Kinh Tương 5: Tương ưng Dự lưu.

Bài kinh - Mahànàma

37. VII. Mahànàma (S.v,395)

1) *Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây bàng.*

2) *Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:*

3) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?*

-- *Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.*

4) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?*

-- *Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.*

5) -- *Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?*

-- *Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn". Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.*

6) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

7) -- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

-- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chon chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

Tác giả phân tích.

Người cư sĩ có trí tuệ sanh diệt tức là trí tuệ về Tứ Thánh đế. Như vậy bài kinh này cho biết học và thực hành bài kinh trên có bậc Thánh dự lưu.

C2.2: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. (Thánh dự lưu)

Trích từ Kinh Tương Ưng 5: Tương ưng dự lưu.

Bài kinh Thích Tử Mahanama

(V) (25) Thích Tử Mahanama

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Rồi Thích tử Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi

đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Thích tử Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ?

- Này Mahànàma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahànàma, là người nam cư sĩ.

2. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ giữ giới?

- Này, Mahànàma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, cho đến như vậy, là người nam cư sĩ giữ giới.

3. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ thực hành, vì tư lợi chứ không vì lợi tha?

- Này Mahànàma, khi nào nam cư sĩ thành tựu lòng tin cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu lòng tin; thành tựu giữ giới cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu giữ giới, thành tựu bố thí cho mình, không khích lệ người khác thành tựu bố thí; muốn tự mình đi đến yết kiến các Tỷ-kheo, không có khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ kheo; chỉ tự mình muốn nghe diệu pháp, không khích lệ người khác nghe diệu pháp; tự mình thọ trì những pháp đã được nghe, không khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì, không khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp, không khích lệ người khác thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tư lợi, không phải vì lợi tha.

4. - Cho đến như thế nào, bậc Thế Tôn, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi, vừa lợi tha?

- Nay Mahànàma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỳ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỳ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe diệu pháp và khích lệ người khác nghe diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp, khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, nay Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi và lợi tha.

Bài kinh trên cho biết tự mình thành tựu giới và niềm tin Tam Bảo rồi nên giúp người khác nữa cũng thành tựu như mình gọi là lợi mình lợi người.

C2.3: Cư sĩ chứng Thánh dự lưu.

Bài kinh -Nguồn Sanh Phước

II) (52) Nguồn Sanh Phước (Với Cư Sĩ) (2)

1. - Nay các Tỳ-kheo, có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện... hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Phật; bậc Thế Tôn ấy là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn... Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ nhất... hạnh phúc an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thụ, được người trí tự mình giác hiểu. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ hai... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, Thiện hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ ba... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với những giới được bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiển định. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ tư... hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, đem lại an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thực, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

2.

Ai tin tưởng Như Lai,

*Bất động, khéo an trú,
 Ai tin giới, hiền thiện,
 Bạc Thánh khen, mến chuộng.
 Ai tịnh tín chúng Tăng,
 Với cái nhìn chánh trực,
 Người ấy được họ gọi,
 Không phải là người nghèo.
 Đời sống người như vậy,
 Không phải đời trống rỗng,
 Do vậy tín và giới,
 Tịnh tín và thắng pháp,
 Bạc trí chú tâm niệm,
 Lời dạy của chư Phật.*

Bài kinh này cho biết người cư sĩ chúng được Thánh dự lưu nguồn phước vô lượng.

C2.4: Bát quan trai (tám giới)

Bát quan trai giới cần thực hành ý hành thiện, thực hành khẩu hành thiện, thực hành thân hành thiện sẽ giúp chúng sanh hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

Bài kinh - Các Trai Giới

(I) (41) Các Trai Giới

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthi tại Jetanava, khu vườn ông Anàthapindika, ở đấy Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo", - "Bạch Thế Tôn".

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rỡ lớn; có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỳ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rỡ lớn; có biến mãn lớn?

3. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành trai giới ". Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

4. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

5. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

6. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

7. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

8. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

9. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng từ bỏ

không đi xem múa, hát, nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

10. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới ". Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rục rỡ lớn, có biến mãn lớn.

Bài trên cho biết rằng nếu thành tựu 8 giới thì phước rất lớn.

(IX) (39) Nguồn Nước Công Đức

1.- Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện ... hạnh phúc, an lạc.

3. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện ... hạnh phúc, an lạc.

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện ... hạnh phúc, an lạc.

5. Này các Tỳ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm?

6. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ nhất, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày ... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

7. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho ... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ hai, là đại bố thí, ... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ năm, là nguồn nước thiện, ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục ... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ ba, là đại bố thí, ... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công

đức thứ sáu, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo ... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ tư, là đại bố thí, ... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ bảy, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh Đệ Tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, ... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện, ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Bài trên cho biết có những nguồn công đức rất lớn. Vì vậy những người cư sĩ tại gia nên thực hành hằng ngày bài kinh trên.

C2.5: Thập Giới (Dasasikkhàpada) (10 Giới).

Muốn thành mười giới cần thực hành ý hành thiện, thực hành khẩu hành thiện, thực hành thân hành thiện sẽ hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

1. *Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.*
2. *Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.*
3. *Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.*
4. *Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.*
5. *Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.*
6. *Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.*
7. *Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.*
8. *Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.*
9. *Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.*
10. *Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.*

Cư sĩ cần thực hành 10 giới cho viên mãn.

Người cư sĩ đã thực hành những giới đã nêu trên viên mãn sẽ được sanh vào các cõi trời dục giới để hưởng phước lâu dài.

Giới rất quan trọng cho người tại gia và xuất gia nhưng người sống tại gia thường không thành tựu được. Vì không có giới chắc chắn sẽ sanh vào ba đường ác vô cùng đau khổ nhưng vì vô minh nên thường tạo ác nghiệp rất nhiều. Phước cho ai ra đời mà biết 5 giới, 8 giới, 10 giới, biết Tam bảo, biết Tứ Thánh đế mà lo thực hành vì sẽ giúp chúng sanh sống hạnh phúc và thoát khỏi khổ. Thế giới ngày nay dục quá mạnh nên khó kiếm được ai thành tựu 5 giới hay 8 giới chứ đừng nói chi quy y Tam Bảo và học Tứ Thánh đế.

Những bài kinh vừa kể trên sẽ giúp những người sống tại gia biết tu học sẽ có kết quả tốt đẹp cho đời này và đời sau.

C2.6 Kết luận về giới

Đức Phật có lòng thương tưởng chúng sanh đau khổ trong các cảnh khổ trong ba đường ác vì Ngài có Thiên nhãn minh thấy được các chúng sanh đã sanh vào đó. Lý do vì khi sống ở dương gian không có giới hạnh nên khi chết sanh vào đó. Giới là hàng rào giúp chúng sanh không rơi vào ba hố thăm bàng sanh, hố thăm địa ngục, hố thăm địa ngục vì một khi đã rơi vào đó khổ vô cùng. Quý vị vào đọc bài kinh nói về các cảnh khổ trong chương chín trong tập sách này. Con người ngày nay vì ham danh lợi mà tạo các nghiệp ác về sau sẽ đau khổ trong các cõi đó. Có thể tham khảo bài kinh Thiên sứ số 130 kinh Trung bộ nói cảnh khổ địa ngục do Ngài thấy và nói lại. Nếu quý vị không tin Thiên nhãn minh của đức Phật do vì tà kiến của quý vị quá sâu dày và đã bị bệnh bệnh ung thư nan y đến thời kỳ cuối không còn cứu chữa được, chờ chết. Tương tự người nào sống thế gian mà không tin Thiên nhãn minh của đức Phật như bài đại kinh Sư tử hống số 12 Trung bộ mà Thế Tôn đã tuyên bố rằng Ngài đã có Tam minh để rống lên như Sư tử hống không run sợ bất ai dù trên cõi người hay cõi trời dục giới và cõi phạm thiên giới.

Thành tựu năm giới hay tám giới hay mười giới do quý vị tin tuyệt đối về Tam minh của đức Phật. Nếu không tin thì giới không thể thành tựu thì chắc chắn khi chết sẽ vào ba đường ác. Chúng ta cố gắng thành tựu giới hằng ngày khi chết tâm bình thản và sẽ sanh vào các cõi trời hay cõi người.

Chương ba: Các cõi trời

Đại cương

Thế Tôn Gotama với Thiên Nhân Minh siêu nhân thấy các cõi trời nói cho chúng ta biết chứ phàm nhân không thấy các cõi trời được. Những ai đã thành tựu 5 giới hoặc 8 giới hoặc 10 giới sẽ sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới hưởng phước. Người thành tựu giới ví như công lao học tập vất vả bao nhiêu năm bấy giờ lãnh cái bằng tốt nghiệp vậy. Nếu những ai không tin có các cõi trời thì việc thành tựu giới không có. Người học Phật Pháp biết rằng đức Phật có một ân đức Minh Hạnh tức tức Ngài có tam minh: Túc mạng minh - Ngài có thể nhớ vô số kiếp quá khứ của Ngài. Thiên nhân minh hay Sanh tử minh - Ngài thấy chúng sanh khi chết sanh vào địa ngục do ác nghiệp. Thấy chúng sanh làm thiện nghiệp sanh vào các cõi trời. Phật tử phải tin tuyệt đối Đức Phật có tam minh nên cố gắng thành tựu giới để sanh Thiên.

Bài kinh sau đây trích từ Kinh Tăng chi 8 pháp - Phạm Ngày Trai giới nói về các cõi trời dục giới do thành tựu 8 giới mà được tái sanh hưởng phước lâu dài. Tuổi thọ rất lâu vì vậy đời người ở thế gian này khoảng 80 năm so với tuổi thọ các cõi trời. Vì vậy hãy cố gắng thực hành trai giới hằng ngày.

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rước rờ lớn; có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rước rờ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

4. Ví như, này các Tỳ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này tràn đầy bảy báu, như Anga, Magadha, Kàsikosala, Vajji, Cetì, Vamsà, Kurù, Pancàlà, Macchà, Sùrasenà, Asska, Avantì, Gandhàrà, Kambojà. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì có sao? Nhỏ nhoi, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên.

C3.1: Cõi trời Tứ Thiên Vương

5. Năm mươi năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên Bốn thiên vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm mươi năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên Bốn thiên vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên Bốn thiên vương". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là $500 \times 50 \times 360 = 9.000.000$ năm nhân gian.

C3.2: Cõi trời Ba mươi ba

6. Một trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành

ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Ba mươi ba". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là $1000 \times 100 \times 360 = 36.000.000$ năm nhân gian.

C3.3: Cõi trời Dạ ma

7. Hai trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Yàma. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Yàma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Yàma". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là $2000 \times 200 \times 360 = 144.000.000$ năm nhân gian.

C3.4: Cõi trời Đâu-Xuất

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tusitā (Đâu-Xuất). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tusitā. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành

ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Tusitā". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên ".

Quy ra tuổi của loài người là $4000 \times 400 \times 360 = 576.000.000$ năm nhân gian.

C3.5: Cõi trời Hoá lạc

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Tám ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, ... với hạnh phúc chư Thiên ".

Quy ra tuổi của loài người là $8000 \times 800 \times 360 = 2.304.000.000$ năm nhân gian.

C3.6: Cõi trời Tha hoá Tự tại

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên ".

Quy ra tuổi của loài người là $16000 \times 1600 \times 360 = 9.216.000.000$ năm nhân gian.

Chớ giết hại loại sanh

Chớ lấy của không cho

Chớ nói lời nói láo

Chớ uống thứ rượu say

Từ bỏ phi Phạm hạnh

Từ bỏ không dâm dục

Không ăn vào ban đêm

Tránh không ăn phi thời

Không mang các vòng hoa

Không dùng các hương liệu

Hãy nằm trên tám thảm

Trái dài đất làm giường

Chính hạnh trai giới này

Được gọi có tám phần

Do đức Phật nói lên

Đưa đến đoạn tận khổ

Mặt trăng và mặt trời

Cả hai thấy lành tốt

Chỗ nào chúng đi tới,
Chúng chói sáng hào quang
Chúng làm mây sáng chói
Giữa hư không chúng đi
Trên trời chúng chói sáng
Sáng rực mọi phương hướng
Trong khoảng không gian ấy
Tài sản được tìm thấy
Trân châu và ngọc báu
Lưu ly đá cầu may
Vàng cục trong lòng đất
Hay loại Kancana
Cùng loại vàng sáng chói
Được gọi Hataka
Tuy vậy chúng giá trị
Chỉ một phần mười sáu
Với hạnh giữ trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Kể cả ánh sáng trắng

Với cả vòm trời sao

Vậy người nữ, người nam

Giữ gìn theo tịnh giới

Hành Bồ-tát trai giới

Đầy đủ cả tám mặt

Làm các thiện công đức

Dem lại nhiều an lạc

Được sanh lên cõi trời

Không bị người cười chê.

C3.7 Kết luận về các cõi trời dục giới

Tin luật Nhân quả thì việc giữ giới là Nhân sanh vào các cõi trời là quả tốt. Nếu không tin Lý Duyên khởi hay Luật Nhân quả thì gọi là Tà kiến. Thành tựu giới là đã gieo những hạt giống thiện sẽ sanh ra quả thiện 100/100. Nếu ai không giữ giới tức là phạm giới sẽ sanh ra các quả khổ 100/100.

Có nhiều người nhân danh là Phật tử không tin phước báu được sanh vào các cõi trời do khi ở dương gian đã tạo nghiệp lành và cho rằng thiên lạc hay địa ngục trong cõi người mà thôi. Đây là một Tà kiến, khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào bàng sanh hoặc địa ngục theo kinh Nikaya. Đức Phật có tam minh đã thấy như thật nên nói con người lo tu năm giới hay tu tám giới hay tu 10 giới để hưởng thiên lạc rất lâu dài theo bài kinh Tăng chi bốn pháp về Bát quan trai giới. Đức Phật cho biết tuổi thọ và đã tính tuổi thọ nhân gian từ 9 triệu năm cho đến 9216 triệu năm so với tuổi thọ loài người khoảng

80-100 năm so với tuổi thọ các cõi trời quá lâu. Như vậy có đáng để chúng ta không giữ giới để sanh vào cõi ác hay chúng ta giữ giới cho tốt đẹp để sanh thiên giới hưởng thiên lạc lâu dài. Tác giả hy vọng quý vị giữ giới cho tốt đến khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào thiên giới hay cõi người.

Chương kết luận cho phần I

Phần I này chỉ dành cho những người bắt đầu tìm hiểu Phật Pháp và chưa biết gì nên Đức Phật dạy những bước cơ bản như Bố Thí, Trì giới, Các cõi trời dục giới. Đây là những hạnh phúc sẽ có được nếu biết bố thí và biết trì giới sẽ sanh thiên. Vì Thế Tôn với Thiên Nhân minh siêu nhân thấy các cõi trời do tu bố thí và trì giới mà sanh lên.

Cõi dục giới có hai hướng để đi: Hướng thiện gồm có ý hành thiện, khẩu hành thiện, thân hành thiện sẽ sanh làm người hay chư thiên. Hướng ác gồm có ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác sẽ sanh làm bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Nếu Phần I không thực hiện được thì Phần II, Phần III, Phần IV không thể thực hành được. Phần này thuộc về căn bản Phật giáo nhưng thế gian có mấy ai thành tựu năm giới được. Cho nên trong kinh Tương ưng 5 Phẩm sanh thủ cho biết rằng: khi con người chết được tái sanh làm người như đất dính trên đầu 10 ngón tay còn số người chết tái sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu. Tuy là cơ bản nhưng chẳng có mấy người tu Phần I này được đâu còn Phần II càng khó hơn nữa.

Phần II: Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục

Đại cương

Phần II dành cho hàng xuất gia còn cư sĩ chỉ học Phần II khi đã hoàn tất Phần I và sống cách ly với gia đình như không còn liên hệ đến gia đình nữa. Vì ly dục tức là sự từ bỏ những ham muốn về năm cảnh: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Nếu còn sống với gia đình thì không thể ly dục. Còn người xuất gia đã từ bỏ đời sống gia đình nên tu tập Phần II.

Phần II gồm có Chương bốn nói về vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly về sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và vị ngọt về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phần này rất quan trọng nên hành giả có thể tham khảo Chương bảy trong tập sách này để biết rõ ráo về 6 nội xứ và sáu ngoại xứ. Chương năm nói về các cõi trời sắc giới do sự thành tựu ly dục.

Phần II này rất khó tu tập. Vì dục quá mạnh trong thế kỷ 21. Những ai muốn tu tập phần này cần sống xa thành phố và sống những nơi hoang vắng thì chuyện ly dục mới sanh khởi. Ngày xưa đời sống rất đơn giản nên dễ chứng sơ thiền được còn ngày nay dục có ở khắp nơi. Nếu không tránh được dục lạc thì chuyện tu chứng sơ thiền vô cùng khó khăn. Theo thiên ý người cư sĩ không tu phần này được trừ khi sống một mình. Nếu chứng Thánh tối đa là bậc Thánh nhứt lai còn Thánh bất lai không xảy ra nếu như gần chết buông hết thì may ra chứng bậc Thánh bất lai.

Chương bốn: Vị ngọt, Sự nguy hiểm, Sự xuất ly dục.

Những bài kinh dưới đây sẽ giúp cho những hành giả hiểu rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của dục. Từ đó tâm của những vị ấy ly tham, tâm giải thoát khởi lên. Để tiến vào giai đoạn này hành giả đã thành tựu bố thí trong chương một, thành tựu giới trong chương hai. Hành giả biết rõ sau khi thành tựu chương một và chương hai. Khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới mà không có nghi ngờ. Thành tựu chương bốn sẽ sanh vào các cõi trời sắc giới mà tuổi thọ vô lượng. Do đó chương bốn rất khó cho những ai có nhiều sự ham muốn.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Bài kinh 1- Chánh Giác

13.1. Chánh Giác (1) (S.iv,6)

1) Sàvatthi...

2) -- Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bô-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của ý?"

3-7) Này các Tỳ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên với mắt, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của mắt. Nhiếp

phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

8) Do duyên với ý, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý".

9) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

10) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

Bài kinh 2 - Chánh giác

14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc?

Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?"

3) Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên các sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.

4-7) ... các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

8) Do duyên các pháp, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp".

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

15.III. Vị Ngọt (1) (S.iv,8)

1) ...

2) -- Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của mắt. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu

nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân...

7) Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý. Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, nay các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

16.IV. Vị Ngọt (2) (S.iv,9)

1) ...

2) -- Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các sắc. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều

thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) ...các tiếng... các hương... các vị... các xúc...

7) Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các pháp. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Nay các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly...

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sinh nữa".

17.V. Nếu Không Có (I) (S.iv,10)

1) ...

2) -- Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, chúng sanh có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyến mắt.

3) Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với mắt. Và vì rằng mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán đối với mắt.

4) Nếu mắt không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không có thể xuất ly khỏi mắt. Và vì rằng mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt.

5-7) Nếu tai không có vị ngọt...

8-10) Nếu mũi không có vị ngọt...

11-13) Nếu lưỡi không có vị ngọt...

14-16) Nếu thân không có vị ngọt...

17) Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý.

18) Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có nhàm chán đối với ý.

19) Nếu ý không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không xuất ly ra khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh xuất ly ra khỏi ý.

20) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã không sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

21) Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho nên, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã sống với

tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy cần được trả lời như sau: "Chư Hiền, thế nào là vị ngọt các dục? Thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?" Này các Tỳ-kheo, khi được hỏi vậy, các Du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ. Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới này với chư Thiên, Mara, Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, mà câu trả lời các câu hỏi được chấp nhận, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai và những ai được nghe hai vị này.

Bài kinh 3 - Đại kinh Khổ uẩn

giải thích vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục rất rõ ràng.

(Vị ngọt các dục)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục? Này các Tỳ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn, các tiếng do nhĩ căn nhận thức... các hương do tỷ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục như vậy. Này các Tỳ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các dục? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng, mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vì ấy than vãn, buồn phiền khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả". Này các Tỳ-kheo, như vậy, là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vì ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: "Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy, nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?" Dầu vì ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vì ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa". Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ dè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như

kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bôi đồi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khâu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rom bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối tráp hình... chuyển hình... cao đập đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy guom chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các dục? Đây các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các dục, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các dục.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ

không như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy không thể xảy ra. Nay các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các sắc pháp)

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, như các thiếu nữ Sát-đế-lị, thiếu nữ Bà-la-môn hay thiếu nữ Gia chủ, tuổi khoảng độ mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá lớn, không quá thấp, không quá ốm, không quá mập, không quá đen, không quá trắng, nay các Tỳ-kheo, có phải trong thời ấy, họ đạt đến mỹ diệu tối thượng, sắc đẹp tối thượng?

-- Bạch Thế Tôn, phải.

-- Nay các Tỳ-kheo, y cứ sắc đẹp mỹ diệu ấy khởi lên lạc thọ và hỷ thọ, như vậy là vị ngọt các sắc pháp.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, ở đây người ta có thể thấy bà chị ấy trong một thời khác, khoảng tám mươi tuổi, chín mươi tuổi hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, phải dựa gậy để chống đỡ, vừa đi vừa run rẩy, đau ốm, tuổi trẻ đã tận, râu rụng, tóc bạc, hư rụng, sồi đầu, da nhăn, tay chân bị khô nứt tái xám. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- *Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta có thể thấy bà chị ấy bị bệnh hoạn đau khổ, trầm bệnh, nằm đắm mình trong phân tiểu của mình, phải có người nâng dậy, phải có người đỡ nằm. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?*

-- *Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.*

-- *Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thì thể bị quăng vào nghĩa địa, một ngày hay hai ngày hay ba ngày, thì thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của cô gái đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?*

-- *Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.*

-- *Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thì thể bị quăng vào nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài điều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?*

-- *Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.*

-- *Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thì thể bị quăng trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các*

đường gân cột bộ xương, không còn thịt, không có máu, còn được gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm đã hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thì thể bị quăng vào nghĩa địa, chỉ có toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đồng xương lâu hơn một năm... chỉ còn các xương thối trở thành bột. Nay các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm hiện ra?

-- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

-- Nay các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

Nay các Tỳ-kheo và thế nào là sự xuất ly các sắc pháp? Nay các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các sắc pháp, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các sắc pháp.

Nay các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy không xảy ra. Nay các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly

là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các cảm thọ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các cảm thọ? Ở đây các Tỳ-kheo ly các dục, ly các bất thiện pháp, tự chứng và an trú vào Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba... Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Trong khi ấy nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, các cảm thọ là vô thường, khổ, biến hoại, như vậy là sự nguy hiểm các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, sự điều phục dục tham đối với các cảm thọ, sự đoạn trừ dục tham, như vậy gọi là sự xuất ly các cảm thọ.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt các người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra.

Tác giả phân tích.

Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ mà không biết vị ngọt là khả hỷ khả lạc là nguyên nhân sanh ra tham đắm và không biết sáu nội xứ, sáu ngoại xứ là vô thường, biến hoại dẫn đến đau khổ nên đọc thêm duyên Thọ sẽ biết rõ tại sao khả hỷ khả lạc chuyển sang không khả hỷ, không khả lạc. Do biết như vậy sự xuất ly sanh khởi và thoát khỏi tham đắm.

Chương này quý vị cần biết rõ vị ngọt sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nên đọc chi tiết Chương 7 trong cuốn sách "Tứ Thánh đế là tối thượng".

Chương năm: Cõi trời sắc giới

Chương này rất khó vì chỉ dành cho những ai ly dục sắc, ly dục thanh, ly dục hương, ly dục vị, ly dục xúc. Những cư sĩ thời đại này ly dục vô cùng khó nên chương này dành cho người xuất gia. Những ai có thiền định hay ly dục được sẽ sanh vào một trong 15 cõi trời sắc giới mà có tuổi thọ vô lượng vì trong kinh chỉ nói vô lượng không có con số.

Nguyên văn kinh Pali-Việt từ Tăng chi bốn pháp.

Bài kinh Từ

(V) (125) Từ (1)

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người với tâm, cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thoái hạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Một kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ ấy, sau khi sống

trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi ... với tâm cùng khởi với hỷ ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thoái hạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp, nay các Tỳ-kheo, là thọ mạng của các chư Thiên ở Quang âm Thiên ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, nay các Tỳ-kheo là thọ mạng của chư Thiên ở cõi Biến Tịnh Thiên ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Năm kiếp, nay các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư Thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Nay các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Bài kinh - Hạng Người Sai Khác

(III) (123) Hạng Người Sai Khác (1)

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

● Tuổi thọ sơ thiên,

cõi Phạm chúng Thiên là một kiếp là vô lượng không nói con số.

1- chư thiên Phạm chúng... 2- với chư thiên Quang thiên... 3- chư thiên Thiểu Quang thiên... 4- chư thiên Vô lượng quang thiên.

Tác giả phân tích.

Như vậy Sơ thiên có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Phạm chúng Thiên đến Vô lượng quang Thiên, đại diện tuổi thọ Phạm chúng thiên là một kiếp vô lượng.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy ném được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thoái堕; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. Một kiếp, này các Tỳ kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây

là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Nhị thiên,

cõi Quang âm Thiên là hai kiếp là tuổi thọ vô lượng.

5- chư thiên Quang âm thiên... 6- chư thiên Tịnh thiên... 7- chư thiên Thiểu tịnh thiên... 8- chư thiên Vô lượng tịnh thiên...

Như vậy Nhị thiên có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Quang âm Thiên mà có tuổi thọ vô lượng.

2. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp này, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang âm thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Tam thiên,

cõi Biến tịnh Thiên là bốn kiếp là tuổi thọ vô thường.

3. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiên thứ ba, vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc

thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Tứ thiên,

Quảng quả Thiên, năm kiếp là tuổi thọ vô lượng

với chư thiên Quảng quả thiên...

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái hạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Năm kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Tác giả phân tích.

Tóm lại bài kinh trên như sau: Chứng sơ thiên sẽ cộng trú với chư thiên Phạm chúng Thiên có tuổi thọ một kiếp vô lượng (không có con số). Đối với phàm phu hưởng hết tuổi thọ sẽ sanh địa ngục, bàng sanh, ngã quý nhưng đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ hiện hữu ấy xong nhập Niết Bàn. Chứng nhị thiên sẽ cộng trú với chư thiên ở cõi

Quang âm thiên có tuổi thọ hai kiếp tuổi thọ vô lượng. Nếu là phạm phu khi hưởng hết tuổi thọ sanh vào ba đường ác. Nếu là đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ thì nhập Niết Bàn. Chúng tam thiên sẽ cộng trú chư thiên với Biến tịnh Thiên có tuổi thọ bốn kiếp vô lượng. Đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ sẽ nhập Niết Bàn nhưng phạm phu thì hết tuổi thọ luân hồi ba đường ác. Chúng tứ thiên sẽ cộng trú với chư thiên ở Quảng quả Thiên có tuổi thọ năm kiếp. Đệ tử Như lai sẽ nhập Niết Bàn khi hết tuổi thọ còn phạm phu sẽ luân hồi khi hết tuổi thọ.

● Cõi Tịnh cư Thiên dành cho bậc Thánh Bất Lai.

với chư thiên Vô phiền thiên... với chư thiên Vô nhiệt thiên... với chư thiên Thiện hiện thiên... với chư thiên Thiện kiến thiên... với chư thiên Sắc cứu kính thiên...

Chương kết luận cho phần II

Phần II chỉ dành cho những người xuất gia đã từ bỏ gia đình sống một mình nên có thể từ bỏ sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

Những người cư sĩ tại gia mà thành tựu được Phần I thì có thể tiến vào Phần II. Phần này tu tập không còn sự ham muốn về năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc rất khó. Đây là vấn đề cho những người học Phật trong thời đại này. Tuy nhiên những ai thật sự muốn chấm dứt khổ phải có quyết tâm. Tác giả đã chọn lọc những bài kinh nêu ra ở trên mà Đức Phật thuyết cho ai muốn ly dục có thể tìm hiểu và thực hành.

Phần III: Khổ Thánh đế và Khổ Tập Thánh đế

Đại cương

Khổ Thánh đế là sự thật Thánh về khổ diễn tả những trạng thái vui buồn, hạnh phúc đau khổ v.v.. của con người. Đây là cũng gọi quả khổ mà không ai không gặp nó hằng ngày và nhận biết nó. Khổ do duyên xúc sanh và xúc diệt thì khổ sẽ mất.

Khổ Tập Thánh đế là sự thật Thánh về nguyên nhân khổ là tham ái. Nếu nói đầy đủ là 12 nhân duyên. Trong khi Khổ đế ai cũng nhận biết nhưng Khổ Tập đế khó nhận biết, khó thấy vì khổ tập sanh khởi rất nhanh không có thời gian. Từ lúc có khổ tập đến khi nào sanh ra khổ đế cần có thời gian. Lý do này có những người trên thế gian không chấp nhận có nguyên nhân sanh ra những quả khổ hay những quả hạnh phúc. Như vậy khổ tập là tướng cướp giấu kín và bịt mặt để gây khổ đau cho chúng sanh. Trước khi thực hành đạo để, hành giả cần phải biết rõ khổ tập. Nếu không nhận ra khổ tập thì thực hành bát chánh đạo không thành công.

Trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, Khổ Tập Thánh đế, Khổ Diệt Thánh đế và Bát Thánh Đạo đã trình bày dưới dạng tổng thuyết chứ không phải biệt thuyết. Đây là lý do mà người đời về sau không biết Biệt thuyết Khổ Tập chính là 12 nhân duyên. Trong kinh Tăng Chi ba pháp pháp phẩm Sở y xứ viết như sau:

Nguyên văn kinh trích từ Tăng chi 3 pháp - Mục 61 -Sở ý xứ.

Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập. (theo kinh tạng chỉ 3 pháp, mục 61.)

Tác giả phân tích.

Như vậy đoạn kinh trên xác quyết rằng Thánh đế về Khổ tập là Lý Duyên Khởi. Cũng trong kinh tiểu bộ 1- Chương một - Phẩm Bồ đề về tổng thuyết Lý Duyên khởi như sau:

Tổng thuyết về Lý duyên khởi

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Nerañjarà, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. Thật sự, khi các pháp,

Có mặt, hiện khởi lên,

Đối vị Bà-la-môn,

Nhiệt tâm hành thiền định,

Khi ấy, với vị ấy,

Các nghi hoặc tiêu trừ,

Vì quản trị hoàn toàn,

Pháp cùng với các nhân

Dẫn xuất hai bài kinh trên cho biết phần tổng thuyết về 12 Nhân Duyên còn phần biệt thuyết rất khó biết vì chỉ có trong kinh Tương ưng Tập 2 - Thiên Nhân Duyên - Chương một như sau:

Biệt thuyết về Lý duyên khởi

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

II. Phân Biệt -

"1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích cho các Ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.*

-- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) *Thế Tôn nói như sau:*

-- *Này các Tỳ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.*

4) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vỡ bỏ. Đây gọi là*

chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là già, chết.

5) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là hữu? Đây các Tỳ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là thủ? Đây các Tỳ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là thủ.

8) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là ái? Đây các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là ái.

9) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Đây các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là xúc? Đây các Tỳ-kheo, có sáu xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và đây các Tỳ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

15) Này các Tỳ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh.

Tác giả phân tích.

Phân tổng thuyết và biệt thuyết về Lý Duyên khởi đã được trình bày ở trên. Làm sao người Phật tử hiểu được Lý Duyên khởi là điều quan trọng. Theo Tác giả đã trải qua trên 10 năm tìm hiểu 12 Nhân duyên, xin trình bày ra đây cách hiểu của tác giả như sau:

Lý Duyên Khởi được biểu thị bằng sơ đồ sau.

Vô minh ► Hành ► Thức ► Danh Sắc ► lục nhập ► Xúc ► Thọ ► Ái ► Thủ ► Hữu ► Sanh ► Già chết, sâu bi, khổ ưu não.

Lý Duyên Khởi biểu thị hai đế là Khổ đế và Khổ Tập đế trong Tứ Thánh đế.

Sự sắp xếp Lý Duyên khởi theo Khổ đế và Khổ tập đế sẽ thành bốn nhóm như sau.

Nhóm 1: Vô minh ► Hành ► Thức

Có thể gọi chung là Nghiệp cũ hay Khổ tập tiêu biểu là nghiệp quá khứ đã tạo ra quả khổ hiện tại.

Nhóm 2: Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ

Có thể gọi chung bốn duyên này là quả Khổ hiện tại hay Khổ đế tiêu biểu những gì đang xảy ra mà nổi bật nhất là duyên Thọ.

Nhóm 3: Ái ► Thủ ► Hữu.

Có thể gọi chung ba duyên này là Nghiệp mới hình thành tiêu biểu những quả khổ trong tương lai có nghĩa là có thể xảy ra trong kiếp sống hiện tại hoặc sau khi chết.

Nhóm 4: Sanh ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Có thể gọi chung hai duyên này là quả khổ tương lai đáng nói sau khi chết.

Cụ thể hơn khi áp dụng Lý duyên khởi vào đời sống con người qua ba thời thì việc hiểu Lý Duyên khởi dễ dàng hơn. Do có quá khứ thì có hiện tại và do có hiện tại sẽ có tương lai.

Quá khứ chúng ta đã từng có 5 uân hay lục nhập vì vô minh đã tạo nghiệp để tái sinh vào kiếp sống hiện tại. Do có sáu giác quan phát sanh ra những cảm thọ vui buồn của kiếp người. Từ kiếp hiện tại mà vô minh nữa sẽ tạo nghiệp mới để tái tạo lại sáu giác quan cho tương

lai và cũng sẽ có những cảm thọ vui buồn tùy sanh vào ba đường ác hay cõi người, cõi trời.

Lý do đó nên đã sắp xếp 12 Nhân Duyên theo kiếp luân hồi của chúng sanh như sau:

Nghiệp cũ đã sinh ra quả khổ hiện tại và từ kiếp sống hiện tại tạo nghiệp mới sẽ sanh lại quả khổ trong tương lai.

Dù Đức Phật có xuất hiện ở đời hay không, định lý duyên khởi này: "Do cái này sanh, cái kia sanh" luôn luôn là chân lý. Có điều là Đức Phật đã khám ra chỉ dạy cho chúng ta biết và sẽ tránh nhiều đau khổ trong cuộc đời này.

Quý vị hằng ngày suy tư và chiêm nghiệm chân lý này "Do cái này sanh, cái kia sanh." đúng rồi. Điều này giúp chúng ta biết rằng tất cả những biến cố đến với ta đều có lý do hết, không có vấn đề ngẫu nhiên. Thấy được vậy tâm chúng ta sẽ an nhiên tự tại trước những vấn đề hạnh phúc và đau khổ.

Tóm lại Lý duyên khởi biểu thị theo Khổ và Khổ tập thành bốn chương: Chương sáu, Chương bảy, Chương tám và Chương chín.



Đây là sơ đồ Lý Duyên khởi có thêm Thức hiện tại sanh khởi bởi duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ còn gọi là lục nhập. Thức hiện tại sanh khởi duyên Xúc. Vẽ đồ hình như thế để dễ hiểu không có mục đích gì khác. Chi tiết 12 nhân duyên vào đọc Chương sáu, Chương bảy, Chương tám, Chương chín sẽ hiểu rõ ràng về từng duyên trong 12 nhân duyên.

Chương sáu: Nghiệp cũ

Đại cương

Chương này giúp người học Phật biết được con người từ đâu có mặt xuất hiện trên thế gian này do Thế Tôn Gotama đã nói cho loài người và loài trời biết. Chánh pháp từ thời của đức Phật Ca diếp đã diệt cho đến nay mới xuất hiện lại trên gian này. Đức Phật toàn giác Gotama đã khám phá ra Lý duyên khởi, Tứ Thánh đế và đã dạy lại cho loài người và chư thiên để chấm dứt khổ đau. Đặc biệt từ khi Đức Phật Ca diếp đã nhập Niết bàn và cho đến khi giáo pháp của Đức Phật Gotama diệt sẽ không có một ai hơn hay bằng Thế tôn Gotama. Mặc dù Thế Tôn đã nhập Niết Bàn cách đây trên 25 thế kỷ nhưng Phật pháp vẫn còn trong năm bộ Kinh Nikaya do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch Pali ra Việt và đã được xuất bản lần đầu ở Việt nam vào năm 1991. Dù không gặp đức Phật và Thánh chúng nhưng những lời dạy trong 5 bộ kinh Nikaya sẽ giúp chúng ta có thể hình dung ra những con người sống thời xưa không có vật chất sung túc nhưng đã chứng các bậc Thánh rất nhiều. Ngày nay con người hưởng thụ dục lạc quá nhiều làm sao chứng Thánh được nên kiếp sau sẽ chịu những quả khổ trong ba đường ác đạo. Tất cả những vị Phật toàn giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều có 10 ân đức và 10 Như lai lực giống nhau để rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và Chuyển Phạm luân (bánh xe). Hy vọng những ai sau khi đọc lý duyên khởi khởi lên niềm tin 10 ân đức và 10 Như lai lực là phước đức của quý vị.

Nghiệp cũ có ba duyên như sau:

Vô minh ► Hành ► Thức

Nghiệp là những hành động đã làm trong kiếp quá khứ mà chúng ta đã không nhớ được và phải đợi đến khi chúng ta chứng được Túc mạng minh. Điều này rất khó cho con người sống thời đại này có được Túc mạng minh. Vì vậy chuyện con người ngày nay biết rằng những quả thọ khổ, quả thọ lạc do nghiệp cũ đời trước là chuyện khó chấp nhận.

★ Sự hy hữu của Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian

May mắn cho loài người có một Đức Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian rất hy hữu. Ngài có 10 Ân Đức: Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Mười ân đức sẽ được giải thích chi tiết trong phần phụ lục của cuốn sách này.

★ Mười Như Lai lực có thể rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng

"Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?"

★ Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ Như vậy là Như Lai lực của Như Lai.

Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ (Tri thị xứ phi xứ lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương,

rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, và chuyển Phạm luân.

Như lai biết rõ xứ, phi xứ có nghĩa làm ác có quả báo ác không có chuyện có quả lành. Tương tự làm thiện có quả thiện không có chuyện có quả báo ác. Phân biệt rõ ràng thiện ác.

- ★ Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại (Tri tam thế nghiệp báo lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai căn cứ vào nghiệp quá khứ, hiện tại, tương lai biết quả báo thế nào, khả năng này con người thời nay không có được.

- ★ Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhứt thiết đạo trí lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết rõ con đường nào dẫn đến các cõi trời dục giới và sắc giới.

- ★ Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Trí thế gian chủng chủng tánh lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết mọi cảnh giới sai biệt, nhiều chủng loại sai biệt vì đâu như vậy

- ★ Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Tri tha chúng sanh chướng chướng dục lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.

- ★ Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Như Lai biết trình độ khác nhau của loài người và chư thiên nên chỉ cho phương pháp tu tập.

- ★ Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định (Tri chư Thiền tam muội lực). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Phần này dành cho những người vào tứ thiên mới hiểu được còn con người ham dục lạc không thể hiểu được. Nếu biết tu chánh định sẽ hiểu được.

- ★ Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Đây chính là chính Túc mạng minh có khả năng nhớ được vô số kiếp trước.

- ★ Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu.

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về

lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

Đây chính là Thiên nhãn minh hay sanh tử minh thấy được chúng sanh chết đi về đâu.

- ★ Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát

Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Như Lai lực thứ 10 chính là đã chứng ngộ được Lậu tận minh, không còn sanh lại thế gian.

Nay Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Này Sariputta, như Tỳ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên."

Mười Như Lai lực vừa nêu trích từ kinh Trung bộ số 12.

Tác giả phân tích

Ngài đã tuyên bố rằng Ngài đã có 10 Như Lai lực, có ai đã nói sai về ngài mà không từ bỏ lời nói ấy sẽ rơi vào địa ngục.

Định lý duyên khởi đã được Ngài đã tìm ra chỉ dạy lại cho loài người và loài trời.

Ngày hôm nay đã có duyên gặp Lý duyên khởi này do nhiều đời quá khứ cũng đã có tu tập. Quý vị nên tìm hiểu nghiệp quá khứ cho rõ ràng. Dựa theo Lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh". Quý vị cần quan sát và chiêm nghiệm chân lý trên có đúng trong cuộc sống hằng ngày hay không?

Hãy chiêm nghiệm Lý duyên khởi này nhiều tháng, nhiều năm sẽ thấy đúng như vậy sẽ giúp phá tan bớt màn vô minh. Trong kinh có

đoạn kinh sau đây: "Thế Tôn đã nói như sau: Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Người học Phật, nếu không thấy Lý duyên khởi thì xem như không thấy được Pháp (Niết Bàn).

C6.1: Vô minh.

Vô lượng kiếp quá khứ luân hồi không biết điểm khởi đầu, do vô minh đã tạo ra nghiệp nên sanh ra đời này. Vô minh có thức ăn nên vô minh sẽ còn dài dài và chúng ta sẽ luân hồi không biết đến khi nào sẽ dừng lại.

Đa số sách viết về Phật giáo ít có trích dẫn kinh về định nghĩa về từ "Vô minh" nên tự biên tự diễn sai với lời Đức Phật dạy. Đây là một vấn đề gây khó khăn cho việc học Phật, nên y cứ lời Đức Phật dạy và tìm hiểu mà không nên tự suy diễn Vô minh là thế này hay thế nọ.

Vô minh là mắc xích đầu tiên trong Lý duyên khởi mà hiểu sai từ Vô minh sẽ dẫn đến hiểu sai toàn bộ Lý Duyên Khởi. Người học Phật nên suy tư cho sâu về định nghĩa danh từ Vô minh và sau đó dễ phá vỡ Vô minh.

C6.1.1: Thức ăn Vô minh.

Đây là đoạn kinh trích trong kinh tạng chi 10 pháp nói về thức ăn vô minh.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, không giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp; không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không

chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái, năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn. Sự sắp lại theo thứ tự như sau.

- Không giao thiệp bậc chân nhân được viên mãn.

Vô minh cứ dày đặc nếu mỗi lần sinh ra đời không gặp bậc Chân nhân như Thế tôn Gotama hay những đệ tử của Ngài, không thể nghe được diệu pháp thì Vô minh cứ chồng chất lên. Khi chúng ta sinh ra đời đã không còn gặp Đức Phật nữa nhưng diệu pháp Ngài còn trong năm bộ kinh Nikaya lưu truyền đến bây giờ. Như vậy chúng ta cố gắng tìm hiểu diệu pháp rốt ráo, thì vô minh sẽ biến mất.

- Thời làm viên mãn không nghe diệu pháp .

Diệu pháp là 5 bộ kinh Nikaya hoặc nói gọn là Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh Đạo. Vì không gặp bậc Chân nhân nên không nghe diệu pháp. Đa số loài người sinh ra trong thời kỳ này khó mà nghe diệu pháp được vì vật chất.

- Không có lòng tin được viên mãn.

Lòng tin tức là tin mười ân đức của Đức Phật như sau: "A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Không nghe Diệu pháp nên không có lòng tin 10 ân đức.

- Thời làm viên mãn Phi như lý tác ý.

Này các Tỳ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

Không có lòng tin nên dẫn đến phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Phi như lý tác ý là không tác ý đến Tứ Thánh đế.

- Thời làm viên mãn Không chánh niệm tỉnh giác.

Chánh niệm là ghi nhớ, tỉnh giác là biết rõ, không chánh niệm tỉnh giác là không ghi nhớ và không biết rõ những gì đang diễn tiến. Do đó không có tác ý đến Tứ Thánh đế dẫn đến không chánh niệm tỉnh giác.

- Thời làm viên mãn các căn không chế ngự.

Các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không chế ngự. Do không chánh niệm tỉnh giác dẫn đến 6 giác quan phóng dật, không chế ngự được.

- Làm viên mãn ba ác hành.

Ba ác hành là ý hành, khẩu hành, thân hành. Do không chế ngự sáu căn dẫn đến ba ác hành viên mãn

- Năm triền cái viên mãn

Năm triền cái là tham, sân, hôn trầm, thùy miên, hoài nghi, trạo hối. Do ba ác hành viên mãn dẫn đến năm triền cái viên mãn.

- Vô minh viên mãn

Do năm triền cái viên mãn dẫn đến vô minh viên mãn.

C6.1.2: Thế nào là Vô minh?

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh. (trích kinh tương ưng 2).

Tác giả phân tích.

Đây là định nghĩa duy nhất như vậy trong kinh tương ưng 2 nhân duyên, người học nên suy tư định nghĩa như vậy có hợp lý hay không chứ không phải chỉ học suông.

Theo định nghĩa trên khi hội đủ bốn yếu tố như trên gọi là Vô minh, bước đầu học Phật gặp được định nghĩa từ Vô minh và hiểu rõ từ này sẽ giúp chúng ta hiểu được vì sao chúng ta hiện hữu trên cõi đời này.

★ Không rõ biết khổ.

Từ khổ rất đơn giản nhưng để biết rõ nó rất khó, có những cái khổ như bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết, ít người biết nên không ai quan tâm nguyên nhân sanh khổ nên không có nhu cầu tìm hiểu để chấm dứt khổ.

★ Không rõ biết nguyên nhân khổ.

Đa số con người không biết nguyên nhân khổ nên luân hồi mãi mãi, để biết được nguyên nhân sanh khổ. Đây là vấn đề nan giải của loài người không biết nguyên nhân khổ nên tạo ra tham, sân, si hằng ngày.

★ Không rõ biết diệt khổ.

Đã không biết khổ và nguyên nhân khổ làm sao biết được diệt khổ nên luôn luôn khởi ra tham, sân, si.

★ Không rõ biết con đường diệt khổ.

Không biết khổ thì làm sao biết nguyên nhân khổ, biết được diệt khổ và biết được con đường diệt khổ. Vì vậy vô minh tạo ra vô số nghiệp để đi luân hồi trong ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

C6.1.3 Kết luận

Duyên Vô minh là điểm bắt đầu gây ra đau khổ. Nếu chúng ta ra đời mà không gặp bậc chân nhân thì xem như là vô minh. Nếu những ai được sanh ra vào thời gian này còn gặp được năm bộ kinh Nikaya thì rất có phước vì đức Phật đã định nghĩa Vô minh rất rõ ràng. Tiếc thay rằng con người bị ngũ dục chi phối quá nhiều nên có nhiều người không chịu tìm hiểu Vô minh là gì để thoát khổ. Duyên Vô minh có thức ăn là không gặp bậc Chân nhân thì duyên Vô minh sẽ tồn tại rất lâu dài đồng nghĩa sẽ còn đau khổ triền miên. Hữu duyên cho ai biết được Tứ Thánh đế sẽ diệt được Vô minh thì sẽ hết luân hồi và hết khổ đau.

C6.2: Duyên Hành

Đại cương

Thế nào là hành?

Nguyên văn kinh Pali- Việt.

Định nghĩa 1: *Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Đây gọi là hành.*

Định nghĩa 2: *Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành..*

Định nghĩa 3: *Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý ..*

Tác giả phân tích.

Hành hay Nghiệp là sáu tư dẫn đến ý hành, khẩu hành, thân hành.

Đơn giản lại định nghĩa Hành là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Định nghĩa ý hành thiện ác, khẩu hành thiện ác và thân hành thiện ác đều trích từ kinh trung bộ số 41.

C6.2.1: Ý hành.

Nguyên văn Pali- Việt trích từ Kinh tương ưng 2, Chương IV - Phẩm cây - Tư lường.

Dự tính làm phước hành, thức (của người ấy) đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức (của người ấy) đi đến phi phước. Nếu người ấy dự tính làm bất động hành, thức (của người ấy) đi đến bất động.

Ý là gốc nên chọn ý mà không chọn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nên chỉ nói ý hành là đủ. Ý hành gồm có: ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động.

C6.2.1.1: Ý hành thiện.

- Không tham: *Không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình.*

- Không sân: *Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!"*
- Chánh kiến: *Có chánh kiến, không có tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau."*

C6.2.1.2: Ý hành ác.

- Tham: *Tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!"*
- Sân: *Lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại."*
- Tà kiến: *Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác, không có kết quả dị thực, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau."*

Một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

C6.2.1.3: Ý hành bất động.

Tâm bất động trước năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc do chúng đắc các tầng thiền sắc giới và bốn tầng thiền vô sắc giới, tâm các vị không còn tham sân si nhưng chưa hết vô minh.

C6.2.2: Khẩu hành.

Có ý hành rồi dẫn đến khẩu hành nhưng có khẩu hành thiện và khẩu hành ác.

C6.2.2.1: Khẩu hành thiện.

- Không nói láo.

Từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Không nói hai lưỡi.

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

- Không nói lời độc ác.

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

- Không nói lời phù phiếm.

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các Gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

C6.2.2.2: Khẩu hành ác.

- Nói láo.

Này các Gia chủ, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết"; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Nói hai lưỡi.

Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia, nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia,

đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại.

- Nói lời độc ác.

Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói những lời như vậy.

- Nói lời phù phiếm.

Nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

C6.2.3: Thân hành.

Có thân hành sẽ dẫn đến thân hành thiện và thân hành ác.

C6.2.3.1: Thân hành thiện.

- Không sát sanh.

Có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình;

- Từ bỏ lấy của không cho.

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

- Từ bỏ tà hạnh.

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

C6.2.3.2: Thân hành ác.

- Sát sanh

Ở đây, này các Gia chủ, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đã thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

- Trộm cắp.

Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

- Tà hạnh

Người ấy sống tà hạnh đối với các dục lạc, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Những định nghĩa về ý hành thiện, ý hành ác, khẩu hành thiện, khẩu hành ác, thân hành thiện, thân hành ác vừa nêu trên được trích dẫn từ kinh Trung bộ 41.

C6.2.4 Kết luận

Duyên Hành là những hành động đã từng tạo ra quá khứ gồm có ba phần: ý hành, khẩu hành, thân hành. Cõi dục là cõi âm dương có hai hướng: Có ý hành thiện sanh vào cõi người và cõi trời như chúng ta hôm nay được làm người do ý hành thiện và có ý hành ác sanh vào ba đường ác: địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Có ý hành bất động sanh vào Cõi sắc giới tức là cõi nhất nguyên (không có thiện, ác) và cõi vô sắc (không có hình tướng). Nếu trong kiếp sống này mà chúng ta Vô minh tiếp tục tạo ra ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động vẫn luân hồi. Chúng ta biết duyên Vô minh, duyên Hành ... do đức Phật đã nói. Tuy nhiên chúng ta có thể kiểm chứng tâm chúng ta hằng ngày có khởi ra ba hành liên tục hay không? Nếu khởi ra ý hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra khẩu hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra thân hành thiện có đem đến an lạc không? Tương tự tâm chúng ta khởi ra ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác có đem đến đau khổ hay không? Quý vị nên kiểm chứng khi thấy đúng thì theo, nếu thấy không đúng thì bỏ đi.

C6.3: Thức quá khứ.

Đại cương

Nguyên văn kinh Pali- Việt.

Thế nào là Thức? Nay các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là thức. Thức quá khứ chính là thức tái sanh.

Ý thức do duyên ý với pháp sanh khởi ý thức vì vậy cần ý căn (vật chất) để tồn tại. Khi 6 giác quan (vật chất) quá khứ đã tan rã. Thức cần có vật chất tức thì để hiện hữu (không có chuyện 49 ngày đi tái

sanh). Nếu không có ý căn thì thức sẽ biến mất do đó khi chết thức tái sanh cần có vật chất để tạo thành danh sắc, tham khảo thêm bài kinh số 38 trung bộ.

- Nhãn thức.

Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

- Nhĩ thức.

Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

- Tỷ thức.

Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức.

- Thiệt thức.

Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

- Thân thức.

Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức.

- Ý thức.

Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Kết luận về duyên Thức.

Có nhiều người trong đạo Phật cho rằng Thức trong 12 nhân duyên là thức của kiếp sống hiện tại do họ dịch từ nước ngoài và tin một cách mù quáng mà không suy tư và kiểm chứng. Do không chịu học hết năm bộ kinh Nikaya nên sanh khởi sự sai lầm nghiêm trọng mà đã ảnh hưởng đến Phật tử rất nhiều luôn luôn tin tưởng như vậy. Tác

giả có dẫn chứng bài kinh Đoạn Tận ái Trung bộ số 38, kinh Tăng chi ba pháp và kinh Tương ưng ba về năm uẩn.

Trong 12 nhân duyên có hai hành: Hành là nghiệp quá khứ, Ái là hành hiện tại. Có hai thức quá khứ và thức hiện tại. Có hai Vô minh thuộc về quá khứ và hiện tại. Có hai sanh: Danh sắc hay sáu nội xứ là sanh hiện tại và Sanh trong 12 Duyên thuộc về tương lai sau khi chết. Vì không tìm hiểu kỹ bài kinh số 38 có định nghĩa về danh sắc tức là bào thai có sự sống. Nếu quá khứ không có thức thì sao sanh ra kiếp sống này. Do có thức cũ khi thân tứ đại mất thì thức cũ cần có tứ đại thô sơ (tinh trùng và trứng) để tái tạo bào thai nếu thức cũ không có tứ đại thì không sanh ra lại đồng nghĩa sanh đã tận. Thức cần có vật chất (sáu nội xứ) để tâm biểu lộ ra. Khi có sáu nội xứ mới bắt đầu nhập sáu cảnh mới sanh ra sáu thức mới. Khi có sáu nội xứ mới thì ý thức cũ từ từ lắng xuống và ý thức mới tăng trưởng nên không thể sanh 5 thức cũ lại. Quý vị cần tìm hiểu về bài kinh số 38.

C6.4 Kết luận về Chương sáu

Chương này trình bày những duyên theo thứ tự là.

Vô minh ► Hành ► Thức.

Lý do Thức sắp xếp sau cùng là do khi chết cái biết cần có vật chất để tái tạo lại Danh Sắc.

Chương sáu này trình bày những gì thuộc quá khứ mà con người không có khả năng biết được nên nghi ngờ không có những kiếp sống trước và đã tạo những hành động ác để trở ra những quả khổ trong kiếp sống hiện tại. Làm thế nào biết được chúng ta đã từng sống nhiều đời đã qua. Đây là vấn đề nan giải cho loài người và con người ngày nay cũng đã không tìm ra câu trả lời chính xác được. Vì không có một ai trong thế giới ngày nay đã chứng được Tứ thiên đề

có thể thấy được vô số kiếp quá khứ của mình trừ Đức Phật và những đệ tử Ngài. Chứng tứ thiên cần phải ly dục về sắc, về thanh, về hương, về vị, về xúc thì mới vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên được, nhưng con người hôm nay lấy dục làm nền móng để hưởng thụ dục lạc thì làm sao biết được những đời sống quá khứ của mình. Trong thời Đức Phật đã có nhiều cư sĩ không có khả năng Túc mạng Minh nhưng vẫn chứng bậc Thánh Dự lưu là vì họ tin tuyệt đối vào Phật, Pháp, Tăng mà tin Phật là tin 10 ân đức đã có giải thích trong phụ lục và tin Pháp là tin gì và tin Tăng là tin gì đã có trình bày trong phần chứng bậc Thánh dự lưu. Nếu những người học Phật mà không tin tuyệt đối về 10 ân đức của Đức Phật sẽ xem như quý vị không có đồng thanh tương ứng với đạo Phật thì không có gì có thể giúp được.

Đức Phật biết rằng bất cứ cái gì xảy ra đều có nguyên nhân như một con người sanh ra đời có nguyên nhân chứ không có vấn đề ngẫu nhiên hay do ai tạo ra. Tương tự những hạnh phúc hay đau khổ đang cảm nhận đều có nguyên nhân. Người học Phật có thể kiểm chứng định lý Duyên khởi có đúng hay không chứ không tin mù quáng. Nếu đúng thì hành theo, nếu sai thì bỏ đi.

Nghiệp quá khứ là những gì đã tạo ra rồi khi có đủ duyên thì trở ra quả, người học Phật không suy nghĩ nhiều về nghiệp quá khứ. Nếu quá khứ không tạo nghiệp chắc chắn không có gì xảy ra. Nếu vô minh đã tạo nghiệp rồi nên chấp nhận cả những quả tốt đẹp và những quả xấu mà không tham đắm quả tốt và không sân hận quả xấu. Biết như vậy có sự thản nhiên và có sự giải thoát những vui buồn trong cuộc sống hiện tại.

Chương bảy: Quả khổ hiện tại

Đại cương

Quả khổ hiện tại có duyên sau: **Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ**

Tại sao quả khổ hiện tại có bốn duyên xin trích dẫn một đoạn như sau:

"Chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", (Kinh tạng chỉ 3 pháp).

Tác giả phân tích.

Như vậy cảm thọ khổ là quả do duyên Xúc sanh nhưng duyên Xúc do duyên Lục nhập sanh, nhưng duyên Lục nhập do duyên Danh sắc sanh. Những duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc là những nhân liên tục từ lúc bỏ thân xác kiếp trước để có Danh sắc rất vi tế hiện tại và phát triển thành Lục nhập (một đứa trẻ sơ sinh). Từ lúc sanh ra đã tự động thâm vào sáu ngoại xứ để hình thành sáu cái biết hiện tại và tự động sinh ra sáu Xúc rồi sanh ra sáu Thọ.

Từ khi xuất hiện Danh sắc phát triển một thời gian mới thành hình sáu Xúc phát sanh cái khổ nhưng khổ uẩn sẽ tăng lên khi tuổi đời tăng lên. Như vậy trước khi có quả khổ hiện tại cần trải qua nhiều giai đoạn từ duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc chứ không có việc cảm thọ khổ đột ngột xảy ra liền.

Trước khi xuất hiện khổ phải theo tiến trình như sau:

Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ (khổ)

C7.0: Khổ Thánh đế cần phải liễu tri.

Trong Tứ Thánh đế, Khổ Thánh đế đã được trình bày đầu tiên phải có lý do là quả khổ đang tồn tại liên tục trong cuộc đời nhưng nếu không nhận ra sự khổ thì chuyện chấm dứt khổ không xảy ra. Đức Phật đã dạy có tám quả khổ mà con người ai cũng thường gặp như sau: sanh là khổ, bệnh là khổ, già là khổ, chết là khổ, thương nhau mà chia lìa là khổ, gặp nhau mà không ưa là khổ, muốn không được là khổ, tóm lại có 5 thủ uẩn là khổ.

Người học Phật cần hiểu rõ 8 cái khổ này để chấm dứt ví như một người đang có bệnh mà không nhận biết mình bị bệnh thì làm sao có nhu cầu đi chữa bệnh.

Làm thân người có thể biết những cái khổ và những hạnh phúc. Những cảm thọ lạc của chúng sanh sống trên sáu cõi trời dục giới không có đau khổ rất khó nhận biết cái khổ. Còn chúng sanh sống trong cõi như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ toàn là đau khổ không có hạnh phúc. Ngay cả những người sướng quá hay khổ quá không thấy sự vô thường nên việc khởi lên muốn chấm dứt khổ rất khó.

Những vị Bồ tát kiếp cuối muốn trở thành một vị Phật toàn giác phải tái sanh vào loài người mới thấy bốn cái khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết mới xuất gia và trở thành Phật toàn giác được.

Ngay cả khi được làm thân người được hưởng phước giàu sang, có mấy người muốn chấm dứt khổ đến khi vô thường đến rồi thì tuổi già sức yếu có muốn chấm dứt khổ cũng đã quá muộn.

Làm được thân người rất may mắn có thể chấm dứt khổ nhưng chúng sanh không có hữu duyên gặp Chánh pháp nên phóng dật vào những lạc thú trần gian đến khi mất thân người sinh vào ba đường ác địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ rồi chuyện trở lại làm thân người khó vô cùng xin trích dẫn một đoạn trong kinh Hiền ngu số 129 Trung bộ.

C7.0.1: Chuyện mất thân người rồi để có được thân người cực kỳ khó khăn.

Một đoạn trích từ kinh Trung bộ số 129.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

"Ví như, này các Tỳ-kheo, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía đông; một ngọn gió từ phương Bắc thổi nó trôi qua phía nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Con rùa mù ấy có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây này được không?"

-- Nếu có được chăng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

-- Còn mau hơn, này các Tỳ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đây, này các Tỳ-kheo, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các Tỳ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu."

C7.0.2: Chuyện đau khổ khi sanh vào địa ngục.

Đức Phật cũng cho biết cõi địa ngục khổ vô cùng khó diễn tả được xin trích từ một đoạn trong Kinh Hiền ngu s 129.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Địa ngục, phải nói rằng Địa ngục, hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của Địa ngục.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

Thế Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỳ-kheo. Ví như, này Tỳ-kheo, có người bắt được một tên trộm cắp, dẫn đến trước mặt vua và thưa: "Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội cho Ngài! Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn". Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các Ông, hãy đi và vào buổi sáng hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi sáng, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau: "Này các Ông, người ấy ra sao?" -- "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các Ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau: "Này các Ông, người ấy ra sao?" -- "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về người kia: "Này các Ông, hãy đi

và vào buổi chiều, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các Tỳ-kheo, Ông nghĩ thế nào? Người ấy bị đâm ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không?

-- Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm ngọn giáo!

Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỳ-kheo:

-- Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn, hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết Sơn (Himalaya), vua các loại núi?

-- Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn tay do Thế Tôn lượm lên. So sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết), không thể so sánh được!

-- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh với khổ ưu ở Địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Này các Tỳ-kheo, các người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (pancavidhabandhanam). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục; khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Đây các Tỳ-kheo, Đại địa ngục ấy, có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau; xung quanh có tường sắt; mái sắt

lọt lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực; đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về Địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở Địa ngục quá nhiều."

Trong vòng luân hồi, nước mắt chảy cho những gì yêu thương mà phải chia ly và khóc khi gặp những người mà không ưa nhiều hơn nước bốn biển đại dương. Như vậy đau khổ nhiều vô số.

C7.0.3: Chuyện đau khổ vô cùng trong vòng luân hồi.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) -- Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

4) -- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chứ không phải nước trong bốn biển lớn.

5) -- *Lành thay, lành thay, này các Tỳ-kheo! Lành thay, này các Tỳ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!*

6) *Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.*

7) *Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.*

8) *... các Ông chịu đựng con chết. ..*

9) *... các Ông chịu đựng con gái chết...*

10) *... các Ông chịu đựng tai họa về bà con...*

11) *... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...*

12) *Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bốn biển.*

13) *Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo... bị tham ái trói buộc.*

14) *Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.*

Những bài kinh vừa trích dẫn ở trên giúp người học Phật thấy khổ và sợ khổ mà lo tu càng sớm càng tốt. Đừng bao giờ đợi đến già mới tu

thì đã quá muộn. Vì vậy nay được làm thân người, hãy cố gắng biết rõ ráo về khổ và lo chấm dứt khổ.

C7.1: Danh sắc.

Đại cương

Thế nào Danh sắc?

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

Có một đoạn trong kinh Đoạn tận ái số 38 cho biết Danh sắc là bào thai có sự sống trong bụng mẹ.

Bài kinh 1 - Nhập thai

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ẩm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Đoạn kinh về Bồ tát nhập thai.

Có một đoạn trong kinh Trung bộ số 123 viết về Bồ tát nhập thai..

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".

Tác giả phân tích.

Hương âm chính là thức trong 12 nhân duyên. Thai chính là vật chất thô sơ. Bồ tát nhập thai chính là thức cũ của Bồ tát vào thai. Kết hợp lại thành Danh sắc

Một sự sống của loài hữu tình phải có Danh thuộc về tâm và sắc là đất, nước, gió lửa. Vì vậy ở giai đoạn đầu hình thành có hai giác quan là thân căn và ý căn rõ nét nhất còn mũi, miệng tai xuất hiện vào tuần thứ 6. Tuần thứ 19 xuất đầy sáu giác quan. Tuy có sáu nội xứ mới trong bụng mẹ nhưng sáu ngoại xứ mới cũng đơn giản nên phát sanh sáu cái biết mới cũng đơn giản.

C7.1.1: Danh.

Tác giả phân tích.

Danh gồm có: Thọ, tướng, tư, xúc, tác ý;

Sau 19 tuần thì đứa bé trong bụng mẹ nặng 240gr có đầy đủ sáu giác quan nên phát sanh ra đầy đủ sáu thọ.

Tướng là pháp tướng, xúc tướng, thanh tướng, sắc tướng, hương tướng, vị tướng.

Tư là pháp tư, xúc tư, thanh tư, hương tự, vị tư, sắc tư còn gọi là hành

Xúc là thân xúc, ý xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, nhãn xúc..

Tác ý là hướng dẫn tâm vào một đối tượng nào đó.

C7.1.2: Sắc (vật chất).

Sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Bốn đại chủng là đất, nước, gió, lửa.

Tuần thứ 2: Thụ thai

Vào tuần này, người phụ nữ vừa rụng trứng. Trứng được thụ tinh trong vòng 12-24 giờ sau khi tinh trùng gặp được trứng. Nếu mọi việc suôn sẻ, sự kiện sinh học đơn giản này bắt đầu một loạt các quá trình càng lúc càng phức tạp hơn tạo nên một con người mới. Suốt nhiều ngày tiếp theo, trứng đã được thụ tinh sẽ tiếp tục phân chia thành nhiều tế bào trong lúc nó đi chuyển xuống ống dẫn trứng, đi vào tử cung và bắt đầu xâm nhập vào lớp niêm mạc tử cung.

Tuần thứ 6

Mũi, miệng và tai của bé bắt đầu định hình, ruột và não cũng bắt đầu phát triển. Bé có kích thước 4-7mm (bằng hạt đậu xanh).

Tuần thứ 19

Các giác quan của bé - mũi, mắt, thân, lưỡi và tai - đang phát triển và bé có thể nghe được giọng nói của mẹ. Mẹ có thể nói chuyện, hát hoặc đọc to cho bé nghe nếu mẹ thích.

Em bé của mẹ có trọng lượng khoảng 240 gram.

Tuần thứ 40

Trọng lượng trung bình của trẻ sơ sinh từ 38-40 tuần của người Nam Á khoảng 3.2 kg- 3.3kg. Nguồn từ (<https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/san-phu-khoa-a-va-ho-tro-sinh-san/qua-trinh-thai-nhi-hinh-thanh-va-phat-trien-theo-tung-tuan/>).

Theo khoa học đứa bé sẽ có đầy đủ sáu giác quan sau 19 tuần tức là 4 tháng rưỡi. Như vậy đức Phật với Thiên nhãn minh vào thời đó đã biết trong bụng mẹ khoảng 19 tuần có đầy đủ sáu giác quan.

Kết luận về Danh sắc.

Theo kinh Nikaya dịch Việt, Danh sắc chính là một bào thai có sự sống đã vừa chớm hình thành trong bụng người mẹ. Sự sống con người đã bắt đầu rất vi tế mà mắt thường của chúng ta không thể thấy và ngay cả khoa học dùng ultrasound (siêu âm) mới thấy được và đến tuần thứ 19 thì có đầy đủ sáu giác quan nhưng khi ra khỏi bụng mẹ gọi là sáu nội xứ hay lục nhập.

Không có gì ngạc nhiên, Đức Phật đã nói thức quá khứ sanh ra danh sắc (sáu giác quan còn nhỏ) và khi có danh sắc hiện tại sanh ra sáu thức hiện tại. Tuy nhiên sáu giác quan trong bụng mẹ chỉ nhập các cảnh còn thô sơ nên sanh ra 6 cái biết đơn giản nhưng khi ra khỏi bụng mẹ bắt đầu khôn lớn do nhập nhiều sanh ra phiền não nhiều.

C7.2: Lục nhập

Đại cương

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

- *Thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ. (kinh tương ưng 2)*
- *Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về xứ?"*

Này Ananda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về xứ". (kinh trung bộ 115).

- Sáu ngôi làng trống không và sáu tên cướp phá làng.

14) Ngôi làng trống không, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Này các Tỳ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Này các Tỳ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và

không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và không khả ái. Nay các Tỳ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái. (Trích từ kinh Tương ưng 4 -Rắn độc).

Tác giả phân tích.

Sáu nội xứ đã thành hình trong bụng mẹ nhưng mắt thường chúng ta không thấy. Với Thiên nhãn minh mà Đức Phật đã thấy bào thai đã hình thành sáu giác quan đầy đủ trong bụng mẹ vào tuần thứ 19 từ khi thụ thai. Sau đó đứa bé lọt ra khỏi bụng, sáu giác quan bắt đầu nhập sáu ngoại xứ đầy đủ. Sự hiểu biết bắt đầu phát triển theo thời gian cho đến 20 tuổi gọi là tuổi trưởng thành.

Lục nhập là điểm bắt đầu của cuộc đời của chúng ta. Ít người nhận thấy rằng sáu giác quan rất quan trọng. Vì những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp nhập vào tâm sẽ tạo thành sáu cái biết. Chính sáu biết này mà Đức Phật đã dạy trong kinh Tăng chi ba pháp là những hạt giống và sẽ trở thành những quả tốt hay quả xấu. Tác giả có kinh nghiệm khi nhập vào những hạt giống xấu đã trở thành quả xấu đúng 100/100. Tuy nhiên để thoát khỏi tam giới hay chấm dứt luân hồi thì duyên Sắc và duyên Thanh cực kỳ quan trọng. Theo tác giả nhận xét rằng con người ngày nay nhập những thông tin cảnh Sắc tức là văn tự kinh hoặc thông tin cảnh Thanh tức là những lời giảng trên youtube hay facebook không phải là những hạt giống đưa đến chấm dứt luân hồi mà chỉ là những hạt giống đưa đến luân hồi đau khổ lâu dài.

Đoạn kinh trên đã nêu ra những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp là sáu tên phá lạng là vậy. Nếu những

ai sanh ra đời mà nhập được Tứ Thánh đế mà Tập đế là 12 Nhân duyên và Đạo đế là Bát Thánh đạo. Quý vị có cơ hội thoát khỏi sanh tử.

Sáu nội xứ chính (sáu ngôi làng trống không) sẽ bị sáu tên phá làng (chính là sáu ngoại xứ) xâm hại. Vì vậy khi mắt thu vào cảnh sắc như kinh sách, tai thâu vào những âm thanh như những vị giảng pháp phải cẩn thận. Nếu không, chính những kinh sách thâu vào tâm, chính những âm thanh thâu vào tâm sẽ trở thành những những tên cướp phá làng tức là hại tâm chúng ta. Dĩ nhiên chúng ta vẫn thâu vào tâm những gì cần thiết.

C7.2.1: Mắt & Sắc

Nguyên văn kinh Trung bộ số 38. "*Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Nay các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi.*"

Tác giả phân tích.

Mắt là cơ quan hay công cụ, như một kính hội tụ có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâu vào những gì mà mắt thấy để sanh ra nhãn thức như đoạn kinh trên và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra như lửa củi.

Sắc là đối tượng của mắt, những cái gì mắt thấy được gọi là sắc. Thông thường sắc là hình dáng, hình tướng của con người hay của sự vật hay cảnh thiên nhiên hay thực vật. Sắc là sự vật có thật liên hệ đến vật chất.

Nếu sắc là kinh sách không phải là vật thật nên cẩn thận khi nhập vào mắt vì nó sẽ sanh ra phiền não vì nó chỉ là những ký tự không phải sự vật thật. Khi đọc kinh sách cần chứng nghiệm danh từ đó có

biểu thị sự thật hay không? Những vị nào thường đọc sách sẽ sanh ra cái tưởng tượng rất nhiều nên nghĩ mình biết cái này, biết cái kia nhưng thật ra những cái tưởng đó không đúng với thực tại. Những tai hại do đọc kinh sách rất nhiều còn cái lợi có nhưng rất ít. Hãy đọc kinh sách ít nhưng cần chứng nghiệm chứ không phải ngồi tưởng hay tin vào kinh sách sẽ hại cho bản thân.

C7.2.2: Tai & Thanh

Nguyên văn kinh Pali - Việt: "*Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Duyên vô sở đắc, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vô sở đắc.*"

Tác giả phân tích.

Tai là cơ quan hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thu vào những gì mà tai nghe được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức.

Thanh là đối tượng của tai, những gì tai nghe được gọi là thanh. Thông thường thanh là tiếng nói hay âm thanh từ con người hay từ dụng cụ như kèn, trống, đàn v.v..

Thanh là có thật liên hệ đến vật chất.

C7.2.3: Mũi & Hương

Nguyên văn kinh Pali - Việt: "*Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Duyên sở đắc, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa sở đắc.*"

Tác giả phân tích.

Mũi Là cơ quan hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thấm vào những gì mà mũi ngửi được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức.

Hương là đối tượng của mũi. Hương là mùi hay hương bốc ra từ động vật hay thực vật hay các hoá chất sẽ thấm vào tâm qua cửa sổ mũi và lưu trữ trong tâm chỉ là những ảnh thôi.

Hương có thật liên hệ vật chất.

C7.2.4: Lưỡi & Vị

Nguyên văn Kinh Pali - Việt. "*Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò.*"

Tác giả phân tích.

Lưỡi là cơ quan con người có nhiệm vụ nhập vị đưa vào tâm qua lưỡi, từ đó phát sanh ra cái biết của lưỡi. Vị là có thật liên hệ đến vật chất.

Vị là cay, đắng, ngọt, chua, mặn, lạt của động vật hay thực vật toát ra từ vị sẽ đưa vào tâm qua cửa sổ lưỡi và ghi lại chỉ là những ảnh thôi.

C7.2.5: Thân & Xúc

Nguyên văn kinh Pali - Việt. "*Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu.*"

Tác giả phân tích.

Xúc là mềm, cứng, nóng, lạnh phát ra từ sự vật hay con người sẽ thâm vào tâm qua cửa sổ thân và chỉ ghi lại những hình ảnh thôi.

Thân là cơ quan con người có nhiệm vụ thâm vào cảnh xúc đưa vào tâm để sinh ra cái biết của thân. Xúc là có thật liên hệ đến vật chất.

C7.2.6: Ý & Pháp

Nguyên văn kinh Pali - Việt. "*Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Duyên đồng rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đồng rác.*"

Tác giả phân tích.

Pháp là ảnh của sắc, là ảnh của thanh, là ảnh của hương, là ảnh của vị, là ảnh của xúc mà đã thâm vào tâm qua năm cửa sổ kia. Như vậy pháp là năm ảnh đã được thâm vào tâm qua năm giác quan.

Ý là cơ quan của con người có nhiệm vụ nhập pháp vào tâm để sanh ra ý thức..

C7.2.7: Tà kiến và Chánh kiến

Tác giả phân tích.

Thông thường muốn biết người nào có Chánh kiến hay Tà kiến cần phải biết có nguyên nhân gần và nguyên nhân xa. Theo Lý duyên khởi cho biết Chánh kiến hay tà kiến sanh ra từ chỗ nào, hãy quan sát Lý duyên khởi sẽ thấy.

Vô minh ► Hành ► Thức ► Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ ► Ái ► Thủ

C7.2.7.1: Tà kiến

Thủ là nắm giữ, kiến thủ là nắm giữ những quan điểm sai lầm. Kiến thủ cũng là tà kiến. Nguyên nhân gần nhất của thủ là duyên Ái. Nguyên nhân xa hơn nữa là duyên Lục nhập. Nguyên nhân xa nhất là duyên Hành. Như vậy nếu quá khứ mà tà kiến sẽ dẫn đến duyên lục nhập như mắt nhập kinh sách tà kiến hoặc tai nhập những lời giảng tà kiến dẫn đến sắc ái và thanh ái cuối cùng thành kiến thủ (tà kiến).

Cách bỏ tà kiến duy nhất là quan sát Lý duyên khởi biết rằng từ duyên lục nhập sanh khởi ra thức, từ thức duyên khởi ra xúc, từ xúc duyên khởi ra thọ, từ thọ duyên khởi ra ái, từ ái duyên khởi ra kiến thủ. Nếu ai thấy được như vậy tà kiến sẽ biến mất.

Trong Phật giáo ngày nay có những người nhân danh là đệ tử Phật nhưng có tà kiến do duyên nhập kinh mà không phải do một Đức Phật Toàn giác thuyết rồi đọc kinh đó lâu ngày sinh ra thọ lạc rồi sinh ra ái rồi sinh ra kiến thủ. Từ cái tưởng đó và cho rằng kinh đó là chân lý, là đúng vì không biết lý duyên khởi. Hơn nữa không chứng nghiệm những gì Đức Phật đã thuyết mà chỉ tin vào những lời trong kinh một cách mù quáng nên tà kiến sanh khởi. Học Phật cần phải chứng nghiệm chứ không phải tin nhưng đa số chỉ tin vì vậy trong đạo Phật có những người nhân danh là Phật tử mà tà kiến quá nhiều là vậy.

Tất cả ai học Phật cần quan sát duyên lục nhập đặc biệt là mắt và tai lúc ban đầu nhập những dữ kiện, những thông tin từ sắc (kinh, sách, mạng ..), từ âm thanh (những lời giảng, những máy phát ra tiếng v.v.). Những thông tin đó biến thành cái biết rồi chuyển đổi qua Xúc rồi tiếp tục chuyển qua cảm thọ lạc rồi tiếp tục chuyển qua Sắc Ái (ưa thích) thông tin đó rồi chuyển qua chấp chặt vào những kinh

sách đã được nhập vào mắt hay vào tai mà không hay biết rằng mình đã có tà kiến.

C7.2.7.2: Chánh kiến

Nếu sanh ra trong đời này mà nhập được Tứ Thánh đế là có chánh kiến, nếu không có chánh kiến là vô minh thì luân hồi dài dài trong tam giới. Người Việt nam may mắn có năm bộ kinh Nikaya theo thời gian sẽ có nhiều người học được Tứ Thánh đế sẽ có chánh kiến sanh khởi.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

(III) (93) Kiến

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn Anàthapindika. Bấy giờ có Gia chủ Anàthapindika, vào buổi sáng thật sớm đi ra khỏi Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Rồi Gia chủ Anàthapindika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang Thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các vị Tỳ-kheo đang tu tập về ý, các Tỳ-kheo tu tập về ý đang Thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo". Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy Gia chủ Anàthapindika từ xa đi đến, khi thấy vậy liền dặn dò bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả chớ có làm ồn, các Tôn giả. Gia chủ Anàthapindika này đang đến, một đệ tử của Sa-môn Gotama, trong những đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình mặc áo trắng ở Sàvatthi, Gia chủ Anàthapindika là một trong những vị ấy. Các vị ấy ít ưa ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn

ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây". Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến các du sĩ đạo ấy, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

- Này Gia chủ, hãy nói lên Sa-môn Gotama có kiến gì?
- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của Thế Tôn.
- Này Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama. Nhưng này Gia chủ, hãy nói các Tỳ-kheo có kiến gì?
- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỳ-kheo.
- Này Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của các Tỳ-kheo. Vậy này Gia chủ, hãy nói về kiến của Gia chủ.
- Thưa các Tôn giả, thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi. Nhưng các Tôn giả hãy trả lời về kiến của các Tôn giả trước. Rồi sau thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi.

4. Khi được nói vậy, một du sĩ ngoại đạo nói với Gia chủ Anàthapindika: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anàthapindika: "Vô thường là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Như vậy là kiến của tôi." Rồi một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anàthapindika: "Có biên tế là thế giới... không có biên tế là thế

giới... mạng sống và thân thể là một... mạng sống và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi".

5. Khi nghe nói vậy, Gia chủ Anàthapindika nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

- Thừa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hay do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến ấy như vậy được sanh, được tác thành (hữu vi) do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp trước (dính vào); cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp nhận. Thừa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Vô thường là thế giới này... có biên tế là thế giới này... không biên tế là thế giới này...sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến như vậy được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái (khổ) ấy, Tôn giả chấp trước; cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận.

6. Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anàthapindika:

- Nay Gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Nay Gia chủ, hãy nói lên kiến của Gia chủ là gì?

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy là "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Tôi có kiến như vậy, thưa các Tôn giả.

- Nay Gia chủ, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy, nay Gia chủ, Gia chủ lại chấp trước, cái ấy, nay Gia chủ, Gia chủ lại chấp nhận.

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy là như thật khéo thấy với chánh trí tuệ. Và từ nơi khổ ấy, tôi như thật rõ biết sự xuất ly hơn thế nữa.

Khi nghe nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói lên lời.

7. Rồi Gia chủ Anàthapindika, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói lên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Gia chủ Anàthapindika, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào, đều thuật lại tất cả cho Thế Tôn rõ.

- "Lành thay, lành thay, này Gia chủ. Như vậy, này Gia chủ, những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp". Rồi Thế Tôn với một bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Gia chủ Anàthapindika. Rồi Gia chủ Anàthapindika, sau khi được Thế Tôn với bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi Gia chủ Anàthapindika ra đi không bao lâu, bảo các vị Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào dầu đã được đầy đủ 100 năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo, với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như Gia chủ Anàthapindika đã khéo bác bỏ.

Tác giả phân tích.

C7.2.8 Kết luận về duyên Lục nhập.

Lục nhập còn gọi sáu nội xứ vừa lọt lòng mẹ nặng vài ký chưa biết gì nhiều và cùng lúc cũng có sáu ngoại xứ đồng hành. Vì vậy sáu nội xứ không thể tự đứng một mình luôn luôn đi chung với sáu ngoại xứ. Từ duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ tạo thành sáu cái biết còn gọi là sáu hạt giống. Điều này ít ai biết nên vô tình nhập sáu ngoại xứ nhiều quá nên có kết quả xấu nhiều về sau. Tất cả con người đã sanh trong kiếp này, từ bé đã vô tình hay cố ý do người khác cố ý cho nhập vào nên dính chặt vào những gì đã nhập và phải đi luân hồi lâu dài.

Người học Phật nên quan sát do duyên Lục nhập sẽ sanh ra bốn thủ. Nếu thấy được, biết được thì sự chấp thủ từ từ biến mất. Nếu không thấy, không biết tiến trình này thì sự chấp thủ sẽ không biến mất

được. Duyên lục nhập là nơi sẽ tháo ra hay cột chặt vào sáu cảnh bên ngoài vì vậy chúng ta cần chiêm nghiệm nhiều từ duyên Lục nhập cho đến Thủ.

Thông thường khi ai sanh ra đời cũng có sáu giác quan hay sáu nội xứ tự động sẽ nhập vào tâm qua sáu nội xứ nên có thể hiểu là Lục nhập vì tự động nhập sáu cảnh vào tâm mà không hay biết. Đây là bước đầu con người học hỏi sáu cảnh bên ngoài để sanh ra sáu cái biết. Từ cái biết này sẽ phát triển thành duyên xúc, thành duyên thọ, thành duyên ái, thành duyên thủ. Một khi thành Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ thì khó mà thay đổi những sự chấp thủ của những người không biết vì sao sự chấp thủ sanh khởi.

Làm thế nào để biết duyên Thủ thành hình như thế nào? Quý vị cần quan sát những đứa trẻ sanh ra đời có sự hiểu biết rất ít nhưng những đứa trẻ này sẽ có sự hiểu biết tăng lên theo thời gian cho đến khi trưởng thành. Như vậy những hạt giống hiểu biết ban đầu đã chín muồi gọi là Thanh niên có thể đi làm và lập gia đình.

Tương lai chúng ta lệ thuộc những hạt giống thiện hay những hạt giống ác, hay những kinh văn không giải thoát, hay những kinh văn giải thoát sẽ trở thành những quả chín để thọ hưởng những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ. Theo tác giả những Phật tử Việt nam đã gieo vào tâm những kinh văn không đưa đến giải thoát. Lý do trong những kiếp sống quá khứ đã có tà kiến và tiếp tục có tà kiến đời này.

Những hành giả hôm nay không nhận ra tà kiến hay chính kiến do ban đầu đã nhập văn tự kinh có giải thoát hay không? Nếu không nhận ra Lục nhập sanh ra chánh kiến hay tà kiến. Chuyện học Phật pháp xem như chấm dứt.

Duyên lục nhập này rất quan trọng nếu những hành giả không nhận biết thì rất khó tu tập và khó bỏ được dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ,

giới cảm thủ. Đặc biệt duyên thọ sanh khởi mà không biết vì sao có thọ lạc hay thọ khổ. Thông thường những ai không học lý 12 Nhân duyên rất khó phá tan sự chấp thủ. Nguyên nhân xa sanh thủ chính là duyên lục nhập như giáo dục một đứa trẻ thành người tốt hay xấu tùy vào lúc còn trẻ đến khi trưởng thành nhập những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp vào tâm qua cửa sổ mắt, qua cửa sổ tai, qua cửa sổ mũi, qua cửa sổ lưỡi, qua cửa sổ thân, qua cửa sổ ý. Những cảnh bên ngoài sẽ tàn phá sáu cái làng trống nên nhập nhiều hại nhiều hơn là lợi. Hành giả Phật giáo nên biết như vậy chỉ nhập cái gì cần thiết như bài kinh lá rừng Simsapa nói Tứ Thánh đế cần phải biết để chấm dứt khổ. Nếu không biết nhập vào sáu làng trống với những chiếc lá trong rừng mà không phải những chiếc lá trong nắm tay sẽ không giúp cho sự giải thoát chỉ kéo dài sự luân hồi.

C7.3: Thức hiện tại.

Đại cương

Trong 12 nhân duyên có hai thức: Một là thức quá khứ do duyên sáu nội xứ cũ với sáu ngoại xứ cũ. Hai là thức hiện tại do duyên sáu nội xứ hiện tại với sáu ngoại xứ hiện tại. Sáu thức quá khứ đã bàn thảo trong Chương sáu: Nghiệp cũ, Chương bảy: Quả khổ hiện tại bàn về sáu thức hiện tại.

Nguyên văn kinh Pali -Việt

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi Duyên vỏ gổ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đồng rác, lửa

sanh, lửa ấy gọi là lửa đông rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

C7.3.1: Nhãn thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Nhãn thức là gì? Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với sắc lần thứ nhất, cảnh sắc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mắt và duyên với cảnh sắc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mắt gọi là nhãn thức. Duyên mắt và sắc sanh cái biết của mắt là vậy. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hoặc như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mắt thấy sắc. Nhãn thức khác với sắc tưởng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt nhãn thức và sắc tưởng vì là hai uẩn (Tưởng, Thức) này trong 5 uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Nếu không phân biệt thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về nhãn thức.

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi;

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Củi dụ cho mắt, lửa tượng trưng cho Thức, lửa củi là nhãn thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có củi thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mắt thì cái biết biểu lộ ra qua mắt nên có tên là nhãn thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với củi thì lửa sanh khi hết củi thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu thì không áp dụng. Tương tự duyên mắt với sắc sanh khởi nhãn thức khi mắt không có thì nhãn thức diệt. Nhãn thức sẽ không có nếu không có mắt hoặc không có sắc. Như vậy nhãn thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mắt và sắc.

C7.3.2: Nhĩ thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Nhĩ thức là gì? Do duyên tai và các thanh, thức sinh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với thanh lần thứ nhất, cảnh thanh được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan tai và duyên với cảnh thanh lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức. Duyên tai và thanh sanh cái biết của tai. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi tai nghe âm thanh. Nhĩ thức khác với thanh tượng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt nhĩ thức và thanh tượng vì là hai uẩn này trong 5 uẩn. Nếu không phân biệt thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về nhĩ thức. Nay các Tỳ-kheo, duyên vỏ gõ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Vỏ gõ bào dụ cho tai, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa vỏ bào là nhĩ thức. Như vậy lửa ở

đâu không biết nhưng có vỏ bào thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có tai thì cái biết biểu lộ ra qua tai nên có tên là nhĩ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với vỏ bào thì lửa sanh khi hết vỏ bào thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên tai với thanh sanh khởi nhĩ thức khi tai không có thì nhĩ thức diệt. Nhĩ thức sẽ không có nếu không có tai hoặc không có âm thanh. Như vậy nhĩ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ tai và thanh.

C7.3.3: Tỷ thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tỷ thức là gì? Do duyên Mũi và Hương, thức sinh, và thức ấy có tên là tỷ thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với hương lần thứ nhất, cảnh hương được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mũi và duyên với cảnh hương lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức. Duyên mũi và hương sanh cái biết của mũi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mũi ngửi hương. Tỷ thức khác với hương tưởng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt tỷ thức và hương tưởng vì là hai uẩn này trong 5 uẩn. Nếu không phân biệt thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về tỷ thức.

Này các Tỳ-kheo, duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Trấu dụ cho mũi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa trấu là tỷ thức. Như vậy lửa ở đâu không

biết nhưng có trấu thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mũi thì cái biết biểu lộ ra qua mũi nên có tên là tỷ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với trấu thì lửa sanh khi hết trấu thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên mũi với hương sanh khởi tỷ thức khi mũi không có thì tỷ thức diệt. Tỷ Thức sẽ không có nếu không có mũi hoặc không có hương. Như vậy tỷ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mũi và hương.

C7.3.4: Thiệt thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thiệt thức là gì? Do duyên Lưỡi và Vị, thức sinh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với Vị lần thứ nhất, cảnh vị được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan lưỡi và duyên với cảnh vị lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh với hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của lưỡi gọi là thiệt thức. Duyên lưỡi và vị sanh cái biết của lưỡi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi lưỡi nếm vị. Tỷ thức khác với vị tưởng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt thiệt thức và vị tưởng vì là hai uẩn này trong 5 uẩn. Nếu không phân biệt được thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về thiệt thức. Đây các Tỷ-kheo, duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Cỏ dụ cho lưỡi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa cỏ là thiệt thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có cỏ thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có lưỡi thì cái biết biểu lộ ra qua lưỡi nên có

tên là thiệt thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với cỏ thì lửa sanh khi hết cỏ thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên lưỡi với vị sanh khởi thiệt thức, khi lưỡi không có thì thiệt thức diệt.

Thiệt Thức sẽ không có nếu không có lưỡi hoặc không có vị. Như vậy thiệt thức chỉ sanh khởi khi hội đủ lưỡi và vị.

C7.3.5: Thân thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thân thức là gì? Do duyên thân và xúc, thức sinh, và thức ấy có tên là thân thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với xúc lần thứ nhất, cảnh xúc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan thân và duyên với cảnh xúc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của thân gọi là thân thức. Duyên thân và cảnh xúc sanh cái biết của thân. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi thân duyên với xúc. Thân thức khác với xúc tướng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt thân thức và xúc tướng vì là hai uẩn này trong 5 uẩn. Nếu không phân biệt được thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về thân thức. *Này các Tỳ-kheo, duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò.*

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Phân bò dụ cho thân, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa phân bò là thân thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có phân bò thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có thân thì cái biết biểu lộ ra

qua thân nên có tên là thân thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với phân bỏ thì lửa sanh khi hết phân bỏ thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên thân với cảnh xúc sanh khởi thân thức khi thân không có thì thân thức diệt. Thân Thức sẽ không có nếu không có thân hoặc không có xúc. Như vậy thân thức chỉ sanh khởi khi hội đủ thân và xúc.

C7.3.6: Ý thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Ý thức là gì? Do duyên ý và pháp, thức sinh, và thức ấy có tên là ý thức.

Tác giả phân tích.

Duyên với pháp lần thứ nhất, cảnh pháp được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan ý và duyên với cảnh pháp lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của ý gọi là ý thức. Duyên ý và pháp sanh cái biết của ý. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi ý duyên với pháp. Ý thức khác với pháp tướng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt ý thức và pháp tướng. Nếu không phân biệt thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về ý thức. Nay các Tỳ-kheo, duyên đồng rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đồng rác.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Đồng rác dụ cho ý, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa đồng rác là ý thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có đồng rác thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có ý thì cái biết biểu lộ ra qua ý nên có tên là ý thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt

đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với đồng rác thì lửa sanh, khi hết đồng rác thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên ý với pháp sanh khởi ý thức khi ý không có thì ý thức diệt.

Ý Thức sẽ không có nếu không có ý hoặc không có pháp. Như vậy ý thức chỉ sanh khởi khi hội đủ ý và pháp.

C7.3.8 Kết luận về duyên Thức.

Thức phát sinh do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Duyên này rất quan trọng. Nếu những người học Phật không rõ biết duyên Thức thì xem như không hiểu toàn bộ Giáo Pháp mà Đức Phật đã dạy. Tự tâm không tồn tại được mà tâm cần duyên cả hai (nội xứ và ngoại xứ) thì Thức mới hình thành nhưng nhiều người lầm tưởng Thức tự đứng độc lập. Thức là những hạt giống gồm có hạt giống thiện và hạt giống ác. Vì vậy khi sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ phát sanh ra sáu cái biết tức thì biến thành những hạt giống phát triển thành những quả chín muồi. Đây là những thành quả hiểu biết của con người về những gì đã nhập tạo thành trí tuệ về nhiều lãnh vực khác nhau liên hệ về thiện và ác. Có trí tuệ sáng chế vũ khí, hiểu biết về binh pháp như Tôn Tử Binh Pháp thuộc về ác. Có trí tuệ do nhập vào và phát triển thành trí tuệ chín muồi liên đến thiện như trí tuệ về biết cách xây cầu, xây nhà v.v.. thuộc về thiện. Tuy nhiên những trí tuệ như thế không giúp con người thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết mà cứ luân hồi lâu dài. Có một trí tuệ siêu việt giúp con người hết khổ đau nữa mà cần nhập vào mắt để phát triển viên mãn chính là Tứ Thánh đế, Lý Duyên khởi và bát Thánh đạo. Nhưng có rất nhiều người trong Phật giáo không quan tâm đến trí tuệ siêu việt này để thoát khỏi tam giới mà chạy theo những sự hiểu biết bao la như lá trong rừng và cho rằng chúng sẽ giúp con người thoát khỏi khổ đau. Đây là những sai

lớn nhất của những Phật tử có niềm tin vào một trí tuệ khác sẽ chấm dứt khổ đau như vậy hoàn toàn không có.

Bây giờ chúng sanh vô minh vẫn tin vào những gì do con người sáng tạo và tưởng tượng có hàng ngàn cách tu khác nhau có thể chấm dứt khổ. Đức Phật đã tuyên bố như sau:

"Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường."

C7.3.8 Nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt.

Nguyên văn từ kinh Pali - Việt từ kinh Tăng chi ba pháp.

76.- Hiện Hữu

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu?

- Này Ananda, nếu không có hành động (nghiệp) và sự chín muồi của dục giới thời dục hữu có thể trình bày được không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên

thức được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

2.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

3.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của vô sắc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

Tác giả phân tích.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khi được thâm vào tâm qua sáu nội xứ biến thành 6 thức là sáu hạt giống. Những thông tin bất thiện hoặc thiện được vào tâm sẽ biến thành những hạt giống thiện hoặc hạt giống bất thiện. Vì vậy lúc còn trẻ mà thâm vào những hạt giống bất thiện thì về sau sẽ trở ra những quả bất thiện. Nếu lúc trẻ mà thâm vào những hạt giống thiện thì đời này hay đời sau sẽ có những quả thiện.

Nếu sắc là ký tự, là văn tự như những kinh sách được viết lại bằng những mẫu tự A, B, C.v.v.. có thể chia làm hai loại: Văn tự kinh giải thoát và văn tự kinh không giải thoát.

C7.3.8.1 Văn tự kinh không giải thoát.

Những lời trong kinh thường phải biểu thị những sự vật hay những trạng thái có thật nhưng văn tự kinh chỉ viết ra những văn tự không biểu thị những sự thật đang có. Như vậy sự hiểu biết sẽ là những hạt giống lép hay xấu không thể giúp cho chúng sanh giải thoát được. Loại kinh sách này do tưởng tượng viết ra văn tự rất nhiều ở Việt nam và Thế giới. Từ ngày đầu tiên vào Sài gòn khoảng tháng 7/1973 cho đến tháng 1/2021. Tác giả đã đọc đủ kinh sách thuộc về tôn giáo hay thuộc về thế gian mà chúng thuộc loại hạt giống không đưa đến giải thoát và cũng có loại hạt giống đưa đến giải thoát. Tự mỗi hành giả xem xét mình sau khi nhập những hạt giống kinh đó mà tham, sân, si không hoàn toàn diệt là biết được hành giả đã nhập toàn là những hạt giống xấu nên từ bỏ những kinh sách thuộc loại hạt giống không chấm dứt khổ đau.

Ngày nay có nhiều kinh sách hay video giảng toàn là những hạt giống không dẫn đến giải thoát. Tại sao như vậy? Theo Lý Duyên khởi là do duyên Vô minh và Hành thuộc quá khứ của chúng sanh nên sanh ra trong thời đại này. Họ chỉ thích theo tà đạo hay theo tà kiến để luân hồi.

C7.3.8.2 Văn tự kinh đưa đến giải thoát.

Những lời trong kinh phải biểu thị những gì có thật trên đời này và mọi người có thể kiểm chứng hoặc chứng nghiệm được. Ví dụ Đức Phật nói Khổ, nói khổ Tập, nói khổ Diệt, nói khổ diệt Đạo. Có nghĩa là những văn tự này đang biểu thị bốn sự thật mà mọi người có thể chứng nghiệm được. Nhưng rất tiếc chúng sanh thời nay vô minh

hiều nên chỉ có một số theo Chánh kiến là biết rõ Tứ Thánh đế. Đa số không tin Tứ Thánh đế là tối thượng nên chạy theo những gì mà Đức Phật không thuyết. Vì do nghiệp cũ của họ nên sanh ra quả tà kiến hiện tại. Họ chỉ học tà kiến vì phù hợp với họ.

Những văn tự kinh nhập vào tâm qua mắt hay qua tai phải là Tứ Thánh đế mà khổ Tập là 12 nhân duyên và khổ diệt Đạo đế là Bát Thánh đạo. Đây là những hạt giống sẽ chín muồi và giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau và chấm dứt luân hồi.

Chia buồn cho những ai vô tình hay cố ý nhập kinh văn vào tâm qua mắt hay qua tai là những hạt giống đi luân hồi. Tự mỗi người cố gắng suy tư Thức là hạt giống, Nghiệp là thửa ruộng, Ái là nhuận ướt sẽ giúp hiểu được tác giả muốn nói gì.

C7.3.8.3 Suy tư là nghiệp.

Khi tâm được nhập vào những hạt giống (thức) nhưng nếu không có thửa ruộng thì hạt giống sẽ không thể chín muồi được tức là không trở thành quả. Như vậy sau khi đã có thức (hạt giống) cần suy tư thì hạt giống mới chín được. Vì lý do này hằng ngày suy tư nhiều về Tứ Thánh đế, 12 nhân duyên và Bát Thánh đạo. Thức sẽ chín muồi. Hành giả sẽ hiểu và chứng ngộ Niết Bàn.

C7.3.8.4 Ái là nhuận ướt.

Hạt giống cần tưới nước sẽ chín muồi sớm nếu được nhuận ướt hằng ngày. Hành giả cần ưa thích Tứ Thánh đế. Nếu không hằng hái thì hạt giống sẽ trở quả chậm.

C7.4 Duyên Xúc

Đại cương

Nghĩa chữ Xúc là sự xúc chạm giữa một vật này và một vật khác. Ví dụ hai bàn tay xúc chạm nhau vậy. Khi tìm hiểu duyên xúc theo sự tương tri của những vị giảng sư không nên mà cần chứng nghiệm từ ngữ "Xúc" thì việc học Phật sẽ có kết quả tốt.

Đoạn kinh về duyên Xúc trích từ Trung bộ 148.

Nguyên văn kinh Pali -Việt.

Thế nào là Xúc?

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Tác giả phân tích.

Dựa theo định nghĩa trên có thể hiểu do duyên lục nhập sanh khởi sáu thức, do duyên sáu thức sanh khởi sáu xúc. Đây là cách diễn đạt lại để dễ hiểu hơn. Xúc do sự gặp gỡ ba pháp này nhưng thật sự chỉ còn lại là sự xúc chạm giữa hai vế: Vế thứ nhất là tập hợp những ảnh

cũ mà đã được thâm vào tâm từ lúc nhỏ cho đến khi trưởng thành và về thứ hai là những ảnh mới mà mới vừa thâm vào tâm qua sáu giác quan. Cần quan sát và chứng nghiệm duyên Xúc.

Có sáu sự xúc chạm giữa sáu ảnh cũ và sáu ảnh mới mà thời gian khác nhau, không cùng một lúc:

Ý xúc đến tức thì vì không có khoảng cách giữa ý và pháp.

Nhãn xúc có khoảng cách giữa mắt và cảnh sắc. Ánh sáng mang cảnh sắc đến mắt nhanh nhất do tốc độ ánh sáng rất lớn nên cảnh sắc được đưa vào tâm quá nhanh mà nhiều người không nhận ra.

Nhĩ xúc có khoảng cách giữa tai và thanh do tốc độ âm thanh khá nhanh nên nhĩ xúc xảy ra khá nhanh.

Thân Xúc cũng nhanh vừa vì khoảng cách giữa thân và cảnh xúc khá gần.

Tỷ xúc cũng nhanh do tốc độ gió cũng nhanh nên thời gian để hương vào tâm không lâu.

Thiệt xúc là chậm nhất do tùy ta đưa vị vào lưỡi bằng đôi đũa khá chậm.

Duyên xúc luôn luôn có do vì đã có sáu nội xứ đã đưa vào tâm để lưu giữ sáu ảnh cũ (tích lũy từ nhỏ đến lớn) sẽ xúc chạm với cảnh mới của sáu ngoại xứ nhưng sự xúc chạm có thể giảm thiểu tới đa sẽ dẫn đến bớt khổ rất nhiều và sẽ giảm ái nhiều.

Ví dụ. Một người sống vùng quê hay trong rừng có những ngoại xứ rất đơn sơ. Nhưng đi lên thành phố lớn đồng nghĩa là tiếp xúc 6 ngoại xứ mới sẽ sinh ra những cảm thọ vui sướng nên tham ái sanh khởi.

Như vậy sự xúc chạm là giữa những ảnh đã chứa trong tâm và những cảnh mới vừa đưa vào vào tâm qua sáu giác quan hay sáu cửa sổ.

C7.4.1: Nhãn xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là nhãn xúc? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Tác giả phân tích.

Do duyên mắt và do duyên các sắc: Sắc được đưa vào tâm qua mắt lần thứ nhất gọi ảnh sắc một. Tương tự duyên với sắc lần thứ hai gọi là ảnh sắc 2. Tâm so sánh ảnh sắc 1 và ảnh sắc 2 sanh khởi nhãn thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh sắc cũ Khi duyên với sắc lần thứ ba gọi là ảnh sắc mới. Ảnh sắc mới này được đưa vào tâm qua mắt với tốc độ ánh sáng. Nó sẽ xúc chạm với ảnh cũ khởi lên nhãn xúc. Người học Phật nên biết có khoảng cách giữa mắt và sắc khi ảnh sắc được đưa đến mắt bằng tốc độ ánh sáng 300000km/s, cho nên mắt vừa thấy sắc, ảnh sắc mới xúc chạm với ảnh cũ cực nhanh. Nếu không nhận biết điều này tưởng nhãn xúc thế này thế kia không đúng vì vậy điều kiện để nhãn xúc sanh khởi cần có 2 vẻ: Vẻ thứ nhất là ảnh cũ và vẻ thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhãn xúc. Minh họa nhãn xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Ví dụ. Muốn có tiếng vỗ hai bàn tay cần sự xúc chạm giữa bàn tay trái và bàn tay phải, nếu chỉ có một bàn tay thì không có có tiếng phát ra. Tương tự nhãn xúc cũng giống như vậy.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như tác giả mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

C7.4.2: Nhĩ xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là nhĩ xúc? Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Tác giả phân tích.

Do duyên tai và do duyên các thanh: Thanh được đưa vào tâm qua tai lần thứ nhất gọi ảnh thanh 1, tương tự duyên với thanh lần thứ hai gọi là ảnh thanh 2. Tâm so sánh ảnh thanh 1 và ảnh thanh 2 sanh khởi nhĩ thức nhưng ảnh thanh 2 trở thành ảnh thanh cũ Khi duyên với thanh lần thứ ba gọi là ảnh mới. Ảnh thanh mới này được đưa vào tâm qua tai với tốc độ âm thanh, nó sẽ xúc chạm với ảnh cũ khởi lên nhĩ xúc. Người học Phật nên biết có khoảng cách giữa tai và thanh khi ảnh thanh được đưa đến tai bằng tốc độ âm thanh 343m/s, cho nên tai vừa nghe âm thanh, ảnh thanh mới xúc chạm với ảnh thanh cũ khá nhanh. Nếu không nhận biết điều này tưởng nhĩ xúc thế này, thế kia không đúng vì vậy điều kiện để nhĩ xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh thanh cũ và vế thứ 2 là ảnh thanh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhĩ xúc. Minh họa nhĩ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả cần chứng nghiệm nhĩ xúc có thật như vậy hay không mà không nên tin những gì đã mô tả.

C7.4.3: Tỷ xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là Tỷ xúc? Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Tác giả phân tích.

Do duyên mũi và do duyên các hương: Hương được đưa vào tâm qua mũi lần thứ nhất gọi ảnh hương 1, tương tự duyên với hương lần thứ hai gọi là ảnh hương 2. Tâm so sánh ảnh hương 1 và ảnh hương 2 sanh khởi tỷ thức nhưng ảnh hương 2 trở thành ảnh hương cũ. Khi duyên với hương lần thứ ba gọi là ảnh hương mới. Ảnh hương mới này được đưa vào tâm qua mũi với tốc độ gió, nó sẽ xúc chạm với ảnh cũ khởi lên tỷ xúc. Người học Phật nên biết có khoảng cách giữa mũi và hương, khi ảnh hương được đưa đến mũi bằng tốc độ gió, cho nên mũi ngửi được hương. Ảnh hương mới xúc chạm với ảnh cũ tương đối chậm. Nếu không nhận biết điều này tưởng tỷ xúc thể này thể kia không đúng vì vậy điều kiện để tỷ xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là Tỷ xúc. Minh họa tỷ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm.

C7.4.4: Thiệt xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào thiệt xúc? Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Tác giả phân tích.

Do duyên lưỡi và do duyên các vị: Vị được đưa vào tâm qua lưỡi lần thứ nhất gọi ảnh vị một, tương tự duyên với vị lần thứ hai gọi là ảnh vị 2. Tâm so sánh ảnh vị 1 và ảnh vị 2 sanh khởi thiệt thức nhưng ảnh vị 2 trở thành ảnh cũ khi duyên với vị lần thứ ba gọi là ảnh vị mới. Ảnh vị mới này được đưa vào tâm qua lưỡi với đưa hay với nuốt. Nó sẽ xúc chạm với ảnh vị cũ khởi lên thiệt xúc. Người học Phật nên biết có khoảng cách giữa lưỡi và vị khi ảnh vị được đưa

đến lưỡi bằng đôi đũa, cho nên lưỡi nếm được vị. Ảnh vị mới xúc chạm với ảnh vị cũ rất chậm. Nếu không nhận biết điều này tưởng thiết xúc thể này thể kia không đúng vì vậy điều kiện để thiết xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thiết xúc. Minh họa thiết xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm đúng hay không.

C7.4.5: Thân xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào thân xúc? Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Tác giả phân tích.

Do duyên thân và do duyên các xúc: Xúc được đưa vào tâm qua thân lần thứ nhất gọi ảnh xúc một. Tương tự duyên với thân lần thứ hai gọi là ảnh xúc 2. Tâm so sánh ảnh xúc 1 và ảnh xúc 2 sanh khởi thân thức nhưng ảnh 2 trở thành ảnh xúc cũ Khi duyên với xúc lần thứ ba gọi là ảnh xúc mới. Ảnh xúc mới này được đưa vào tâm qua thân bằng không khí hay bằng sức đẩy vật nào đó vào thân. Nó sẽ xúc chạm với ảnh xúc cũ khởi lên thân xúc. Người học Phật nên biết có khoảng cách giữa thân và xúc, khi ảnh xúc được đưa đến thân bằng gió mang không khí. Vì vậy thân vừa xúc cảnh xúc thì ảnh cảnh xúc mới xúc chạm với ảnh cảnh xúc cũ rất chậm. Nếu không nhận biết điều này tưởng thân xúc thể này thể kia không đúng vì vậy điều kiện để thân xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ 2 là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thân xúc. Minh họa thân xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

C7.4.6: Ý xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

*Thế nào là ý xúc? Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức.
Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.*

Tác giả phân tích.

Do duyên ý và do duyên các pháp: Pháp được đưa vào tâm qua ý lần thứ nhất gọi ảnh cảnh pháp một. Tương tự duyên với cảnh pháp lần thứ hai gọi là ảnh cảnh pháp 2. Tâm so sánh ảnh cảnh pháp 1 và ảnh cảnh pháp 2 sanh khởi ý thức nhưng ảnh cảnh pháp 2 trở thành ảnh cảnh pháp cũ. Khi duyên với cảnh pháp lần thứ ba gọi là ảnh cảnh pháp mới. Ảnh cảnh pháp mới này được đưa vào tâm qua ý tức thì. Nó sẽ xúc chạm với ảnh cảnh pháp cũ khởi lên ý xúc. Người học Phật nên biết không có khoảng cách giữa ý và cảnh pháp. Khi ảnh pháp được đưa đến ý tức thì không có thời gian. Vì vậy ý vừa xúc với cảnh pháp thì ảnh cảnh pháp mới xúc chạm với ảnh cũ tức thì. Nếu không nhận biết điều này tương ý xúc thế này thế kia không đúng vì vậy điều kiện để ý xúc sanh khởi cần có 2 vế: Vế thứ nhất là ảnh cảnh pháp cũ và vế thứ 2 là ảnh cảnh pháp mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là ý xúc. Minh họa ý xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

C7.4.7 Kết luận về duyên Xúc.

Thường trong kinh không có định nghĩa rõ ràng về duyên Xúc. Duy chỉ có bài kinh Trung bộ số 148 hoặc kinh Tương ưng 4-Sáu xứ có giải thích duyên nhãn xúc do sự hội tụ ba pháp: Sắc, Mất, Nhãn thức. Tương tự cho Nhĩ xúc, Thiệt xúc, Tỷ xúc, Thân xúc, ý xúc. Hậu thế không biết rõ về duyên Xúc rồi tự biên, tự diễn về duyên Xúc nên không đúng như Đức Phật đã dạy. Bản thân tác giả đã đi

tìm hiểu về duyên Xúc rất lâu mới hiểu được ý nghĩa duyên Xúc. Hồi mới học suy tư duyên Xúc mất gần 10 năm mới vỡ lẽ ra nên nhớ học phải đạt ý quên lời rất khó và cần có thời gian. Tác giả đã hiểu duyên Xúc ở trên.

Tóm tắt lại duyên Xúc là sự xúc chạm giữa những dữ kiện hoặc những hình ảnh hoặc những hiểu biết đã lưu trữ trong tâm từ khi lọt lòng mẹ đến khi trưởng thành và những thông tin mới hoặc những hình ảnh mới vừa được đưa vào tâm qua sáu giác quan.

C7.5: Thọ do duyên Xúc sanh

Đại cương

Thông thường một cảm thọ lạc hay một cảm thọ khổ chỉ xảy ra khi tiếp xúc sắc mới, thanh mới, hương mới, vị mới, xúc mới, pháp mới. Nếu không có sáu cảnh mới có nghĩa là những cảnh cũ đang hiện hữu chỉ có cảm thọ không khổ không lạc. Người học Phật cần quan sát khi có duyên xúc mới sẽ phát sanh cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ. Sau đó cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc. Quan sát và ghi nhớ sẽ xảy ra như thế.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Đây các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

Nguyên văn kinh trích từ kinh Tăng chi 10 pháp.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỳ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gì làm thương thú? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lỗi cây? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cánh? "

Được hỏi vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy có thể trả lời như sau: "Tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Tất cả pháp lấy định làm thương thú. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lỗi cây. Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập. Tất cả pháp lấy Niết-bản làm cứu cánh."

Tác giả phân tích.

Đoạn kinh trên trích từ kinh tạng chi 10 pháp cho biết rằng tất cả các pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Như vậy duyên thọ là quả khổ/lạc thuộc một trong bốn quả khổ hiện tại rất quan trọng. Nó là chỗ hội tụ mà chúng sanh nào cũng ghi nhận và biết được những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ. Nó cũng là cạm bẫy để chúng sanh bị sập vào để phải luân hồi. Những người học Phật cần chánh niệm duyên thọ để không sập vào cái bẫy này vì đa số những hành giả Phật giáo ít nhận ra duyên thọ là cái bẫy sập.

Theo Lý duyên khởi duyên thọ là duyên thứ 7 trong 12 nhân duyên.

Lý duyên khởi theo chiều thuận có nghĩa là đi từ duyên Vô minh thuận chiều về duyên Thọ.

Vô minh ⇨ Hành ⇨ Thức ⇨ Danh sắc ⇨ Lục nhập ⇨ Xúc ⇨ Thọ

Lý duyên khởi theo chiều ngược có nghĩa là đi từ duyên Thọ ngược về duyên Vô minh.

Vô minh ⇐ Hành ⇐ Thức ⇐ Danh sắc ⇐ Lục Nhập ⇐ Xúc ⇐ Thọ

Duyên thọ có nhân gần là duyên xúc, duyên lục nhập, duyên danh sắc và có nhân xa là duyên thức, duyên hành, duyên vô minh. Duyên Thọ gồm có nhãn thọ, nhĩ thọ, tỉ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ. Mỗi thọ có ba thọ ; thọ lạc, thọ không khổ không lạc, thọ khổ. Như vậy có 18 thọ nhưng có 18 thọ liên hệ tại gia và có 18 thọ liên hệ xuất ly, có tổng cộng 36 thọ nhưng quá khứ 36 thọ, hiện tại 36 thọ, tương lai 36 thọ, tổng cộng 108 thọ. Những ai học Phật cần tìm hiểu rõ ràng về duyên thọ để không sụp hầm. (tham khảo kinh số 137 phân biệt sáu xứ kinh trung bộ).

C7.5.0: Vô minh hay Minh sanh.

Nếu duyên lục nhập được Tứ Thánh đế và có suy tư đến duyên thọ thì có minh sanh thì nghiệp mới (Ái) diệt thì thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt.

Nếu duyên lục nhập mà nhập những kinh sách thuộc tà kiến thì vô minh tiếp tục sanh ra ái rồi sanh ra thủ sinh ra hữu sanh ra sanh, già chết. Hữu duyên cho ai sanh ra đời đã nhập được Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Chánh đạo.

C7.5.1: Nhãn thọ do nhãn xúc sanh.

Có ba cảm thọ nhưng khi có nhãn xúc sẽ chỉ có lạc thọ hoặc khổ thọ. Còn thọ không khổ không lạc là chuyển tiếp, là trung gian khi

sáu cảnh vô thường thì chuyển sang thọ trung gian tức là thọ không khổ không lạc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỳ-kheo, là ba thọ.

Tác giả phân tích.

★ Lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ 0. Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc. Có sự khác nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới sanh ra khả ái, khả lạc gọi là thọ lạc. Thọ lạc là bấy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người đã có một chiếc xe cũ rồi muốn mua một chiếc xe mới, khi thấy một chiếc xe khả ái khả lạc rồi mua về.

★ Khổ thọ

Nhãn xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ 0. Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột mất sanh ra cảm thọ khổ. Thọ khổ là bấy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người có vợ hay có chồng khi một trong hai người mất thì sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới rất lớn tức là < 0 phát sanh ra một cảm thọ khổ vô cùng.

★ Không khổ không lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ = 0. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc. Nhãn thọ sanh khởi tức thì khi có duyên nhãn xúc sanh khởi. Nếu duyên xúc sanh khởi cảm thọ lạc trước, khi duyên xúc thay đổi thì cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì duyên xúc biến đổi thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Cảm thọ không khổ không lạc là cảm thọ trung gian giữa cảm thọ lạc và cảm thọ khổ nên những hành giả không nhận ra tưởng mình có tâm xả. Cảm thọ này cũng là bấy sập dẫn đến luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người đi du lịch một nơi nào đó xúc cảnh mới lạ nên sanh ra cảm thọ lạc nhưng nếu người đó ở đó một thời gian ngắn sẽ

không còn sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới gọi là cân bằng gọi là cảm thọ không khổ không lạc.

Tóm lại là nhãn thọ do nhãn xúc sanh khởi có ba cảm thọ: lạc, khổ, không khổ không lạc nhưng không cùng một lúc có cả ba cảm thọ mà có lạc chuyển qua không khổ, không lạc rồi chuyển đổi qua khổ. Nếu hành giả nào giác ngộ sự biến đổi các cảm thọ, hành giả có trí tuệ không còn kiết sử vào bất cứ cái gì. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

C7.5.2: Nhĩ thọ do nhĩ xúc sanh.

Có duyên xúc xảy ra chỉ có một là lạc thọ hoặc hai là khổ thọ, chứ không phải một lúc có ba cảm thọ. Thọ không khổ không lạc chỉ là thọ chuyển tiếp từ thọ lạc hoặc từ thọ khổ chuyển qua vì sự vật vô thường nên có thọ không khổ không lạc là trung gian cho hai cảm thọ kia.

Tác giả phân tích.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không khổ không lạc.

Nhĩ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên nhĩ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm nhĩ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc

chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Nhĩ thọ là bầy sập đưa chúng sanh vào luân hồi dài dài.

C7.5.3: Tỷ thọ do tỷ xúc sanh.

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tác giả phân tích.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Tỷ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên tỷ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm tỷ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Tỷ thọ là bầy sập đưa chúng sanh vào luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

C7.5.4: Thiết thọ do thiết xúc sanh.

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tác giả phân tích.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thiệt thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thiệt xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thiệt thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Thiệt thọ là bấy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Người tu cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

C7.5.5: Thân thọ do thân xúc sanh.

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tác giả phân tích.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thân thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thân xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thân thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là

cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Thân thọ là bầy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

C7.5.6: Ý thọ do ý xúc sanh.

Tương tự như Nhân thọ, Nhĩ thọ.

Tác giả phân tích.

- Lạc thọ

Ý xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cảnh pháp cũ và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ 0 . Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc .

Ví dụ. Trước đây đã lưu một hình ảnh một chiếc xe cũ qua ý và ngày hôm nay đi vào tiệm xe thấy một chiếc xe mới vừa đưa vào tâm qua ý xong đi về nhà ngồi có ý xúc pháp sanh ra vui do sự chênh lệch giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới của cảnh pháp.

- Khổ thọ

Ý xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý.

Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ 0. Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột mất sanh ra cảm thọ khổ.

Ví dụ ngày xưa có người yêu đã lưu trữ ảnh cũ cảnh pháp, sau một thời gian gặp lại hình ảnh người yêu cũ đưa vào tâm qua ý, có sự khác nhau giữa hình ảnh cũ và hình ảnh mới phát sinh ra một cảm thọ buồn. Những hành giả nên quan sát để kiểm chứng.

- Không khổ không lạc thọ

Ý xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ = 0. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc.

Ví dụ. bỏ quê đi xa rồi một thời gian rồi về quê lại nhìn cảnh vật thay đổi đưa qua ý, ảnh cảnh pháp mới, phát sanh cảm thọ vui, rồi hằng ngày đưa cảnh pháp qua ý, không còn có sự khác nhau giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp phát ra cảm thọ không vui không buồn.

Ý thọ sanh khởi tức thì khi có duyên ý xúc sanh khởi. Tại một thời điểm ý thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm

thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Ý thọ là bấy sập dẫn chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

C7.5.7 Kết luận về duyên Thọ

Tác giả đúc kết duyên Thọ.

Từ duyên **Danh sắc** ⇔ **Lục Nhập** ⇔ **Xúc** ⇔ **Thọ**

Theo lý duyên khởi "Do cái này sanh, cái kia sanh"

Thọ là quả hiện tại, dựa vào lý duyên khởi như sau:

Xúc sanh ra thọ, Lục nhập sanh ra Xúc, Danh sắc sanh ra Lục nhập.

Như vậy 4 duyên quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ.

Danh sắc là bắt đầu có mặt trong cuộc sống, chỉ tâm và vật rất vi tế mắt thường không thấy. Từ sự vi tế của Danh sắc từ từ biến đổi vi tế thành to lớn và lọt ra một đứa bé có 6 giác quan có trọng lượng khoảng từ 3kg đến 4kg, gọi là sáu nội xứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Từ sáu nội xứ này, đứa bé tự động thâm vào sáu ảnh của ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) qua sáu nội xứ và lưu giữ trong tâm rồi duyên lại với sáu ngoại xứ sanh ra 6 thức hay 6 cái biết. Từ sáu thức này hay 6 ảnh cũ đã lưu giữ trong tâm xúc chạm với 6 ảnh mới của sáu ngoại xứ vừa đưa vào tâm qua sáu cửa sổ sanh khởi sáu xúc. Từ duyên xúc sanh khởi sáu thọ tức thì. Tiến trình từ danh sắc

đến thọ là tự động. Danh sắc là bào thai rất vi tế chưa có hiểu biết nhiều, không có gì phải quan sát. .

Từ khi có sáu nội xứ (lục nhập) bắt đầu thâm vào các ảnh của sáu ngoại xứ rất quan trọng. Vì các ảnh đó được lưu giữ trong tâm. Chúng (các ảnh) là những dữ liệu cho chúng ta tạo nghiệp mới trong kiếp sống này. Như vậy mắt nhập ảnh cảnh sắc và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ mắt. Thông tin cảnh sắc có trong tâm rồi sẽ sanh ra khổ lạc về sau. Do đó thông tin cảnh sắc rất nguy hiểm, không nên thâm vào thông tin cảnh sắc nhiều, chỉ cho vào thông tin cảnh sắc để duy trì sự sống chúng ta và để chấm dứt khổ hay chấm dứt sự luân hồi. Thông thường thông tin về cảnh sắc là những Kinh do các nhà hiền triết viết để lại hay kinh truyền tụng rồi về sau viết xuống thành kinh nên cẩn thận nếu không thì tâm chúng ta chỉ lưu giữ kinh toàn là văn tự không kiểm chứng được rất nguy hiểm. Còn sách do người thế gian viết và lưu truyền lại không nên đọc vì chúng không đưa đến chấm dứt khổ.

Thông tin về 5 bộ kinh Nikaya có thể thâm vào tâm qua cửa sổ mắt. Nhưng ảnh văn tự kinh lưu giữ trong tâm chỉ là văn tự thôi chưa phải là sự thật. Đa số chúng ta đọc và suy diễn văn tự không chứng nghiệm gì cả thì rất nguy hiểm. Học kinh nên học ít, học từ từ và cần chứng nghiệm những gì trong kinh diễn đạt chứ không phải ngồi lý luận theo tưởng trí của mình. Tai nhập ảnh cảnh thanh và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ tai. Thông tin cảnh thanh cũng sẽ sanh ra phiền não về sau. Thông tin này rất nguy hiểm. Thời Đức Phật thông tin về cảnh thanh từ Đức Phật, các thầy tu nhớ và chứng nghiệm dễ dàng. Ngày nay thông tin về cảnh thanh do phàm phu nói không đúng chân lý nếu chúng ta nhập vào mà không tiêu hoá sẽ có phiền não nhiều nên tránh nhập thông tin từ phàm phu. Về học hỏi Phật pháp cần đưa vào tâm qua cửa sổ mắt hay cửa sổ tai là quan trọng nhất còn những cửa sổ khác như lưỡi, thân, mũi chủ về dục là chính. Nếu mắt hay tai

nhập những thông tin về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo đưa vào tâm và không nhập những thông tin khác. Đó là phước của quý vị trong quá khứ có chánh kiến. Nếu mắt hay tai nhập những thông tin khác với Tứ Thánh Đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo. Đó là quý vị thiếu phước vì kiếp quá khứ đã có tà kiến.

Nói chung chúng ta có sáu cửa sổ nhập những thông tin của sắc, của thanh, của hương, của vị, của xúc, của pháp rất thận trọng. Sáu thọ cũng là sáu cái bẫy sập sẽ dẫn chúng ta luân hồi mãi mãi và đau khổ triền miên.

Trong 12 Nhân duyên là một vòng khép kín nên những hành giả nào muốn thoát khỏi vòng kim cô này rất khó. Đa số những người học Phật không chịu học đầy đủ năm bộ kinh Nikaya rất khó mà khám phá khe hở nào trong 12 nhân để thoát ra. Tác giả có duyên học hỏi nên biết được duyên Thọ là khe hở giúp hành giả thoát được vòng kim cô.

Duyên Thọ có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Khe hở từ lạc qua khổ hoặc từ lạc qua không lạc không khổ, hoặc từ khổ qua lạc. Chính khe hở này giúp hành giả nào giác ngộ rằng khi nào có lạc sẽ có khổ hoặc có khổ sẽ có lạc. Tâm giác ngộ không dính mắc vào cảm thọ thì Ái diệt. Nếu không dính mắc vào cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không lạc không khổ gọi là diệt. Tuy nhiên cần tìm hiểu thêm duyên Xúc. Thêm duyên Thức hiện tại, thêm duyên Lục nhập nữa.

Để nhận biết duyên Thọ cần quan sát từ duyên Lục nhập sanh ra thức rồi quan sát duyên Thức sanh ra, xong sẽ thấy duyên Thọ từ duyên Xúc sanh ra.

Sau đây có một bài kinh trong kinh tương ưng 1 nói về chư thiên. Tác giả suy tư mãi và có lúc hiểu sai. Bây giờ có duyên tìm hiểu về duyên thọ xin giải thích cho những ai muốn hiểu Phật pháp.

Nguyên văn kinh Pali - Việt trích từ kinh Tương ưng một..

C7.5.8 Vượt khỏi bộc lưu.

I: Bộc Lưu (S.I, I)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

-- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?

-- Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

-- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

-- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

(Vị Thiên):

Từ lâu, tôi mới thấy

Bà-la-môn tịch tịnh.

Không đứng, không bước tới,

Vượt chập trước ở đời.

Vị Thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo Sư chấp nhận. Vị Thiên ấy biết được: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Vị ấy đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Tác giả phân tích.

"khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống."

Từ duyên Thọ không khổ không lạc mà không biết rồi dính vào cảm thọ này tức là có tâm Si sẽ luân hồi mà không thoát khỏi bộc lưu.

"khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt;"

Từ duyên Thọ khổ hoặc Thọ lạc mà chạy theo tức là trôi giạt tức là tâm phóng dật vào trần cảnh thuộc về tâm tham và tâm sân thì phải luân hồi nhưng không phóng dật thì không dính mắc sẽ thoát khỏi bộc lưu.

C7.6: Hành, Tưởng, Dục do duyên xúc sanh.

C7.6.1: Dục do duyên Xúc sanh.

Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

Dục là sự ham muốn khởi ra do sự nhận thức các sắc khả ái, khả lạc theo định nghĩa trong kinh.

Nguyên văn trích từ kinh Tăng chi 6 pháp - Một Pháp quyết trạch.

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trường dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các

vị do lỗi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Nay các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, nay các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Tác giả phân tích.

Dục chia ra làm hai hướng: Một là suy tư về dục sẽ dẫn đến đau khổ gọi là tà tư duy. Hai là suy tư ly dục đúng sẽ dẫn đến hạnh phúc gọi là chánh tư duy.

Hằng ngày nếu có sự ham muốn khởi lên nên suy tư ly dục tức thì, không có ham muốn nữa.

C7.6.2: Hành do duyên Xúc sanh.

Nguyên văn trích từ kinh Tương ưng 3 -Thủ Chuyển.

Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

Nguyên văn trích từ kinh Tăng chi 6 pháp - Một Pháp quyết trạch.

Nay các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Tác giả phân tích.

Dựa vào hai định nghĩa trên kết luận là nghiệp là hành, trước khi dẫn đến ý hành, thân hành, khẩu hành suy tư có trước.

Như vậy sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư là nghiệp còn gọi là hành. Thỉnh thoảng nói gọn lại là ý hành, khẩu hành, thân hành mà ý hành là tham, sân, si cũng còn gọi là tham ái, sân ái, si ái.

C7.6.3: Tưởng do duyên Xúc sanh.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng? Đây các Tỳ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng dị thực? Đây các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tưởng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thực.

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng sanh khởi? Đây các Tỳ-kheo, xúc là các tưởng sanh khởi.

Tác giả phân tích.

- Sắc tưởng do nhãn xúc sanh.

Khi mắt thấy sắc, dùng sự hiểu biết của mình có trước kia nghĩ tưởng sắc theo kinh nghiệm của mình đã có trước đây.

Ví dụ:

Ngày hôm nay đi ra đường thấy một đám mây đen tưởng rằng sẽ có mưa. Do lần trước đã thấy một đám mây đen kéo đến sau đó có mưa. Lần này tưởng có thể sai vì lần này mây đen không mưa.

- Thanh tưởng do nhĩ xúc sanh.

Khi tai nghe thanh dùng sự kinh nghiệm, dùng sự hiểu biết của mình tưởng âm thanh theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Nghe tiếng người bạn yếu ớt tưởng người bạn bệnh ho lao. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy nhưng lần này tưởng có thể dẫn đến sai.

- Hương tưởng do tỷ xúc sanh.

Khi mũi ngửi hương, sử dụng những kinh nghiệm hay những sự hiểu biết của mình tưởng hương theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Đi ra đường hôm nay mũi ngửi được mùi thơm tưởng mình hôm nay gặp may mắn vì lúc trước đó đã xảy ra như vậy. Nhưng hôm nay cái tưởng có thể sai, người thơm nhưng không có may mắn.

- Vị tưởng do thiệt xúc sanh.

Khi lưỡi nếm vị sử dụng những kinh nghiệm của mình tưởng vị theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Khi ăn canh chua hôm nay vị không ngon, tưởng rằng canh chua do người mới nấu chứ không phải người cũ nấu vì lúc trước đã ăn ngon. Tưởng có thể sai có thể cùng một người nấu.

- Xúc tưởng do thân xúc sanh.

Khi thân xúc với cảnh xúc, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh xúc theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Khi thân (tay) xúc chạm với với tay người bạn nóng quá, tưởng bạn mình bệnh. Vì lúc trước đã có kinh nghiệm như vậy. Hôm nay tưởng bạn mình có bệnh có thể sai.

- Pháp tưởng do ý xúc sanh.

Khi ý xúc với cảnh pháp, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh pháp theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Đang ngồi một mình có hình ảnh bạn cũ vui vẻ với mình ngày xưa xuất hiện trong tâm, tưởng bạn cũ đang có hạnh phúc. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy. Nhưng lần này pháp tưởng có thể sai.

- C7.6.4: Thọ sai biệt.

Thọ sai biệt sẽ cho hỷ lạc liên hệ vật chất làm cho chúng sanh dính mắc và luân hồi. Hỷ lạc không liên hệ đến vật chất. Đây là trạng thái hỷ lạc do chứng sơ thiền sanh khởi. Những ai muốn sanh vào cõi sắc giới cần phải tu tập cho tâm ly dục tức là không còn liên hệ đến sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỳ-kheo,

- *có các lạc thọ liên hệ đến vật chất,*
- *có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất;*
- *có các khổ thọ liên hệ đến vật chất,*
- *có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất;*
- *có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất,*
- *có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất.*

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Tác giả phân tích.

- ★ Các lạc thọ liên hệ đến vật chất.

Vật chất ám chỉ là sắc (hình dáng), thanh, hương, vị, xúc.

Không liên hệ đến vật chất có nghĩa là không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị, không phải xúc như hơi thở, màu vàng, màu đỏ, nước, lửa v.v..

- ★ Có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất.

Lạc thọ khởi lên do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

- ★ Có các khổ thọ liên hệ đến vật chất.

Khô thọ khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

★ Có các khô thọ không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

★ Có các cảm thọ không khô không lạc liên hệ đến vật chất.

Khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

★ Có các cảm thọ không khô không lạc không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

C7.7 Kết luận Chương bảy.

Chương bảy bàn về Quả khô hiện tại thì rất quan trọng vì từ quả khô này sẽ sinh ra nguyên nhân khô. Người học Phật cần tìm hiểu rõ ràng về duyên Lục nhập, về duyên Xúc, về duyên Thọ còn duyên Danh sắc rất vi tế trong bụng mẹ không quan trọng bằng ba duyên vừa kể. Đa số những người học Phật không biết duyên Lục nhập cực kỳ quan trọng. Từ khi chúng ta ra khỏi bụng mẹ đã có sáu giác quan và đã tự động thu sáu ngoại xứ: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp vào tâm để phát sanh sáu thức. Từ duyên sáu Thức sanh ra duyên sáu Xúc rồi sanh ra duyên Thọ. Như vậy duyên Thọ là chỗ hội tụ để chúng sanh nhận ra có cảm thọ hạnh phúc hay cảm thọ khổ. Từ duyên Thọ sanh ra duyên Ái tức thì không có thời gian. Từ duyên Ái sanh ra duyên Thủ tức thì. Do vậy chúng sanh khó thoát ra cái vòng luân hồi này được. Để thoát được vòng khép kín này. Hành giả cần quan sát và chiêm nghiệm sáu cửa sổ. Nếu hành giả không quan sát

được tiến trình nhập sáu cảnh bên ngoài để tạo thành sáu cái biết thì chuyện học Phật Pháp chấm dứt ở đây và phải luân hồi.

Sáu giác quan (sáu cửa sổ) là nút mở hay nút đóng sáu cảnh bên ngoài. Hành giả nào không nhận ra điều này mà cứ mở sáu cửa sổ chào đón sáu tên phá làng thì phiền não liên tục.

Từ sáu nội xứ sẽ sanh ra Ái, Thủ (dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ). Giai đoạn này chúng sanh đã chấp chặt vào những gì đã thâm sáu ngoại xứ vào tâm qua sáu giác quan.

Để diệt duyên Thủ cần không nhập những kinh sách do truyền thống để lại nếu không chứng nghiệm được những gì kinh ghi chép lại nên bỏ đi. Tương tự những giác quan khác khi nhập vào Thanh,... nhập vào Pháp sanh ra phiền não, đau khổ thì dừng lại ngay thì phiền não sẽ hết liền. Tác giả nhờ open mind, khi học gì không chứng nghiệm được thì liền bỏ đi nhưng trả một giá khá đắt vì nhập sai thông tin.

Hành giả nào giác ngộ duyên lục nhập sẽ buông được Thân kiến và biết được duyên Thủ hình thành. Vì duyên sáu nội xứ để nhập sáu ngoại xứ để đi luân hồi từ đời này qua đời nọ. Nếu chúng sanh nào sanh ra đời nhập được thông tin Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo thì cửa giải thoát được mở ra. Nếu nhập những thông tin khác sẽ dẫn vào con đường luân hồi lâu dài.

Hơn nữa những gì đã được nhập vào tâm qua sáu giác quan sẽ biến thành Thức mà Đức Phật gọi Thức là hạt giống. Như vậy càng nhập nhiều thông tin trong đó có kinh sách sẽ là những hạt giống trở ra nhiều quả đồng nghĩa là chúng sanh sẽ sanh ra nhiều đau khổ theo Lý Duyên khởi. Thời đại văn minh này có quá nhiều thông tin nên chúng sanh không thể nào tu theo những gì mà Đức Phật đã dạy mặc dù năm bộ kinh Nikaya đã có mặt.

Sáu nội xứ cần phòng hộ tối đa, nếu không thì sẽ sanh ra duyên Thọ khổ. Vì lý do này những hành giả không phòng hộ nên đã nhập quá nhiều thông tin phát sanh vô số phiền não. Tuy nhiên để nuôi cái thân tứ đại này cũng nhập thức ăn, thức uống tối thiểu thôi chứ ăn một ngày ba bữa thì con đường luân hồi dài vô tận. Một thầy tu đúng chánh pháp chỉ cần tối thiểu ba y, bình bát, sàng tọa, thuốc men. Nếu nhiều sẽ sanh ra nhiều phiền não thì không giải thoát.

Nuôi thân cần nhập tối thiểu còn Tâm cũng nhập tối thiểu như bài kinh Lá rừng Simsapa vừa đủ để giúp chúng sanh thoát khỏi sanh tử chứ không phải nhập quá nhiều kinh sách như những nhà tu ngày nay chỉ làm phiền não và đau khổ.

Theo lý thuyết kinh dịch vũ trụ đi từ vô cực sanh ra lưỡng nghi, sanh ra tứ tượng, sanh ra bát quái, sanh ra tất cả hiện tượng. Để tu cần quay về cái ban đầu đơn giản chứ không phải phóng dật vào lưỡng nghi (nhị nguyên) ...vô số hiện tượng. Chính nơi sáu giác quan phóng dật vào sáu cảnh bên ngoài sanh ra đủ thứ phiền não. Trong bài kinh Trung bộ số 2 có trình bày là có những lậu hoặc do phòng hộ đoạn tận. Chính là phòng hộ sáu nội xứ nghiêm mật, nếu không biết nhập đủ thứ trên đời này chỉ đưa đến rắc rối, phức tạp. Tu là sống đơn giản tối thiểu.

Điểm bắt đầu là duyên Lục nhập tức là nơi sẽ nhập thông tin sẽ sanh ra duyên Thọ tức là khổ hay phiền não. Giác ngộ tiến trình đi từ Danh sắc, Duyên Lục nhập dẫn đến Duyên Thức dẫn đến Duyên Xúc sanh ra Duyên Thọ thì hành giả cần nhận biết vì sao có bốn thủ thành hình và biết vì sao bốn thủ sẽ diệt.

Chương Tám: Nghiệp mới

1-Đại cương

Ít ai nhận ra có hai Hành trong 12 Nhân duyên: Một là Hành quá khứ đã tạo ra rồi và đã trở ra quả khổ hiện tại. Hai là Hành hiện tại chính là Ái, đã và đang tạo ra những hành động thuộc về ý, về khẩu, về thân từ khi bước vào đời sống kiếp hiện tại này sẽ trở ra quả khổ trong đời này và đời sau. Có những quả khổ trong đời này chỉ là những thiên sứ giúp chúng ta thức tỉnh mà lo quay về lo tu giải thoát khỏi khổ. Những quả khổ trở ra khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác thì khổ vô cùng, không biết bao giờ trở lại làm người như câu chuyện con rùa mù trong kinh Trung bộ số 129.

Ái ► Thủ ► Hữu

Nghiệp mới gồm có ba duyên Ái, Thủ, Hữu nhưng Ái là điểm khởi đầu rất quan trọng. Do đó cần tìm hiểu duyên ái cho rõ ràng và nhận biết ái là thủ phạm gây đau khổ sau khi thân hoại mạng chung. Một khi biết ái và diệt ái thì thủ diệt dẫn đến sanh diệt nên không có quả khổ trong tương lai.

Dưới đây là bài kinh trong kinh tương ưng 4 cho biết rằng Ái là khổ tập khởi hay nghiệp mới.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

2) -- *Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.*

3) *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?*

4-9) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi, này các Tỳ-kheo.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

11) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

12-13) Do duyên tai... Do duyên mũi...

14-15) Do duyên lưỡi... Do duyên thân...

16) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này hợp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

Thọ ► Ái ► Thủ ► Hữu

Tác giả phân tích.

Trong 12 nhân duyên có hai hành: Thứ nhất là hành quá khứ đã bàn trong Chương 6: Nghiệp cũ. Thứ hai là hành hiện tại sẽ được bàn trong Chương 8 còn gọi là Nghiệp mới và không có sự khác nhau

giữa hành và nghiệp như đã bàn qua định nghĩa ở Chương 6. Hơn nữa nghiệp mới là sáu ái do dính mắc vào sáu ngoại xứ nhưng ý căn là gốc nên đơn giản gọi là ý hành (tham, sân, si).

Nghiệp mới đầy đủ là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái là những sự dính mắc vừa phát sinh và sẽ trở thành quả khổ tương lai.

Nếu ngày nào cũng có ái sanh khởi chắc chắn sẽ có quả khổ, người học Phật cần phải biết như thật không nghi ngờ chân lý này. Nếu ngày nào không có ái sanh khởi, sẽ không bao giờ có quả khổ trong tương lai. Đây là chân lý mà tất cả mọi người phải nhận biết.

2-Khổ Tập Thánh để cần phải đoạn tận.

Đức Phật đã dạy Khổ Tập cần phải đoạn tận trong Kinh Chuyển Pháp Luân phải có lý do tại sao?

Nếu những Nhân sanh khổ mà không diệt thì quả khổ cứ trở ra hoài nên người học Phật cần phải biết khổ Tập mà tinh tấn tiêu diệt chúng thì khổ sẽ đoạn tận. Chúng sanh vô minh không biết nguyên nhân sanh khổ nên khổ không bao giờ chấm dứt. Đây là chân lý về khổ Tập cần phải đoạn tận, nếu không thì luân hồi, đau khổ vô cùng tận.

Đa số người học Phật không thấy nhân sanh khổ chỉ biết nhân khổ qua kinh sách nhưng không nhận ra chúng nên quả khổ không bao giờ chấm dứt khổ. Như vậy khổ sẽ không hết, nếu thủ phạm chưa bắt được, mọi người phải tìm ra thủ phạm trước và giết thủ phạm (nhân sanh khổ). May mắn thay cho chúng ta Đức Phật đã tìm ra thủ phạm rồi và chỉ cho chúng ta biết. Chúng ta có công việc là kiểm chứng và tu tập đoạn tận nó thì sẽ hết khổ vĩnh viễn.

Thủ phạm đã gây cho chúng ta vô lượng kiếp cho đến kiếp này chính là Vô minh và Tham ái. Hai duyên này phải đoạn tận hoàn toàn. Ngày nào Vô minh chưa đoạn tận, ngày đó vẫn còn khổ đau.

C8.1: Sáu Ái

a-Đại cương.

Có sáu ngoại xứ là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tâm khởi lên dính mắc vào chúng nên thành sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Ái là dính mắc vào những cảnh chung quanh, có ba trường hợp sau đây, có sự dính mắc khởi lên nếu mắt thấy sắc nhận thức khả ý khả lạc khởi lên thích thú vào sắc gọi là tham sắc ái. Nếu mắt thấy sắc nhận thức không khả ý, không khả lạc khởi lên không ưa thích cũng gọi là sân sắc ái. Nếu mắt thấy sắc khả lạc, không khả lạc khởi lên si cũng gọi si sắc ái.

Nguyên văn trích từ kinh Trung bộ số 148.

Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy.

3. III. Đoạn Tận (S.iv,205)

1) Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong vườn Nigrodha.

2) Lúc bấy giờ có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở.

...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

4) Nay các Tỳ-kheo, tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ cần phải đoạn tận.

5) Nay các Tỳ-kheo, khi nào Tỳ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỳ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỳ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (sammà mánabhisamayà), vị ấy đoạn tận khổ đau.

1) Nếu cảm giác lạc thọ,

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi tham tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

2) Nếu cảm giác khổ thọ,

Không tuệ tri cảm thọ,

Đây gọi sân tùy miên,

Không thấy rõ xuất ly.

3) Với bất khổ bất lạc,

Bậc Đại trí thuyết giảng,

Nếu hoan hỷ thọ ấy,

Không thoát được khổ đau.

4) Vị Tỳ-kheo nhiệt tình,

Tỉnh giác, không cuồng trí,

Đối với tất cả thọ,

Bậc Hiền trí liễu tri.

5) Vị ấy liễu tri thọ,

Hiện tại không lậu hoặc,

Thân hoại, bậc Pháp trú

Đại trí vượt ước lường.

Tác giả phân tích.

Tham ái sanh khởi từ thọ lạc, sân ái sanh khởi từ thọ khổ, si ái sanh khởi từ thọ không khổ không lạc.

b-Tham, Sân, Si sanh khởi.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô

minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra. (Trung bộ 148).

Tác giả phân tích.

Dựa vào những đoạn kinh trích dẫn trên, có thể biểu thị lại bằng một cách khác sau đây.

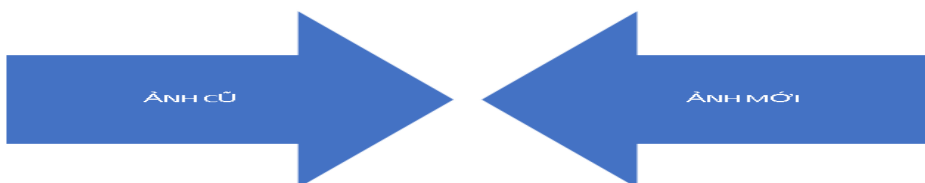
Duyên Lục nhập ► duyên sáu Thức ► Duyên sáu Xúc ► duyên sáu Thọ ► duyên sáu Ái.

Từ duyên thọ sanh ra ái tức thì đối với những ai đã có những cảnh quen thuộc như người cư sĩ sống với vợ chồng, con cháu, tài sản v.v... Những cảnh chưa quen thuộc có sự suy tư, đắn đo những cảnh vừa khả ý khả lạc thì cần có thời gian để ái sanh khởi.

Đời sống tại gia khó thoát được tham ái nên không thể nào tu giải thoát trong thời đại văn minh này. Cách duy nhất là sống một mình thì cơ hội để tu giải thoát dễ dàng hơn.

C8.1.1: Sắc ái.

Sắc ái là tâm dính mắc hay kiệt sử với cảnh sắc do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc.



Duyên Mắt với Sắc ➤ duyên Nhãn Thức ➤ Duyên Nhãn Xúc ➤ duyên Lạc Thọ.

- Duyên Lạc thọ ➤ duyên tham ái là sự dính mắc vào thọ lạc.

Lạc thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0 nếu chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ lạc rất mạnh.

Lạc thọ là miếng mồi là vị ngọt để dụ con người vào cái bẫy sập ở phía sau hay có lưỡi câu ẩn núp nếu không giác ngộ duyên thọ lạc sẽ sập vào bẫy sập hoặc đã cắn lưỡi câu. Bị sập vào bẫy hay đã cắn lưỡi câu gọi là tham sắc. Đồng nghĩa cuộc đời của những người mắc bẫy sẽ bị đau khổ không làm sao thoát được. Như vậy thương xót những kẻ bị rơi vào bẫy sập sẽ rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục sẽ chịu thống khổ dài lâu. Phương pháp để không rơi vào bẫy, hãy tu chánh niệm thứ 7 trong Thánh đạo tám ngành sẽ thoát khỏi tham ái.

- Duyên Khổ thọ ➤ duyên Sân ái là sự dính mắc vào thọ khổ.

Khổ thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ < 0 nếu sự chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ khổ rất mạnh. Khi có thọ khổ rất khó mà chánh niệm được nên phản ứng đối tượng đó bằng mọi cách muốn tống nó biến mất gọi là sân ái. Như vậy đã bị rơi vào bẫy sập như con thú bị mắc bẫy hoặc con cá mắc lưỡi câu đồng nghĩa sẽ đau khổ dài lâu trong ba đường ác. Để thân nhiên trước cảm thọ nên thực hành chánh niệm thuộc Thánh đạo tám ngành.

- Duyên không khổ không lạc Thọ ➤ duyên Si ái. Như vậy sự dính mắc vào sắc do không khổ không lạc thọ.

Không khổ không thọ do sự xúc chạm giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ = 0. Trạng thái cảm thọ không khổ không lạc này rất khó nhận ra. Có hai trường hợp xảy ra như sau: Một là tâm khởi ra đi tìm cảnh mới để tiếp xúc sanh ra cảm thọ lạc và khởi lên dính mắc vào đối tượng mới như một người chồng ở với một người vợ khá lâu sanh ra cảm thọ không khổ không lạc và khi gặp một phụ nữ mới sanh ra cảm thọ lạc thì liền quên người vợ cũ và lấy người vợ mới. Hai là đối tượng bị mất hay bỏ đi sanh ra cảm thọ khổ. Như vậy từ trạng thái không khổ không lạc sanh ra tâm si và đã có một trong hai hành động vừa nêu ra. Trạng thái không khổ không lạc cũng là miếng mồi cũ đã sập bẫy rồi hay thay đổi đi tìm miếng mồi mới sập vào cái bẫy mồi mới.

Có thật sự tâm tham, tâm sân, và tâm si sanh cùng một lúc hay không? Không có ba tâm sanh khởi cùng một lúc. Mỗi một lúc chỉ có tâm tham hay tâm si hay tâm sân.

C8.1.2: Thanh ái

Thanh ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh thanh do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ .

- Duyên Tai với Thanh ➤ duyên Nhĩ Thức ➤ Duyên nhĩ Xúc ➤ duyên Lạc Thọ ➤ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do lạc thọ. Lạc thọ là miếng mồi đưa loài người vào bẫy sập sẽ đau khổ dài lâu.
- Duyên Khổ thọ ➤ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do khổ thọ. Khổ thọ cũng là miếng mồi loài người bị đưa vào bẫy sập và luân hồi vào ba đường ác.
- Duyên không khổ không lạc Thọ ➤ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm

thọ này bị sập bẫy rồi nhưng không hay biết gì và tưởng rằng đã giải thoát như một số người sống nơi thanh vắng tưởng mình đã giải thoát nhưng thật sự còn ở trong tâm si.

C8.1.3: Hương ái.

Hương ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh hương do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Mũi với Hương ► duyên Tỷ Thức ► Duyên Tỷ Xúc ► duyên Lạc Thọ ► Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái. Duyên Khổ thọ ► Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái.
- Duyên không khổ không lạc Thọ ► Si ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

C8.1.4: Vị ái.

Vị ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh vị do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Lưỡi với Vị ► duyên Thiệt Thức ► Duyên Thiệt Xúc ► duyên Lạc Thọ ► Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này dụ loài người ăn cho ngon, uống hay nhậu cho sướng nhưng không hay biết gì đến khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác.
- Duyên Khổ thọ ► Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do khổ thọ. Trạng thái cảm thọ này cũng dụ cho người sân hận để rồi khi chết sanh vào ba đường ác.

- Duyên không khổ không lạc Thọ ➤ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này đã bị sập rồi nhưng không hay biết gì vì tâm si đã sanh ra.

C8.1.5: Xúc ái.

Xúc ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh xúc do có lạc thọ hoặc khổ thọ, không khổ không lạc thọ.

- Duyên Thân với Xúc ➤ duyên Thân Thức ➤ Duyên Thân Xúc ➤ duyên Lạc Thọ ➤ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái
- Duyên Khổ thọ ➤ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái
- Duyên không khổ không lạc Thọ ➤ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

C8.1.6: Pháp ái.

Pháp ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh pháp do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

- Duyên Ý với Pháp ➤ duyên Ý Thức ➤ Duyên Ý Xúc ➤ duyên Hỷ Thọ ➤ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào Pháp do hỷ thọ. Tương tự như tham sắc ái.
- Duyên ưu thọ ➤ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do ưu thọ. Tương tự như sân sắc ái.

- Duyên không ưu không hỷ Thọ ► Si ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do không ưu không hỷ thọ. Tương tự như si sắc ái.

C8.1.7 Mười kiết sử.

Nguyên văn trích từ kinh Tăng chi 10 pháp - Phẩm hộ trì.

(III) (13) Các Kiết Sử.

1. - *Này các Tỳ-kheo, có mười kiết sử này. Thế nào là mười?*

2. *Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phần kiết sử.*

Thế nào là năm hạ phần kiết sử?

3. *Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử.*

Thế nào là năm thượng phần kiết sử?

4. *Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử.*

Này các Tỳ-kheo, đây là mười kiết sử.

C8.1.7.0 Kiết sử.

Nguyên văn kinh trích từ kinh tương ưng 4 - Tương ưng tâm.

4) *Lúc bấy giờ, cư sĩ Citta đi đến Migapathaka để làm một số công việc phải làm.*

5) *Cư sĩ Citta được nghe có một số đông Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền,*

kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?" Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ". Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".

6) Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỳ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đánh lễ các Tỳ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỳ-kheo trưởng lão:

-- Bạch chư Thượng tọa, (chúng con) được nghe có một số đồng Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ". Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".

-- Có vậy, này Cư sĩ.

8) -- Bạch chư Thượng tọa, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa, con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.

9) Bạch chư Thượng tọa, ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: "Con bò đực đen là kiết sử cho con bò đực trắng, và con bò đực trắng là kiết sử cho con bò đực đen". Nói như vậy có phải là nói một cách chơn chánh không?

-- Thừa không, này Cư sĩ. Này Cư sĩ, con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng. Và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ách, ở đây chính cái ấy là kiết sử.

10) -- Cũng vậy, bạch chư Thượng tọa, con mắt không phải là trói buộc của các sắc; các sắc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là trói buộc của các tiếng... Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp. Các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc.

11) -- Lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Khéo lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ! Vì rằng tuệ nhãn của Ông tiếp tục (kamati) lời dạy thâm sâu của đức Phật.



Xem hình minh họa Hình 1 trang 475.

Hình minh họa Kiết sử giữa tâm và cảnh sắc. Kiết sử đồng nghĩa là dục tham.

Tác giả phân tích.

Dựa vào bài kinh trên, có thể hiểu từ kiết sử. Kiết là cột hay trói buộc vào cái gì đó. Sử là sai khiến hành động. Kết hợp lại danh từ kiết sử là trói buộc vào cái gì đó và sai khiến phải hành động. Có 10 sợi dây trói buộc sai khiến chúng ta tạo nghiệp và phải đi luân hồi.

C8.1.7.1 Năm hạ phần kiết sử.

Năm hạ phần kiết sử gồm có Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân là quan trọng vì nó đưa chúng sanh sinh vào cõi dục giới như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, chư thiên. Có nghĩa là có lúc làm chư thiên hưởng phước, có lúc đọa địa ngục rất đau khổ. Hãy tìm hiểu rõ ràng năm hạ phần kiết sử cho rõ ràng.

★ Thân kiến.

Nguyên văn kinh trích từ kinh trung bộ số 44 như sau.

Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

-- Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phạm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem

tướng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tướng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

Thân kiến là trói buộc năm uẩn vào tự ngã. Khi có sự trói buộc sẽ sai khiến làm cái này hay làm cái nọ.

★ Nghi.

Nguyên văn trích từ kinh Trung bộ số 16.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn trừ? Chư Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không

hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Nếu ai có nghi ngờ Phật, nghi ngờ Pháp, nghi ngờ Tăng không nỗ lực tinh cần tu tập sẽ trở thành tâm hoang vu.

★ Giới cấm thủ.

Nguyên văn trích từ kinh Trung bộ số 16.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác". Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh... (như trên)... như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được đoạn tận.

Tác giả phân tích.

Tác giả đi tìm từ ngữ giới cấm thủ không gặp nhưng lâu ngày nhận ra giới cấm thủ thuộc về tâm hoang vu. Như vậy giữ giới về khổ hạnh hay Phạm hạnh để được làm chư thiên này hay chư thiên khác gọi là giới cấm thủ hay tâm hoang vu.

★ Tham.

Tham còn gọi là dục tham là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo với chương 7 nghiệp mới.

★ Sân.

Sân cũng là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo chương 7 nghiệp mới.

C8.1.7.2 Năm thượng phần kiết sử.

Sự trói buộc vào phần trên thuộc về sắc giới, vô sắc giới, không quan trọng bằng năm hạ phần kiết sử. Thông thường bậc Thánh bất lai đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, sanh vào cõi trời sắc giới và hưởng hết tuổi thọ ở đó rồi nhập Niết Bàn.

Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

★ Ái sắc (giới).

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiên thuộc về sắc giới.

★ Ái vô sắc (giới).

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiên thuộc cõi vô sắc giới.

★ Mạn.

Mạn là so sánh hơn hay bằng hay thua người.

★ Trạo cử.

Năm hạ phần kiết sử hết rồi phần trạo cử là chút gọn sóng thôi, tâm có chút bồn chồn hay chút phóng dật.

★ Vô Minh.

Vô minh là không biết Tứ đế ở mức rất vi tế.

C8.2: Thủ.

Tác giả phân tích.

Ái ► Thủ ► Hữu

Thủ là duyên thứ hai trong ba duyên của nghiệp mới, là nắm giữ chặt, không buông bỏ và tự động sanh khởi từ duyên ái. Duyên thủ sẽ không thể tự diệt mất mà lệ thuộc duyên ái khi nào ái diệt thì thủ diệt. Từ duyên sáu ái được sắp xếp sự dính mắc vào sáu ngoại xứ và chuyển qua thủ được phân loại theo sự nắm giữ chỉ còn bốn nhóm là dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ.

C8.2.1: Dục thủ.

Dục thủ là sự giữ chặt về sự ham muốn. Có năm sự ham muốn là sắc dục thủ, thanh dục thủ, hương dục thủ, vị dục thủ, xúc dục thủ.

Sắc dục thủ khi duyên mất với sắc sanh khởi lên khả ý khả lạc hay không khả ý không khả lạc sanh khởi sự nắm giữ về sắc. Tương tự cho thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy.

C8.2.2: Kiến thủ.

Kiến thủ là giữ chặt về những gì được thấy biết qua sáu giác quan. Có tất cả 62 tà kiến được Đức Phật nói trong kinh Phạm võng trường bộ. Tuy nhiên có hai kiến thủ thường nói là thường kiến và đoạn kiến.

Thường kiến là Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp, có nghĩa là do tu nhập định thấy có bản ngã và thế giới thường hằng mà người Việt nam hiểu là linh hồn. Bản dịch của thầy Minh Châu là tự ngã là thường trú và thế giới cũng vậy.

Đoạn kiến là chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp sau khi chết.

Thường kiến có bốn luận chấp và đoạn kiến có 7 luận chấp, người học Phật muốn đi sâu vào 62 tà kiến đọc kinh phạm võng Trường bộ.

C8.2.3: Ngã luận thủ.

Ngã luận thủ là giữ chặt tự ngã (cái tôi) tức là có một tự ngã đang tồn tại.

Có Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp.

Những ai muốn đi sâu vào ngã luận thủ có thể tham khảo về bài kinh Phạm võng thuộc trường bộ.

C8.2.4: Giới cấm thủ.

Giữ chặt những giới cho rằng được sanh làm chư thiên các cõi trời. Có một đoạn kinh sau đây nói về giới cấm thủ xin giới thiệu trong kinh số 16 thuộc trung bộ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác".

Tóm lại duyên thủ do duyên ái sanh khởi, duyên ái do duyên thọ sanh khởi. Nếu muốn duyên thủ diệt chỉ cần diệt duyên thọ là xong.

C8.3: Hữu

Ái ► Thủ ► Hữu

Hữu là một trong ba duyên nghiệp mới, lệ thuộc vào duyên ái. Khi duyên ái chuyển biến qua thủ xong chuyển qua hữu sẽ thành một cái gì đó xong thành một chúng sanh cõi nào đó. Vì vậy duyên hữu trên đường chuyển qua giai đoạn qua quả mới mà không còn là nhân nữa.

Hữu là có, tồn tại nhưng hữu ở đây là đang trở thành một cái gì đó. Có ba sự hiện hữu là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

★ Dục hữu

Dục hữu là do có sự ham muốn đang chuyển biến, đang trở thành chúng sanh cõi dục giới gồm có sáu chúng sanh như là Người, Trời, Atula, Ngạ quỷ, Bàn sanh, Địa ngục.

★ Sắc hữu.

Sắc hữu là do có tu tứ thiền thuộc cõi sắc nên đang trở thành Phạm thiên của cõi trời sắc giới.

★ Vô sắc hữu.

Vô sắc là do có tu bốn tầng thiền vô sắc nên đang trở thành hiện hữu Phạm thiên cõi trời vô sắc.

C8.4: Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng.

C8.4.1: Khổ, Lậu hoặc.

Trong kinh thường viết “ Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt.

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"

Có Tứ đế Trí về lậu hoặc và khổ sẽ dẫn đến Minh thứ ba là Lậu tận minh.

C8.4.1.1: Lậu hoặc.

Lậu hoặc là tiếng Tàu dịch từ tiếng Sanskrit không phải là tiếng Việt là rỉ ra, ô nhiễm, tiếng Anh là fermented là lên men như rượu nếp, cây khô lên nấm.

Lậu là từ một cái gì rỉ ra một cái gì khác. Có ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Dục lậu là sự ham muốn rỉ ra sáu loài chúng sanh ở cõi dục.

Hữu lậu là chấp hữu nên rỉ ra chúng sanh ở cõi sắc.

Vô minh lậu do không biết Tứ Thánh đế rỉ ra chúng sanh thuộc ba cõi.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngã quý, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thực? Này các Tỳ kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt. (trích từ kinh Tăng chi sáu pháp).

C8.4.1.2: Khổ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Thế nào là khổ dị thực? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trôi buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trôi buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thực.

Tác giả kết luận.

Khổ là những cảm thọ đau đớn của con người phải chấp nhận.

Lậu hoặc là rỉ ra các loài chúng sanh khác nhau thuộc ba cõi.

Vô minh sanh khởi các loài chúng sanh khác nhau.

Hành (ái) là nghiệp dẫn đến những cảm thọ hạnh phúc hay đau khổ.

Vô minh và hành cần phải chấm dứt.

C8.4.2: Thức, Tưởng.

Có nhiều người hiểu lầm về thức và tưởng nên phân tích chi tiết sẽ giúp việc học Phật pháp dễ hơn.

C8.4.2.1: Thức.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Tác giả phân tích.

Như vậy thức là biết do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Có nghĩa phải có ảnh trong tâm và cảnh thật giống nhau như thật với cảnh.

C8.4.2.2: Tưởng.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Tác giả phân tích.

Tưởng là sử dụng hiểu biết do kinh nghiệm tích lũy rồi suy diễn sắc hay thanh .v.v.. theo kinh nghiệm riêng của từng cá nhân. Có lúc tưởng những sự việc đó xảy ra đúng hay sai.

Sự khác biệt giữa thức và tưởng: thức là sự biết cái đang là, tưởng là sự hiểu biết theo kinh nghiệm chứ không phải cái biết đang xảy ra.

C8.4.3: Dục, Nghiệp (hành), Ái.

Dục là ham muốn vào cái gì đó, Nghiệp hay hành là suy tư, Ái là dính mắc vào một đối tượng nào đó.

C8.4.3.1: Dục

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ,, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn

C8.4.3.2: Nghiệp (hành)

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Tác giả phân tích.

Nghiệp là suy tư dẫn đến ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp. Có sáu tư thân này như sau: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

C8.4.3.3: Ái.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là ái? Này các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Tác giả phân tích.

Dựa vào định nghĩa trên cho biết có sự ham muốn nhưng chưa có trong tay nhưng do suy tư dẫn đến dính mắc gọi là ái.

Như vậy sự ham muốn có rồi suy tư để đạt được gọi là ái. Như vậy thứ tự dục, nghiệp, ái.

C8.5 Kết luận Chương tám.

Tác giả tóm tắt.

Chương tám gồm có ba duyên: Ái, Thủ, Hữu nhưng duyên Ái là quan trọng nhất vì điểm khởi đầu dẫn đến khổ còn duyên Thủ và duyên Hữu là kết quả của duyên Ái. Người học Phật không nhận ra duyên Ái được do từ duyên Thọ sanh ra duyên Ái quá nhanh nên hằng ngày nhưng không hay biết rằng tham, sân, si đã sanh khởi liên tục. Nên nhớ có ba tâm tham, tâm sân, tâm si nhưng mỗi thời điểm chỉ có một tâm tồn tại thôi chứ không phải một lúc có ba tâm. Để Ái không sanh khởi, cần tu tập chánh niệm thường xuyên khi giác ngộ được tánh sanh diệt các pháp thì Ái sẽ không sanh lại.

Chương tám bàn về sự hình thành nghiệp mới chính là sáu ái. Như vậy ái là dẫn đầu, thủ và hữu chỉ là kết quả do ái tạo ra. Nếu muốn không có quả mới, cần phải diệt tận lãnh tụ Ái xong thì đàn em Thủ, Hữu sẽ tự diệt. Áp dụng tứ đế vào ái sẽ như sau: Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, ái diệt đạo trí. Có nghĩa diệt ái là diệt nguyên nhân sanh ái. Như vậy sẽ diệt thọ.

Thọ diệt có nghĩa là thọ lạc chuyển đổi qua thọ khổ diệt. Nếu giác ngộ được khi có lạc không dính mắc gọi là diệt chứ thật sự không có gì phải diệt cả. Khi giác ngộ cái gì lạc cũng mất cũng chuyển qua thọ khổ sẽ hết dính mắc.

Những người sống tại gia không thể nào diệt được duyên ái vì khi duyên thọ lạc/thọ khổ sanh khởi thì duyên ái cũng sanh tức thì nên ái cứ tăng dần chồng chất. Người cư sĩ thành tựu 5 giới hay 8 giới hay

10 giới là hay lắm rồi nhưng đi xa hơn nữa rất khó nên muốn chứng Thánh dự lưu phải quyết tâm sống một mình may ra thành công.

Những người xuất gia không thể nào diệt được duyên ái được vì có duyên thọ thì ái sanh khởi rất nhanh. Cách duy nhất từ bỏ duyên ái cần phải quán Lý duyên khởi liên tục một thời gian sẽ giác ngộ được duyên lục nhập, duyên thức, duyên xúc, duyên thọ thì ái sẽ mất vĩnh viễn. Tuy nhiên theo nhận xét cá nhân tác giả, những người xuất gia tại Việt nam tìm hiểu và chiêm nghiệm 12 nhân duyên quá ít nên không thể thoát được duyên ái đồng nghĩa tham, sân, si còn nguyên.

Duyên ái sanh khởi vì duyên thọ mà không giác ngộ quả khổ hiện tại tức là duyên thọ là chính thì xem như đã đầu hàng tham, sân, si.

Chương Chín: Quả khổ tương lai

C9.1: Sanh

C9.1.0 Đại cương

Sanh trong 12 nhân duyên nên hiểu rằng khi thân hoại mạng chung kiếp sống hiện tại và sanh lại trong ba cõi. Theo kinh Nikaya, chúng sanh khi chết sẽ sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu còn được sanh lại làm người như đất dính trên 10 đầu ngón tay. Nếu hiểu được 12 Nhân duyên thì việc sanh vào cõi ác rất dễ dàng vì lúc nào tâm cũng đi theo tiến trình Xúc, Thọ, Ái liên tục nên chuyện sanh lại làm người vô cùng khó. Quý vị nên tin Thiên nhãn minh của đức Phật đã thấy cõi ác nên đã chỉ cho chúng sanh biết để tránh những hố thẳm đó. Quý vị không tin Thiên nhãn minh của đức Phật thì bệnh nan y của quý vị không thể cứu được. Chia buồn cho những ai không có lòng tin 10 ân đức, 10 Như lai lực của đức Phật.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là sanh?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

C9.1.1: Loài trời.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh giữa chư Thiên. Và nhiều hơn là các

chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri chư Thiên, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Hãy đọc kinh tiểu bộ tập 2 phẩm thiên giới để biết hưởng phúc do biết tu 10 thiện pháp. Có vài câu chuyện trong kinh.

Nguyên văn trích từ kinh Tiểu bộ 2 - Thiên Cung sự.

Chuyện thứ nhất - Lâu Đài Của Nữ Tỳ.

Trong khi đức Thế Tôn trú tại Kỳ Viên, một đệ tử tại gia ở Sàvatthi đến tinh xá về buổi chiều cùng nhiều cư sĩ khác và nghe pháp. Khi hội chúng đã đứng lên, vị ấy đến gần đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con xin cúng dường bốn buổi ngọ trai vĩnh viễn.

Sau đó, đức Thế Tôn thuyết pháp thoai cho vị ấy được lợi lạc nhân dịp này và bảo vị ấy ra về. Vị ấy trình với Tỳ-kheo phụ trách ngọ trai:

- Bạch Tôn giả, con đã chuẩn bị bốn buổi ngọ trai vĩnh viễn cúng dường Tăng chúng. Từ ngày mai, xin chư vị Tôn giả đến nhà con.

Xong vị ấy ra về. Vị ấy giải thích vấn đề này cho người nữ tỳ và bảo:

- Trong vấn đề này, nhà người phải luôn luôn tinh cần.

- Thưa vâng, được lắm. Nàng đáp.

Bản tính nàng đầy thành tín, mong muốn làm công đức, có thiện hạnh, vì thế mỗi ngày nàng dậy rất sớm, chuẩn bị các món ăn thức uống hảo hạng.

Sau khi quét dọn chỗ ngồi thật sạch sẽ, nàng lau chùi cẩn thận với nước hoa, sắp đặt sàng tọa và khi chư Tỳ-kheo đến, nàng mời chư vị ngồi đó, cung kính đánh lễ, cúng dường chư vị hương liệu, vòng hoa, chiên-đàn, đèn và phục vụ chư vị thật trọng thể.

Bấy giờ, một hôm, khi chư Tỳ-kheo đã thọ thực xong, nàng đến gần đánh lễ và nói như vậy:

- Bạch chư Tôn giả, xin chư Tôn giả cho biết, làm thế nào được giải thoát hoàn toàn các khổ đau do sanh, lão, bệnh, tử?

Chư Tỳ-kheo ấy bèn cho nàng thọ Tam quy và Ngũ giới, giảng giải bản chất của sắc thân, và gợi cho nàng suy nghĩ về lão tử. Sau đó, chư vị thuyết giảng cho nàng nghe về tính vô thường.

Nàng giữ giới suốt mười sáu năm liền, thỉnh thoảng nàng tác ý suy tư thật chuyên tâm. Một ngày kia, nàng đã được lợi lạc vì nghe pháp, lại nhờ tri kiến của nàng đạt đến thuần thực, nàng phát triển tuệ quán và chứng đắc quả Dự Lưu.

Chẳng bao lâu sau, nàng từ trần và tái sanh làm vị Thiên nữ hầu cận được Sakka Thiên chủ sủng ái. Khi nàng thơ thẩn trong.....

4. Nàng Thiên nữ ấy hỷ tâm tràn,

Được Mục-liên Tôn giả hỏi han,

Nàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,

Và đây là kết quả cho nàng:

5. Khi được làm người giữa chúng sanh,

Con là tỳ nữ một gia đình,

Môn đồ của Trí Nhân Viên Giác,

Đức Phật Cồ-đàm đại hiển vinh.

6. Thành công nhờ nỗ lực tinh cần,

Trong Giáo pháp Ngài bất động nhân,

Mong ước thân này dầu hủy hoại,

Con không hề giảm sút chuyên tâm.

7. Con đường Ngũ giới đề tu thân

Thật vững chắc và tạo phước ân,

Được bậc trí hiền này dạy bảo,

Không gai, lưới, bẫy, thẳng như chân.

8. Hãy nhìn kết quả của tinh cần

Thành tựu do tỳ nữ tiểu nhân,

Nay được hầu bên Thiên chủ ấy,

Sak-ka với tôi thượng quyền năng.

9. Sáu mươi ngàn nhạc cụ đàn tơ

Thức tỉnh con từ giấc ngủ mơ,

Alamba, Gaggara, Bhìma,

Sàdhuvàdin và Samsaya.

10. Pokkhara và Suphassa,

Vinàmokkhà cùng các nàng kia,

Nandà cũng như Sunandà,

Sonadinnà và Sucimhità.

11. Alambusà, Missakesi,

Cùng nàng tiên ác Pundarìkà,

Eniphassa và Suphassà,

Subhaddà và Muduvàdinì.

12. Các nàng Thiên nữ diễm kiều này

Đánh thức thần tiên lúc ngủ say,

Buổi sáng các nàng thường đến báo:

- Chúng em múa hát giúp vui đây.

13. Nan-da-na, Hỷ lạc Viên này,

Không phải để dành cho những ai

Chẳng tạo tác nên nhiều phước nghiệp,

Mà dành riêng biệt để cho người

Đã hoàn thành được nhiều công đức,

Là Đại Lâm viên của cõi trời

Tam thập tam thiên đầy lạc thú,

Không gì phiền não, mãi vui tươi.

14. Chẳng đời này hoặc cõi đời sau,

Cực lạc dành cho những kẻ nào

Không tạo tác nên nhiều phước nghiệp,

Song đời này lẫn cõi đời sau,

Để dành cực lạc cho bao kẻ

Làm các thiện hành phước nghiệp cao.

15. Vậy những ai mong chúng bạn hiền,

Phải làm thiện nghiệp thật tinh chuyên,

Vì người tạo được nhiều công đức,

Hưởng lạc thú nhiều ở cõi thiên.

Tác giả phân tích.

Do khi sống nhân gian, đã tạo các nghiệp thiện sanh vào cung trời hưởng Thiên lạc.

C9.1.2: Loài người.

Tác giả phân tích.

Khi nói sanh phải theo định nghĩa trên như vậy trước khi có cảm thọ khổ cần sinh ra đời tức là phải có mắt, tai, lưỡi, mũi, thân, ý và phải có sáu ngoại cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp duyên khởi

sáu thức. Sự gặp gỡ ba pháp sanh ra duyên xúc sanh khởi những cảm thọ lạc/khô không phải tự nhiên có cảm thọ.

Đức Phật cũng tuệ tri con đường đưa đến loài người và tuệ tri con người khi chết sanh làm người lại rất khó, xin trích dẫn sau đây.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri loài Người, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.2) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỳ-kheo:

3) -- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay, không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

4) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Tác giả phân tích.

Theo bài kinh trên cho biết con người khi thân hoại mạng chung trở lại làm thân người như đất dính trên đầu móng tay có nghĩa là xác xuất làm thân người cực kỳ nhỏ còn xác suất rơi vào 3 đường ác như

đất quả địa cầu có nghĩa là làm người lại cực kỳ khó. Hôm nay có được thân người không tu tập Bát Thánh đạo rất uổng vì không biết bao giờ làm được thân người lại và gặp lại chánh pháp.

C9.1.3: Loài ngạ quỷ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri ngạ quỷ, con đường đưa đến ngạ quỷ và hành lộ đưa đến ngạ quỷ. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngạ quỷ, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Tác giả phân tích.

Khi mất thân người rồi, xác xuất sanh làm ngạ quỷ rất dễ và sự đau khổ như thế nào, quý vị đọc bài kinh ngạ quỷ sự kinh tiểu bộ tập 2 như sau.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Chuyện Con Lợn Rừng (Sukàra)

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veluvana (Trúc Lâm) gần Ràjagaha (Vương Xá).

Tương truyền ngày xưa khi đức Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) thuyết Pháp, một Tỳ-kheo đã điều phục tự thân, nhưng thiếu phòng hộ ngôn ngữ, nên đã mạ ly các Tỳ-kheo khác. Lúc từ trần, vị ấy tái sanh vào địa ngục. Sau khi đã bị thiêu đốt tại đó cả một kiếp, vị ấy rời cõi ấy và trong kiếp này tái sanh gần thành Ràjagaha, dưới chân núi

Gijjhakùta (Linh Thứu), vị ấy luôn bị đói khát giày vò. Thân thể vị ấy có màu vàng ròng, nhưng miệng lại giống mồm lợn rừng.

Vào thời ấy, Tôn giả Nàrada đang trú tại núi Linh Thứu. Vừa cầm y bát, vị ấy khởi hành từ sáng sớm để khát thực. Trong lộ trình đến Ràjagaha, vị ấy thấy nga quý kia trên đường. Khi hỏi về hạnh nghiệp mà nga quý kia đã tạo, vị ấy đã ngâm các vần kệ sau:

1. Nhà nguoi vàng rực khắp toàn thân,

Chiếu ánh sáng ra khắp mọi vùng,

Song miệng nguoi như mồm lợn đực,

Nghiệp gì nguoi tạo kiếp xưa chẳng?

Nga quý đáp lời:

2. Xưa con điều phục khéo về thân,

Nhưng khẩu con không được hộ phòng,

Vì thế hình hài con vậy đó,

Nà-ra-da thấy rõ con cùng.

Nga quý ấy còn nói lời khuyên này với Trưởng lão:

3. Nà-ra-da, vậy hãy xem đây,

Con muốn trình Tôn giả việc này:

Đừng phạm ác tà về khẩu nghiệp,

E ngài sẽ hóa mồm heo vậy!

Thế rồi Tôn giả Nàrada, sau khi đã đi khát thực trong thành Vương Xá và sau buổi ngộ trai, trở về trình sự việc này với bậc Đạo Sư, Ngài dùng đó làm đề tài thuyết pháp.

C9.1.4: Loài bàng sanh.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong loài bàng sanh.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri bàng sanh, con đường đưa đến bàng sanh và hành lộ đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Đức Phật đã diễn tả cảnh khổ của bàng sanh như dưới đây.

Nguyên văn trích từ kinh Trung bộ số 129.

Này các Tỳ-kheo, có những loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền, cỏ ấy. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loài hữu tình ăn cỏ.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Ví như các Bà-la-môn chạy đến, ngửi được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng: "Chúng ta

sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Cũng vậy này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng người được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (giả can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn phân.

Này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu dôm đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy tức là các loại hữu tình sinh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Này các Tỳ-kheo, có những sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra

cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, các loại thuộc bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì? Này các Tỳ-kheo, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi, hay trong tử thi thúi, hay trong đồ ăn thúi, hay trong vũng nước, hay sinh ra trong đầm nước (nhóp)... già... hay chết trong đầm nước (nhóp). Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

Tác giả phân tích.

Nếu ngay bây giờ không lo tu gấp mà cứ hẹn từ từ sẽ tu. Nếu chết bất ngờ sanh vào bàng sanh có khổ hay không? Vì con người đa số làm ác rất khó làm người. Phước cho ai biết tu thiện nghiệp bây giờ.

C9.1.5: Loài địa ngục.

Nguyên văn kinh trích từ Tương ưng 5 - Phẩm sanh thú.

4) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Này Sariputta, Ta tuệ tri địa ngục, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri. (kinh Trung bộ số 12)

Tác giả phân tích.

Cơ hội làm người rất khó nếu ai đọc tập sách này. Hãy cố gắng tu gấp gấp nếu không tu rơi vào địa ngục rất khổ. Hãy đọc kinh Trung bộ số 130 sẽ thấy khổ ở địa ngục không tả hết được.

C9.2 Kết Luận Chương chín.

Quả khổ tương lai sau khi chết nhờ Đức Phật có Thiên nhãn minh thấy nói lại cho chúng ta biết mà lo tu giải thoát nếu ai muốn thấy các cảnh khổ địa ngục hay ngạ quỷ hay chư thiên. Hãy tu thiền định sẽ có thiên nhãn minh cũng sẽ thấy như Đức Phật.

Đạo Phật chỉ cho chứng nghiệm chứ không phải tin mù quáng như nhiều người hiểu lầm. Có một số tu sĩ trong Phật giáo tuyên bố không có các cõi trời hoặc địa ngục hay ngạ quỷ. Tội rất lớn vì họ dùng cái tưởng suy diễn trên kinh nghiệm sống của họ nhưng không thật có Thiên nhãn minh. Trong đạo Phật hãy tu cho được Tứ thiền sẽ thấy chứ dùng cái tưởng của mình nói bậy nói bạ sẽ có quả báo kiếp sau rất đau khổ.

Người tu phải thận trọng ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp, nhất là học chánh ngữ khi thấy nói thấy, không thấy nói không thấy, không biết nói không biết, biết nói biết, không nghe nói không nghe, nghe nói nghe.v.v.

Không thấy địa ngục thì nói không thấy địa ngục chứ có suy diễn không có cõi địa ngục, tội rất lớn vì con người chưa có Thiên nhãn mình chứ không phải không có địa ngục.

Ví dụ không thấy trong nước có vi khuẩn rồi tuyên bố không có vi khuẩn là sai, nhưng các nhà khoa học có kính hiển vi nên thấy có vi khuẩn nói lại. Tương tự chúng ta có đức Phật có Thiên nhãn mình nói cho chúng ta biết nên tin. Nếu thật sự muốn thấy cố gắng tu Thiền sẽ có Thiên nhãn mình.

Chương mười: 44 Căn bản trí.

I-Đại cương

Quá trình đi tìm hiểu về đạo Phật, tác giả chưa nghe những vị sư nào, những vị thầy nào nói về bốn mươi bốn căn bản trí. Tác giả có nhận xét rằng nếu không biết 44 căn bản trí thì khó hiểu và diệt được 12 Nhân duyên. Hơn nữa Đức Phật đã xác quyết ở cuối bài kinh "vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử. "

Như vậy bài kinh này rất quan trọng vì đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên để biết nó là gì, vì sao nó tồn tại, vì sao nó diệt và có cách nào để diệt nó. Nếu không áp dụng Tứ đế thì sẽ không thể nào diệt toàn bộ 12 tên tướng này. Quý vị tự mình suy tư và áp dụng Tứ đế vào 11 duyên để tạo 44 căn bản trí.

II-Bốn mươi bốn căn bản trí.

Nguyên văn kinh trích từ Tương ưng 2 - Nhân duyên.

1)... Ở Sàvatthi.

2). .. Đây các Tỳ-kheo. Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các Ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

-- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là bốn mươi bốn căn bản của trí?

4) Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, trí về con đường đưa đến già chết diệt.

5) Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt.

6) Hữu trí, hữu tập trí, hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt.

7) Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt.

8) Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí về con đường đưa đến ái diệt.

9) Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt.

10) Xúc trí...

11) Sáu xú trí...

12) Danh sắc trí...

13) Thức trí...

14) Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt.

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là bốn mươi bốn căn bản của trí. (Trích từ kinh tương ưng 2 nhân duyên).

15) Này các Tỳ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc về chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ đôi bại, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng

sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị một diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụn, thân thể hoại diệt, vất bỏ; đây gọi là chết. Như vậy là già, đây là chết. Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là già chết.

16) Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt; tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Nay các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy, biết già chết tập khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy, biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy.

18) Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập (pariyogathena) hướng dẫn thái độ (nayam) của mình đối với quá khứ và tương lai.

19) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy.

20) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ (abhijanissanti) già chết, sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí (anvaye nānam) của vị ấy.

21) Nay các Tỳ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí, pháp trí và tùy trí; nay các Tỳ-kheo, vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã

đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử. (trích từ kinh tương ưng 2).

Tác giả phân tích.

Trong các bài kinh khác, Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào 5 uẩn, dục,.v.v.. nhưng trong 11 nhân trong 12 nhân duyên, Tứ đế đã được áp dụng vào từng duyên trong 12 duyên để biết cách phá vỡ từng duyên một.

Công thức Tứ Đế là 1-Khổ đế, 2-Khổ tập đế, 3- Khổ diệt đế, 4-Khổ diệt đạo đế.

★ Khổ đế

là quả khổ, biểu thị cái gì đang hiện hữu, cái gì đang tồn tại, là các hiện tượng đang tồn tại mà 6 giác quan nhận biết được. Thông thường cái quả đã sanh ra rồi, thông thường chúng ta không biết tại sao quả có mặt.

★ Khổ Tập đế

là nguyên nhân sanh khổ hiện tại hay quả khổ trong tương lai. Thấy và biết nguyên nhân sanh ra khổ là việc rất khó. Đa số người học Phật không nhận ra được cái nhân nên đã cầu xin Bồ tát hay Phật cho hết khổ. Tất cả phải nhận ra khổ Tập bước thứ 2 sau khi đã biết quả khổ.

★ Khô Diệt đế

là diệt cái nhân sanh khổ chứ không phải diệt quả khổ. Có nhiều người học Phật hiểu lầm do không nghiên cứu về Lý Duyên diệt và các bài kinh có ví dụ về Niết Bàn. Kinh viết Lý Duyên diệt như sau:

"Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt". Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Điểm bắt đầu gọi là cái này chính là nguyên nhân sanh ra khổ. Điểm cuối gọi là cái kia chính là cái quả. Cái này không có thì cái kia không có, nếu nhân không có thì quả không có. Diệt khổ có nghĩa là khi nhân không có thì quả khổ không có.

★ Khô diệt Đạo đế

là công cụ, hay phương pháp hay con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Thông thường trong bài kinh này là con đường Bát Chánh đạo. Như vậy phải hiểu 8 ngành và mỗi ngành trừ diệt nhân gì. Ví dụ tà ngữ cần có ngành chánh ngữ để tiêu diệt, có nhiều dục lạc tức là tà tư duy phải cần có chánh tư duy. Tương tự cho các ngành khác.

Áp dụng bốn đế trên vào duyên già chết, sanh, hữu ... cho đến duyên hành sẽ giúp người học Phật biết cách diệt từng duyên.

C10.1: Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, già chết diệt đạo trí.

Già chết trí là cái biết về già chết tức là biết già là gì, biết chết là gì như đã định nghĩa trong 12 nhân duyên ở phần trên.

Già chết tập trí là biết nhân sanh già chết chính là duyên sanh. Theo Lý duyên khởi, duyên sanh đứng trước duyên già chết là nhân sanh nó.

Già chết diệt trí là biết diệt nhân sanh già chết chính là diệt cái nhân sanh.

Già chết diệt đạo trí là biết con đường bát chánh để diệt duyên sanh chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

C10.2: Sanh trí, Sanh tập trí, Sanh diệt trí, Sanh diệt đạo trí.

Sanh trí là cái biết sanh theo định nghĩa ở trên.

Sanh tập trí là cái biết nhân sanh khởi sanh là duyên hữu.

Sanh diệt trí là cái biết diệt sanh chính là diệt nhân hữu.

Sanh diệt trí là diệt cái nhân khởi ra sanh chính diệt hữu.

Sanh diệt đạo trí là cái biết bát thánh đạo để diệt hữu .

C10.3: Hữu trí, Hữu tập trí, Hữu diệt trí, Hữu diệt đạo trí.

Hữu trí là cái biết hữu là gì như đã định nghĩa phần trên.

Hữu tập trí là cái biết nhân sanh hữu là duyên thủ.

Hữu diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hữu chính là diệt duyên thủ.

Hữu diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thủ là bát chánh đạo.

C10.4 Thủ trí, Thủ tập trí, Thủ diệt trí, Thủ diệt đạo trí.

Thủ trí là cái biết thủ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thủ tập trí là cái biết nhân sanh thủ chính là duyên ái.

Thủ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thủ chính là diệt duyên ái.

Thủ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh thủ chính là bát chánh đạo.

C10.5: Ái trí, Ái tập trí, Ái diệt trí, Ái diệt đạo trí.

Ái trí là cái biết ái là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Ái tập trí là cái biết nhân sanh ái chính là duyên thọ.

Ái diệt trí là cái biết diệt nhân ái là diệt duyên thọ.

Ái diệt đạo trí là cái biết con đường bát chánh diệt thọ.

C10.6: Thọ trí, Thọ tập trí, Thọ diệt trí, Thọ diệt đạo trí.

Thọ trí là cái biết thọ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thọ tập trí là cái biết nhân sanh thọ chính là duyên xúc.

Thọ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thọ là diệt duyên xúc.

Thọ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt duyên xúc chính là bát chánh.

C10.7: Xúc trí, Xúc tập trí, Xúc diệt trí, Xúc diệt đạo trí.

Xúc trí là cái biết xúc là gì như đã định nghĩa ở phía trên.

Xúc tập trí là cái biết nhân sanh xúc chính là duyên lục nhập.

Xúc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh xúc chính là diệt duyên lục nhập.

Xúc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh xúc chính là bát chánh.

C10.8: Lục nhập trí, Lục nhập tập trí, Lục nhập diệt trí, Lục nhập diệt đạo trí.

Lục nhập trí là cái biết lục nhập (sáu nội xứ) là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Lục nhập tập trí là cái biết nhân sanh lục nhập chính là duyên danh sắc.

Lục nhập diệt trí là cái biết diệt nhân sanh lục nhập chính là diệt duyên danh sắc.

Lục nhập diệt đạo trí là cái biết về con đường diệt nhân sanh lục nhập chính là bát chánh đạo.

C10.9: Danh sắc trí, Danh sắc tập trí, Danh sắc diệt trí, Danh sắc diệt đạo trí.

Danh sắc trí là cái biết danh sắc là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Danh sắc tập trí là cái biết nhân sanh danh sắc chính là duyên thức.

Danh sắc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh danh sắc chính là diệt duyên thức.

Danh sắc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thức chính là bát chánh đạo.

C10.10: Thức trí, Thức tập trí, Thức diệt trí, Thức diệt đạo trí.

Thức trí là cái biết thức là gì như định nghĩa ở phần trên.

Thức tập trí là cái biết sanh thức chính là duyên hành.

Thức diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thức chính là diệt duyên hành.

Thức diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân hành chính là con đường bát chánh.

C10.11: Hành trí, Hành tập trí, Hành diệt trí, Hành diệt đạo trí.

Hành trí là cái biết hành là gì? là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Hành tập trí là cái biết sanh ra hành là duyên vô minh.

Hành diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hành là diệt vô minh.

Hành diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân vô minh chính là bát chánh đạo.

III- Áp dụng Tứ đế vào năm uẩn.

Trong quả Thọ khổ hiện tại có tám quả khổ nhưng có cái khổ thứ tám gọi là năm uẩn. Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào năm uẩn trong bài Kinh Tương ba về năm uẩn như sau:

Bài kinh *Thủ Chuyển*

IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58)

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỳ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Nay các Tỳ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, nay các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng nay các Tỳ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, nay các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỳ-kheo, đây được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) Này các Tỳ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

9) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như

vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!

13-15) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tướng? Này các Tỳ-kheo, có sáu tướng thân này: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tướng. Do xúc tập khởi nên tướng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tướng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tướng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa

đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỳ-kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Tóm tắt lại sự áp dụng Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vào năm uẩn như sau:

1-Bốn trí về Sắc.

- ★ Sắc uẩn trí là sự hiểu biết về sắc chính là tứ đại tạo tên sắc.

- ★ Sắc Tập trí là sự hiểu về nguyên nhân sanh Sắc chính là thức ăn.
- ★ Sắc Diệt là sự hiểu biết về sự đoạn diệt sắc chính là đoạn tận thức ăn
- ★ Sắc đoạn diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn diệt sắc chính là sự hiểu biết về con đường bát chánh: Chánh kiến, Chánh tư duy,.....Chánh niệm, Chánh định.

2-Bốn trí về Thọ.

- ★ Thọ trí là sự hiểu biết thọ chính là sáu thọ: Nhãn thọ, Nhĩ thọ, Tỷ thọ, Thiệt thọ, Thân thọ, Ý thọ.
- ★ Thọ Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Thọ chính là duyên Xúc.
- ★ Thọ Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thọ là diệt duyên Xúc.
- ★ Thọ diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thọ là bát Chánh đạo.

3-Bốn trí về Tưởng.

- ★ Tưởng trí là sự hiểu biết về Tưởng chính là sáu tưởng: Sắc tưởng, Thanh tưởng, Hương tưởng, Vị tưởng, Xúc tưởng, Pháp tưởng.
- ★ Tưởng Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Tưởng chính là duyên Xúc.
- ★ Tưởng Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Tưởng chính là diệt duyên Xúc.

- ★ Tướng diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt tướng chính là bát Chánh đạo.

4-Bốn trí về Hành.

- ★ Hành trí là sự hiểu biết hành chính là Sắc tư, Thanh tư, Hương tư, Vị tư, Xúc tư, Pháp tư.
- ★ Hành Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Hành chính duyên Xúc.
- ★ Hành Diệt trí là sự hiểu biết về diệt duyên Hành là diệt duyên Xúc.
- ★ Hành diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Hành chính là bát Chánh đạo.

5-Bốn trí về Thức.

- ★ Thức trí là sự hiểu biết về Thức chính là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.
- ★ Thức Tập trí là sự hiểu biết nguyên nhân sanh Thức chính là duyên Danh sắc.
- ★ Thức Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thức chính là diệt duyên Danh sắc.
- ★ Thức diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thức chính là bát Chánh đạo.

Có sự khác nhau về Năm uẩn này là thuộc về quả khổ hiện tại nên Danh sắc hiện tại sanh ra Thức hiện tại. Tương tự Hành này nghiệp hiện tại do duyên Xúc sanh.

Quý vị suy tư có hai Hành: Hành hiện tại và Hành quá khứ. Có hai thức: Thức mới và Thức cũ. Có hai sanh: Sanh hiện tại chính là Danh sắc và Lục nhập và sanh tương lai. Có hai vô minh: quá khứ Vô minh sanh ra Hành và hiện tại Vô minh sanh ra Hành.

IV- Áp dụng Tứ đế và Sai biệt trí, Dị thực trí .

Trong kinh Tăng chi sáu pháp, có một bài kinh tên là Một Pháp Môn Quyết Trạch rất hay bàn về áp dụng tứ đế trí và thêm sai biệt trí, dị thực trí vào các đối tượng như: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khổ. Như vậy có sáu trí áp dụng vào 6 đối tượng tạo thành 36 trí.

1- Bài kinh một Pháp Môn Quyết Trạch

Nguyên văn Pali - Việt như sau:

(IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch

1. - Nay các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Và nay các Tỳ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập (quyết trạch), pháp môn pháp?

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thực, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Nay các

Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng, cần phải biết các tướng duyên khởi, cần phải biết các tướng sai biệt, cần phải biết các tướng dị thực, cần phải biết các tướng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thực, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết nghiệp, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thực, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

3. Nay các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thực, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Các tư duy tham ái,

Là dục của con người,

*Các hoa mỹ ở đời,
 Chúng không phải là dục,
 Các tư duy tham ái
 Là dục của con người,
 Các hoa mỹ an trú
 Như vậy ở trên đời,
 Ở đây những bậc Trí,
 Nhiếp phục được lòng dục.*

4. *Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.*

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục sai biệt? Này các Tỳ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Này các Tỳ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục dị thực? Này các Tỳ-kheo, khi muốn một cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức, Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các dục dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo là dục đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy, rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dị thực như vậy, rõ biết các dục

đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các dục đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đoạn diệt, Đoạn diệt đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

5. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có ba cảm thọ này: lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

6. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ dị thực? Này các Tỳ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Và khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử đã biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ

biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thực như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

7. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng...cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có sáu tướng này: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.

8. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tướng sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các tướng sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng sai biệt? Này các Tỳ-kheo, các tướng trong các sắc là khác, các tướng trong các thanh là khác, các tướng trong các hương là khác, các tướng trong các vị là khác, các tướng trong các xúc là khác, các tướng trong các pháp là khác. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các tướng sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng dị thực? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tướng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các tướng dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tướng đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là tướng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tướng đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tướng như vậy,

rõ biết các tướng sanh khởi như vậy, rõ biết các tướng sai biệt như vậy, rõ biết các tướng dị thực như vậy, rõ biết các tướng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tướng đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tướng... cần phải biết con đường đưa đến các tướng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

9. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy? Này các Tỳ-kheo, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

10. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngã quý, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thực? Này các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy,

rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thực như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

12. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các nghiệp sanh khởi.

- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi naga quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài Người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thực? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thực: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa. Này các Tỳ-kheo, đây là các nghiệp dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai

biết như vậy, rõ biết các nghiệp dị thực như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

13. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

14. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỳ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỳ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ dị thực? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thực.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Ái đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định. Này các Tỳ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thực như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thực, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỳ-kheo, đây là thể nhập pháp môn, pháp pháp môn.

2-Tóm lược bài kinh.

Dục trí là sự hiểu về dục. Dục Tập trí là sự hiểu biết về nguyên sanh dục là Xúc. Dục diệt trí là sự hiểu biết về Dục là diệt nguyên nhân sanh dục là diệt Xúc. Dục diệt đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Dục là bát Chánh đạo. Dục sai biệt trí là sự hiểu biết về sự sai biệt về dục. Dục dị thực trí là sự hiểu biết dục dị thực .

Tương tự cho Thọ, cho Tưởng, cho Lưu hoặc, cho Nghiệp, cho Khô. Những câu trả lời về sáu trí cho sáu đối tượng. Quý vị tự điền sáu câu trả lời và cố gắng suy tư và hiểu chúng sẽ giúp quý vị sẽ giác ngộ dễ dàng.

Kết luận chương mười.

Tác giả kết luận.

Khi áp dụng tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên cho biết rằng diệt quả là diệt điểm đầu (nhân) còn điểm cuối (kết quả) sẽ mất.

Điểm bắt đầu khởi ra là Vô minh đã sinh ra Hành rồi Thức tái sinh đến quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ (Lạc hay Khổ), nếu điểm khởi đầu Vô minh không có thì bây giờ làm gì có hạnh phúc hay đau khổ. Nhưng hạnh phúc hay đau khổ đã trở ra rồi, chúng ta không thể diệt được vì đó là quả báo.

Áp dụng Tứ đế vào năm uẩn. Sự việc chấm dứt năm uẩn rất dễ dàng chỉ cần diệt nguyên nhân sanh chúng thì 5 uẩn không còn tồn tại, rất đơn giản chứ không phải thọ là không, thọ không khác không. Vì không biết Tứ đế nên dẫn đến những suy nghĩ sai lầm. Ngoài tứ đế trí còn có thêm hai trí nữa: Sai biệt trí và Dị thực trí nữa được áp dụng vào sau đối tượng: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khổ sẽ giúp quý vị nắm vững tứ đế vào những đối tượng khác nữa. Nhất là dị thực trí là loại hiểu biết về sự chín muồi về thọ hay về tưởng v.v.. rất hay và sai biệt trí là sự hiểu biết sai khác về nghiệp, về lậu hoặc để giúp quý vị hiểu sự khác về lậu hoặc và nghiệp.

Làm sao hết quả khổ hay quả lạc, Đức Phật dạy Vô minh diệt thì hành diệt thì khổ sẽ diệt nhưng hành chính là ái. Tại duyên thọ (lạc hay khổ) mà có Minh sanh thì ái diệt thì dẫn đến thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt thì khổ diệt.

Thế nào là Minh? Rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ, rõ biết con đường diệt khổ thì sanh tử hay khổ đau sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Kết Luận phần III.

Lý Duyên khởi chia làm hai phần ; Nghiệp cũ chính là khổ Tập sanh ra quả khổ hiện tại. Tại sao không gọi là lạc/khổ tập mà chỉ là khổ Tập vì tất cả sự vật vô thường (diệt) nên dù lạc đi nữa cuối cùng vẫn là khổ. Nếu không nhận ra những quả khổ hay quả lạc đang có hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi thì chúng sanh tiếp tục Vô minh trong đời sống hiện tại và tiếp tục tạo nghiệp mới nữa. Như vậy nghiệp cũ sanh ra quả khổ hiện tại tức là duyên Thọ lạc/khổ. Nếu ngay duyên Thọ mà không có giác ngộ thì Ái sanh ra tức thì mà không có thời gian. Đây là lý do tại sao mà những người sống tại gia và xuất gia không thể nào thoát khỏi tham, sân, si được. Khi có Ái sanh khởi thì tiếp tục sanh ra Thủ rồi tiếp tục sanh ra Hữu và tiếp tục sanh ra Sanh, Già chết. Như vậy muốn thoát được vòng kim cô 12 Nhân duyên thì phải diệt Vô minh thì căn Minh sanh tức là biết rõ khổ, biết rõ nguyên nhân khổ, biết rõ diệt khổ, biết rõ con đường dẫn đến diệt khổ. Nhưng đa số chúng sanh không tin tuyệt đối vào Tứ Thánh đế nên không lo tìm hiểu rất ráo. Chúng sanh cứ lo chạy theo những thứ khác mà chỉ học sơ sài về Tứ Thánh đế nên không có Minh sanh nên luân hồi mãi mãi là vậy.

Để phá tan vòng kim cô 12 Nhân duyên cần biết áp dụng Tứ đế vào 11 nhân trong 12 nhân duyên thì sẽ phá vỡ vòng kim cô này. Do vậy chương mười bàn về bốn mươi bốn căn bản trí để phá tan mắc xích 12 nhân duyên. Quý vị nên chứng nghiệm thì sẽ thoát khổ.

Người nào học Phật Pháp mà không tìm hiểu rất ráo về Lý Duyên khởi thì không thể nào diệt khổ được. Đây là những tên tướng cướp giấu mặt và che kín mà không lật mặt nạ ra thì không thể nào bắt được chúng. Có những hành giả Phật giáo ít nhận biết khổ tập là Lý

Duyên khởi nên đã uổng phí một kiếp làm người mà không giác ngộ 12 nhân duyên.

Hành giả Phật giáo nên biết áp dụng Tứ đế vào tất cả mọi trường hợp trên thế gian này. Tuy nhiên Đức Phật chỉ áp dụng Tứ đế về Khổ hoặc về Năm uẩn và vào 11 Duyên trong 12 Duyên để phá vòng khép kín gây cho chúng sanh luân hồi.

Lý duyên khởi là cực kỳ quan trọng, quý vị hãy cố gắng tìm hiểu cho tận cùng kỳ lý để thấu đáo sẽ có quả Thánh dự lưu đời này.

PHẦN IV: Diệt khổ & Con đường diệt khổ.

Đại cương

Có bài kinh Tăng chi tám pháp nói về biển có nhiều châu báu, có nhiều loại chúng sanh lớn sống trong biển, nước biển chỉ có một vị mặn dù biển bao la. Có nhiều châu báu tương ứng có bảy con đường chấm dứt khổ, có nhiều chúng sanh lớn tương ứng có tám bậc thánh. Có một vị mặn tương ứng với vị giải thoát.

Bài kinh về A-Tu-La Pahàràda

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi vua A-tu-la Pahàràda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với vua A-tu-la Pahàràda đang đứng một bên:

- *Này Pahàràda, có phải các A-tu-la thích thú biển lớn?*
- *Bạch Thế Tôn, các A-tu-la thích thú biển lớn.*
- *Này Paràhàda, có bao nhiêu sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy chúng, các A-tu-la thích thú biển lớn?*
- *Bạch Thế Tôn, có tám vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy chúng, các A-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tám?*

2. Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Vì rằng bạch Thế Tôn, vì rằng biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng,

tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

3. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

4. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nên bạch Thế Tôn đây là vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

5. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng ... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

6. Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy. Bạch Thế Tôn, vì rằng, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy, bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn,

đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như thân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như thân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình có tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ các loài chúng sanh lớn ... năm trăm do tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

- Nay Pahàràda, Tỳ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy chúng, thấy chúng, các Tỳ-kheo thích thú trong pháp và luật này?

10. - Nay Pahàràda, có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy chúng, thấy chúng, các Tỳ-kheo thích thú trong pháp và luật này. Thế nào là tám?

11. Ví như, này Pahàràda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh. Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

12. Ví như, này Pahàràda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Cũng vậy, này Pahàràda, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua,. Vì rằng này Pahàràda các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua,. Nên này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ hai do mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

13. Ví như, này Pahàràda, biển lớn không có chấp chứa xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này Pahàràda, người nào là ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng tự nhận là Sa-môn, không phải sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỳ-kheo Tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này Pahàràda, người ấy là ác giới, theo ác pháp, ... tánh tình bất tịnh ... và chúng Tăng sống xa vị ấy, nên này Pahàràda, trong pháp và luật

này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

14. Ví như, này Pahàràda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahàràda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

15. Ví như, này Pahàràda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có voi có đầy. Cũng vậy, này Pahàràda, nếu có nhiều Tỳ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi có đầy. Này Pahàràda, nếu có nhiều vị Tỳ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có voi có đầy. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

16. Ví như, này Pahàràda, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

17. Ví như, này Pahàràda, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành, nên này Pahàràdan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

18. Ví như, này Pahàràda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đây, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đây có những loại chúng sanh này: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đây có những chúng sanh này ... quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahàrāda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong pháp và luật và do thấy vậy, do thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Tác giả phân tích.

Bài kinh trên cho chúng ta biết rằng có bảy con đường để tu tập để đoạn tận những nhân sanh khổ. Sau khi tu tập sẽ dẫn đến tám bậc Thánh và sự tu tập theo tuần tự chứ không có vấn đề đốn ngộ như nhiều người tưởng tượng. Ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

Thực hành bát Thánh đạo cũng theo tuần tự từ chánh tri kiến ... cho đến chánh định đến một thời điểm chín muồi thì tâm hành giả sẽ có tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Trong Phần III đã trình bày tại sao chúng ta có mặt ở đời và phải chịu những cảm thọ khổ do bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết và cũng cho biết tại sao chúng ta sẽ có mặt trong tương lai dưới những hình tướng xấu xí mà phải nhận lãnh những cảm thọ khổ khủng khiếp. Nếu sanh vào bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục hoặc do làm nghiệp thiện sanh vào thiên giới hưởng thụ những cảm thọ sung sướng ở các cảnh trời thuộc dục giới hoặc tu thiện sẽ hưởng được những hỉ lạc của cõi sắc giới tuổi thọ vô lượng. Cứ như vậy luân hồi giữa các cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc không biết đến bao giờ thoát khỏi ba cõi đó.

Trong Phần IV sẽ trình bày cách chấm dứt khổ hay luân hồi và phương pháp hay con đường chấm dứt khổ hoàn toàn. Thông thường thế gian biết khổ nhưng không biết cách chấm dứt khổ thuộc Thánh đế thứ ba và không biết con đường dẫn đến diệt khổ thuộc về Thánh đế thứ tư. Chương 11 sẽ bàn về cách chấm dứt khổ và chương 12 chỉ con đường dẫn đến chấm dứt khổ. Chương 1,2,3,4 & 5 dành cho những người chưa biết gì về Tứ Thánh đế. Đức Phật chỉ dạy tu tập từ thấp (sơ thiện) đến vừa (trung thiện) và hậu thiện (Tứ Thánh Đế), nếu những ai chưa biết gì, chưa hiểu gì nên đọc chương 1,2,3 từ thấp lên cao.

Phần III và Phần IV sẽ giúp chúng một trong bốn bậc Thánh không còn phạm phu nữa. Sự khổ đau còn 7 kiếp hoặc hết khổ hoàn toàn.

Chương 11: Diệt khổ.

Đại cương.

Diệt khổ đế là sự diệt khổ có thật. Hành giả cần chứng ngộ chứ không phải tưởng tượng. Niết Bàn chỉ đến với hành giả đã thực hành bát chánh đạo viên mãn. Nếu không thực hành bát chánh đạo thì sự chứng ngộ Niết Bàn không có.

Đa số người học Phật hiểu lầm từ "Diệt Khổ" và tự biên tự diễn về từ này nên không thể nào chấm dứt khổ được. Trích ra đây một đoạn trong kinh Tiểu bộ 1 nói về Lý Duyên diệt như sau:

"Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này".

Lý duyên khởi là luôn luôn bắt đầu "Do cái này sanh" gọi là nhân và "Cái kia sanh" gọi là quả còn Lý duyên diệt luôn luôn cái khởi đầu (cái này) diệt thì cái cuối (cái kia) diệt. Như vậy quả khổ (cái kia) do nhân (cái này) sanh khởi, từ đó có trí tuệ khởi lên là "muốn hết khổ là diệt cái nhân thì khổ sẽ không bao giờ có. Còn quả khổ do có nhân sanh nên chấp nhận". Nếu ai thấy Lý Duyên khởi và Lý Duyên diệt sẽ có trí tuệ sanh khởi (biết được cách chấm dứt khổ). Sau khi thấy biết được cách diệt khổ sẽ phải chứng nghiệm diệt khổ tức là chứng nghiệm không còn tham, không còn sân, không còn si. Để chứng đạt diệt tham, diệt sân, diệt si cần phải tu tập một trong bảy con đường để chấm dứt khổ..

Chúng ngộ Niết bàn đồng nghĩa là tham sân si (10 kiết sử) mất từ từ đến mất hoàn toàn không còn sanh lại, trong khi phàm phu tham sân si cứ sanh rồi diệt rồi sanh lại. Có bốn bậc Thánh mà 10 kiết sử tiêu diệt từ từ cho đến khi không còn kiết sử nào.

Để hình dung Niết Bàn như thế nào? Đức Phật đã cho một ví dụ là một Khúc Gỗ trôi trên sông. Nếu Khúc Gỗ ra tới biển gọi là Niết Bàn. Bài kinh được trích từ kinh Tương ưng 4.

Niết Bàn như Khúc Gỗ đã trôi đến biển.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

200. IV. Khúc Gỗ (1) (S.iv,179)

1) Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, trên bờ sông Gangà.

2) Thế Tôn thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước sông Hằng, thấy vậy liền gọi các Tỳ-kheo:

-- Nay các Tỳ-kheo, các Ông có thấy khúc gỗ to lớn này đang trôi theo dòng nước sông Hằng không?

-- Thưa có, bạch Thế Tôn.

3) -- Nay các Tỳ-kheo, nếu khúc gỗ không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên miếng đất nổi, không bị loài Người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, nay các Tỳ-kheo, khúc gỗ ấy sẽ hướng về biển, sẽ xuôi theo biển, sẽ nghiêng nhập vào biển. Vì sao? Vì rằng, nay các Tỳ-kheo, dòng sông Hằng hướng về biển, xuôi theo biển, nghiêng trôi về biển. Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, nếu các Ông không đâm vào bờ bên này, không đâm vào bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn

trên miếng đất nổi, không bị loài Người nhật lý, không bị phi nhân nhật lý, không bị mắc vào xoáy nước, không bị mục bên trong; như vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông sẽ hướng về Niết-bàn, sẽ xuôi theo Niết-bàn, sẽ nghiêng nhập vào Niết-bàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, chánh kiến hướng về Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, nghiêng nhập vào Niết-bàn.

4) Khi được nghe nói vậy, một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài Người nhật lý? Thế nào là bị phi nhân nhật lý? Thế nào là bị mắc vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong?

5) -- Bờ bên này, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ này.

6) Bờ bên kia, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ.

7) Bị chìm giữa dòng, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với hỷ tham.

8) Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn.

9) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị người nhật lý? Ở đây, Tỳ-kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỳ-kheo bị loài Người nhật lý.

10) Và thế nào, này Tỳ-kheo, là bị phi nhân nhật lý? Ở đây, Tỳ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư Thiên: "Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên nhân

hay một loài chư Thiên!" Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị phi nhân nhật lấy.

11) Bị mắc vào xoáy nước, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức.

12) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Tỳ-kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đồng rác bần. Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong.

11) Lúc bấy giờ Nanda, người chăn bò, đứng không xa Thế Tôn bao nhiêu.

12) Rồi người chăn bò Nanda bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con không đâm vào bờ bên này, con không đâm vào bờ bên kia, con không bị chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên miếng đất nổi, con không bị loài Người nhật lấy, con không bị phi nhân nhật lấy, con không bị mắc vào xoáy nước, con không bị mục nát bên trong. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới.

13) -- Này Nanda, hãy đem trả các con bò cho người chủ.

-- Bạch Thế Tôn, chúng sẽ đi trở về. Các bò mẹ đang trông mong gặp lại các con bé của chúng.

-- Tuy vậy, này Nanda, Ông hãy trả lui các con bò cho những người chủ.

14) Rồi Nanda, người chăn bò, sau khi trả lui các con bò cho những người chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, các con bò đã được trả lui cho những người chủ. Bạch Thế Tôn, xin hãy cho con được xuất gia với Thế Tôn. Hãy cho con thọ đại giới.

15) Nanda, người chăn bò được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Sau khi thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Nanda sống một mình, an tịnh...

16) Tôn giả Nanda trở thành một vị A-la-hán nữa.

Xem hình minh họa Hình 3 trang 480

Tác giả phân tích

Để hiểu Niết Bàn rất khó nên Đức Phật cho hình ảnh khúc gỗ trôi trên sông sẽ ra biển. Nếu khúc gỗ không bị dính mắc vào bờ bên này, vào bờ bên kia, không bị hư mục bên trong, không bị chìm đắm, không bị cuốn vào nước xoáy, không bị mắc cạn vào vùng đất nổi, không bị loài người nhặt lấy, không bị loài phi nhân nhặt lấy.

Như vậy khúc gỗ tiêu biểu cho hành giả tu tập để không dính mắc vào sáu nội xứ, không dính mắc vào sáu ngoại xứ, không dính mắc năm dục trường dưỡng, không tham hỷ lạc, không ngã mạn, không thân mật với cư sĩ quá khi họ vui cùng vui theo, khi họ buồn cùng buồn theo, giữ giới hạnh mong cầu sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác, nội tâm không hôn ám (không tham, không sân, không si) thì có Niết bàn hiện tiền. Một ví dụ quá cụ thể mà Đức Phật đã nói quá rõ ràng như thế mà không nhận ra Niết Bàn như thế nào thì hành giả luân hồi mãi mãi. Tuy nhiên trong một bài kinh khác, Đức Phật đã giải thích thế nào là Pháp thiết thực hiện tại.

Pháp Thiết thực hiện tại chính là Niết bàn.

Đây là bài kinh định nghĩa Niết Bàn được trích kinh tạng chi - Ba pháp - phẩm Bà la môn.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Rồi Bà-la-môn Jànuṣṣoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànuṣṣoni bạch Thế Tôn:

- Thiết thực hiện tại là Niết bàn, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị si làm mê mờ, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vị ấy, này Bà-la-môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Tác giả phân tích.

Tham, sân, si chầm dứt hoàn toàn gọi là thiết thực hiện tại là Niết Bàn.

Không có thời gian đến để mà thấy vì khi giác ngộ thì tâm tham, tâm sân, tâm si không còn khởi ra nữa thì làm gì có thời gian đến để thấy. Giác ngộ sanh khởi do quán nhiều về tiến trình sanh diệt tham,

sân, si đến một lúc nào đó giác ngộ ra tham, sân, si sẽ không còn sanh khởi. Cho một ví dụ dễ hiểu như sau:

Có một người bạn rất tốt giúp hành giả mọi thứ đến một ngày khám phá ra rằng người bạn cướp vợ mình. Sự giác ngộ rằng bản chất người này xấu thì tính thân thiết về người bạn đó biến mất. Cũng vậy khi giác ngộ ra bản chất tham, sân, si gây cho đau khổ nếu hành giả nào nhận ra như vậy thì tham, sân, si không còn sanh lại nữa. Khi tham, sân, si không sanh lại là Niết Bàn.

Chúng nghiệm diệt khổ qua hai giai đoạn - Giai đoạn 1: Khi quả khổ đã hết gọi là Niết Bàn nhưng do không biết, không nhận ra hết khổ là Niết Bàn nên vô minh nữa sẽ sanh khởi hành tiếp nên Niết Bàn không còn nữa.

Giai đoạn 2: Biết ái là nguyên nhân sanh ra khổ và ái đoạn tận hoàn toàn không còn sanh ra quả khổ nữa. Đây là Niết Bàn vĩnh viễn.

C11.0: Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ.

Tại sao Khổ diệt cần phải chứng ngộ?

Nếu không chứng ngộ được thì sự học Phật Pháp thuần lý thuyết sẽ không thể nào thoát khổ được. Vì lý do này trong bài kinh Chuyển Pháp Luân đã tuyên thuyết "Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh."

Người học Phật cần trải nghiệm khi tham không có, khi sân không có, khi si không có và Tham, Sân, Si không bao giờ sanh khởi trở lại. Đây là Niết Bàn chứ không gì khác.

Khô diệt Thánh để cần phải chứng ngộ có nghĩa tâm hành giả đã đoạn tận 10 kiết sử rồi. Vị này chấm dứt 10 kiết sử là quả vị cao nhất ở thế gian này là bậc đáng cúng dường là ruộng phước vô thượng ở đời. Thời này rất khó gặp bậc Thánh A la hán còn ba bậc Thánh kia con người thời đại chúng ta có thể chứng ngộ được. Những mục kế tiếp được bàn về những kiết sử nào cần chấm dứt trước và sau.

C11.1 Bậc Thánh thứ nhất (Dự lưu).

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Tâm hành giả đã không còn thân kiến, không còn nghi, không còn giới cấm thủ gọi là chứng ngộ bậc Thánh dự lưu còn tái sanh lại tối đa 7 lần rồi nhập Niết Bàn.

C11.1.1 Thế nào là không thân kiến?

Dưới đây là đoạn trích từ kinh Tương ưng ba - Năm uẩn nói về không thân kiến.

Bài kinh 1

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

19) Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

24) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bệnh, nhưng tâm không có bệnh.

25) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapitā hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.

Tác giả phân tích.

Thân kiến sẽ biến mất, nếu biết quán 12 nhân duyên bắt đầu từ duyên Lục Nhập, Thức, Xúc, Thọ, Ái vì thân kiến thành hình từ các duyên đó. Có một bài kinh khác nữa giải thích cũng dễ hiểu nữa xin trích ra đây để tham khảo cho rõ ràng hơn.

Bài kinh 2.

Nguyên văn từ kinh Tương Ưng ba - Năm uẩn.

2) Dầu cho, này các Tỳ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỳ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

★ Quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành.

13-16) Này các Tỳ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức? Ở đây, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vậy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc.

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi,

do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23). .. có thể quán tưởng... có thể quán các hành...

24). .. có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể có (tà) kiến (thường kiến) như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn.

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng thường kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy

gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

- ★ Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến (đoạn kiến) như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

27) Đoạn kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỳ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Tác giả phân tích.

Bài kinh trên cho biết thân kiến bắt đầu duyên Xúc sanh ra duyên Thọ rồi sanh ra duyên Ái. Nếu nguyên nhân xa nữa từ duyên Lục nhập phát sanh ra thân kiến. Nếu biết vậy, thấy vậy thì các lậu hoặc đoạn tận lập tức đồng nghĩa thân kiến mất. Nếu không biết, không thấy Lý duyên khởi thì các lậu hoặc sanh khởi.

C11.1.2 Thế nào là không nghi?

Dưới đây là đoạn kinh trích từ kinh Tương ưng hai: Nhân duyên-phẩm gia chủ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động, đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu".

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời".

Tác giả phân tích.

Tin Phật là tin 10 Ân đức đã nêu trên, chứ nghe nói tin Phật nhưng không biết tin gì. Ý nghĩa 10 Ân đức đã giải thích trong phần Phụ lục. Biết ý nghĩa thì tin Phật mới chánh tín.

Tin Pháp là tin Pháp do Thế Tôn thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời. Ví dụ chưa học Pháp thì tham, sân, si nhiều sau khi học tham, sân, si giảm nhiều tức là có kết quả tức thì.

Tin Tăng là tin bốn đôi tức là tám bậc Thánh, khi cúng dường phước vô lượng. Có 14 hạng người để cúng dường nhưng tin Tăng là đệ tử Thế Tôn chỉ còn bốn đôi tám chúng tức là tám bậc Thánh. Trích từ kinh Trung bộ số 142.

Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người.

1-Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người.

2-Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người.

3- Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người.

4-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người.

5-Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người.

6-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người.

7-Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người.

8-Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.

Bồ thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người. Bồ thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người.

Bồ thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người. Bồ thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Chỉ cúng dường đệ tử Như Lai mà đã chứng tám bậc Thánh thì phước vô lượng.

Sau khi bồ thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

C11.1.3 Thế nào là không giới cấm thủ?

Đoạn kinh dưới đây trích từ kinh tâm hoang vu kinh trung bộ số 16.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác". Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta

với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác", tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được đoạn tận.

Thành tựu giới.

Vị ấy đầy đủ các giới đức, được bậc Thánh quý mến, không bị bề vụn, không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do, được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến Thiên định, bốn Dục lưu chi này được đầy đủ.

4) Thế nào là năm sợ hãi, hận thù được nhiếp phục?

5) Đây Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

6) Đây Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

7) Đây Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục vọng, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

8) Đây Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người nói láo, và duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể

cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

9) Nay Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người đắm say rượu men, rượu nấu, và duyên đắm say rượu men, rượu nấu đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt đắm say rượu men, rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Như vậy, năm sợ hãi, oán thù này được nhiếp phục.

C11.1.4 Có một phương pháp khác chứng bậc Thánh Dự lưu.

Thông thường tin Phật, tin Pháp, tin Tăng bất động và thành tựu năm giới là bậc Thánh Dự lưu. Tuy nhiên trong kinh Trung bộ và kinh Tương ưng 5, cho biết rằng biết rõ Tứ Thánh đế cũng chứng Thánh Dự lưu xin trích dẫn ra đây.

★ Theo kinh Trung bộ số 2 - Các lậu hoặc.

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Nay các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Theo kinh Tương ưng - Đại phẩm - Tương ưng Sự thật.

Núi Sineru (1) (Tu Di) (S.v,457)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) -- Ví như, này các Tỳ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay núi chúa Sineru?

-- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với núi chúa Sineru.

4) -- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Qua hai bài kinh trên xác quyết rằng giác ngộ Tứ Thánh đế là bậc Thánh Dự lưu.

Những hành giả đã tìm hiểu và biết rõ Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt tức là đã biết Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế đồng nghĩa quý vị đã rõ biết Tứ Thánh đế là quả dự lưu rồi.

C11.2 Bậc Thánh thứ hai (bậc Thánh nhất lai)

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ và tham sân muội lược. Tâm hành giả không còn ba hạ phần kiết sử và tham, sân giảm thiểu nhiều gọi là chứng nghiệm bậc Thánh nhất lai chỉ còn tái sanh một lần nữa là nhập Niết Bàn.

- ★ Ba kiết sử đã trình bày ở trên (mục 11.11.1) còn tham sân muội lược.
- ★ Thế nào là tham, sân muội lược.

Có Chánh tri kiến sẽ đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ nhưng không tham sân vào những cái gì có thể hại chúng sanh khác. Nhưng tham, sân giảm thiểu nhiều theo thời gian chưa thể đoạn tận tham sân hết được, chỉ muội lược thôi. Thông thường có chánh kiến thì tham sân sẽ không tăng nữa.

C11.3 Bậc Thánh thứ ba (bậc Thánh bất lai)

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân. Tâm hành giả không còn 5 hạ phần kiết sử gọi là chứng ngộ bậc Thánh bất lai. Sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi sắc giới tịnh cư thiên hưởng tuổi thọ vô lượng và khi hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn ở cõi đó.

C11.3.1 Không thân kiến, không nghi, không giới cấm thủ.

Xem C11.1, C11.2, C11.3 ở phần trên.

C11.3.2 Thế nào tham, sân đoạn tận hoàn toàn?

Tham sân đoạn tận hoàn toàn tức là hành giả không còn trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc nữa. Để thực hiện điều này cần tu tập chánh niệm trong bát chánh đạo mới chấm dứt tham, sân vĩnh viễn. Cần tu Chánh niệm liên tục sẽ biết vì sao tham sanh khởi, sẽ biết vì sao tham đoạn diệt.

C11.4 Bậc Thánh A la hán

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân và năm thượng phần kiết sử: Ái sắc giới. Ái vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Tâm hành giả đã biết không còn 10 kiết sử gọi là chứng ngộ A la hán. Sau khi thân hoại mạng chung thì nhập Niết bàn và không còn tái sinh lại bất cứ hình thức nào trong tam giới. Có nhiều quan điểm trong Phật giáo cho rằng vị Thánh A la hán phát nguyện ở lại thế gian và độ chúng sanh sau đó sẽ thành Phật A La Hán Chánh đẳng giác. Đây là quan điểm sai lầm, quý vị cần phải tìm hiểu lý duyên khởi trong kinh tương ưng 2, nếu không muốn tái sinh vào địa ngục do chấp quan điểm sai lầm dù có nhân danh tôi là Phật tử đã quy y tam bảo.

C11.4.1 Đoạn tận năm hạ phần kiết sử như bậc Thánh bát lai.

Xem phần đoạn tận năm hạ phần kiết sử ở trên.

C11.4.2 Đoạn tận năm thượng phần kiết sử.

Đoạn tận năm thượng phần kiết sử không quan trọng lắm, theo kinh Nikaya, những vị nào đã chứng bậc Thánh bát lai sanh vào cõi sắc giới hưởng hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn.

Vì vậy việc tìm hiểu năm thượng phân kiết sử cũng khó.

Không dính mắc hay trói buộc vào sắc giới (bốn tầng thiền), biết những hỉ lạc các cõi trời như vậy không bám vào nó vì nó hữu vi rồi biến hoại nên giải thoát. Không dính mắc vào bốn tầng thiền vô sắc giới, biết chúng hữu vi, biến hoại nên không bám chặt nó nên tâm không chấp thủ. Mạn không còn so sánh hơn người hay bằng người hay thua người. Không còn Trạo cử là không còn lao chao, hoàn toàn định tĩnh. Vô minh chấm dứt vì đã biết rõ lậu hoặc, biết rõ nguyên nhân lậu hoặc, biết rõ diệt lậu hoặc, biết rõ con đường dẫn đến diệt lậu hoặc.

C11.5 Chứng bậc Thánh A La Hán đồng nghĩa Sanh đã tận.

Trong kinh kinh Tương Ưng 2 - Thiên Nhân duyên nói về ý nghĩa sanh đã tận xin trích dẫn sau đây:

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

1) ... *Trú ở Sàvatthi.*

2) *Rồi Tỳ-kheo Kalàra Khattiya (dòng Sát-đế-ly) đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.*

3) *Ngồi xuống một bên, Tỳ-kheo Kalàra Khattiya nói với Tôn giả Sàriputta:*

-- *Này Hiền giả Sàriputta, Tỳ-kheo Moliyaphagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục.*

-- Vậy vị Tôn giả ấy, không tìm được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

4) -- Vậy Tôn giả Sàriputta đã đạt được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

-- Nay Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì!

5) -- Nay Hiền giả, còn đối với tương lai?

-- Tôi không có băn khoăn, nay Hiền giả.

6) Rồi Tỳ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, Tỳ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thế Tôn:

-- Con được biết, bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta tuyên bố được chánh trí như sau: "Sanh đã tận; Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm; không còn trở lại trạng thái này nữa".

8) Rồi Thế Tôn gọi một Tỳ-kheo:

-- Nay Tỳ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Sàriputta: "Hiền giả Sàriputta, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

9) -- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta: "Bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả".

10) -- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tỳ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

II

11) *Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:*

-- *Này Sàriputta, có đúng sự thật chẳng là Ông có tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- *Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy.*

12) -- *Vậy với pháp môn nào, này Sàriputta, Thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố.*

13) -- *Bạch Thế Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy".*

14) -- *Nếu họ có hỏi Ông, này Sàriputta: "Ông biết như thế nào, này Sàriputta, Ông thấy như thế nào mà Ông tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa'?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?*

15) -- *Nếu họ có hỏi con, bạch Thế Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta đã biết, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:*

16) *"Vì rằng này Hiền giả, trong (danh từ) tận diệt, ta hiểu được là sự tận diệt của nhân, chính do nhân ấy sanh sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong (danh từ) tận diệt, ta mới biết: 'Sanh đã*

tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

Được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

17) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

18) -- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân... (như trên)... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Sanh lấy hữu làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

19) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

20) -- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "Hữu lấy thủ làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

21) -- Nay Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, thủ lấy gì làm nhân... (như trên)..".

22-23) -- Và này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

24) -- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì hiện hữu?". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, ái lấy thọ làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

25) -- Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Làm sao, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

26) -- Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

27) "Này Hiền giả, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, ba cảm thọ này vô thường, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời cảm thọ diệu lạc ấy không tồn tại".

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

28) -- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.

29) -- Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?'" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

30) -- *Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Hiện giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: 'Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:*

31) *"Do tự giải thoát, chư Hiền giả, do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy, các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy, và ta không chấp nhận tự ngã".*

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

32) -- *Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: Những cái gì được vị Sa-môn gọi là lậu hoặc, ta không còn nghi ngờ gì nữa, chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa.*

33) *Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.*

Tác giả phân tích.

Khi một vị đã chứng A La hán tuyên bố: ""Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa""?

Có nghĩa là vị này phải giác ngộ Lý Duyên khởi tức là giác ngộ 12 Nhân Duyên. Ngày nay có những nhà tu không học hoặc không chịu tìm hiểu Lý Duyên khởi cho rốt ráo thì thử hỏi các vị đó có thoát khỏi sanh tử hay không? Theo tác giả dù có tu muôn kiếp cũng không bao giờ thoát khỏi luân hồi mặc dù nhân danh mình là đệ tử của Thế Tôn Gotama. Vì 12 Nhân duyên là con đường xưa cũ mà các vị Chánh Đẳng Giác xưa và nay đều phải bước trên con đường này. Chúng ta là ai mà không bước theo các Ngài. Do đó Phần III đã

bàn kỹ về Lý Duyên khởi nên những người nào muốn thoát khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới cần phải biết và chứng nghiệm Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt thì may ra thoát được sanh tử.

C11.6 Kết luận về Chương 11.

Chương này cho biết sự chứng ngộ diệt khổ là tâm hành giả biết rõ những kiết sử không còn khởi lên trong tâm hành giả gọi là chứng ngộ Diệt khổ. Ngày nào còn kiết sử trong tâm thì không có chứng ngộ sẽ phải luân hồi. Người tu tập Phật cần nhận diện 10 kiết sử trên hay đơn giản là sáu ái (sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái) hay dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Để 10 kiết sử (tham, sân, si) hay sáu ái biến mất không phải ngồi tụng kinh hay cầu nguyện hay cầu xin ai đó cho hết tham, sân, si. Chuyện đó không tưởng, không bao giờ xảy ra. Như vậy cần thực hành bát Thánh đạo, chắc chắn mười kiết sử hay tham sân si sẽ biến mất. Chương 12 sẽ nói chi tiết về bát Thánh Đạo để thực hành và chấm dứt mười kiết sử hoàn toàn.

Chương 12: Con đường diệt khổ.

a-Đại cương.

Đạo đế là một con đường có thật để chấm dứt nguyên nhân sanh khổ. Trên thế gian này khi nào có cái âm thì có cái dương đối nghịch để cân bằng ví dụ có tối thì có sáng, có xấu thì có tốt, có sanh thì có chết gọi chung một vế là âm và vế kia là dương để quân bình. Tương tự có con đường tà thì sẽ có con đường chánh nghịch với tà. Nói một cách tổng quát nơi nào có âm thì nơi đó có dương, nơi nào có dương thì nơi đó có âm.

b-Tổng thuyết & biệt thuyết của bát chánh.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỷ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc, xả

khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy. (trích từ kinh Trung bộ số 141)

c-Chánh đạo và tà đạo

Khi có Tập đế sanh khởi gọi là Tà đạo khi nào Tập đế diệt gọi là Chánh đạo như kinh Tương ưng 2 viết như sau:

III. Con Đường... (S.ii,4)

1). .. Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) -- Đây các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) -- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà đạo? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xú; sáu xú duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tà đạo.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh đạo? Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xú diệt. Do sáu xú diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là chánh đạo.

Xem hình minh hoạ : Hình 4 trang 480.

Tác giả phân tích.

Như vậy Tập đề nói đơn giản là Tham, Sân, Si hoặc Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái hoặc Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái hoặc nói rộng hơn là 10 kiết sử hoặc chi tiết hơn là 12 Nhân duyên. Tuy nhiên quy Tập đề về Bát Tà là Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng, Tà tinh tấn, Tà niệm, Tà định gọi chung là Âm và đối nghịch là Bát Chánh là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định gọi chung là Dương.

Nếu hằng ngày mà thực hành Bát Tà sẽ dẫn đến luân hồi. Đa số chúng sanh thực hành tà đạo suốt ngày, năm này qua năm nọ. Nhưng

không hề hay biết có một con đường chánh trừ diệt con đường tà để chấm dứt khổ đau. Thực hành Bát chánh nhiều sẽ thắng Bát tà. Nếu thực hành bát chánh quá ít thì bát tà sẽ thắng.

Nếu tâm chúng ta hằng ngày thực hành bát chánh viên mãn thì bát tà không sanh khởi nữa. Đây là bậc Thánh thứ nhất hoặc bậc Thánh thứ hai hoặc bậc Thánh thứ ba hoặc bậc Thánh thứ tư. Ngược lại hằng ngày theo Bát tà là phàm phu nên phải khổ đau.

Cần phải tu tập con đường dẫn đến diệt khổ.

Kinh Chuyển Pháp Luân đã viết: "Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh."

Đức Phật đã khuyến giáo cần phải tu tập con đường đưa đến khổ diệt. Quan trọng hơn nữa là những hành giả đã tu tập đồng nghĩa những kiết sử không còn nữa. Đức Phật đã khuyến giáo tu tập như vậy nhưng chúng ta chẳng thực hành gì hết thì kiết sử vẫn còn. Con đường tà đạo sẽ dẫn đến luân hồi lâu dài.

Bài kinh sau đây được trích từ kinh tương ưng 5 - Tương ưng Đạo.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

7.VII. Một Tỳ Kheo Khác (2) (S.iv,8)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến...

3) Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là *nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*?

-- Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là *nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si*, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.

4) Khi được nói vậy, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Bất tử, bất tử*", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là *bất tử*, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến *bất tử*?

-- Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỳ-kheo, được gọi là *bất tử*. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến *bất tử*, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Tác giả phân tích.

Mục đích thực hành Thánh đạo tám ngành có mục đích duy nhất đoạn tận tham, sân, si.

Thông dụng nhất là Bát Thánh đạo được nói nhiều nhứt trong 5 bộ kinh Nikaya. Tại sao?

Những nguyên nhân khổ có thể tóm lại là Tham, sân, si hoặc 10 kiết sử hoặc 12 Nhân duyên. Có con đường nào sẽ đoạn tận tất cả nguyên nhân khổ có thể xảy ra. Con đường duy nhất là Bát chánh sẽ đoạn tận cả Kiết sử có thể xảy ra. Đây là lý do chính mà Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám ngành trong bài kinh Chuyển Pháp Luân và cũng đã nhắc lại vào giờ cuối cuộc đời của Ngài trong bài kinh Đại Bát Niết Bàn. Như vậy Bát Thánh đạo sẽ diệt được tất cả những kiết sử có thể. Còn những con đường khác chỉ trừ diệt một số nguyên nhân hoặc một số kiết sử chứ không thể trừ được tất cả kiết sử. Thế

Tôn có tha tâm thông biết Tỳ Kheo nào có kiết sử gì và không có kiết sử gì. Ngài thuyết con đường khác đơn giản để trừ kiết sử mà vị Tỳ kheo đó có thôi.

Nếu ai học Toán biết phương trình bậc hai có phương trình tổng quát là $Y=ax^2 +bx +c$ nhưng có phương trình đặc biệt có thể xảy ra là $b=0$ hay $c=0$ hoặc cả $b=0$ và $c=0$.

Tương tự Bát Thánh đạo giống như là một phương trình có đầy đủ các hằng số a, b, c còn những con đường đặc biệt khác giống như phương trình đặc biệt khi $b=0$ hay $c=0$.

Tập sách này chỉ bàn thảo chi tiết về con đường bát Thánh đạo là chính và con đường đặc biệt là Tứ Niệm xứ. Những con đường đặc biệt khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc, Thất giác chỉ dành cho những vị Tỳ kheo đặc biệt.

Người học Phật có thể chọn một trong bảy con đường vừa nêu trên để tu tập với mục đích duy nhất là diệt nhân sanh quả khổ trong tương lai. Trong tập sách này chọn Thánh đạo tám ngành là con đường thực hành hằng ngày nên người học Phật cần tìm hiểu cho tường tận Thánh đạo với Tám ngành.

Những ai bước đi trên con đường Bát chánh chắc chắn sẽ đoạn tận 10 kết sử hoặc đoạn tận tham, sân, si hoặc diệt 12 nhân duyên sẽ hết khổ đau.

C12.1 Chánh tri kiến.

Đại cương

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tà kiến, này các Tỳ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến. Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn. (trích từ Đại kinh Bốn mươi số 117).

Tác giả phân tích.

Tà kiến là nguyên nhân sanh khởi khổ nên tu tập chánh kiến thì trừ diệt được tà kiến. Nếu chánh kiến hiện hữu thì tà kiến mất. Nếu không tu tập chánh kiến thì tà kiến luôn luôn sanh khởi.

Một định nghĩa khác về Chánh kiến nữa trong kinh Trung bộ số 141 viết như sau:

Thế nào là Chánh tri kiến ?

Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Thế nào là minh?

Một định nghĩa khác về Minh trong kinh Tương ưng 5 viết như sau:

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

Rồi một Tỳ-kheo... ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

Này Tỳ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỳ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Do vậy, này Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Tác giả phân tích.

Minh và Chánh tri kiến là đồng nghĩa, tuy nhiên từ dùng có khác nhau nhưng nội dung giống nhau. Trước khi đi sâu vào định nghĩa Chánh tri kiến, chúng ta cần tìm hiểu Thức là gì. Nếu người học Phật không tìm hiểu từ ngữ Thức trong kinh Nikaya cho rõ ràng cho dù người học Phật có đọc hết 5 bộ kinh đi nữa cũng không tu tập được.

Thức do duyên 6 nội xứ và 6 ngoại xứ theo định nghĩa trong kinh Đoạn tận ái.

- Nhãn thức do duyên mắt và duyên sắc.
- Nhĩ thức do duyên tai và duyên thanh.
- Tỉ thức do duyên mũi và duyên hương.
- Thiệt thức do duyên lưỡi và duyên vị.

- Thân thức do duyên thân và duyên xúc.
- Ý thức do duyên ý và duyên pháp.
- Thức là dịch từ tiếng tàu, có nghĩa là biết.

Theo sự quan sát người viết cái biết sanh khởi theo thứ tự: 1-Mắt chỉ là bộ phận là phương tiện để Tâm biểu lộ ra ngoài qua mắt và có nhiệm vụ thu hình ảnh cảnh sắc đưa vào tâm gọi là ảnh sắc lưu trong tâm lần thứ nhất 2-Sau khi đã lưu giữ ảnh sắc rồi lần thứ hai gặp cảnh sắc và so sánh giống nhau giữa ảnh sắc cũ và ảnh cảnh sắc vừa thấy sẽ phát sanh ra cái biết của mắt.

Từ ngữ rõ biết được giải thích như dưới đây:

Thức là biết một phần của cảnh sắc lúc ban đầu, còn rõ biết là biết đầy đủ từ lúc sanh đến lúc diệt. Biết rõ chỉ thuần quan sát và ghi nhận sự vật thông qua mắt hay qua tai ... qua ý mà không suy diễn hay không tưởng tri, còn rõ biết là biết sự vật qua bốn giai đoạn sanh, trụ, hoại, diệt do sự quan sát và ghi nhận.

C12.1.1: Rõ biết khổ.

Rõ biết là một động từ cần có một danh từ theo sau là sự khổ nhưng khổ là quả là cái gì hình thành rồi. Có tất cả tám cái khổ như đã nói trong chương hai nhưng cần phân biệt khổ do nghiệp quá khứ tạo thành và do nghiệp mới đã tạo trong kiếp sống hiện tại.

Khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết do nghiệp quá khứ tạo thành không có nghi ngờ còn những cái khổ như ái biệt ly, ghét mà gặp, cầu bất đắc có thể do nghiệp quá khứ hay do nghiệp hiện tại. Nếu xét rằng mình không tạo nghiệp trong kiếp này mà có những quả khổ

như vậy suy ra biết được do quá khứ nên chấp nhận còn nếu biết đã tạo nghiệp hiện tại thì quả khổ trở ra cũng nên chấp nhận. Khổ có thể chứng nghiệm gián tiếp qua mắt như thấy những người chung quanh mình đau khổ hoặc tự bản thân trải nghiệm khổ. Nếu đã chứng nghiệm khổ rồi nên suy tư từ đâu có những quả khổ bất công hoặc có những may mắn bất ngờ thì Đức Phật chỉ cho con người chân lý thứ hai gọi là Khổ tập Thánh đế.

C12.1.2: Rõ biết nguyên nhân khổ.

Có hai nguyên nhân sanh khổ: Nghiệp quá khứ và nghiệp hiện tại.

- Nghiệp quá khứ đã được trình bày trong chương sáu nhưng trong chương 12 bàn sơ lược.

Có thể biểu thị bằng những mũi tên dễ hiểu như dưới đây.

Vô minh ► Hành ► Thức ► Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ

Như vậy những nhân sinh cảm thọ khổ là duyên Xúc, Lục nhập, Danh sắc, Thức, Hành, Vô minh. Quả khổ hay quả lạc mà loài người đang hưởng không có đơn giản phụ thuộc nhiều duyên rất phức tạp nhưng có Thế Tôn Gotama đã khám phá và đã chỉ lại nên người học Phật không vất vả đi tìm kiếm nữa. Bây giờ hãy tìm hiểu rõ ràng về những duyên vừa nêu trên, đã nói trong chương sáu và chương bảy. Ngày nào chưa biết những cảm thọ hạnh phúc hay đau khổ do đâu mà sanh cho dù quý vị có đọc bao nhiêu sách vở cũng không chấm dứt khổ.

- Nghiệp hiện tại cũng đã nói trong chương 8, quý vị quay về đọc cho kỹ còn ở đây tóm tắt.

- Có thể biểu thị bằng mũi tên dễ hiểu hơn.

Ái ► Thủ ► Hữu ► Sanh ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Như vậy nghiệp hiện tại có các duyên như Ái, thủ, hữu sẽ sanh quả khổ tương lai sanh, già chết sầu bi khổ ưu. Nghiệp hiện tại (nghiệp mới) rất khó thấy, khó nhận diện, rất vi tế do vậy người học Phật phải lo nhận diện nó sau đó mới diệt nó. Điều này nan giải cho những người tu Phật ngày nay, nhất là hàng cư sĩ khó nhận diện Ái là nhân sanh khổ còn hàng tu sĩ không hơn gì hàng cư sĩ mặc dù đã từ bỏ đời sống gia đình sống không gia đình nhưng khi vào chùa bị truyền thống chi phối rất nặng cũng như bị danh vọng, lợi dưỡng, cung kính cho nên ba con rắn độc tham, sân, si chi phối và điều khiển đã làm con người sống vào thời đại vật chất phong phú không thoát khỏi đau khổ trong vòng luân hồi.

Nghiệp hiện tại trở ra ba thời, hiện tại, sau khi chết, sau đó một lần nữa nhưng bất định khi chưa thoát khỏi vòng luân hồi. Trong kinh Nikaya cho biết rằng đã tạo nghiệp khi đang sống kiếp hiện tại này sau khi chết có thể rơi vào địa ngục, khi trả quả địa ngục xong lên làm thân người lại trả một lần nữa. Như ngài Mục Kiền Liên đã tạo nghiệp bất hiếu giết cha mẹ đã bị đọa vào địa ngục nhiều ngàn năm, trăm ngàn năm trong địa ngục cho đến khi chứng bậc Thánh A la hán mà còn phải trả dư tàn sót lại trước khi nhập Niết Bàn. Ngài đã bị ngoại đạo chém ngài và thân ngài bị xé ra nhiều mảnh nhưng chưa chết và đã giữ thân về gặp Phật xong mới nhập Niết Bàn. Ngài là đại Thánh thanh văn có đệ nhất thần thông nhưng nghiệp trở rồi không sao tránh khỏi quả báo.

Để thấy Ái là nhân sanh khổ tương lai có nghĩa sau khi chết, cần quan sát duyên thọ nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm sẽ biết và giác ngộ ra rằng thọ lạc làm cho con người dính mắc và thọ khổ

làm cho con người thoát ra sự dính mắc. Nếu có ai giác ngộ rằng tất cả những sự vật trên thế gian có những cảm thọ hạnh phúc sau đó sẽ có cảm thọ những đau khổ theo sau. Quý vị thoát khỏi sự ràng buộc dính mắc thọ lạc và giải thoát còn nếu không giác ngộ khi có thọ lạc sẽ sanh ra sự dính mắc và đi luân hồi.

Giác ngộ duyên thọ thì duyên Ái sẽ diệt thì dẫn đến Thủ diệt rồi sẽ dẫn đến Hữu diệt rồi sẽ dẫn đến Sanh diệt, sẽ dẫn đến già chết, sầu bi, khổ ưu não diệt. Tóm lại Ái diệt không sanh lại thì mới hết khổ còn sanh lại phải khổ. Người tu Phật cố gắng nhận diện Ái là tướng cướp xong diệt Ái (tướng cướp) sẽ hết khổ. Vì vậy đề thứ ba về diệt khổ chỉ cho con người biết diệt khổ là gì.

C12.1.3: Rõ biết diệt khổ.

Có nhiều người hiểu sai về từ " DIỆT KHỔ" do vì không phân biệt sự khác nhau giữa nhân (tập) và khổ (quả). Do đó tưởng rằng khi có quả khổ mà lo diệt như đi chùa cầu trời, cầu Phật, cầu bồ tát, đi kiếm những người khác cứu mình v.v.. Điều này sai hoàn toàn vì thiếu hiểu biết Lý nhân quả nên những hiện tượng cầu xin, van xin thường xảy ra. Nếu hiểu biết lý duyên khởi " CÁI NÀY SANH, CÁI KIA SANH " thì quả khổ sanh do con người đã tạo cái này (nghiệp) thì tự động có cái kia sanh tức là quả khổ. Người học Phật muốn diệt khổ hay hết khổ là diệt cái này (nhân) thì cái kia (khổ) sẽ hết. Nhưng do vô minh đã tạo nhân (nghiệp) khi đủ duyên trở ra khổ rồi có cầu ai cũng vô ích. Như vậy biết cách hết khổ là tiêu diệt nhân tham, diệt nhân sân, diệt nhân si bằng phương pháp hay con đường Bát chánh dẫn đến diệt khổ trong mục kế tiếp.

C12.1.4: Rõ biết con đường diệt khổ.

Đức Phật dạy những phương pháp hay những con đường có mục đích để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si hay đoạn tận 10 kiết sử. Có tất cả bảy phương pháp hay bảy con đường để diệt tham, diệt sân, diệt si. Trong tập sách nói hai con đường là Thánh Đạo tám ngành và Tứ niệm xứ còn năm con đường kia người học Phật vào đọc kinh tương 5 chỉ dạy khá rõ ràng. Thật sự tu tập Thánh đạo Tám ngành sẽ diệt tất cả 10 kiết sử. Vì tác giả có nhận xét từ ngày đầu Đức Phật chuyển Pháp Luân đã giới thiệu Thánh Đạo tám ngành và cho đến vài giờ trước khi nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo có bốn bậc Thánh. Do đó chọn Thánh Đạo tám ngành tu tập là hợp lý nhất do phù hợp cho tất cả mọi người muốn tu giải thoát.

C12.1.5 Kết Luận về Chánh tri kiến.

Chánh tri kiến đứng đầu trong bát Thánh đạo rất quan trọng, người học Phật cố gắng tìm hiểu cho rõ ràng về Tứ Thánh đế thì khổ đau chỉ còn bảy kiếp luân hồi thôi. Dù ai tu cỡ nào mà không có Chánh tri kiến như đã được nói trong kinh Pali - Việt thì xem như công trình tu tập trở thành vô dụng. Vì vậy những ai hữu duyên với cuốn sách này hãy cố gắng rõ biết Bốn Chân Lý mà Đức Phật đã thuyết trong kinh Chuyển Pháp Luân.

C12.2 Chánh Tư duy.

Đại cương

Có Chánh Tư duy là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường suy nghĩ ly dục, suy nghĩ vô sân, suy nghĩ vô hại nếu không suy nghĩ theo con đường Bát Chánh thì chúng ta sẽ luân hồi khổ dài dài.

Nguyên văn kinh Pali - Việt trích từ kinh Trung bộ số 117.

- ★ *Tà tư duy, này các Tỳ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy. Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.*

Thế nào là chánh tư duy?

Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy. (Trích từ kinh Trung bộ số 141).

- ★ *Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý. (Trích từ kinh Tăng chi sáu pháp - Một pháp quyết trạch).*
- ★ *Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. (Trích từ kinh Tương ưng ba-Năm uẩn).*
- ★ *Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.*

Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi. (Trích từ kinh Tăng chi sáu pháp - Một pháp quyết trạch).

★ *Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về giới" (Trích từ kinh Trung bộ số 115).*

Tác giả phân tích.

Dựa vào những trích dẫn trên từ trong kinh cho biết rằng nghiệp là sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Như vậy có hai hướng để tạo nghiệp là Chánh tư duy và Tà tư duy. Nếu hằng ngày tu tập Chánh tư duy sẽ dẫn đến nghiệp thiện và ngược lại là Tà tư duy dẫn đến nghiệp ác. Người học Phật cần thực hành những suy nghĩ thiện sẽ dẫn đến những quả tốt đẹp tương lai nếu không sẽ rơi vào những suy nghĩ ác dẫn đến quả khổ về sau. Có ba suy nghĩ thiện cần tu tập hằng giờ, hằng ngày là suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn, suy nghĩ từ bỏ sân hận và suy nghĩ từ bỏ lòng hại chúng sanh. Nếu thực hành viên mãn thì Tà tư duy không sanh khởi tức là tu tập thành công rồi. Hơn nữa tâm dục, tâm sân, tâm hại là những nhân sanh khổ nên hành giả cần thực hành bằng cách suy nghĩ nhiều về ly dục, bằng cách suy nghĩ nhiều về ly sân, bằng cách suy nghĩ nhiều về ly hại hằng giờ, hằng ngày. Có làm như vậy nhuần nhuyễn khi có duyên xúc thì dục, sân, hại không sanh khởi. Ngược lại không suy nghĩ ly dục, không suy nghĩ ly sân, không suy nghĩ ly hại, khi gặp duyên xúc thì tà tư duy khởi lên tức thì. Cho một ví dụ một người lính bảo vệ thành cần đề cao cảnh giác, có súng ống đầy đủ thì kẻ địch không thể nào xâm nhập vào thành hại người lính được. Tương tự hằng ngày không tu

tập Chánh tư duy thì kẻ địch Tà tư duy sẽ xâm phạm tâm và sẽ tạo nghiệp ác khổ đau lâu dài.

C12.2.1: Suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn.

Như đã trích dẫn ở trên nói về dục trưởng dưỡng nếu không suy nghĩ từ bỏ dục thì nó sẽ trở thành dục lậu sanh vào người hoặc chư thiên, hoặc ngạ quỷ, hoặc bàng sanh, hoặc địa ngục. Sự tu tập chỉ về sự ham muốn rất quan trọng Dục do xúc sanh khởi nên bớt tiếp xúc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc thì dục sẽ sanh khởi ít nhưng khi xúc sanh khởi nên suy nghĩ đến đau khổ khi muốn đối tượng đó, hoặc suy nghĩ về ham muốn sẽ làm mình khổ và làm người khác khổ thì sự ham muốn sẽ được dập tắt. Hành giả tham khảo thêm bài kinh Trung bộ số 19 .

C12.2.2: Suy nghĩ từ bỏ sự sân hận.

Khổ do duyên xúc sanh khởi nên tâm sân khởi lên. Vì vậy tâm thường suy tư để tổng đối tượng đó và không muốn có đối tượng hiện hữu. Hành giả nên suy nghĩ ngược lại là không nên ghét bỏ nó vì duyên thọ khổ cũng vô thường, cũng sẽ biến mất. Nếu không suy nghĩ ly sân thì sân khởi lên hậu quả sẽ hại mình và hại người và sẽ sanh vào các cõi ác rất đau khổ. Hành giả tham khảo kinh Trung bộ số 19.

C12.2.3: Suy nghĩ từ bỏ sự tàn hại .

Thường có tâm ham muốn và sân hận thì nghĩ đến hại người hay hại chúng sanh khác. Điều này vừa hại mình vừa hại người sẽ dẫn đến sanh vào các cõi ác rất đau khổ. Hành giả có thể tham khảo thêm kinh Trung bộ số 19.

C12.3.4 Kết Luận về Chánh tư duy.

Chánh tư duy là một ngành rất quan trọng trong bát Thánh đạo vì Tư duy là nghiệp. Tà tư duy là nghiệp ác sẽ trở thành những quả khổ trong hiện tại và kiếp sau. Chánh tư duy là nghiệp thiện sẽ trở thành những quả hạnh phúc đời này và đời sau. Những người học Phật mà biết tu tập Chánh tư duy sẽ thoát đau khổ. Quý vị có thể tham khảo kinh Song tầm Trung bộ số 19 sẽ giúp hành giả biết cách tư duy để không hại mình và không hại người. Chắc chắn quý vị sẽ hết khổ vĩnh viễn.

C12.3 Chánh ngữ.

Đại cương.

Có chánh ngữ là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường cần thực hành để không luân hồi, nếu không thì luân hồi dài lâu.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, do chánh ngữ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh ngữ. Và những thiện pháp được chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Có chánh ngữ đang đi trên con đường chứng Thánh, vì vậy có khó cũng phải thực chánh ngữ để trở thành Thánh, ngược lại là phạm phụ sẽ đau khổ lâu dài.

Hành giả cần tu tập chánh ngữ cho thuần thực hay viên mãn thì tà ngữ sẽ biến mất. Nếu không tu tập Chánh ngữ thì tà ngữ sanh khởi liên tục. Học thuộc và suy tư tại sao cần tu tập Chánh ngữ hằng ngày. Nếu hành giả hiểu rồi thì thực hành liên tục sẽ thành tựu Chánh ngữ.

C12.3.1: Không nói láo.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

★ *Này các Tỳ-kheo, có tám thánh ngôn này. Thế nào là tám?*

Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết, thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết.

★ *Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.*

Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không

phản lại lời hứa đối với đời. Nay các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

Những gì vừa trình bày ở trên gọi là không nói láo được trình bày rất rõ ràng giúp người học nói đúng Chánh ngữ thì mới trở thành Thánh được còn nếu không làm được gọi là phạm phư.

C12.3.2: Không nói hai lời.

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp

C12.3.3: Không nói lời độc ác.

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Nay các Tỳ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

C12.3.4: Không nói lời phù phiếm.

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng

được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

C12.3.5 Kết luận về chánh ngữ.

Có những người học Phật không biết định nghĩa về Chánh ngữ nên đã tự suy diễn, tự biên. Vì vậy sai lời Phật dạy sẽ trả quả báo đời sau. Ngày nay nhờ công lao thầy Thích Minh Châu đã dịch năm bộ kinh Nikaya từ Pali sang Việt ngữ giúp người học Phật biết được định nghĩa về chánh ngữ thì sẽ thực hành được dễ dàng. Tác giả đã đọc hay nghe trong kinh Nikaya chỉ có ba chỗ cho biết định nghĩa Bát Chánh đạo cho nên rất khó cho những ai không đọc hết thì làm sao biết định nghĩa chính xác được.

Tu tập chánh ngữ sẽ trừ tà ngữ vì tà ngữ là nghiệp dẫn đến đau khổ đời này và đời sau. Nếu hằng ngày không tu tập chánh ngữ thì tà ngữ chế ngự.

C12.4 Chánh nghiệp.

Đại cương

Có chánh nghiệp là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không còn luân hồi nữa, nếu không sẽ phải tái sinh lâu dài.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh nghiệp cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh nghiệp. Khi hiểu rồi và thực hành chánh nghiệp cho đến thuần thục thì tà nghiệp mất. Như vậy đã thành tựu Chánh nghiệp.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà nghiệp, này các Tỳ-kheo, do chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh nghiệp. Và những thiện pháp được chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

C12.4.1: Không sát sanh.

Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

C12.4.2 Không lấy của không cho.

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy

C12.4.3 Không tà dâm.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Đây các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

C12.4.4 Kết luận về chánh nghiệp.

Thực hành Chánh nghiệp hằng ngày thì Tà nghiệp không sanh khởi thì giới mới thành tựu. Tuy nhiên không biết định nghĩa về Chánh nghiệp cũng khó tu tập. Hành giả cần tìm hiểu rõ ràng Chánh nghiệp thì sẽ hành đúng như đức Phật đã dạy sẽ có quả tốt đời này và đời sau. Không có Chánh nghiệp thì tà nghiệp sẽ chế ngự đời sống hằng ngày sẽ có quả khổ đời này và đời sau. Người học Phật phải tin tuyệt đối về Tam Minh của đức Phật thì mới thực hành Chánh nghiệp được với Thiên Nhân siêu nhân thấy chúng sanh làm ác sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh và thấy chúng sanh làm nghiệp thiện sanh vào loài người hay các cõi trời dục giới. Nếu những ai không tin Tam Minh đức Phật thì cuộc đời sẽ tạo vô số nghiệp ác sẽ đau khổ đời sau.

C12.5 Chánh mạng.

Đại cương

Có Chánh mạng là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày sống Chánh mạng nếu không như vậy sẽ là phàm phu luân hồi mãi mãi đau khổ.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh mạng cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập chánh mạng. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh mạng thuần thực thì Tà mạng biến mất.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà mạng, này các Tỳ-kheo, do chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh mạng. Và những thiện pháp được chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là chánh mạng?

Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng. Có năm nghề buôn bán này, này các Tỳ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc.

Kết luận về chánh mạng.

Chánh mạng là nuôi cái thân tứ đại này bằng những phương tiện đúng. Đức Phật đã cho ví dụ cái thân tứ đại như là bốn con rắn độc, đòi ăn, đòi uống suốt ngày nên sẽ tạo nghiệp rất nhiều. Thực hành Chánh mạng rất khó nhất là cho người cư sĩ. Người xuất gia cần ôm bình bát đi khất thực hằng ngày hoặc nếu được những gia chủ mời về nhà cúng dường thì mới có chánh mạng. Nếu chùa cúng sao giải hạn cho Phật tử để có tiền hoặc tự nấu ăn trong chùa hoặc có thùng phước sương là sống Tà mạng. Theo tác giả đa số các chùa ở Việt nam theo Tà mạng nhiều thì sẽ có quả khổ đời sau.

Người cư sĩ sống tại gia thành tựu 5 giới hoặc 8 giới cũng khó vô cùng nên Đức Phật nói rằng khi thân hoại mạng chung được sanh lại làm người như đất dính trên đầu móng tay, còn được sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu. Quý vị không thành tựu 5

giới thì ba đường ác đang chờ đón quý vị đến đó. Hãy cố gắng thực hành Chánh mạng để trừ Tà mạng (nhân sanh khổ).

C12.6 Chánh tinh tấn.

Đại cương

Có chánh tinh tấn là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không khổ đau nữa.

Học thuộc và suy tư chánh tinh tấn cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập chánh tinh tấn. Khi hiểu rồi nên thực hành chánh tinh tấn thuần thực thì tà tinh tấn biến mất.

Nguyên văn từ kinh Trung bộ số 117.

Tà tinh tấn, này các Tỳ-kheo, do chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh tinh tấn. Và những thiện pháp được khởi lên do duyên chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là chánh tinh tấn?

Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Căn bản Thiện và căn bản Bất Thiện.

Nguyên văn từ kinh Trung bộ số 9 Chánh tri kiến kinh trung bộ định nghĩa thiện pháp và ác pháp, trước khi tu tập chánh tinh tấn.

Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là căn bản thiện? Không tham là căn bản thiện, không sân là căn bản thiện, không si là căn bản thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy

miên, nhờ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Tác giả phân tích.

- Bất thiện pháp chưa sanh, không cho sanh khởi.

Dựa vào định nghĩa trên, nếu nói láo, tham, sân v.v...chưa sanh thì không cho sanh khởi. Hành giả phải diệt bất thiện từ lúc chưa có chứ làm ác rồi rất khó bỏ.

- Bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt;

Tham, sân, si, nói láo, sát sanh v.v. là đã sanh khởi nên khởi tâm trừ diệt nếu không sẽ là luân hồi dài lâu.

- Thiện pháp chưa sanh làm cho sanh khởi.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh v.v. chưa sanh nên làm cho sanh khởi sẽ dẫn đến chấm dứt khổ và sẽ làm con đường luân hồi rút ngắn chỉ còn 7 lần thôi.

- Thiện pháp đã sanh khởi, làm cho tăng trưởng.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh v.v. đã sanh và tiếp tục tăng trưởng không rơi lại con đường cũ không bao lâu sẽ dẫn đến con đường luân hồi chỉ còn 7 lần.

Chánh tinh tấn còn gọi là Tứ Chánh cần cũng là một trong bảy con đường để chấm dứt nguyên nhân. Tùy vào tâm của những hành giả mà đức Phật dạy Tứ Chánh cần để tu tập còn Bát chánh bao hàm tất cả nên trừ được tất cả.

Định nghĩa thế nào là thiện? và Thế nào ác? Được nói trong kinh Chánh tri kiến số 9 Trung bộ sẽ thực hành chánh tinh tấn dễ dàng. Trước khi tu tập Chánh tinh tấn nên tìm hiểu bài kinh số 9 trước để biết Thiện pháp là gì và Ác pháp là gì. Nếu chỉ thuần tu Chánh tinh tấn cũng giải thoát luôn với điều những kiết sử của người tu ít thì cũng thành công. Chánh tinh tấn cũng có một nghĩa siêng năng thực hành thiện pháp cho viên mãn như tinh tấn bố thí, giúp người, ấn tống kinh sách v.v.

Chánh tinh tấn sẽ trừ Tà tinh tấn thì sự khổ đau không có đời này và đời sau.

C12.7 Chánh niệm.

Đại cương

Có Chánh niệm là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập mới thành Thánh được ngược lại không tu tập làm phạm phu rất đau khổ vì phải luân hồi dài lâu.

Học thuộc và suy tư Chánh niệm cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh niệm. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh niệm cho viên mãn thì tà niệm mất thì sẽ thành tựu một trong hai bậc Thánh: Thánh Bất Lai hay A La Hán.

Nguyên văn từ kinh trung bộ số 117.

Tà niệm, này các Tỳ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Nguyên văn từ kinh Trung bộ số 10.

Thế nào là chánh niệm?

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng về Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng con đường đang đi, trong Thánh đạo Tám ngành chỉ duy nhất ngành Chánh niệm phải ghi nhớ những gì sanh khởi và diệt nhưng Chánh niệm trong Thánh đạo chỉ là giới thiệu chung chung mà không có chi tiết hoặc phân tích rõ ràng nên khó tu tập quán. Vì vậy đã có một bài kinh Chánh niệm số 10 kinh trung bộ trình bày rõ ràng để có theo đó mà tu tập để đoạn tận tham, đoạn tận sân. Dưới đây là biệt thuyết về chánh niệm gồm có bốn đề mục: Quán thân trên thân, Quán thọ trên thọ, Quán tâm trên tâm, Quán pháp trên pháp. Chánh niệm cần thực hành hằng ngày không bao lâu sẽ có Chánh trí dẫn đến tâm tham, tâm sân, tâm si không bao giờ sanh lại còn phàm phu thì tham, sân, si cứ sanh rồi diệt rồi sanh lại. Cứ như vậy phải luân hồi sáu nẻo lúc thì hưởng hạnh phúc do sanh vào sanh các cõi trời hay cõi người, lúc thì đau khổ vô cùng do sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh.

C12.7.1 Quán thân trên thân

Phần Quán Thân trên Thân chỉ tập trung trên thân có tất cả 9 giai đoạn, mỗi một giai đoạn có cùng một kết luận. Câu kết luận sẽ cho biết hành giả sẽ phát sanh trí tuệ, sau khi biết và ghi nhớ nguyên

nhân sanh ra Tham , ghi nhớ nguyên nhân tham diệt. Tương tự như vậy cho Sân.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Quán giai đoạn 1.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này các Tỳ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: "Tôi quay dài" hay khi quay ngắn, tuệ tri: "Tôi quay ngắn". Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Kết luận.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí,

chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 2.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi", hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng", hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi", hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy.

Kết luận.

Vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 3.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo, khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nhém, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Kết luận.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 4.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu". Nay các Tỳ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quán sát: "Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi". Cũng vậy, nay các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu".

Kết luận.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 5.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". Đây các Tỳ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại".

Kết luận .

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 6.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Kết luận.

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 7.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài điều hâu ăn, hay bị các chim kê ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Kết luận.

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí,

chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 8.

Này các Tỳ-kheo, lại nữa, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương không còn dính thịt, dính máu, còn được các đường gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Kết luận.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán giai đoạn 9.

Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một

đồng xương lâu hơn ba năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỳ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Kết luận.

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân.

Phân tích và giải thích phần kết luận quán thân trên thân,

Dựa vào đoạn kinh trên có tất cả 9 giai đoạn để quán về thân nhưng mỗi giai đoạn có câu kết luận giống nhau như sau:

"Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân."

Tác giả phân tích:

1-Quán tánh sanh khởi trên thân có nghĩa là biết và ghi nhớ do duyên gì mà tánh chất các pháp sanh khởi.

2- Quán tánh diệt tận trên thân có nghĩa là chỉ biết và ghi nhớ do duyên gì mà tánh chất các pháp diệt tận.

3- Quán tánh sanh diệt trên thân, quán để biết lý do tánh chất các pháp sanh và biết lý do tánh chất các pháp diệt. Biết và ghi nhớ tiến trình này sẽ phát sanh trí tuệ như sau:

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

"Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán thân trên thân."

Hành giả theo ba tiến trình trên rồi cứ quan sát để biết và ghi nhớ trong một thời gian sẽ có trí tuệ sanh khởi. Tiến trình này hành giả quán sẽ tự biết không thể diễn tả hết ý được.

C12.7.2 Quán thọ trên thọ.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Quán các cảm thọ.

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỳ-kheo sống quán thọ trên các thọ? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ"; khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ"; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật

chất". Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất". Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất".

Kết luận.

Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy Tỳ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

Tương tự như sự giải thích phần kết luận quán thân đã nói trên mà Đức Phật thường có mệnh đề kết luận giống nhau phần quán thọ.

C12.7.3 Quán tâm trên tâm.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời;

Quán tâm.

Nay các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỳ-kheo sống quán tâm trên tâm? Nay các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo, với tâm có tham, tuệ tri: "Tâm có tham"; hay với tâm không tham, tuệ tri: "Tâm không tham". Hay với

tâm có sân, tuệ tri: "Tâm có sân"; hay với tâm không sân, tuệ tri: "Tâm không sân". Hay với tâm có si, tuệ tri: "Tâm có si"; hay với tâm không si, tuệ tri: "Tâm không si". Hay với tâm tham nhiễm, tuệ tri: "Tâm được tham nhiễm". Hay với tâm tán loạn, tuệ tri: "Tâm bị tán loạn". Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: "Tâm được quảng đại"; hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: "Tâm không được quảng đại". Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: "Tâm hữu hạn". Hay với tâm vô thượng, tuệ tri: "Tâm vô thượng". Hay với tâm có định, tuệ tri: "Tâm có định"; hay với tâm không định, tuệ tri: "Tâm không định". Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: "Tâm có giải thoát"; hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: "Tâm không giải thoát".

Kết luận.

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. "Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán tâm trên tâm.

Tương tự như phân giải thích quán thân đã nói trên mà Đức Phật thường kết luận sau khi đã giới thiệu quán quán tâm trên tâm.

C12.7.4 Quán pháp trên pháp.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

❖ Quán năm triền cái.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục"; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục". Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận"; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận". Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên"; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên". Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi có trạo hối"; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có trạo hối". Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không

sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có nghi"; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có nghi". Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết Luận.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

❖ Quán năm thủ uẩn.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập; đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt".

Kết Luận.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp,

ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.

❖ Quán sáu nội ngoại xứ.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ? Nay các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Tỳ-kheo tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi... và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc, tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết Luận.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt

trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Nay các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

❖ Quán Bảy Giác chi.

Lại nữa, nay các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi. Nay các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi? Nay các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có niệm giác chi"; hay nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi". Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay Tỳ-kheo nội tâm có trạch pháp giác chi... (như trên)... hay nội tâm có tinh tấn giác chi... (như trên)... hay nội tâm có hỷ giác chi... (như trên)... hay nội tâm có khinh an giác chi... (như trên)... hay nội tâm có định giác chi... (như trên)... hay nội tâm có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có xả giác chi"; hay nội tâm không có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có xả giác chi". Và với xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Kết Luận.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm

như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.

❖ Quán Tứ Thánh đế

Lại nữa, đây các Tỳ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế. Đây các Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế? Đây các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt".

Kết Luận.

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỳ-kheo, như vậy là Tỳ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

Tương tự như đã giải thích ở phần kết luận quán thân trên thân mà Đức Phật thường kết luận sau khi đã giới thiệu quán pháp trên pháp.

Đa số hành giả không chịu thực hành từ Chánh kiến cho đến Chánh Tinh tấn mà nhảy lên thực hành Chánh niệm rất khó.

Kết quả tu tập Tứ Niệm xứ.

Này các Tỳ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Tác giả phân tích:

Bài kinh trên cho biết quá rõ kết quả là Thánh A la hán hay Thánh bất lai đồng nghĩa những vị nào thành tựu nhất lai thì mới tu tập chánh niệm hay Tứ niệm xứ. Tại sao ngày nay những hành giả chưa chứng Thánh nhứt lai mà tu tập Tứ niệm xứ sao mà thành công được.

Có một bài kinh Tương ưng 5 - Đại phẩm - Tứ niệm xứ cho ví dụ về Thân hành niệm và có thể đọc câu chuyện 96 kinh tiểu bộ về bung bát dầu.

Bài kinh Thân hành niệm

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

20. X. Quốc Độ (hay Ekantaka) (Tập 24,21, Đại 2,174b) (S.v,169)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Sumbha, tại một thị trấn của dân chúng Sumbha tên là Sedaka.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo...

3) -- Ví như một số đông quân chúng, này các Tỳ-kheo, tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ. Cô gái hoa hậu của quốc độ!". Và người con gái hoa hậu quốc độ ấy với tất cả sự quyến rũ của mình, múa cho họ xem, với tất cả sự quyến rũ của mình, hát cho họ

nghe. Và một số quần chúng còn đông hơn tụ họp lại và nói: "Cô gái hoa hậu của quốc độ múa và hát". Rồi một người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, họ nói với người ấy như sau: "Này Ông, hãy xem đây. Đây là cái bát đầy dầu. Ông hãy mang bát dầu ấy và đi vòng quanh đám quần chúng lớn và người con gái hoa hậu của quốc độ. Và một người với cây kiếm giơ cao sẽ đi theo sau lưng Ông. Tại chỗ nào làm đổ một ít dầu, tại chỗ ấy, dầu Ông bị rơi xuống". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, người ấy có thể không tác ý đến bát dầu, phóng tâm hướng ngoại không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

4) -- Ví dụ này, này các Tỳ-kheo, Ta nói ra để nêu rõ ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa của nó. Này các Tỳ-kheo, cái bát đầy dầu là đồng nghĩa với thân hành niệm.

5) Do vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, làm cho như thành cỗ xe, làm cho như thành đất nền, làm cho tiếp tục an trú, làm cho tích tập, làm cho khéo có hiệu năng (susamàraddhà)". Như vậy, này các Tỳ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Tác giả phân tích.

Chánh niệm về bốn đề mục trong đó có thân hành niệm dành cho hàng xuất gia mới thực hành còn hàng cư sĩ ngày nay rất khó thực hành vì tâm còn phóng dật nhiều. Trong Bát Thánh để phần Chánh niệm rất khó thực hành nên khó chứng bậc Thánh Bất lai. Cố gắng thực hành Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng cho khá rồi thực hành Chánh niệm sẽ dễ hơn. Tuy nhiên vẫn thực hành ghi nhớ những việc thô trước đến khi ghi nhớ

phần thô xong thì ghi nhớ phần vi tế. Hành giả không nên hấp tấp tu tất được.

Kết luận về ngành Chánh niệm.

Tu tập Chánh niệm để trừ tà niệm. Đây là ngành thứ 7 trong bát Thánh đạo để tu tập rất khó nên nhiều người học Phật hiểu lầm rất nhiều vì tưởng dễ hiểu. Từ 'Niệm' là chữ Tàu nghĩa tiếng Việt là ghi nhận và ghi nhớ về bốn nơi (chỗ) nơi Thân, nơi Thọ, nơi Tâm, nơi Pháp về những tánh chất sanh và diệt trên bốn nơi này. Có mục đích ghi nhớ nguyên nhân gì nó sanh và nguyên nhân gì nó diệt. Sau khi chứng nghiệm được vì sao nó sanh và vì sao nó diệt cho một số trường hợp thì Trí tuệ sanh khởi như sau: Tất cả các pháp sanh ra vì cảm thọ lạc và tất cả pháp diệt do có cảm thọ khổ. "Sự giác ngộ sanh khởi không còn dính mắc vào các cảm thọ nữa. Như vậy cần chứng nghiệm trước sau đó có sự giác ngộ sanh khởi "không dính mắc bất cứ cái gì" Thực hành Chánh niệm rất khó thường dành cho người xuất gia chứ hàng tại gia không tu tập được nhưng nhiều nơi tổ chức khóa tu Tứ Niệm xứ 10 ngày hoặc 30 ngày. Tất cả không hiểu gì về Chánh niệm.

Tác giả phân tích.

Niệm là ghi nhớ pháp sanh khởi và ghi nhớ tại sao pháp diệt. Ghi nhớ khi có duyên Xúc thì duyên thọ sanh khởi, sau đó duyên Ái sanh khởi. Quán và ghi nhớ một thời gian thì có trí tuệ sẽ buông hết. Nếu không có tu tập Chánh niệm thì không bao giờ trừ hết tham, sân thuộc cõi dục. Chuyen vào cốc thì không có duyên Xúc thì tham ái không sanh khởi thì muôn đời cũng không giác ngộ. Cần Chánh niệm quán về Thân thì thấy sự tham ăn vì sao nó khởi và vì sao không tham ăn một thời gian sẽ giác ngộ thì buông. Điều này ít ai để ý cứ nghĩ nhập cốc sẽ thấy Chân lý thì hoàn toàn sai. Hành giả cứ

quán vào bốn đối tượng Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu ghi nhớ tâm tham, tâm sân sanh khởi và diệt nhiều lần thì vào một thời gian nào đó sẽ giác ngộ tiến trình sanh diệt của tâm tham thì sẽ có tâm giải thoát và sẽ có tuệ giải thoát. Các lậu hoặc đoạn tận.

Người tại gia khó thực hành Chánh niệm còn người xuất gia không bận Phật sự thì thực hành Chánh niệm tốt chứ lo làm Phật sự thì không tu Chánh niệm được như bài "kinh bát đầu".

C12.7.5 Kết luận về chánh niệm.

Tu tập chánh niệm rất khó, ngành thứ 7 dành cho những vị xuất gia không làm việc gì liên hệ thế gian có thể thực hành như bài kinh thân hành niệm. Đa số Phật tử chưa biết rõ ý nghĩa “ Thế nào là Đạo đế “ nên không thể tu tập Tứ Niệm xứ, hoặc bát Thánh đạo được. Mặc dù đã có nhiều khóa tu dạy tu tập Tứ niệm xứ không thành công, khi Phật tử về nhà tâm tham, tâm sân vẫn còn nguyên, không thay đổi gì mấy. Vì không biết, không hiểu Khổ Tập tức là 12 Nhân duyên cho dù tu kiểu gì cũng không thành công. Cần thiết là biết thủ phạm giết người thì sử dụng phương tiện súng để bắt tội phạm. Thủ phạm không biết mà đòi bắt nó là chuyện không tưởng. Cũng vậy người tu cần thấy rõ, biết rõ tâm tham, tâm sân, tâm si chưa, nếu chưa biết cho dù có tu muôn kiếp cũng không bắt được.

Ví dụ thủ phạm dẫn đến Tham, Sân hoặc chấp Thủ, nhiều người tu không biết nên không bao giờ diệt được tham, sân là vậy. Đánh giặc là đánh từ xa chứ không phải đợi giặc đến cửa thì muộn quá rồi. Quý vị cần tìm hiểu rõ ràng từ duyên Lục nhập, duyên Thức, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái (tham, sân, si). Nguyên nhân xa sanh ra Tham là từ duyên Sáu nội xứ, duyên Thức, duyên Xúc còn duyên Thọ nhân

sanh gần nhất. Chúng ta không thể chống đỡ kịp khi có duyên Thọ sanh.

Trong bốn chỗ ; Thân, Thọ, Tâm, Pháp cần biết, ghi nhớ tâm tham, tâm sân sanh khởi và đoạn diệt gọi là chánh niệm. Có chánh niệm sẽ trừ tà niệm vì tà niệm là nhân sanh khổ. Đời sống con người lo nuôi dưỡng và thoả mãn cái thân tứ đại nên cần biết và ghi nhớ tại sao tham sanh khởi và đoạn diệt. Sau khi đã trải nghiệm như vậy sẽ có trí tuệ sanh khởi như phần kết luận ở trên. Những cảm thọ luôn luôn có, Phật tử cần ghi nhớ nó xảy ra và nó diệt. Những cảm thọ phát sanh từ vật chất hay không liên hệ vật chất cần ghi nhớ và biết rõ.

Tâm luôn luôn khởi ra tâm này, tâm nọ như tham, sân, tâm phóng dật v.v.. cần ghi nhớ và biết rõ vì sao nó sanh, vì sao nó diệt thì sẽ có trí tuệ sanh khởi như câu kết luận sau phần quán tâm

Quán pháp chỉ quán về 5 Triền cái, 5 Thủ uẩn, Sáu nội xứ-Sáu ngoại xứ, Thất Giác Chi, Tứ Thánh đế. Vì những Pháp này tiêu biểu những sự thật, Phật tử cần chứng nghiệm những kiết sử sanh khởi và đoạn diệt một thời gian sẽ có trí tuệ sanh khởi sau phần quán pháp.

C12.8: Chánh định.

Có Chánh định là đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập để thành Thánh ngược lại là phạm phu phải luân hồi sẽ khổ dài dài.

Học thuộc và suy tư Chánh định cho đến khi hiểu tại sao hành giả cần phải tu tập Chánh định. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh định viên mãn thì Tà định biến mất.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà định, này các Tỳ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh định. Và những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tổng thuyết.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Thế nào là chánh định?

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Tác giả phân tích.

Phần tổng thuyết trình bày rất khó hiểu, có hai bài kinh đã trích dẫn giúp cho hành giả hiểu rõ chi tiết để có thể chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Hầu hết những hành giả không hiểu chánh định là gì mà cứ mù quáng bắt chước ai làm sao cứ nhắm mắt làm theo vì không tham khảo các bài kinh khác. Vì vậy những hành giả nên tìm hiểu rất ráo hai bài kinh dưới đây cho xong rồi hạ thủ công phu có thể chứng được túc mạng minh, thiên nhãn minh.

C12.8.A Năm dục trưởng dưỡng

Có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm?

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, như vậy, là năm dục trưởng dưỡng.

Đoạn kinh trên giúp hành giả hiểu dục do những sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái khả lạc.

- ★ Không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn". Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên cho biết những hành giả nếu tu tập mà còn say mê năm dục thì bị ác ma chi phối không thể nào vào sơ thiền được đâu.

★ Thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn". Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn". Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên xác quyết nếu thấy vị ngọt dục, nguy hiểm dục, xuất ly sẽ không còn ác ma chi phối sẽ giúp hành giả tâm có định rồi sẽ vào bốn tầng thiền dễ dàng như những gì được diễn tả dưới đây.

Chư Tỳ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

C12.8.B Năm triền cái phải đoạn tận.

Đức phật cũng có một cách khác chỉ cho những hành giả biết để có tâm định xong vào tứ thiền dễ dàng. Hành giả hãy đọc kỹ phần quán năm triền cái này và kết luận đoạn kinh dưới đây sẽ giúp cho hành giả tu tập dễ dàng và vào sơ thiền dễ dàng không có khó khăn.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Vị ấy với sự thành tựu Thành giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc

trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

C12.8.1: Sơ thiền.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.

Trước khi vào sơ thiền, hành giả cần phải muội lược năm triền cái (tham, sân, hôn trầm thụy miên, nghi, trạo hối) nếu không thì không thể nào nhập sơ thiền được. Nếu hành giả nào đã thực hành từ Chánh kiến cho đến Chánh niệm rồi thì vào sơ thiền rất nhanh.

C12.8.2: Nhị thiền.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Vị Tỳ-kheo ấy diệt tâm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm

Tâm, tứ không còn nữa gọi là diệt khi đó sẽ có trạng thái như trong kinh diễn tả. Mỗi hành giả cần kiểm chứng nhị thiền chứ không phải tin. Cố gắng thực hành cho đến khi chứng nghiệm nhị thiền.

C12.8.3: Tam thiền.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Hành giả không dính mắc vào hỷ gọi là xả

C12.8.4: Tứ thiền.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Hành giả vào tầng thiền có trạng thái không khổ không lạc được ghi nhớ thanh tịnh. Hành giả không dính mắc trạng thái này gọi là xả. Sau thiền thứ tư, hành giả hướng tâm, dẫn tâm đến túc mạng minh, hướng tâm dẫn tâm đến sanh tử minh. Hành giả có được hai minh đầu tiên trong ba minh.

Hành giả nào muốn thực hành Chánh định nên tìm hiểu kỹ bài kinh dưới đây sẽ giúp hành giả hiểu ý nghĩa được hỷ lạc không liên hệ đến vật chất đồng nghĩa với sơ thiền.

Biệt thuyết - Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất.

1) ...

2) -- *Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, đây là ba thọ.*

3) *Này các Tỳ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia; có giải thoát liên*

hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công đức này. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, hỷ khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất.

5) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất.

6) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân, khi quán sát tâm giải thoát khỏi si, hỷ được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công

đức. Đây các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên lạc hỷ gì, này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc liên hệ đến vật chất.

8) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tịnh chỉ các tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhứt tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất.

9) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Đây các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, xả khởi lên. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất.

11) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn lạc, đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, xả khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia.

13-14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là giải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất... Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất.

16) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

Kết Luận về Chánh định.

Tu tập chánh định vô cùng khó khăn vì đã ly dục rồi hoặc năm triền cái diệt thì mới vào Chánh định được. Có nhiều người ham tu thiền cứ nghĩ nhắm mắt lim dim rồi tưởng mình vào sơ thiền thật ra là Tà định. Tu tập Chánh định sẽ diệt Tà định vì Tà định là nhân sanh khổ. Điều kiện tu Chánh định cần ly dục sắc, ly dục thanh, ly dục hương, ly dục vị, ly dục xúc. Nếu chưa được thì sơ thiền không thể nhập được mà chỉ là Tà định. Có thể tìm hiểu bài kinh Thanh tịnh để biết thêm ý nghĩa hỷ lạc không liên hệ với vật chất và có những hỷ lạc liên hệ vật chất đã có trích dẫn ở trên.

Tu Chánh định sẽ đạt đến Tứ thiền sẽ có tam minh: Túc mạng minh, Sanh tử minh. Lậu tận minh. Đây là không phải việc dễ vào thế kỷ

21 này, không có mấy ai chứng được Túc mạng minh hoặc Thiên nhãn minh chứ nói chi Lậu tận minh.

Tìm hiểu Chánh định cho kiếp vị lai trở lại thế gian vào một thời điểm khác mà loài người có đời sống đơn giản có thể tu tập được, thời đại này mà nói chuyện Ly dục là chuyện rất khó thực hành.

C12.9 Chánh trí

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà trí, này các Tỳ-kheo, do Chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh trí. Và những thiện pháp được chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Sau khi đã chứng tứ thiên, Ngài đã nói như sau: "Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là Khổ", biết như thật: "Đây là Nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự Diệt khổ", biết như thật: "Đây là Con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh trí cho đến khi hiểu tại sao cần tu tập Chánh trí. Khi hiểu rồi thực hành viên mãn thì tà trí biến mất.

C12.10 Chánh giải thoát.

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Tà giải thoát, này các Tỳ-kheo, do chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh giải thoát. Và các thiện pháp

được chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Thông thường chỉ nói đến tám Chánh nhưng đức Phật đã nói thêm hai Chánh nữa trong các bài kinh khác như đại kinh bốn mươi số 117 kinh trung bộ. Sau khi đã hướng Chánh trí, nên có Chánh giải thoát khởi lên như sau:

Nguyên văn kinh Pali - Việt.

Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát" Ta đã biết: "Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa".

Chứng được Lậu tận minh tức là bậc Thánh A la hán.

C12.11 Kết Luận về Chương 12

Chương 12 bàn về Đạo đế nhưng chỉ nói về Bát Thánh đạo là chính và phân biệt thuyết về Chánh niệm tức là Tứ niệm xứ, không nói những con đường khác. Bát Thánh đạo là con đường chấm dứt được tất cả những nguyên nhân sanh khổ, còn những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân mà các thầy đang có và không có những nguyên nhân khác. Như vậy trước khi thực hành đạo đế, quý vị cần biết rõ khổ, nguyên nhân khổ, diệt khổ và con đường diệt khổ. Chương sáu, Chương bảy, Chương tám, Chương chín, Chương mười, chương mười một cần biết rõ trước khi tu tập. Nếu không biết rõ những Chương vừa kể thì không thể thực hành được.

Bát chánh trừ bát tà, nhưng bát tà đồng nghĩa nguyên nhân sanh khổ. Đây là một cách trình bày cụ thể, có thể xem bát tà : như ý hành,

khẩu hành, thân hành, hoặc 10 kiết sử, hoặc tham sân si, hoặc dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Chúng ta nên quy bát tà ra những nguyên nhân khổ và khi tu bát chánh sẽ biết được diệt kiết sử nào. Nếu không quy ra thì chúng ta không biết tu bát chánh diệt được kiết sử nào.

Chánh kiến trừ tà kiến, đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

Chánh tư duy trừ tà tư duy, đoạn tận những sự ham muốn, những sân hận, những tâm hại chúng sanh. Như vậy dục không có thì dục lậu không sanh khởi nên không còn sanh lại cõi dục.

Chánh ngữ trừ tà ngữ, Phật tử sẽ viên mãn về giới có thể chứng bậc Thánh dự lưu hoặc sanh lại làm người hay chư thiên.

Chánh nghiệp trừ tà nghiệp, Phật tử sẽ viên mãn về giới có thể chứng Thánh dự lưu hoặc sanh vào người hay chư thiên.

Chánh mạng trừ tà mạng, Phật tử nuôi thân bằng những phương tiện chân chính, không phải tà. Thông thường con người vì cái thân tứ đại này đã làm nhiều nghề hại mình, hại người. Biết tri túc không cần nhiều tiền mới sống được như sống một ngày ăn một bữa thì không cần tiền nhiều. Do lòng tham nên chúng sanh hại chúng sanh sẽ đọa lạc ba đường ác cũng chỉ vì tà mạng.

Chánh tinh tấn trừ tà tinh tấn, có nhiều người siêng năng kiếm tiền nhiều hoặc để có địa vị, công danh trong xã hội gọi là tà tinh tấn. Những người hằng ngày siêng tu tập để trừ tâm tham, tâm sân, tâm si gọi là chánh tinh tấn.

Chánh niệm trừ tà niệm, tâm con người luôn luôn ghi nhớ những chuyện làm sao để nhiều tài sản, nhiều tiền bạc v.v.. gọi là tà niệm. Những người nào luôn luôn ghi nhớ vì sao tham, sân sanh khởi, vì

sao tham, sân đoạn diệt, sẽ có trí tuệ dẫn đến chấm dứt sanh tử gọi là chánh niệm.

Chánh định trừ tà định, những người tập trung vào cái gì đó để phát minh ra cái này, cái nọ hoặc tu thiền để mong cầu có thần thông gọi là tà định. Những người tập trung vào hơi thở hoặc những thiền án xứ, tâm vị ấy ly dục, ly ác pháp sẽ có sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền dẫn đến Túc Mạng Minh, Sanh Tử Minh, Lậu Tận Minh gọi là chánh định.

Bát thánh đạo cũng là con đường xưa mà chư Phật quá khứ, hiện tại, tương lai đã và sẽ đi qua con đường này.

Nhưng Tại sao có những hành giả Phật giáo ngày nay không chịu tập "Con đường xưa cũ" mà những vị Chánh Đăng Giác quá khứ và hiện tại đã đi qua. Lý do là đã có nhiều kinh sách do hậu thế sáng tạo và cho rằng Thế Tôn thuyết nên trong kinh Tương ưng 2 có viết như sau:

kinh Tượng pháp

XIII. Tượng Pháp (Tập 32.2 Pháp Giám Diệt, Đại 2, 226b (Biệt Tập 6.15, Đại 2, 419b) (S.ii,223)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỳ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỳ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

4) -- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỳ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

6) Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

7) Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

8-11) Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới... hỏa giới... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

12) Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.

13) Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

14) Này Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn

kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiên định.

Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư, sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp, sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng, sống kính trọng, tùy thuận học giới, sống kính trọng tùy thuận Thiên định.

18) Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

Tác giả phân tích.

Vàng giả đã xuất hiện quá nhiều nên vàng thật biến mất. Bát Thánh đạo đã biến mất do những người tu hành đang tu theo tượng pháp. Có bao nhiêu người tu tập Bát Thánh đạo ngày nay. Quý vị cứ vào những chùa và hỏi những vị trụ trì đang tu gì. Có câu trả lời là không tu theo Bát Thánh đạo.

Con đường dẫn đến chấm dứt khổ đã trình bày. Chánh kiến cần phải tu tập trước để có Thánh dự lưu trước. Nếu khó quá thì có thể thực hành Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng và tìm hiểu lại Lý duyên khởi và trở lại thực hành Chánh kiến để có quả Thánh đầu tiên. Thời đại này có Thánh dự lưu là siêu rồi còn những bậc Thánh kia vô cùng khó. Vì thời kỳ này những chúng sanh ra đời đều là hưởng phước báo nhưng nghiệp tu quá khứ không có. Mặc dù có năm bộ kinh Nikaya đang hiện hữu trên đất nước Việt nam cùng với những vàng giả đầy dẫy đồng nghĩa là những kinh sách đang có không phải Đức Phật Gotama thuyết do hậu thế sáng chế.

Kết Luận Phần IV.

Phần IV gồm có:

Chương 11 nói về Diệt khổ để tức là Niết Bàn. Có bài kinh Đại kinh Ví dụ lõi cây và bài kinh Khúc Gỗ Trôi Trên Sông sẽ giúp hành giả Phật giáo hiểu về Niết Bàn. Lý Duyên diệt xác định rõ ràng nữa khi mà diệt Vô minh và Hành thì toàn bộ khổ uẩn chấm dứt hết là Niết Bàn. Như vậy biết Lõi cây trước khi vào rừng tìm lõi cây. Tương tự biết Niết Bàn trước khi thực hành đạo để mà Bát Chánh là một con đường trong bảy con đường.

Chương 12 nói về phương pháp chấm dứt khổ. Trong tập sách bàn thảo khá kỹ càng về bát Thánh đạo. Có tám chi phần sẽ trừ hết những nguyên nhân khổ mà tiêu biểu là Bát tà hay thân, khẩu, ý.

Như vậy hành giả tìm hiểu và tu tập chánh kiến cho viên mãn thì tà kiến biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh tư duy cho viên mãn thì tà tư duy biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh ngữ cho viên mãn thì Tà ngữ biến mất. Tìm hiểu và tu Chánh nghiệp cho viên mãn.....tìm hiểu và tu tập Chánh định cho viên mãn thì Tà định mất.

Có 7 con đường chứ không phải một con đường. Tuy nhiên con đường Bát chánh là thông dụng nhất vì sẽ trừ diệt được Bát tà (những nguyên nhân khổ chi tiết hơn). Những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân thôi không bao hàm tất cả. Vì Đức Phật có tha tâm thông biết những thầy tu có dính mắc ít nên dạy con đường đơn giản trừ diệt nguyên nhân đó. Những người học Phật Pháp ngày nay không biết đạo để có nhiệm vụ là gì nên hiểu lầm.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn có viết "Pháp Luật nào có Bát Thánh đạo có Sa môn thứ nhất (bậc Thánh thứ nhất), có Sa môn thứ hai

(bậc Thánh thứ hai), có Sa môn thứ ba (bậc Thánh thứ ba), có Sa môn thứ tư (bậc Thánh thứ tư)".

Như vậy bát Thánh đạo là con đường trừ diệt tất cả nguyên nhân sanh khổ mà những con đường khác không diệt được hết.

Phần IV giúp hành giả chứng được một trong bốn bậc Thánh trong đời này hay trong tương lai đồng nghĩa sự đau khổ còn 7 kiếp tái sanh hay khổ hoàn toàn chấm dứt.

Phần Kết Luận Tập sách.

Tập sách này gồm có Phần Giới thiệu và 12 Chương gồm vào bốn phần: Phần I, Phần II, Phần III, Phần IV, Phần Kết luận.

Phần Giới thiệu

Trình bày những rào cản ngôn ngữ để học Kinh dịch từ Pali hay Sanskrit nhưng khi học Kinh cần phải đạt ý quên lời và chứng nghiệm chứ không phải tin vào văn tự vì văn tự chỉ biểu thị sự thật. Có văn tự rồi đi đến sự thật vô cùng khó khăn nên cần kiên nhẫn và thời gian.

Trình bày những bài kinh tối quan trọng nhất trong hệ thống kinh Pali - Việt như:

- ★ Kinh Chuyển Pháp luân mà nội dung chính là Tứ Thánh đế đã có một uy lực rất lớn và đã làm rung động 10 ngàn thế giới. Ngoài bài kinh này không có một bài kinh nào khác nữa có một uy lực như vậy. Hơn nữa những Phật tử đi thăm viếng bốn chỗ động tâm ở Ấn độ mà có một chỗ Đức Phật đã thuyết bài kinh này. Ngày nay Phật tử đã lơ là và đã học sơ qua Tứ Thánh đế mà chạy theo những Pháp cao siêu hơn Tứ Thánh đế. Đây là sai lầm lớn nhất của những người học Phật Pháp hôm nay và đã mất cơ hội giải thoát ngay kiếp này.
- ★ Bài kinh Lá rừng Simsapa xác quyết rằng "Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói." Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do

vậy, Ta nói lên những điều ấy. Vậy mà những người học Phật hôm nay đi vào rừng để kiếm hàng ngàn chiếc lá khác mà bỏ đi bốn chiếc lá Tứ Thánh đế.

- ★ Bài kinh "Con đường xưa cũ" đã xác quyết rằng những vị Chánh Đăng Giác quá khứ đã đi qua và nay Thế Tôn cũng đi qua. Chúng ta là ai mà không bắt chước Ngài theo con đường xưa cũ mà Ngài đã đi qua. Thế nào là con đường xưa cũ? 12 nhân duyên là Khổ đế, Tập đế và Đạo đế là Bát Thánh đạo.
- ★ Những giờ sau cùng trước khi nhập Niết Bàn Thế Tôn đã nói như sau: "Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chon chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán".
- ★ Bài kinh Phá hoà hợp Tăng cảnh cáo cho những vị nào đi rao giảng những điều Như Lai không nói mà nói rằng Như Lai thuyết hoặc những gì Như Lai có thuyết mà nói rằng Như Lai không thuyết. Nếu như vậy đọa địa ngục một kiếp.

Do duyên các bài kinh trên mà chọn tựa đề cuốn sách "Tứ Thánh đế là tối thượng" nghĩa là không có một bài kinh nào khác cao hơn kinh Chuyển Pháp Luân.

Phần I: Bồ thí, Trì giới, Cõi trời dục giới

Đáng lý ra Phần này để cuối cùng nhưng để lên trước là do chư Phật đều thuyết tuần tự như vậy. Vì Tứ Thánh đế là pháp cao nhất trong đạo Phật rất khó hiểu nên không thể thuyết trước mà phải nói sau cùng. Phần I dành cho những ai chưa biết nhiều về Phật pháp nên cần thực hành bồ thí cho viên mãn và cố gắng thành tựu 5 giới hay 8 giới hay 10 giới. Nhờ thành tựu giới mà sanh thiên giới hưởng phước lâu dài nhưng sau khi hưởng hết phước báu rồi luân hồi vào ba đường ác khổ đau. Tuy nhiên chúng sanh không thành tựu giới đời này, sau khi chết sẽ sanh vào ba đường ác khổ vô cùng. Như vậy giữa giữ giới và không giữ giới thì cái nào lợi hơn. Nếu là người trí sẽ chọn giữ giới để có một đời sống tốt đẹp sau khi chết.

Phần II: Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục

Phần này gồm hai chương: Chương bốn và Chương năm.

Chương bốn trình bày về vị ngọt của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ. Vị ngọt ai cũng ưa, cũng thích nên trói buộc mà phải khổ đau sau này. Sự nguy hiểm của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ là vô thường, biến hoại, khổ. nguy hiểm thì chúng sanh mới biết sợ và xa lánh thì không trói buộc vào chúng nữa. Như chuyện vợ chồng trói buộc với nhau do vị ngọt khả ái khả lạc mà hút nhau nhưng do sự vô thường người vợ hay người chồng chết nên sanh ra khổ đau. Sau khi biết vị ngọt và nguy hiểm của sáu nội xứ và sáu ngoại xứ thì sự xuất ly sanh khởi. Tâm ly tham, từ bỏ không ham muốn vị ngọt vì biết rằng cuối cùng là khổ.

Chương sáu trình bày về kết quả tu tập ly dục sẽ sanh vào 15 cõi trời sắc giới sẽ hưởng tuổi thọ vô lượng nhưng hưởng hết tuổi thọ vẫn phải luân hồi vào ba đường ác.

Những người sống tại gia khó thực hiện phần này vì đòi hỏi ly dục mà người đời thích dục. Người xuất gia cần phải sống nơi hoang vắng chứ sống ngay trong thành phố cũng không thực hành được vì dục sẽ sanh khởi. Thông thường phần này thời xưa bên Ấn độ vào rừng tu thì sẽ ly dục dễ dàng còn thời đại này rất khó tu vô cùng.

Phần III trình bày Lý Duyên khởi tức Luật Nhân quả

Phần này gồm có bốn chương: Chương sáu nói về nghiệp cũ. Chương bảy nói về quả khổ/lạc hiện tại. Chương tám nói về nghiệp mới. Chương chín nói về quả khổ tương lai. Chương 10 nói về áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên.

Lý Duyên khởi rất quan trọng nên người học Phật phải tìm hiểu cho sâu thì may ra mới thoát khổ được. Đức Phật đã khám phá định lý này và đã nói lại cho chúng ta biết ngoài ra không một ai trên thế gian biết cả. Lý duyên khởi chia làm ba thời: quá khứ, hiện tại, tương lai.

Quá khứ là những hành động đã tạo trong quá khứ sanh ra quả khổ lạc ngày nay. Muốn biết điều này cần chứng được Túc Mạng minh sẽ biết chúng ta đã làm gì và đã sanh ở đâu và sau khi chết sanh ở đâu. Thế giới hôm nay dựa vào dục (sự ham muốn) thì không thể nào ly dục được nên không chứng Tứ thiên thì Túc mạng minh không sanh khởi nên phần này chúng ta tin tuyệt đối Đức Phật có Tam Minh nói lại cho chúng ta biết còn ai nghi ngờ Đức Phật thì chám hết không có gì để bàn. Một khi đã khởi ra hành động chắc

chấn sẽ sanh ra quả khổ/lạc. Người học Phật phải chiêm nghiệm đúng hay không. Trên đời này cái gì đã xảy ra đều có nguyên nhân.

Hành động khởi ra gọi là Khổ Tập và quả khổ/lạc gọi là quả. Nếu ai nhận ra điều này đúng thì trong tương lai có quả khổ lạc do biết những hành động gì đã gây ra ngày hôm nay. Như vậy khổ tập chia làm hai phần: Nghiệp cũ đã sanh ra quả khổ lạc thì phải chấp nhận như một người đã đi vay tiền thì đúng thời phải trả nợ, không có việc nói thế này thế kia không hợp lý. Cái gì đang xảy ra hằng ngày gọi là quả khổ hay quả lạc hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi. Tương lai có quả khổ tùy thuộc vào những hành động hôm nay gọi là nghiệp mới. Nếu đời sống hằng ngày có những hành động thiện chắc chắn sẽ có quả tốt sẽ đến chứ không phải ngẫu nhiên. Nếu đời sống hằng ngày tạo những hành động xấu thì tương lai sẽ có quả xấu đến chứ chẳng phải do ai gây ra cả.

Định lý khổ và khổ tập tức là Lý duyên khởi giúp con người hiểu biết vì sao chúng ta sướng hay khổ do ta cả mà không do Chúa hay Thượng đế hay Phật tạo ra.

Có một vòng khép kín xuyên suốt từ Duyên Vô minh, Hành Thủ, Hữu, Sanh, Già chết khó mà thoát được nên Đức Phật dạy bốn mươi bốn căn bản trí giúp chúng sanh thoát khỏi cái vòng kim cô này.

Phần III dành cho cả người xuất gia và người tại gia có thể tìm hiểu. Nếu tìm hiểu cho rốt ráo đã bước vào cửa bất tử.

Phần IV trình bày Diệt Khổ và Con đường dẫn đến diệt khổ

Phần này gồm có hai chương: Chương 11 bàn về Diệt khổ và Chương 12 bàn về phương pháp hay con đường diệt khổ.

Diệt khổ là hết khổ là Niết Bàn. Đây là mục tiêu tối hậu mà những người học Phật hướng đến vì không còn sanh lại dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Để làm được việc này người học Phật phải biết nguồn gốc vì đâu con người sanh ra đời và khi chết đi về đâu. Nguồn gốc phát sanh ra tam giới trong đó có sáu loài chúng sanh chính là 12 nhân duyên. Muốn diệt tận gốc sanh tử là diệt Vô minh và Hành thì có Niết Bàn.

Có bốn bậc Thánh tùy vào hành giả diệt được kiết sử nào. Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ thì đây là bậc Thánh dự lưu chỉ còn khổ tối đa 7 lần. Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ và muội lược Tham, Sân thì đây là bậc Thánh nhứt lai, chỉ còn khổ đau một lần. Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân thì đây là bậc Thánh bất lai không còn khổ đau nữa, sanh vào cõi trời sắc giới, hưởng hết tuổi thọ và nhập Niết Bàn từ đây. Nếu diệt 10 kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân, Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, Mạn, Trạo cử, Vô minh thì đây là bậc Thánh A la hán không còn khổ đau và nhập vào Niết Bàn sau khi thân hoại mạng chung. Tuy nhiên để đạt mục tiêu bốn bậc Thánh, Hành giả cần phải thực hành bát Thánh đạo cho viên mãn chứ không phải ngồi tụng kinh gõ mõ suốt ngày hay cầu nguyện hay tụng chú.

Chương 12 bàn về con đường Bát chánh có tám chi phần sẽ diệt được Bát tà. Tại sao chọn con đường Bát chánh? Vì Bát Chánh sẽ diệt tất cả, những nguyên nhân có thể xảy ra đưa đến khổ đau còn những con đường khác chỉ diệt một số nguyên nhân chứ không diệt tất cả vì Đức Phật có khả năng biết những ai có kiết sử nào và không có kiết sử nào nên đã thuyết những con đường khác chỉ cho diệt kiết sử nào đang có.

Tu tập Chánh kiến sẽ đoạn tận Tà kiến do có tà kiến dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh tư duy sẽ đoạn tận Tà tư duy vì do suy nghĩ về dục do suy nghĩ về sân hận, suy nghĩ về hại dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh ngữ sẽ đoạn tận Tà ngữ vì do tà ngữ dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh nghiệp sẽ đoạn tận Tà nghiệp vì tà nghiệp dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh tinh tấn sẽ đoạn tận Tà tinh tấn vì Tà tinh tấn dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh niệm sẽ đoạn tận Tà niệm vì tà niệm dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh định sẽ đoạn tận Tà định vì Tà định dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Như vậy tu tập bát Thánh đạo sẽ hết khổ đau và chấm dứt luân hồi.

Phần IV này rất khó tu cho cả người tại gia và người xuất gia. Lý do là người nào đã sanh ra đời này cũng đã bị dính mắc vào môi trường mình đang sống và đã dính mắc truyền thống tôn giáo mà mình đã nhập vào từ khi vào chùa cho đến khi đến chức này chức nọ. May mắn thay cho ai thoát được cái vỏ truyền thống mà đã bị nhồi sọ từ nhỏ đến lớn mà không hay biết. Tuy nhiên có ai thoát ra khỏi vỏ ốc truyền thống của mình thì phước nhiều đời của những vị đó.

Thế Tôn đã nói trong kinh Tăng chi tám pháp phẩm Gotami như sau: "Vì rằng, này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, này Ananda, Phạm hạnh sẽ

không được an trú lâu dài, thời này Ananda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm."

Diệu Pháp này đã tồn tại hơn 500 năm rồi nên ngày nay có còn mấy ai học và thực hành những lời dạy đức Phật trong năm bộ kinh Nikaya nữa đây.

Tất cả có bốn phần và phần giới thiệu đã nói lên tất cả tập sách này muốn nói và gửi đến những hành giả muốn chấm dứt khổ đau nên cố gắng tìm hiểu, suy tư, chứng nghiệm mà không nên tin ai một cách mù quáng dù đó là bậc đạo sư của mình.

Phụ Lục

Nghệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt.

Thức là duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Do vậy những gì nhập vào tâm từ sáu ngoại xứ qua sáu giác quan sẽ tạo thành những hạt giống và suy tư về chúng nên tạo thành thừa ruộng. Để làm cho hạt giống phát triển nhanh cần có nhuận ướt được ví như là ái.

Tác giả đã nghe đoạn kinh này khá lâu nhưng không hiểu vì cứ nghĩ nghiệp là hạt giống. Đến một thời điểm sự hiểu biết về Lý Duyên khởi của tác giả chín muồi tự động hiểu "Thức là hạt giống, Nghiệp là thừa ruộng, Ái là nhuận ướt". Tác giả đã kiểm chứng những hạt giống hiểu biết về kinh sách, những môn khoa học, những thói quen xấu tốt, v.v.. Khi đã vào tâm qua sáu nội xứ và đã bắt đầu phát triển một thời gian thì sự biết trở thành chín muồi. Chúng là những sự chấp thủ gồm có Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ biến thành Hữu, biến thành Sanh, Già chết. Những sự hiểu biết đã thành viên mãn thì khó thay đổi. Đây là lý do có thể giải thích được những hiểu biết khoa học không giúp cho con người thoát khổ.

Đời sống con người nhập nhiều thông tin tức là đã tạo nhiều hạt giống nên trở thành những chấp thủ và sanh ra nhiều đau khổ. Tổ tiên người Việt nam có câu "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" có nghĩa là có một nghề tinh xảo thì cái thân được sung sướng. Do vậy hạt giống thiện hay hạt giống ác đã gieo vào tâm vẫn dẫn đến những hạnh phúc và đau khổ về sau. Đồng thời sự cố chấp thủ cùng sanh khởi.

Tâm nhập nhiều những kinh sách qua mắt hoặc qua tai sẽ biến thành những hạt giống và sẽ chín muồi. Chúng sẽ có những quả phước và những hạnh phúc nhất định, Nhưng sau khi thân hoại mạng chung có thể tái sanh vào ba đường ác.

Thế gian này có nhiều tôn giáo mà đã có hàng triệu, hàng tỷ người tin theo. Vì họ nhập thông tin qua mắt, qua tai từ nhỏ và đã phát triển chín muồi. Niềm tin phát sanh từ đó và phải luân hồi trong ba đường ác vì tà kiến.

Đức Phật đã thấy sự nguy hiểm khi nhập quá nhiều thông tin có nghĩa là có nhiều hiểu biết không dẫn đến chấm dứt khổ nên đức Phật đã không nói ra. Nhưng hôm nay chúng sinh chạy theo những hiểu biết hấp dẫn nên dẫn đến luân hồi. Còn hiểu biết về Tứ Thánh đế tức là hạt giống, không chịu tìm hiểu cho rốt ráo và đã xem hạt giống giải thoát này như những hạt giống hiểu biết khác nên không tập trung vào để được chín muồi đồng nghĩa sẽ có giải thoát trong đời này hay đời vị lai.

Bước đầu học Phật, hành giả nên ngừng nhập vào tâm những lời giảng của những vị giảng sư, những kinh sách không giải thoát. Nếu không dừng lại thì sẽ trở thành hạt giống phát triển và chín muồi. Hậu quả sẽ luân hồi lâu dài trong tam giới. Tác giả đã từng nhập nhiều thông tin trên 47 năm đã sanh ra nhiều phiền não vì thông tin không chính xác nhưng may mắn cho đến năm 2009 đã bắt đầu học năm bộ kinh Nikaya, sau khi đã học kinh Đại thừa không trừ được Tham, Sân, Si. Từ lúc gieo hạt giống kinh Nikaya cho đến khi hiểu biết thật sự đòi hỏi sự tập trung và sự suy tư về năm bộ kinh Nikaya liên tục hơn 11 năm thì quả mới trở ra. Vì vậy số người học kinh Nikaya rất ít nên sự hiểu biết rốt ráo năm bộ Kinh Nikaya rất khó.

Tại sao thời đại này con người không học năm bộ kinh Nikaya?

Do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, có muôn hình muôn vẻ và đã nhập vào tâm qua mắt, qua tai, qua mũi, qua lưỡi, qua thân, qua ý nên con người bận rộn những hạt giống quá hấp dẫn. Chúng sanh không thể nhập Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo được vì thế gian này quá lôi cuốn mặc dù kinh Nikaya đã được dịch ra tiếng Việt.

Những hiểu biết tối thiểu cần nhập như đức Phật đã thuyết trong bài kinh lá rừng Simsapà và cần suy tư nhiều về Tứ Thánh đế một thời gian sẽ chín muồi. Nếu không tập trung vào Tứ Thánh đế mà vẫn cứ nhập những hạt giống khác sẽ tự động phát triển những cây cỏ thụ khác và phải đi luân hồi.

Tóm lại.

Đời sống dễ giảm phiền não, đau khổ nên giảm nhập thông tin mới, giảm tiếp xúc tối đa và chỉ nhập Tứ Thánh đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo và những bài kinh liên hệ để làm sáng tỏ. Quý vị suy tư về chúng tức là đang tạo thừa ruộng và làm nhuận ướt tức là ái sẽ giúp hạt giống giác ngộ sớm chín muồi tức là giải thoát.

Mười Ân đức của Đức Phật.

Tác giả đã đọc năm bộ kinh Nikaya nhưng không thấy định nghĩa 10 ân đức này. Lý do loài người lúc đó biết những ân đức này nên không có định nghĩa. Hơn nữa những nhà dịch kinh A Hàm gốc người Ấn độ vào thời kỳ đầu truyền qua nước Tàu đã dịch 10 Ân đức này khá chính xác nên nghe 10 danh hiệu này cũng dễ hiểu.

1- Ứng Cúng (zh. 阿羅漢, sa. arhat, pi. arahant), dịch nghĩa là A La Hán (zh. 應供), là "Người đáng được cúng dường", đáng được tôn kính.

2- Chánh Biến Tri (zh. 正遍知, sa. samyaksambuddha), dịch theo âm là Tam-miêu-tam-phật-đà (zh. 三藐三佛陀), là "Người hiểu biết đúng tất cả các pháp". Còn gọi là Chánh Đẳng Giác.

Sau khi đọc 5 bộ kinh Nikaya, Ngài Chánh Đẳng Giác về sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, 5 uẩn và Tứ Thánh đế.

3- Minh Hạnh Túc (zh. 明行足, sa. vidyācaraṇasampanna), nghĩa là "Người có đủ trí huệ và đức hạnh", tức là có đầy đủ tam minh (Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, Lậu Tận Minh) và ngũ hạnh (Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiệnp Hạnh, Anh Nhi Hạnh, Bệnh Hạnh). Túc là đầy đủ, Minh là Tam Minh và Hạnh. Tham khảo thêm Tam minh trong 10 Như Lai lực.

4 Thiện Thê (zh. 善逝, sa. sugata), là Người đã khéo đi qua cõi thế gian

[ja] ゼンゼイ zenzei ||| (sugata). "Well done;" "well gone;" "well-finished." One of the ten epithets 十號 of the Buddha. A person who has skillfully finished the job; who has completed the work leaving nothing undone. [法華經 T 262.9.19b11]

Người khéo léo hoàn tất việc của mình (tự giác), người đã làm xong tất cả mọi việc (giác tha, giác hạnh viên mãn). Bạc hoàn thiện.

5-Thế Gian Giải (zh. 世間解, sa. lokavid), là "Người đã thấu hiểu thế giới".

Tham khảo thêm trong 10 Như Lai lực.

6-Vô Thượng sĩ (zh. 無上士, sa. anuttarapurusa), là "Đấng tối cao, không ai vượt qua". Hiện tại không ai hơn hay bằng Ngài trong thời kỳ Ngài là vị Phật toàn giác, quá khứ có Đức Phật Ca Diếp và tương lai có Đức Phật Di Lặc theo kinh Trường bộ do ngài kể lại.

7-Điều Ngự Trượng Phu (zh. 調御大丈夫, sa. puruṣadamyasārathi), nghĩa là "Người đã chế ngự được bản ngã và nhân loại". Điều Ngự Trượng Phu còn một nghĩa khác nữa là Đức Phật có khả năng điều phục những người hiền và ngự phục những kẻ ác theo về chánh đạo.

8-Thiên Nhân Sư (zh. 天人師, sa. devamanuṣyānām sāstr), là "Bậc thầy của cõi người và cõi trời"

9-Phật là "Bậc giác ngộ."

10-Thế tôn là bậc Tôn kính của thế gian.

Người học Phật mà tin Phật là tin tuyệt đối 10 Ân đức này chứ không phải tin gì khác theo định nghĩa Thế nào là "tin" trong kinh Tăng chi năm pháp là Tin 10 Ân Đức này.

Mười ân đức này

Phương pháp học hiệu quả

Đa số những người lớn lên không biết cách học một môn nào hoặc đề tài hoặc một ngành nào hoặc kinh cho có hiệu quả. Tác giả đã bắt đầu tự học một cách vô tình mà có hiệu quả tốt từ năm 1966 do tình cờ tác giả đã thấy một cuốn sách nói về 600 bài toán tính đồ. Tác giả đã tự đọc cuốn sách đó, sau đó tác giả đã đi học một ông thầy giáo làng và thầy cho phép tác giả chỉ lại những đứa khác. Vì tác giả đã học và hiểu được 600 bài tính đồ nên có thể hướng dẫn người khác học được. Tuy nhiên để trình bày một phương pháp học có hiệu quả thì phải đợi cho đến khi tác giả đã học và hiểu được 5 bộ Kinh Nikaya thì mới thật sự trình bày phương pháp học thật dễ hiểu mà ai cũng có thể áp dụng được.

Có ba giai đoạn học có kết quả tốt.

I-Giai đoạn Văn.

Giai đoạn này thấm vào những thông tin từ bên ngoài rất quan trọng. Cuộc đời con người phần nào nhiều hay ít, sướng hay khổ tùy vào những gì mà chúng ta đã đọc và đã nghe. Nếu có cha mẹ có trình độ khá và có học vấn khá thường dạy những đứa con học (thấm vào qua mắt và qua tai) những gì hữu ích để lớn lên có một nghề vững chắc. Nếu cha mẹ dốt quá không biết thì để con cái tự động thấm vào những cái tốt và những cái xấu. Cuộc đời con người có thể sướng hay khổ tùy vào môi trường. Vì vậy môi trường con trẻ lớn lên rất quan trọng. Nếu môi trường gia đình xấu và môi trường xã hội xấu nữa thì đứa trẻ lớn lên thường sẽ khổ do họ nạp những thông tin xấu hoặc dữ kiện xấu vào tâm. Chính những thông tin này sẽ gây cho những đứa trẻ khổ khi trưởng thành.

Còn những nhà tu hành thì sao?

Tương tự cũng vậy. Nếu một người xuất gia theo một truyền thống mà từ nhỏ đến khi trưởng thành. Họ đã đọc những kinh sách truyền thống theo kiểu xưa bày nay theo mà không chứng nghiệm những gì Kinh viết có đúng hay không? Nếu không chứng nghiệm được mà đi

rao giảng sẽ hại vô số người. Tội sẽ lớn vô cùng sẽ trả quả báo khổ ở địa ngục. Đa số họ tin vào những gì vào truyền thống mà không chứng nghiệm. Họ học kinh sách loại này lại rất nguy hiểm. Họ nghe những bài thuyết giảng trên mạng và tin vào những lời thuyết đó cũng nguy hiểm. Thông tin đưa vào tâm qua mắt, qua tai cần chọn lọc nếu nhập vào những thông tin sai sẽ khổ nhiều đời về sau.

Có hai nguồn thông tin đưa vào tâm.

A -Thông tin, tiểu thuyết, kinh sách do đọc qua mắt.

Những từ ngữ trong kinh sách biểu thị những gì có thực trong đời sống hằng ngày mà tự những từ ngữ trong kinh không phải là sự thật. Từ những từ ngữ trong kinh sách để kiểm chứng hay chứng nghiệm đúng hay không sẽ tốn nhiều thời gian. Vì vậy có nhiều người đọc và tin những lời trong kinh sách nhưng chẳng chứng nghiệm gì cả.

Trước khi thâm nhập kinh sách đưa vào tâm qua mắt, nên tham khảo những vị đã chứng nghiệm những từ ngữ trong kinh đã viết còn những vị chưa chứng nghiệm mà nói hay cỡ nào không vội tin mà nhập vào. Những người viết tiểu thuyết thường là hư cấu hay tưởng tượng viết như chuyện Tây du ký, không nên thâm vào vì nó sẽ làm cho bạn sống trong ảo tưởng nên tránh xa sách vở thể gian vì không lợi ích cho sự giải thoát.

Những kinh sách nào có những từ ngữ chỉ nói chung chung mà không có định nghĩa thì muôn đời cũng không kiểm chứng được. Nếu thâm vào tâm qua mắt sẽ hại quý vị rất nhiều.

Ví dụ muốn bắt tướng cướp mà không cho chi tiết rõ ràng thì không thể bắt cướp được. Trước khi bắt cướp cần có chi tiết rõ ràng và dựa chi tiết này sẽ tìm ra thủ phạm dễ dàng để bắt. Tương tự kinh sách cần có những danh từ mà định nghĩa rõ ràng để người học có thể kiểm tra, kiểm chứng những thông tin trong kinh sách.

Hiện nay ở Việt nam có nhiều kinh sách, những từ ngữ không có định nghĩa rõ ràng thì làm sao kiểm chứng được mà thuần học thuộc

rồi tin. Cứ như vậy mà tin từ đời này qua đời khác. Theo tác giả hiện tại Việt nam có 5 bộ kinh Nikaya, có những từ ngữ trong kinh có định nghĩa rõ ràng. Quý vị nên thâm vào rồi kiểm chứng nếu đúng thì theo. Nếu không đúng thì không theo. Bản thân tác giả đã kiểm chứng những từ ngữ trong kinh rất đúng.

Vấn đề thông tin đưa vào tâm qua kinh sách vở khá nguy hiểm vì chúng chỉ là ký hiệu, chỉ là văn tự chưa phải sự thật. Khi học cẩn thận khi nhập ít và kiểm chứng có đúng hay không chứ đừng ham nhập nhiều quá sẽ bội thực.

B-Thông tin Kinh Sách nhập vào tâm qua nghe bằng tai.

Ngày nay có những phương tiện như Youtube, Facebook, nhiều người có thể nghe những thông tin từ những kênh này. Thông tin này nếu nhập vào sẽ hại nhiều hơn là lợi. Vì những thông tin đó ít chính xác. Chính Youtube hay Facebook đã hại những người học Phật quá nhiều vì làm tâm trí quá thụ động không chịu suy tư và không ham muốn đọc kinh Nikaya nữa. Đây là vấn đề thời kỳ dục quá thịnh và không giúp ích cho những người học Phật, khó giải thoát và chứng Thánh.

C-Thuộc lòng những gì đã học và đã nghe.

Đọc một câu kinh hay một bài kinh nào nên thuộc đoạn kinh đó. Nếu không thuộc thì chuyện học Phật chấm dứt. Thuộc kinh là bước đầu để tiến xa hơn nhưng học thuộc kinh cũng không dễ. Quý vị cần kiên nhẫn học thuộc và nên đọc phương pháp học thuộc kinh do tác giả viết và sẽ bỏ vào Phụ lục tập sách này.

II- Giai đoạn Suy Tư.

Sau khi đã thuộc đoạn kinh đó rồi. Tiếp đến đặt câu hỏi thứ nhất là từ ngữ này có nghĩa là gì tiếng anh là (what).

Ví dụ học từ ngữ "Kiết sử" tự người học đặt câu hỏi kiết sử là gì. Quý vị sẽ tự có câu trả lời. Câu hỏi thứ hai mà người học tự mình đặt

câu hỏi là Tại sao nó hiện hữu? Tự mình tìm câu trả lời và không dựa vào câu trả lời của người khác.

Kết hợp từ ngữ đó là gì (what) và tại sao nó có mặt (why) sẽ hiểu đoạn kinh đó sẽ rõ ràng. Còn thực hành bằng cách nào (How) và thời gian nào xảy ra tiếng Anh là When.

Hai từ How (cách nào) và When (khi nào) chưa quan trọng bằng từ What (cái gì) và why (tại sao). Cách nào hay phương pháp nào trong kinh thường gọi là Bát Chánh đạo.

Suy tư trong tất cả uy nghi khi đi, khi ngồi, khi nằm, khi đứng chứ không phải thế ngồi mới suy tư thì không đúng. Suy tư là nghiệp nếu suy tư về Tứ Thánh đế sẽ có quả giải thoát. Nếu suy tư về tham, sân, si thì luân hồi đau khổ. Do đó hằng giờ, hằng ngày, hằng năm nên suy tư về Tứ Thánh đế sẽ giúp quý vị giác ngộ. Bản thân tác giả đã suy tư về Tứ Thánh đế mà khổ Tập là 12 nhân duyên và Khổ diệt Đạo là Bát chánh suốt hơn 11 năm.

III-Giai đoạn Tu hay Thực hành.

Sau khi đã hiểu xong và cố gắng chứng nghiệm những gì đã hiểu. Cứ Tư và Thực hành cho đến khi đã trải nghiệm những từ ngữ đã học. Thời gian không xác định được.

Ví dụ như tác giả khi trải nghiệm một lệnh (command) trong phần mềm (software) của ngành công chánh mất vài ngày mới thành công.

Ví dụ tác giả chứng nghiệm Tứ Thánh đế vừa Văn, Tư, Tu đã trải hơn 10 năm. Nhờ kiên trì chứ trên đời không có gì dễ dàng đâu.

Cách học thuộc kinh.

A-Cách học bằng mắt.

Mắt có nhiệm vụ đưa các ảnh của các sắc vào tâm chỉ lưu trữ tạm thời, nếu các ảnh của các sắc không lưu trữ vào ý thì không nhớ vì vậy khi chúng ta học kinh cần cố gắng nhớ lại cái gì vừa thu vào mắt khi câu kinh không có trước mắt, nếu không nhớ câu kinh hết thì mở

mắt cho câu kinh lưu lại xong nhắm mắt lại cố gắng nhớ lại câu kinh, cứ mở mắt nhìn câu kinh rồi nhắm mắt cố gắng nhớ lại, cứ mở mắt thì lưu lại ảnh xong nhắm mắt còn nhớ không, lập lại nhiều lần thì cả câu kinh sẽ ghi nhớ.

Ví dụ: Học thuộc câu kinh "Thế nào là vô minh? không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường dẫn đến khổ diệt".

1-Mở mắt nhìn thấy câu kinh trên khoảng vài phút để hình ảnh câu kinh đưa vào tâm qua mắt, xong nhắm mắt lại nhớ lại phần nào câu kinh, không nhớ phần nào câu kinh.

2- Lần đầu nhớ một ít, không nhớ một ít xong rồi mở mắt nhìn xem phần câu kinh không nhớ vài phút rồi nhắm mắt lại cố gắng nhớ đoạn kinh vừa xem.

3- Cứ lập lại phần 2 trên cho đến khi nhớ hết câu kinh.

4- Sau khi nhớ hết câu kinh rồi xong rồi ngồi một mình cố gắng nhớ lại câu kinh trên, nếu quên mở mắt xem lại, cứ lập lại vài lần như vậy, sẽ nhớ lâu lắm.

Tóm lại phương pháp học bằng mắt, cần có kinh để xem, sau khi xem thì nhắm mắt lại thì nhớ phần nào và không nhớ phần nào, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn xem lại, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn lại, cứ lập lại cho đến khi thuộc hết bài kinh hay câu kinh.

Nên nhớ rằng khi học kinh bằng con mắt, chỉ mới có trí nhớ tạm thời khi nhìn xem, nếu không có bài kinh thì quên. Vì vậy muốn nhớ lâu dài khi vừa nhìn xong rồi chuyển qua ý thì mới nhớ lâu.

Đa số chúng ta không biết mắt chỉ ghi ảnh sắc tạm thời cho nên khi không có cuốn kinh thì chúng ta không nhớ gì cả, chỉ là trí nhớ tạm thời khi nhìn thấy kinh. Sau khi xem kinh xong phải chuyển qua ý thì dù không có cuốn kinh chúng ta vẫn nhớ.

Muốn có trí tuệ rộng lớn khi xem kinh xong phải chuyển qua ý khi đi đâu chúng ta vẫn nhớ mà không cần cuốn kinh theo.

B- Cách học bằng tai.

Tai có nhiệm vụ đưa ảnh thanh của âm thanh vào tâm. Khi Quý vị nghe câu kinh xong và cố gắng nhớ lại được gì không. Nếu phần nào câu kinh chưa nhớ thì mở nghe lại, rồi cố gắng nhớ lại được gì vừa nghe và không nhớ được gì vừa nghe và tiếp tục nghe tiếp phần nào chưa nhớ cứ như vậy lặp lại: nghe xong cố gắng nhớ phần nào và không nhớ phần nào.

Cứ lặp lại nhiều lần thì câu kinh sẽ thuộc. Khi không còn nghe âm thanh nữa và cố gắng nhớ lại tức là đã chuyển ảnh Thanh đưa vào ý thì mới nhớ lâu.

Nếu chúng ta vừa nghe kinh, chỉ bắt đầu chứa ảnh Thanh tạm thời thôi vì vậy chúng ta cần đưa ảnh Thanh tạm thời vào ý tức thời thì nhớ. Nếu nghe xong bài kinh mà không tác ý ghi nhớ thì vài tiếng đồng sau quên hết gọi là trí tuệ bấp bề.

Nếu nghe xong bài kinh xong tác ý để nhớ thì chúng ta đang chuyển câu kinh từ tai qua ý thì nhớ lâu dài và suy tư sẽ có trí tuệ rộng lớn.

Lòng Biết Ơn

Tri ân cha mẹ đã sanh ra và nuôi dưỡng cái thân tứ đại này cho đến 24 tuổi. Nhất là người mẹ đã cho tác giả khá nhiều tiền nên đã mua nhiều sách khi vào Sài Gòn từ 1973-1978.

Tác giả tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu đã bỏ công sức đã hoàn tất kinh Trung bộ và kinh Trường bộ từ 1964-1975 và đã dịch hoàn tất kinh Tương ưng bộ, kinh Tăng chi bộ và bốn cuốn kinh Tiểu bộ từ 1975-1978. Những cuốn kinh Tiểu bộ còn lại do Cư sĩ Trần Phương Lan dịch nốt. Có lẽ dịch từ Tiếng Anh chứ không phải tiếng Pali. Nếu không có những bản dịch Pali - Việt của Thầy Minh Châu, tác giả không thể nào hiểu Phật Pháp cho đến nơi, đến chốn. Tri ân Thầy vô cùng.

Tác giả cảm ơn Hòa Thượng Thích Bửu Chánh rất nhiều vì đã viết cho những lời giới thiệu rất quý giá về cuốn sách "Tứ Thánh đế là Tối Thượng" để khuyến khích Chư Tăng Ni, Phật tử đọc cuốn sách này. Đây là niềm vui chung của những học viên và chúng con xin kính chúc Hòa Thượng nhiều sức khỏe và những phước lành đến với Hòa Thượng.

Tác giả cảm ơn Sư Giác Tâm trụ trì tịnh xá Ngọc Long đã viết những lời giới thiệu khích lệ Phật tử đọc cuốn sách này.

Tác giả cảm ơn Sư Toại Khanh đã chịu khó đọc bản thảo và đã viết những lời nhận xét khá lý thú về cuốn sách này có thể làm độc giả tò mò về câu "Rõ ràng đây là một công trình lớn, có ý nghĩa và có thể được xem là của hiếm." sẽ đi tìm tập sách của hiếm này để đọc.

Tri ân nước Úc đã cấp tiền cho tác giả những lúc không có việc làm khi ngồi nghiên cứu kinh sách.

Tác giả cảm ơn những học viên đã còn trong lớp hoặc đã từ bỏ lớp chưa giác ngộ Tứ Thánh đế vì quý vị là cảnh sắc và cảnh thanh để tác giả tiếp xúc hằng ngày, hằng tuần đã phát sanh các ý tưởng. Cuối cùng đã hoàn thành tập sách tựa đề là "Tứ Thánh đế là Tối Thượng. Đặc biệt cảm ơn Võ Thị Hoàng Yến đã bỏ nhiều công sức và nhiều thời gian giúp thầy để xuất bản cuốn sách này.

Giới thiệu về tác giả.

Tác giả tên thật là Võ Thế Hoà sinh ngày mùng 1 tháng 7 âm lịch năm Giáp ngọ đổi dương lịch thành 30/07/1954 tại xã Phước Thắng, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định. Một nhà nghiên cứu, thực hành Phật giáo và Triết học Đông Phương từ 1973 cho đến nay.

1-Quá trình học tập về những ngành thuộc về thể gian.

Từ 1954-1965, trình độ chỉ là lớp năm thời xưa còn bây giờ là lớp một do cha mẹ ly dị và mẹ không biết chữ, chuyện học hành không ai chỉ dạy nên chỉ biết có vậy. Gia đình sinh 5 người con chết hết trừ một mình tôi sống sót đến bây giờ. Ba Tác giả về sau đã có thêm hai vợ nữa và đã có thêm bốn người con cùng cha khác mẹ nữa.

Năm 1964 chiến tranh mẹ tác giả dắt tác giả từ quê lên rừng núi Vĩnh Thạnh sống một năm đến năm 1965 xuống Quy Nhơn rồi bắt đầu học lại lớp 2 do thầy giáo làng dạy và thầy thấy tác giả làm toán khá cho lên lớp 5 (lớp nhất) trong vòng một năm nhưng khi thi vào trường công xuống lớp 4 vào năm 1966. Học xong lớp nhất thời đó thi vào trường công đầu đệ thất năm 1968, Học được hai năm vào niên khóa 1970-1971, xin nghỉ học trường công về nhà tự học do vì thấy mình lớn tuổi so với những đứa cùng lớp đến 3 tuổi nên không học nữa. Vì vậy tác giả muốn học nhảy lên hai lớp vào niên khóa 1971-1972 tức là học lớp đệ nhị thời đó còn bây giờ lớp 11. Thi đầu tú tài 1 vào tháng 8/1972 và đầu tú tài 2 vào tháng 6/1973. Vào Sài Gòn tháng 7/1973, Tác giả bắt đầu học luyện thi vào các trường đại học thì cha tôi bảo rằng " Tao đã lo cho mày vào đại học Phú Thọ rồi "với giá khoảng một triệu đồng thời đó có thể mua một căn nhà. Tác giả tin rằng đã có lo lót nên khi vào phòng thi không làm bài. Khi xem kết quả không có tên thì biết đã bị gạt rồi. Sau đó ghi danh vào học chứng chỉ dự bị Toán, Vật lý, Hoá học gọi là MPC của Đại Học

Khoa học vào niên khoá 1973-1974. Tác giả đã đậu chứng dự bị vào 7/1974. Tác giả đã thi lại vào Đại học Kỹ Thuật (Phú Thọ) và đã đậu ngành kỹ sư công chánh vào tháng 9/1974. Tác giả đã học cho đến 8/1978 và đã vượt biên 1/1979. Tác giả đã định cư ở nước Úc vào tháng 5/1979 cho đến nay.

Tác giả đi học lại kỹ sư công chánh trường Đại học Kỹ thuật Victoria (tên cũ Footscray Institute of Technology) từ tháng 2/1985 cho đến 12/1987 và đã tốt nghiệp kỹ sư ngành công chánh.

2-Quá trình học hỏi và nghiên cứu về Phật giáo và Triết học Đông Phương.

Tết quý sửu 1973, Tác giả lái xe Jeep đi Tây sơn (Phú Phong) du xuân và viếng cảnh chùa. Bỗng nhiên thấy một cái chùa dọc theo quốc lộ 19 liền dừng xe, bước xe xuống và bước lên chùa. Tác giả nhìn xuống quang cảnh chùa và những cảnh làng quê dưới núi. Tâm tác giả chán đời và không bao lâu ăn chay trường cho đến 1975.

Thời gian từ 1973-1978.

Học sấm giảng của Phật giáo Hoà Hảo, nghiên cứu sách đạo Cao đài.

Học Đạo Đức kinh, Nam Hoa kinh, Lão Tử Tinh hoa, Trang tử tinh hoa, Phật tinh hoa do tác giả Nguyễn Duy Cần dịch và viết.

Không học đặng do tác giả Phan Bội Châu viết. Cổ học tinh hoa.

Sách học làm người đủ loại do các tác giả Nguyễn duy Cần, Nguyễn Hiến Lê, Hoàng Xuân Việt.

Nghiên cứu hầu hết sách Krishnamurti do nhiều dịch giả dịch, Thuật dưỡng sinh Ohsawa.

Đọc và thích tác phẩm Câu Chuyện dòng sông Hermann Hesse, Chiến tranh và Hòa bình do Nguyễn hiến Lê dịch.

Nghiên cứu bộ Thiền luận Suzuki ba cuốn và cuốn Huyền giác chứng đạo ca, nghiên cứu Yoga và ngồi thiền, nghiên cứu Hội Thông thiên học, Tôn giáo là gì.

Thời gian từ 1979-1997.

Học kinh Lăng nghiêm và kinh Bát nhã, kinh Kim Cang, Pháp Bảo đàn, Kinh Dịch, Tử vi, Triết học đông phương và nhiều sách mà không nhớ. Book of Change, Anthology of I Ching, Tao of Physics.

Thời gian từ 1998-2008.

Nghiên cứu bộ Phật học Phổ Thông ba cuốn do Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viết.

Phật giáo khái luận của Hòa Thượng Thích Chơn Thiện. Hành trình về Phương đông.

Nghiên cứu sâu về kinh Lăng nghiêm và luật Nhân quả, đọc Thiền sư Hư Vân, Hòa Thượng Tuyên Hoá, nghe nhiều băng giảng các thầy Thích Thanh Từ, thầy Thích Từ Thông, sách cư sĩ Tâm minh Lê đình Thám và và một số tác giả mua từ Việt năm từ 2003-2008.

Thời gian từ 2009-2020.

Thuần nghiên cứu và chiêm nghiệm năm bộ kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch.

Lên Paltalk chia sẻ kinh Nikaya từ cuối năm 2012-2018, đọc một số sách Phật giáo do Sư Giới đức, Sư Giác Nguyên viết và nhiều tác giả khác viết về Thiền Tứ Niệm xứ, Lý Duyên khởi, Bát Chánh đạo và đã đọc sách Thiền trên internet về hệ thống kinh Nam tông, đọc Vi

diệu Pháp giảng giải của Sư Giác Chánh viết, Thanh tịnh đạo, Kinh Na-Tiên Vấn đáp.

3-Những kinh nghiệm khổ mà không biết lý do.

Thời gian 1966-1968.

Tác giả 12 tuổi bị gánh nước, bị giặt quần áo và bị làm công việc nhà. Tâm rất buồn phiền nhưng không biết nói với ai vì còn nhỏ và có thắc mắc cuộc sống từ đó nên đã cố gắng học cho đậu để thoát vào năm 1968 và thi đậu tú tài và đậu đại học sau này do lý do này.

Thời gian 1975-1978.

Vào ngày 30/04/1975, Tác giả đã chảy nước mắt khi đạp xe đi từ đường Lý Thường Kiệt quận 10 đến quận 1 và đã thấy những cảnh đồ đạc, quần áo lính quăng trên đường trông rất hoang tàn. Cảnh tượng này như bài Thăng Long Hoài cổ của bà Huyện Thanh Quan.

Tạo hoá gây chi cuộc hý trường,

Đến nay thấm thoát mấy tinh sương.

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt,

Nước còn chau mặt với tang thương.

Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,

Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

Tác giả rất buồn và đã đi mua vé xe đò về Quy Nhơn. Tác giả có ý nghĩ muốn tu luôn và không muốn đi học nữa. Trước khi về Quy Nhơn đã mua thêm một sách như sách châm cứu để tự học làm thầy

thuốc nam và sau này cũng đã có mua một bộ sách thuốc nam của Hải Thượng Lãn ông. Khi về lại Việt Nam năm 1994 thì những cuốn sách này vẫn còn trên kệ sách ngày xưa.

Tháng 8 hay tháng 9 năm 1977, những sinh viên năm thứ ba đi lao động ở ngã ba Cát Lái không biết nhớ có đúng hay không. Trời nắng chang chang mà chuyển đất từ dưới ruộng lên bờ. Thật là khổ vô cùng, Tác giả làm khoảng một tuần không chịu nổi rồi xin nghỉ bệnh về Sài Gòn.

Đi trên biển từ 9/01/1979-05/02/1979.

Đói và khát của thân. Đây là một cảm thọ khổ vô cùng mà không diễn tả được. Khi qua Úc, Tác giả đã đi tìm hiểu tại sao có những người đi không có đói khát mà bản thân tác giả lại bị như vậy. Năm 1981 đi tìm hiểu số mệnh từ đó.

Đi làm lao động chân tay rất khổ trong hãng từ 1980-1981 không hiểu tại sao và tâm cứ suy nghĩ như vậy.

Đi làm hãng xe Holden vào 1984 cũng khổ vô cùng nữa nên tác giả quyết chí phải đi học lại bằng mọi giá không thể nào đi làm lao động như thế này mãi.

Tháng 3/1995 Ái biệt ly, một cảm thọ khổ vô cùng về tâm mà không diễn tả được và đã không chịu đựng nổi nên đã mua vé máy bay về Việt nam để tránh buồn. Tác giả vẫn không biết tại sao nên về sau đã quyết tâm phải tìm cho ra đáp số những cảm thọ khổ về thân và những cảm thọ khổ về tâm. Cuối năm 1997 Tác giả đã mất hết tài sản và buồn nhiều không còn tha thiết đi làm và đã quyết chí phải nghiên cứu kinh sách Phật giáo lại từ đây.

4-Những kinh nghiệm hạnh phúc mà không biết lý do.

Khi còn trẻ tác giả đã học và biết lái xe jeep khi mới 16 tuổi. Tác giả có cảm thọ sướng khi được chở một người con gái khi đi viếng cảnh chùa và đi lễ Đống Đa Tây sơn vào những xuân 1974 và xuân 1975.

Ngày thi đậu kỹ sư vào 10/1974, một cảm giác vui nhẹ nhẹ khởi ra khi biết đã đậu đại học và có một chút hãnh diện.

Năm 1977 Tác giả đã có một mối tình thật đẹp khi chàng sinh viên thứ 3 dạy luyện thi một cô gái thi đại học nhưng không đi hết cuộc đời do cô ấy theo Thiên chúa.

Năm 1985-1987 Tác giả đi học lại rất sung sướng và thoải mái vô cùng.

7/1988 Đi lãnh văn bằng kỹ sư rất vui nhưng không biết vì sao.

9/1988 Có việc làm kỹ sư cho Thành Phố Richmond, lòng vui lạ lùng.

5-Tác giả đã giải quyết những thắc mắc từ nhỏ đến nay.

Trải qua một thời gian đã đi tìm đọc đủ loại sách và trải nghiệm những hạnh phúc và đau khổ. Bây giờ tâm tác giả không còn thắc mắc bất cứ cái gì trên đời này nữa. Tâm bình thản và an nhiên.

Địa chỉ email: tanhthay2@gmail.com

<https://www.facebook.com/hoa.vo.5855594/>

Trang Web Tứ Thánh đế là Tối Thượng

<https://tuthanhdelatoithuong.com/>

<https://meet.google.com/ucr-defu-aqw>

Những câu chuyện có thật của các học viên.

Trước khi vào học và sau khi học lớp Chứng ngộ Tứ Thánh để có kết quả gì?

Câu chuyện thứ nhất: Võ Thị Hoàng Yến, sinh năm 1979.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa.

(Thành tâm đánh Lễ Đức Thế Tôn, bậc A la hán, đáng Chánh Biến Tri).

Con là Võ Thị Hoàng Yến - Pháp Danh: Thanh Ngọc, Quy Y năm 14 tuổi tại Chùa Một Cột - Rạch Sáu - huyện Tam Bình - tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Nghề nghiệp: Học kinh Nikaya. (nguyên phó Chánh Văn phòng - Chuyên viên Khoa Luật trường Đại học Cần Thơ).

Quê quán: Ấp Tường Trí, Xã Tường Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Hiện sinh sống tại: Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam.

Email: vothihoangyen2015@gmail.com

1-Tuổi thơ và lớn lên.

Hoàng Yến sinh ra trong gia đình nông dân nghèo gồm có 5 chị em, con là chị Cả với 3 em gái và một em trai út. Cuộc sống mưu sinh vất vả, nhưng cha mẹ con vẫn cố gắng lo chạy tiền cho chị em con ăn học đến hết đại học. Con rất mang ơn cha mẹ con đã giúp cho bản thân con, các em con có một tương lai tươi sáng.

Năm 1997, con rời quê Tam Bình - Vĩnh Long lên Trường Đại học Cần Thơ nhập học, khoảng thời gian bốn năm là sinh viên ngành Sư phạm, con vừa học vừa làm nhiều công việc để có tiền trang trải đóng học phí và ăn uống sinh hoạt. Ngày ra trường, con rất may mắn được ở lại làm việc tại Bộ môn Luật, trường Đại học Cần Thơ

và sau 3 năm tách ra thành Khoa Luật trực thuộc trường Đại học đến nay. Cuộc sống của con gặp nhiều thuận lợi hơn với môi trường làm việc trong ngành giáo dục bậc đại học. Thời gian này con tốt nghiệp thêm tốt nghiệp một bằng cử nhân chính quy Luật Hành Chính nữa và học lên lớp Luật sư thời gian sau đó. Công việc của con phát triển nhanh, khá thuận lợi và ổn định. Con không theo nghề Luật sư vì nhận thấy hệ thống Pháp luật ở Việt Nam chưa chặt chẽ. (Chuyên môn nghề Luật sư Con chỉ làm công việc tư vấn mở giấy phép cho doanh nghiệp, đại diện pháp lý cho một số công ty lớn). Trong thời gian làm việc tại trường con còn mở kinh doanh ngành photo tài liệu, buôn bán sách, giáo trình để có thêm thu nhập. Kinh tế của con so với những bạn cùng thời có thể nói là thành đạt sớm.

Cuộc sống là một vòng xoáy liên tục, con người chúng ta cứ cuốn hút vào trong đó. Những năm tháng làm việc ở Trường Đại học thật bình yên, con vào trường làm ngạch chuyên viên phục vụ cho công tác giảng dạy, tuy vẫn có sự tranh đua chức vụ trong ngành, nhưng con không quan tâm nhiều, con vẫn tranh thủ làm thêm công việc photo, in ấn tài liệu. Đến năm 2013, do con có nhiều tham vọng, phía nhà trường không cho con tiếp tục buôn bán trong trường, nên con rời nơi làm việc là trường Đại học để mở công ty kinh doanh riêng mảng công nghệ cùng với người anh kết nghĩa bên nước Úc. Công việc làm của con rất thuận lợi và có thu nhập khá cao. Nhưng đến năm 2015 và 2017 thì có nhiều sự cố xảy ra rất đáng tiếc làm cho con bị khủng hoảng tinh thần. Chung quanh sự việc liên quan vấn đề tài chính của con với những người bạn làm việc cùng với mình. Con mất khá nhiều tiền từ thời điểm đó nên tâm trạng rất buồn, rất đau khổ. Và bắt đầu câu chuyện mất mát về tài chính dẫn đến các mối quan hệ trong gia đình, người thân đối xử với con không còn ngày trước. Con lập gia đình năm 2007, lúc đó con được 29 tuổi, chồng lớn hơn một tuổi, gia đình bên chồng rất nghèo, con không xem trọng đến giàu nghèo, con vì nghe lời mẹ khuyên bảo nên phải chấp nhận lấy chồng, vì là con Cả trong nhà, đứa em kế đã lập gia đình trước con 2 năm. Mọi việc liên quan đến tài chính của con hoàn toàn độc lập với chồng. Con có gia đình đã 14 năm nhưng việc nấu cơm, đi chợ hàng ngày con không phải làm, cho đến khi con

muốn ăn chay thì tự đi chợ mua đồ về nấu ăn một mình. Từ lúc biết ăn uống tự lập, lúc nhỏ đến lớn con không có sát sanh, con không dám làm đồ ăn với con vật sống. Theo thể gian mà nói, con là người phụ nữ không có nhiều điểm tốt để chọn làm vợ, có lẽ người chồng bị mắc nợ con đời trước nên đời này đến trả. Con chỉ thích đọc sách tôn giáo, triết học, nghiên cứu những đề tài về kinh doanh, làm giàu, tìm kiếm, sưu tầm sách vở mình thích, và chỉ biết ra ngoài làm việc kiếm tiền, rồi cũng từ việc mất tiền này nên hai vợ chồng con có rất nhiều tranh cãi dẫn đến những bất hòa thường xuyên xảy ra.

Khi có nhiều rắc rối mà không giải thích được, con luôn suy tư và đặt câu hỏi tại sao cuộc sống của con xảy ra những biến cố tồi tệ mà không có lời giải đáp. Lúc gặp chuyện không tốt, con đi xem bói, đi cúng sao, nhờ giải hạn, đi đến Chùa cầu xin Phật Trời ban bố phước báu cho con mà dường như con không thấy có kết quả gì. Con luôn thắc mắc là tại sao người sống tốt, người luôn giúp đỡ nhiều người mà lại bị chính người mình giúp trở mặt, phụ ơn với mình. Những câu hỏi thắc mắc luôn xuất hiện thường xuyên trong tâm trí con. Mặc dù, con có nhân duyên biết về Đạo Phật khi còn rất nhỏ. Con được làm Lễ Quy Y Tam Bảo năm con 14 tuổi, bản thân con và gia đình có thói quen đi chùa đọc kinh, cúng dường trai tăng, ăn chay kỳ, làm nhiều công tác thiện nguyện. Hơn ba năm, con dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu cuộc đời của Đức Phật, như đọc sách tôn giáo, xem phim Phật giáo, nghe pháp thoại, nghe những bài thuyết giảng của các vị Sư ở trong và ngoài nước. Tìm nhiều loại sách Phật học về để tự học, tự nghiên cứu giáo lý. Nhưng tất cả những điều con đọc và học giáo lý nhiều năm qua không giải quyết được tâm trạng buồn đau, sân hận và không trả lời được thắc mắc trong con người của con.

2-Sự chuyển đổi cuộc sống.

Tình cờ trong một dịp đi làm việc ở Hậu Giang vào đầu năm 2019, con gặp một người Phụ nữ lớn tuổi, con có hỏi bà cụ năm nay mấy mươi rồi, cụ nói năm nay cụ 84 tuổi, ở ngoài Miền Bắc vào trong Miền Nam có công việc. Cụ bà rất để ý các hành động của con khi lần đầu mới gặp. Con đã ăn chay gần 4 năm, vì thấy con đang làm

đồ ăn chay nên Cụ hỏi con có thường nghe giảng pháp hay không? Con có kể ra con đã nghe nhiều vị sư thầy thuyết giảng từ trong nước và ngoài nước. Bà cụ nói với con rằng: Bây giờ ở Việt Nam người ta tu sai hết rồi, con hãy tìm 5 bộ Kinh Nikaya mà học mà tu theo.

Cũng vào thời gian này, con đã giải quyết những khó khăn về vấn đề tài chính mà con gặp phải trong mấy năm qua. Công việc của con bắt đầu phát triển trở lại, có nhiều cơ hội về việc làm kêu gọi và mời con về làm việc, mối quan hệ với các sở ban ngành đoàn thể tạo điều kiện thuận lợi để cho con bắt đầu những công việc mới. Nhưng bản thân con thì không lấy làm vui và phấn khởi như trước đây. Con vẫn thấy buồn chán về nhiều chuyện xung quanh cuộc sống của mình. Những câu hỏi luôn khiến con suy tư về nguồn gốc sinh ra, tại sao mình có mặt trong cuộc đời này, tóc của con bạc nhiều, cơ thể già đi không còn như lúc trẻ. Con thấy trong gia đình ngay từ lúc sự nghiệp con phát triển làm được tiền lo cho nhiều người, nhưng khi gặp thất bại người thân cũng không ai hiểu, chia sẻ cùng con. Người thông cảm và chịu đựng nhất vẫn là mẹ con, mẹ con vẫn luôn động viên và an ủi con rất nhiều. Con rất muốn làm điều gì đó để trả ơn cho cha mẹ của mình. Cuối cùng con cũng nhận ra sự vô thường, sự khổ và vô ngã của kiếp người nên đó là lý do mà thôi thúc con đi tìm học Giáo lý của đạo Phật.

3-Tìm gặp được đúng kinh Nikaya.

Người đang đuối nước gặp phải chiếc phao. Con bắt đầu hành trình tìm kiếm của mình. Con có nghe tên kinh NiKaya đâu đó nhưng chưa có dịp nghe ai thuyết giảng 5 bộ kinh bao giờ. Bắt đầu từ thời điểm này con luôn đi tìm kiếm người giảng kinh Nikaya để xem trong kinh nói về vấn đề gì và nói như thế nào. Con lên mạng tìm cũng có nghe thấy một số vị giảng kinh Nikaya nhưng con không biết học như thế nào.

Vào đầu tháng một dương lịch năm 2020, con lên facebook nghe được bài giảng của một vị Cư sĩ giảng dạy 5 Bộ kinh Nikaya, vị ấy sinh sống tại Úc Châu. Và thế là từ đó con lên facebook để được nghe thầy giảng giải Kinh Nikaya. Con có nhiều câu hỏi thắc mắc

mà không người giải đáp. Nay có nhân duyên được thầy giảng về Tứ Thánh Đế, cụ thể là Tập đế qua 12 nhân duyên. Thời gian đầu gặp thầy, thầy cho con một tuần phải học thuộc lòng định nghĩa chi tiết 12 nhân duyên.

Thời điểm đầu con chưa chịu học, con hay tranh cãi với thầy về việc tu thế nào cho đúng, tu như thế nào cho có kết quả. Thầy chỉ nói ngắn gọn, "con tu như thế nào mà đoạn tận được tham, sân, si là có kết quả giải thoát." Con thấy thầy chỉ ra quá đơn giản nhưng không sao thực hiện được.

Cho nên việc học lý thuyết suông thì không có kết quả gì, người học phải nắm vững lý thuyết để thực hành, suy tư, kiểm chứng và chứng nghiệm. Từ việc đưa ra chủ đề học và hướng dẫn suy tư đặt câu hỏi, thầy đã giúp cho con trong thời gian tròn một năm học có kết quả rất đáng trân trọng và quý báu. Con không sao có thể diễn tả bằng lời nói của mình chỉ xin được chia sẻ đến tất cả những ai muốn tu giải thoát.

Bản thân của con lúc nào cũng bị dằn vặt, khổ đau và lòng đầy uất hận với tâm tư nặng trĩu sâu muộn, lo lắng. Mọi việc xung quanh con bắt đầu nhận ra do lòng tham mà có sự đau khổ. Câu hỏi thắc mắc và suy tư của con từ nhiều năm nay là tại sao một người sống tốt, thường xuyên giúp đỡ bạn bè, giúp đỡ người thân hết lòng sao lại gặp nhiều chuyện trái ngang, gặp khó khăn và đau khổ. Điều đáng nói hơn là chính những người mình giúp đỡ lại trở mặt với con khi con gặp biến cố, mất mát về tài chính. Nguyên nhân là vì đâu?

Trả lời được những trăn trở đó một cách thuyết phục là do con biết mình có căn tu, có phước nhiều đời. Con đã rất may mắn khi gặp Thầy Võ Thế Hòa, người quê gốc ở Quy Nhơn. Thầy sinh sống tại Úc Châu những năm tháng con còn rất nhỏ. Thầy là một vị chân nhân, là vị ân nhân, là vị thầy đặc biệt đã cứu con sống cuộc đời con, người đã sinh con ra lần thứ hai. Tại sao con phải nói như vậy, vì bản chất con người nếu không gặp Giáp Pháp của Đức Phật Gotama thì ai cũng Vô minh, mà Vô minh thì sinh ra Thân hành, Khẩu hành, Ý hành, mà chắc chắn rằng thân, khẩu, ý dẫn đi luân hồi mãi mãi, thân, khẩu, hành ác hay thiện thì cũng tạo nghiệp đi luân

hỏi, đi xuống con đường ác. Đó là lý do mà khi con đã học được giáo lý Kinh Nikaya, thầy đúc kết từ cốt lõi trong quyển sách mà thầy sắp giới thiệu "Tứ Thánh Đế là tối thượng" đã làm sáng tỏ mọi vấn đề thắc mắc của con.

Nội dung được thầy trích dẫn có hệ thống trong 5 Bộ kinh Tạng kinh Nikaya và Thầy phân tích rõ trong sách "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng" là bài Kinh chuyển Pháp luân để xác quyết Đức Phật luôn nhất quán, ngày đầu thuyết Tứ Thánh Đế, Bát Thánh Đạo và ngày cuối cùng trước khi nhập diệt cũng thuyết Tứ Thánh Đế và Bát Thánh Đạo, Trích trong "kinh số 16 - Đại Bát Niết Bàn". Bản thân con rất ấn tượng 4 câu trong bài kinh Chuyển pháp luân: Đế thứ nhất là "Khổ Thánh đế cần phải liễu tri", Đế thứ hai là "Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận", Đế thứ ba là "Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ", Đế thứ tư là "Khổ Diệt Đạo Thánh Đế cần phải tu tập".

Và thầy luôn nói về Lý duyên Khởi và Lý duyên Diệt, hướng dẫn cách áp dụng "44 Căn bản trí trong Tương ưng 2" để diệt điểm đầu tiên tạo nhân thì điểm cuối sẽ không có kết quả. Ngoài ra thầy còn cho học số bài kinh trong 5 bộ kinh Nikaya như bài kinh như: Bài kinh "Con đường xưa củ trong Tương ưng 2" Bài kinh "Lá rừng Simsapa trong Tương ưng 5, Bài kinh "Phân biệt trong Tương ưng 2 phẩm Nhân duyên", Bài kinh " Rắn độc trong kinh Tương ưng 4", Bài kinh "Một pháp quyết trạch trong Tăng chi 6 pháp", Bài kinh "Kiết sử trong Tương ưng 4", Bài kinh "Niết bàn trong Tăng chi 3 pháp"....

Con nhớ lại việc học của mình trong hơn một năm qua, đầu năm 2020 con gặp thầy, thầy hỏi con muốn bắt 12 tên tướng cướp làm cho bản thân con sầu, bi, khổ, ưu, não hay không? Từ sự gợi ý rất hấp dẫn và sự nhiệt tình tận tâm muốn giúp đỡ cho con học. Thầy gửi về Việt nam cho con một thẻ nhớ nghe 5 bộ kinh Nikaya bằng âm thanh và 4 quyển kinh Nikaya để làm tài liệu cho con học. Cộng thêm một hộp dầu gió xanh 12 chai để cho con đi tặng gieo duyên với các vị sư và những người thân lớn tuổi. Thế là, mọi thuận duyên đã đến với con liên tiếp ngay sau đó. Ngày 20 tháng 01 năm 2020,

con chính thức bắt đầu học Giáo lý kinh Nikaya mà người dạy cho con là Thầy Võ Thế Hòa sinh sống ở nước Úc.

4. Quá trình học Giáo lý gặp nhiều chướng duyên.

Vào đầu năm 2020 con không còn làm việc thuê cho công ty lớn như những năm trước con từng làm. Mặc dù con vẫn còn phân phối sản phẩm công nghệ cho người anh kết nghĩa tại Úc. Công việc này không phải bận rộn nhiều thời gian, nên con dành nhiều thời gian hơn để học Giáo Lý Kinh Nikaya. Thời gian một đến hai tháng đầu con chưa hoàn toàn tin tưởng vào việc hướng dẫn của Thầy. Con học khoảng năm mươi phần trăm, thầy kiểm tra bài con lúc thì thuộc lúc thì không thuộc. Còn gia đình con thì không ai ủng hộ cho việc học Giáo lý của con, họ cho con bị cực đoan, phước còn ít, đang có chồng, có 2 con mới chín tuổi, mười hai tuổi. Còn nhiều ràng buộc của đời sống tại gia thì nên tu phước mà thôi. Tu tập theo Giáo Lý Kinh Nikaya theo con đường giải thoát thì không thể nào thực hiện được. Nhưng con tin rằng thời gian mọi người trong gia đình con sẽ hiểu con, sẽ có cái nhìn khác về việc học Giáo lý của con. Con luôn tâm niệm: Hãy "tận nhân lực mới tri thiên mệnh". Gieo hạt giống thiện lành, gieo hạt giống Tứ Thánh Đế thì ngày sau mới có kết quả giải thoát. Con sẽ cố gắng Tu tập cho có kết quả rồi sẽ giúp lại cho người thân và người hữu duyên với con.

Và con nhận thấy tình hình chung là tất cả mọi người ai cũng cho rằng việc học Giáo lý để Tu giải thoát là dành cho người Tu sĩ. Người Cư sĩ tại gia là tu phước, tu giới là đủ rồi. Người nhà gia đình con cho rằng những người xuất gia mới có khả năng tu học và thực hành giáo pháp. Còn Cư sĩ tại gia thì phước mỏng, nghiệp dày thì không bao giờ tu giải thoát được. Con dường như muốn bỏ cuộc, không muốn tiếp tục vì áp lực nhiều phía xảy đến liên tục. Nhưng có lẽ nhân duyên nhiều đời, con đã được thầy gọi cho thể nghe 5 bộ kinh Nikaya, con nghe nhiều về kinh Tương ưng 2 và nghe, đọc được bài kinh ngạ quỷ sự, địa ngục, bàng sanh; như bài kinh "nước mắt", bài kinh "quả đất", bài kinh "con rùa mù". Con cảm thấy rất lo sợ, cơ hội sanh lại làm người thật mỏng manh. Mỗi lần nghe những bài kinh Nikaya con cảm thấy rất xúc động, rất thấm thía từng câu chữ

trong lời kinh và con đã quyết tâm dành hết thời gian còn lại của cuộc đời mình cho việc tu tập tìm đạo giải thoát.

Sau hơn hai tháng, khi kiểm chứng được một số thông tin trong kinh và thực hành có kết quả chút ít đã thuyết phục con bắt đầu dành gần như toàn thời gian cho việc học Giáo Lý Kinh Nikaya. Bây giờ con có thói quen học kinh, suy tư và tu tập cho mình. Không ai có thể chịu thay cái nghiệp cho mình, con quyết định âm thầm thực hành việc tu tập.

Thời gian đầu, con được Thầy hướng dẫn bằng cách gọi điện thoại trực tiếp giảng dạy về 12 nhân duyên. Mỗi ngày trung bình Thầy gọi về Việt Nam cho con khoảng 4 giờ đồng hồ. Con bắt đầu áp dụng những nhân duyên mà con học được vào bản thân. Điều đáng nói là từ việc biết rõ bản thân mình có mặt trên đời này nguyên nhân là từ đâu? Và vì sao bản thân ra đời trong gia đình miền quê nghèo khó? Bắt đầu được người thầy hướng dẫn Giáo Lý về 12 Nhân duyên, từ duyên vô minh rồi dẫn đến duyên hành dẫn đến duyên thức, duyên danh sắc, duyên lục nhập, duyên xúc, duyên thọ, duyên ái, duyên thủ, duyên hữu, duyên sanh, duyên già, chết, sầu bi, khổ ưu não. Con quan tâm và tìm hiểu nhiều về duyên lục nhập, tìm hiểu duyên xúc và bắt đầu suy tư để thực hành hai duyên này trước. Con áp dụng rất rốt ráo duyên lục nhập và duyên xúc vào đời sống của mình. Bằng cách là không xem, không nghe, không tiếp xúc với những sự việc xung quanh con trừ những cái tiếp xúc cơ bản là ăn, uống, ngủ, nghỉ. Con cảm thấy không có bức xúc, không giận dữ với những việc xảy đến bất ngờ cho mình. Thời gian này con quyết định bỏ công việc kiếm tiền để dành hoàn toàn thời gian học Giáo Lý và thường xuyên suy tư áp dụng vào thực tế cuộc sống hàng ngày.

Việc học Giáo Lý Tứ Thánh Đế thật sự không hề dễ dàng. Vì muốn đạt được mục đích tu giải thoát, quả vị đầu tiên là bậc Thánh dự lưu, phải đoạn tận được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, nghi Phật Pháp Tăng, giới cấm thủ. Nhưng khi chưa học Giáo Lý, bản thân con là con cho rằng mình là một người phụ nữ có vị trí trong xã hội, tầng lớp trí thức và làm chủ doanh nghiệp khá lớn. Cái tôi lớn dần trong người mà con không có thấy. Con cho rằng mình giỏi mình hay hơn

những người. Giờ đây khi học và hiểu về thân kiến con thấy không có gì là của con cả. Gia đình tôi, con của tôi, chồng của tôi và tài sản của tôi. Tất cả là do mình quý cái thân của mình nên cho rằng có cái của tôi như vậy. Nhưng nếu không phải là của con tại sao những điều đó lại mất, lại bị vô thường, lại bị thay đổi.

Từ khi học được Giáo lý Kinh Nikaya con thấy được do đâu mà con người ta có những định kiến, những tà kiến sâu dày chi phối trong cuộc sống nhiều như vậy. Người ta cho rằng chết là hết, có linh hồn đi đầu thai sau 49 ngày, con người sinh ra có số mạng, niết bàn là một cõi nào, những suy nghĩ này có là do con nghe kể, con thấm vào có cái biết, do duyên lục nhập hình thành.

Theo lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh." Từ nguyên nhân là thấy điểm bắt đầu, nếu chúng ta không biết sẽ thấm vào nhiều thứ làm cuộc đời chúng ta sẽ gặp nhiều rắc rối. Điều này không phải ai cũng nhận ra được, rất là khó thấy. Vì sao con nói như vậy, chúng ta hãy quan sát xem, nếu một người mà học nhiều nghề, nghề nào cũng biết một chút thì có thành công được hay không? Còn trong tu tập cũng giống như vậy, nếu học nhiều thầy dạy, học nhiều kinh sách quá cũng không hiểu và không thực hành được dẫn đến không có kết quả. Con may mắn được thầy Hòa Võ chỉ dạy từ những kinh nghiệm thực tế đã xảy ra với cuộc đời của thầy sau nhiều năm nghiên cứu kinh sách.

Học kinh phải có định nghĩa, học kinh phải học những bài mà Đức Phật cho ví dụ, học kinh phải đạt ý quên lời. Học kinh phải chứng nghiệm được lời dạy trong kinh...

Bản thân con áp dụng thử nghiệm ngay, trong quyển Tứ Thánh Đế là Tối Thượng, trước hết tìm hiểu Khổ đế và kiểm chứng, Tập Đế tìm hiểu và kiểm chứng 12 Nhân duyên. Con hoàn toàn tin tưởng Kinh NiKaya là do Đức Phật thuyết và quyết tâm mỗi ngày tinh tấn tu tập.

5. Kết quả Tu Tập Tứ Thánh Đế hơn một năm qua.

Hơn một năm qua, con đã làm được nhiều điều mà con nghĩ nếu không phải là Giáo Lý của Đức Phật Gotama thì chắc chắn khó mà thực hiện. Đức Phật là một con người Siêu việt, một con người Phi

thường. Do nỗ lực không ngừng của tự thân, Ngài đã thành tựu Tri Kiến giải thoát, đạt đến tuyệt đỉnh của sự thanh tịnh và viên mãn những phẩm hạnh cao quý của bản chất con người. Có 10 danh hiệu cao quý để nói về Đức Phật và 10 Như Lai lực không diễn tả hết bằng lời, đây là niềm tin bất động của con khi được tiếp cận 5 Bộ Kinh Nikaya là đã tìm hiểu về Đức Phật Gotama.

Khi hiểu phần nào Giáo pháp, Con tập sống thiểu dục tri túc, biết đủ để lo tu tập, thực tập và rèn luyện bản thân từ thể chất đến tinh thần. Con tự sắp xếp một thời khóa biểu nghiêm ngặt cho mình, như ăn ngày 2 bữa, (những ngày tu Bát quan trai giới thì ăn một ngày một bữa) ăn sáng và ăn trưa, đi bộ 2 lần ngày 2 giờ, thức từ 4 giờ, ngủ sau 10 giờ, nghe kinh, học kinh, suy tư kinh, kiểm chứng lời dạy trong kinh. Khi làm được thực hành thường xuyên và xuyên suốt như vậy thì việc tinh tấn tu tập của con luôn tăng dần, hạt giống Tứ Thánh Đế của con ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

Thời gian học Tứ Thánh Đế, hiểu rõ 8 cái khổ, có thân người là khổ trong Đế đầu tiên con thật sự chán ngán cho bản thân mình, nhớ lại chớp mắt 5 năm, 10 năm trôi qua quá nhanh, nên hàng ngày con luôn liễu tri khổ để nhắc nhở mình lo tu tập, không dễ duôi, phóng dật, tầm cầu, "Khổ Thánh Đế cần phải liễu tri" là rất đúng. Khi biết đến nguyên nhân trong Tập Đế là 12 nhân duyên, con thấy rõ vấn đề hơn, tại sao có thân người? Tại sao mình khổ? Tại sao mình tham, sân, si? Con nhận ra từ khi mình thâm vào lúc nhỏ cho đến khi lớn toàn là công việc kiếm tiền, lo đi học lấy nhiều bằng cấp để tăng lương, thăng chức, lo làm ăn kinh doanh buôn bán, cái thức của con toàn là những hạt giống đi luân hồi. Sanh ra cái biết, đi hết chỗ này đến chỗ khác tầm cầu, cứ Lục Nhập => Xúc => Thọ => Ái => Thủ liên tục như vậy. Nên "Khổ tập Thánh Đế cần phải đoạn tận" con cần phải biết rõ.

Một năm nay con đã may mắn được học và thấy được Lý duyên khởi đó là nguyên nhân khổ, và con thấy được Lý duyên diệt nên con đã ngưng gần như hoàn toàn các công việc kiếm tiền, giãn cách gia đình như chồng, con ít gặp gỡ người thân, bạn bè một cách tối đa để con thực hiện việc tu tập và thực hành về Tứ Thánh Đế. Lộ trình tu

tập của con trong thời gian sắp tới là con phải rời khỏi những đối tượng mà mình đã Ái, những đối tượng xung quanh là nguyên nhân dẫn con theo con đường Tà Đạo. Như vậy việc rất cần thiết con phải làm là chứng ngộ" khổ diệt "Thánh Đế .

Khi con đã có Chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ và rõ biết con đường diệt khổ là Bát Thánh đạo, con thực hành chánh Tư Duy, thực hành Chánh Niệm, thực hành Chánh Ngữ, thực hành Chánh Nghiệp, thực hành Chánh Mạng, thực hành Chánh Tinh tấn hàng ngày. Thực hành quán 5 giai đoạn cho từng sự việc. Khi có sự viên mãn 7 chi phần trên sẽ vào tu tập Chánh Định thường xuyên hơn.

Đến thời điểm này, khi đã thực hành chi phần Bát Thánh Đạo thì tâm của con luôn có sự an tịnh, thường xuyên có được tâm giải thoát, nhưng không xuyên suốt, nhưng mọi sự việc xảy ra chung quanh con, con không còn thấy ham muốn nhiều về Sắc, về Thanh, về Hương, về Vị, về Xúc nữa, bản thân không còn sợ hãi hay lo lắng bất kỳ điều gì. Bản thân con luôn tin tưởng sau một thời gian thực hành Chánh Kiến cho thiện xảo thì Tà Kiến sẽ không còn, thiện xảo Chánh Tư Duy thì Tà Tư Duy không khởi, thiện xảo Chánh Ngữ thì Tà Ngữ mất, thiện xảo Chánh Nghiệp, thiện xảo Chánh Mạng, thiện xảo Chánh Tinh Tấn, thiện xảo Chánh Niệm thì sẽ chấm dứt được khổ. Như vậy "Khổ diệt đạo Thánh Đế cần phải tu tập" là phải làm hàng ngày. Quyết tâm và cố gắng tu tập, hướng đến mong muốn kết quả là bản thân sẽ có tâm giải thoát và có tuệ giải thoát hoàn toàn trong thời gian nào đó.

6. Lời nhắn gởi đến những người hữu duyên muốn tu giải thoát.

Chúng ta ai rồi cũng phải chết, đó là sự thật. Bài kinh "Nước mắt trong Tương ưng vô thí" Đức Phật Gotama đã nói:

"Vô thí là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những

gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn."

"Nước mắt khóc cho người thân nhiều như nước trong bốn biển lớn". Đã biết vậy sao chúng ta còn phải ngập lặn trong cõi luân hồi này. Bất kỳ ai, tìm kiếm hạnh phúc hay gặp khổ đau rồi cũng hết kiếp người. Hiện nay có rất nhiều kinh sách, nhiều thầy giảng nếu muốn tu giải thoát chúng ta không biết đâu là lời dạy của Đức Phật Gotama thì dễ làm lạc và khi biết giáo lý rồi, lý thuyết và thực hành cũng rất xa vời. Tu giải thoát là phải buông bỏ, không sanh lại thế gian, đi lộn ngược lại với dòng đời.

Người học Phật phải tìm hiểu: Có 4 bậc Thánh thánh (Bậc Thánh Dự lưu, Bậc Thánh Nhất lai, Bậc Thánh Bất lai, Bậc Thánh A la hán). Cần phải biết điều kiện gì, tu tập gì cho có kết quả và nếu diệt 10 Kiết Sử (Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân, mạn, ái sắc giới, ái vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh) thì có bậc Thánh A la hán không còn khổ đau và nhập Niết Bàn sau khi thân hoại mạng chung.

Khi chúng ta Vô minh thì nguồn gốc đau khổ của con người là Ái, còn gọi 6 Ái (Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái), nói ngắn gọn là đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si.

Muốn chấm dứt luân hồi đau khổ vĩnh viễn là chỉ có Tu tập Tứ Thánh Đế mới đưa đến Giác Ngộ - Giải Thoát. Như vậy, muốn tu giải thoát mà cứ Lục Nhập => Xúc => Thọ => Ái liên tục như vậy có kết quả hay không? Người tu tại gia hay người tu xuất gia, việc Tu giải thoát cũng gặp khó khăn, nhiều ít khác nhau.

Người tại gia bị chi phối bởi gia đình, bà con, chồng vợ, con cái, tài sản, tiền bạc, địa vị, lời kéo, chi phối suốt ngày suốt đêm, nào là công ăn việc làm, nghĩa vụ, trách nhiệm, do Vô Minh dày đặc khó mà tu tập giải thoát có kết quả được trong đời sống hiện tại.

Người xuất gia có thành tựu giới, có công hạnh, có phước báo hơn người tại gia rất nhiều vì đã "cắt Ái ly gia" rời khỏi gia đình. Mục đích đi tu ban đầu thật là cao quý, thật đáng trân trọng nhưng liên hệ nhiều đến phật tử sẽ bị "Lợi dưỡng, cung kính, danh vọng" thời

gian mười năm đến hai mươi năm mà chưa giác ngộ thì những vị Tu sĩ sẽ quên đi mục đích cao quý là đi xuất gia tu giải thoát (học đạo, hành đạo khi có thành tựu, sẽ đi hoằng đạo). Tuy nhiên cũng có không ít những vị Sư tu hành miên mật đứng theo Giáo pháp của Đức Phật rất đáng để chúng ta học tập, noi theo.

Duy nhất có Đức Phật Gotama mới có khả năng chỉ ra được cái khổ (Đế 1) và nguyên nhân khổ (Đế 2), chúng ta may mắn gặp Chánh pháp mà không rớt rảo tu theo lời dạy của Ngài thì do chúng ta không có sự cố gắng, quyết tâm mà thôi. Chúng ta hãy "tận nhân lực mới tri thiên mệnh". Làm hết sức mình, có kết quả hay không thì mới hạ hồi phân giải.

Muốn tu giải thoát thì phải Tu Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên và Bát Thánh Đạo hàng ngày đến khi thành tựu. Còn "Như Lai chỉ là người chỉ đường".

Tóm lại, qua tìm hiểu cốt lõi lời dạy của Đức Phật Gotama trong 5 Bộ Kinh Nikaya, con rất biết ơn Thầy Thích Minh Châu dịch Pali sang Việt, người giúp con rút ngắn thời gian tìm hiểu kinh và dạy con biết cách tu tập là thầy Võ Thế Hoà, con luôn nhớ lời thầy đã dạy, hàng ngày tu tập Bát Chánh cho viên mãn sẽ trừ được Bát Tà, khi đó hành giả sẽ chấm dứt luân hồi đau khổ vĩnh viễn./.

Câu chuyện thứ hai: Nguyễn công Uyên. Sinh năm 1987.

Nghề nghiệp: Kỹ sư công nghệ phần mềm. Quê quán: Quảng nam.
Email uyen.nguyencong@gmail.com

1. Ngũ cảnh.

Trước khi gặp thầy và lớp Tứ Thánh Đế con cũng đã biết về kinh Nikaya. Nhưng tại thời điểm ấy, kinh Nikaya nhiều quá, nên kế hoạch là học tuần tự từng bài kinh, bắt đầu từ kinh Trung bộ.

Sau đó nhờ duyên biết được thầy Hòa Võ, được thầy tặng cho điệu pháp âm, hướng dẫn đọc và nghe những bài kinh cốt lõi trước về cả tổng thuyết (đại cương) và biệt thuyết (những bài với nội dung chi tiết, chuyên sâu). Thông qua phương pháp học và nghe mới có định

hướng và chọn lọc, tập trung vào 4 Thánh Đế, đặc biệt rất nhiều về 12 nhân duyên, nhờ vậy con học kinh thấy dễ hiểu hơn rất nhiều.

Đặc biệt, thầy với nền tảng là dân khoa học kỹ thuật, nên đã có sự thống kê, quy nạp một cách có hệ thống với những định nghĩa và sự liên kết chặt chẽ giữa chúng. Nhờ vậy trong quá trình học, con được rất nhiều lợi ích bằng cách thấy rõ ràng các khái niệm, định nghĩa, tiến trình, các mối liên hệ, sự tương hỗ trong quá trình học kinh. Đây là điều rất quý báu, khiến con thấy kinh dễ hiểu hơn và có thể thuộc, suy tư, vận dụng, kiểm chứng được.

2. Những điều lợi ích.

Thông qua học 4 Thánh đế, đặc biệt là được học nhiều hơn về 12 nhân duyên:

- Hiểu cái xảy ra là quả hiện tại, cái có thể làm và cái quan trọng là nhân mới nào tạo ra ở hiện tại, do đó giảm được việc trách móc, đổ thừa, lẩn tẩn, bực mình, thỏa thích về chuyện đã xảy ra.

- Thấy rõ hơn về khổ: từ sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, cầu không được, gặp người không ưa thích thông qua quan sát và chứng nghiệm những gì trải qua với bản thân.

- Hiểu về bố thí, và ý nghĩa của bố thí.

- Hiểu biết một cách có hệ thống hơn về các tầng trời, các cảnh giới, các chúng sanh và nhân quả về chúng, chứ không hiểu biết hời hợt, mê tín như trước đây.

- Trước đây thấy giữ giới là một điều gò bó, tù túng. Bây giờ thấy giới là nơi để mình nương tựa vì thấy được lợi ích của nó, nên không có ức chế, khó chịu.

- Với định nghĩa rõ ràng, cụ thể từ kinh về chánh ngữ -> chánh mạng, thông qua đó con tự tin có thể giữ giới một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

- Biết lục nhập, xúc là nguyên nhân gây đau khổ (vì chưa có giác ngộ nên xúc nhiều chủ yếu là ái nhiều, do chưa có căn cơ, chưa tu

tập thành tựu), nên chủ động tránh xa các hoạt động không cần thiết -- ví dụ nghe nhạc giải trí, nhậu nhẹt, xô bồ....

Trước kia đọc hộ trì căn không hiểu và không biết vì sao phải hộ trì, phải sống độc cư, nay con đã hiểu ý nghĩa của lời nói này. Nhờ vậy cũng là động lực tinh tấn trong việc giữ giới.

- Vận dụng được chánh tư duy để ly dục, ly sân, bất hại. Tinh tấn gieo hạt giống với Tứ Thánh Đế. Có niềm tin về Phật Pháp Tăng & Giới.

- Đang cố gắng chứng nghiệm duyên xúc -> thọ -> ái thông qua thực hành chánh niệm.

Con xin tri ân thầy vì đã tận tình chỉ bảo để con học, hiểu và vận dụng một cách có lợi ích cho trong đời sống.

Câu chuyện thứ ba: Đoàn Trung Dũng. Sinh năm 1961.

Nghề nghiệp: Buôn bán vật liệu xây dựng. Quê quán: Kiên Giang.

Email: trungdung777111@gmail.com

CÂU CHUYỆN ĐỜI TÔI.

Tôi được sinh ra và lớn lên trong một gia đình cách mạng cho nên không biết đến Phật Giáo là gì. Mãi đến năm 48 tuổi do duyên lành được rủ đi chùa và được sư cô cho quy y tam bảo với pháp danh là Đức Thọ (theo hệ phái khất sĩ) do nhờ tín tâm làm phước bố thí cúng dường nên sau 4 năm được đủ duyên đi xuất gia 7 ngày tại chùa Khmer Nam Tông, sau đó 1 năm thì đủ phước duyên về thăm Tứ Động Tâm (Ấn Độ) và lại được quy y Tam Bảo tại cội bồ đề-nơi đức Phật thành đạo với pháp danh Trí Hùng. Tuy nhiên, cụm từ Nikaya vẫn chưa hiện hữu và giáo pháp của đức Bổn Sư vẫn còn rất xa vời. Mãi 5 năm sau thì mới đủ duyên nghe được kinh Nikaya và đi tìm học đạo trên mạng. May thay, chắc do nhờ túc duyên nhiều đời nên tôi đã gặp được thầy Võ Thế Hoà ở Úc Châu và lớp Tứ Thánh Đế là tối thượng. Thầy chỉ y cứ theo kinh Nikaya do hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pali - Việt. thầy đã xâu kết xuyên suốt qua 5 bộ kinh, thấy được cốt lõi giáo pháp của đức Phật là Tứ Thánh Đế và mục đích của đạo Phật là đoạn tận tham-sân-si. Thầy

thường xuyên nói với chúng tôi là "Đừng nên tin thầy, chỉ y cứ theo kinh và suy tư, chứng nghiệm mới quan trọng" thầy chỉ cho chúng tôi biết thế nào là tổng thuyết, thế nào là biệt thuyết có nghĩa, có văn, có kiểm chứng. Thầy dạy chúng tôi sơ thiện là bố thí, trì giới, các cõi trời. Trung thiện là vị ngọt của dục, sự nguy hiểm, sự xuất ly của dục. Hậu thiện là Tứ Thánh Đế, 12 nhân duyên, 44 căn bản trí, Bát Chánh Đạo.

Qua một thời gian học tập miệt mài với thầy và lớp, tôi đã nhận ra được đây là những gì mà tôi đã đi tìm bao lâu nay. Tôi đã nhận ra khổ đế là cái quả do nghiệp quá khứ tạo ra cho nên chúng ta phải chấp nhận nó mà không đào sâu, phân tích, o bế, chăm lo cho cái quả để rồi phô trương, dính mắc, bám víu vào nó làm nó tăng trưởng, càng ngày càng tham sân si dẫn tới luân hồi dài lâu. Rất may mắn là chúng tôi đang sống ở thời còn giáo pháp của Đức Phật và Đức Phật đã chỉ ra nguyên nhân của khổ chính là tập đế-12 nhân duyên, là ái cần phải đoạn tận. Khổ diệt Thánh Đế cần phải suy tư, trải nghiệm, chứng nghiệm rõ ràng nên cần phải chứng ngộ. Và khổ diệt đạo Thánh Đế cần phải tu tập liên tục để trừ diệt bất tà. Đoạn tận tham sân si một cách hoàn toàn-đây chính là pháp thiết thực hiện tại. Và trong 45 năm hoằng pháp Đức Phật cũng chỉ nói "khổ và diệt khổ. Các con phải tự mình nỗ lực! Các Như Lai chỉ là đạo Sư" thấy như vậy, biết như vậy nên con kính tri ân đến thầy và thiện tri thức Võ Thị Hoàng Yến đã mở lớp Tứ Thánh Đế cho chúng con tu học.

Nay cuốn sách của thầy đã hoàn thành-đây là một tài liệu quý giá cho chúng con và mai sau. Vậy mong cho những ai hữu duyên có được cuốn sách này thì hãy mau thức tỉnh-hãy suy tư và tu tập. Bởi vì trước sau gì chúng ta cũng phải chết thôi. Nhưng làm được thân người mà không biết được cốt lõi giáo pháp thì thật là uổng một kiếp người. Con xin kính chúc thầy và các bạn hãy đi đúng theo con đường duy nhất mà bậc đạo sư đã chỉ dạy để chấm dứt sanh tử luân hồi. Đạt được hạnh phúc thật sự-tự do thật sự-niết bàn thật sự.

Câu chuyện thứ tư: Đoàn Tuấn. Sinh năm 1978.

Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng. Quê quán: Thành Phố Rạch Giá.

Email: Ctynamhaibinh@gmail.com

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

Tôi Đoàn Thanh Tuấn 43 tuổi, là kỹ sư xây dựng, sống tại TP. Rạch Giá - Kiên Giang.

A. Năm 2015 tôi có nhân duyên đi Chùa và từ đó tôi mới biết Đức Phật là một nhân vật có thật;

Tôi được nghe về: Thiền Tứ Niệm Xứ - Vipasana Quán hơi thở để trở về với chính mình... cũng như Con đường bát chánh đạo...

Tôi hiểu Thế Tôn Gotama là Bậc chánh đẳng - chánh giác - giác ngộ hoàn toàn và vượt khỏi tam giới... Tôi thấy mình rất hạnh phúc vì đã biết được một nhân vật " Chánh đẳng - chánh giác" là có thật vì trước đó tôi chỉ nghĩ Đức Phật là vị Thần Linh ban phước.

Mọi thứ chỉ dừng lại với tôi ở chỗ hiểu sao cũng đúng, làm gì cũng đúng. Tôi chỉ dùng sự hiểu của mình rồi tưởng tri - giải thích mọi thứ cho phù hợp văn hóa, phù hợp cái bản ngã của mình... Nên cũng thường rơi vào trạng thái Chấp thủ, tham, sân, si rất nhiều... (Tôi chưa từng đọc bất kỳ một quyển sách hay kinh điển nào mà chỉ nghe các bài pháp thoại hoặc nghe trên Internet...).

- Duyên gặp Anh Trung Dũng Đoàn trao đổi về 12 Nhân duyên và giúp Tôi vào lớp Học - chứng nghiệm "Tứ Thánh Đế là tối thượng".

B. Sau khi tham gia lớp học "Tứ Thánh Đế là tối thượng" do Thầy Võ Thế Hòa Y cứ vào 5 Bộ Kinh Nikaya do HT. Minh Châu dịch và những chứng nghiệm của Thầy Hòa Võ trong suốt 11 năm học - suy tư - chứng nghiệm 5 bộ kinh để giảng giải.

- Trước khi vào lớp học của Thầy (tháng 7/2020), Tôi đã nghe từ 10 - 15 lần những bài giảng trên Facebook Hoa Vô của Thầy như: " Học - suy tư và hành; 12 Nhân duyên - là 12 tên tướng cướp; Tứ Thánh đế là tối thượng và Bát Thánh đạo". Thầy đã dựng đứng những u mê trong Tôi bấy lâu bằng các cách học và suy tư như sau:

+ *Học - suy tư - và chứng nghiệm; Học phải đạt ý quên lời; Có cá thì quên nom (không chấp vào văn tự);*

+ *Ngôn ngữ, chữ viết, công thức, âm thanh hay một định nghĩa... chúng chỉ dùng để biểu hiện một sự thật nào đó, chúng chưa phải là sự thật. Chúng ta chỉ dựa vào chúng để Suy tư - chứng nghiệm có kết quả đúng hay sai, chứ không chấp vào chúng.*

+ *Chân lý của Đức Phật là một trạng thái có thật, mà người Phật tử cần phải hiểu rõ các Định nghĩa và các ví dụ trong Kinh để suy tư - chứng nghiệm, chứ không phải chỉ dùng tụng đọc nhằm có phước mà không hiểu gì lời Phật dạy.*

+ *Cần phải tìm hiểu Định Nghĩa của các Danh Từ, để biết giới hạn của chúng thì mới suy tư và chứng nghiệm được. Ví như: Vô Minh là gì?; Thế nào là Xúc?; Thế nào là Thọ?; Thế nào là Ái?;... Sadhu sadhu Thầy Hoà Võ !!!)*

- Tháng 7/ 2020 đủ duyên lành Tôi được tham gia lớp học "Tứ Thánh Đế là tối thượng" và đến thời điểm này tâm Tôi nhận thức được:

+ *Phải có lòng tin Chánh Tín đối với Đức Phật (10 như Lai lực - 10 ân đức Phật), đối với Chánh Pháp (thiết thực hiện tại...), đối với chúng Tăng đệ tử Thế Tôn (chân chánh tu hành...);*

+ *Bốn Chân Đế cần phải học - suy tư - chứng nghiệm;*

+ *Hiểu rằng nếu muốn có cuộc sống an lạc trong kiếp hiện tại này và sau khi chết được "Tái sanh" lại làm người thì phải Tròn 5 giới; Hóa Sanh cõi trời dục giới hưởng phước thì phải có thêm tâm bố thí...*

+ *Sự nguy hiểm và sự xuất ly của dục, Hóa sanh về cõi trời Sắc giới;*

+ *" Tà Kiến, không tròn 5 giới" sẽ bị đọa 3 đường ác (Hóa sanh Địa ngục, ngạ quỷ hoặc thai sanh thành Bàng sanh);*

* *Hơn nữa Tôi xác quyết được chỉ có Học - suy tư - Tu tập theo "Tứ Thánh Đế", (12 nhân duyên là nguyên nhân sanh ra khổ và Thánh*

đạo tám ngành là phương pháp diệt khổ) sẽ có Bốn bậc Thánh ngay trong kiếp hiện tại này và thoát khỏi luân hồi.

1. Khổ đế: Sanh, già, bệnh,... 5 thủ uẩn. (Là Quả khổ hiện tại do quá khứ Vô Minh mà có).

2. Khổ tập: Vô minh ► Hành ► Thức ► Danh Sắc ► lục nhập ► Xúc ► Thọ ► Ái ► Thủ ► Hữu ► Sanh ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não. (Lý duyên khởi gọi là Tà Đạo). Trích Tăng chi Ba Pháp và Tương ưng 2. (Đáng quan tâm nhất là Nhân sanh ra Quả khổ sau khi chết, còn Nhân sanh ra quả khổ hiện tại này thì chỉ có 60 năm - 80 năm cuộc đời).

3. Khổ diệt: Vô minh diệt ► Hành diệt ►..... ► Sanh diệt ► Già chết diệt. Là diệt nhân sanh ra quả khổ tương lai (Lý duyên diệt gọi là Chánh Đạo).

4. Phương pháp diệt khổ: Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành (Cần phải tu tập, sẽ chứng được 1 trong 4 bậc Thánh ngay trong đời này).

a. Tôi nhận thấy Duyên Lục nhập rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến số phận của chúng ta. Nếu nhập kinh sách, ngôn ngữ truyền dạy theo cái tưởng... mà các Danh từ không có định nghĩa cụ thể rõ ràng hoặc định nghĩa sai với lời Đức Phật thuyết thì Chúng Ta nhập vào sẽ rất rất nguy hiểm. Đức Phật ví học Pháp để tu tập giống như người đi bắt Rắn vậy. Trích 22. Trung bộ. (Nếu không Nhập đúng Tứ Thánh Đế để tu tập thì coi như là luân hồi mãi mãi). Vì Đức Phật nói "Nghiệp là Thừa Ruộng, Thức là Hạt Giống, Ái là Nhuận Uớt" Trích 76. Hiện hữu - Tăng chi ba pháp.

b. "Này Ananda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc, Nói như vậy là đáp đúng lời Ta tuyên bố, không xuyên tạc Ta không đúng sự thật". Trích tương ưng nhân duyên tập 2.

c. "Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là Sáu tên tướng cướp phá làng" (khi ta nhập chúng vào tâm qua 6 giác quan).

*** Hiểu được sự cần thiết của phòng hộ Lục nhập (Sáu giác quan), cần giảm Xúc và áp dụng định Lý duyên khởi. Quả khổ hiện tại này

do nghiệp quá khứ và theo Duyên sanh ra, nên tâm Tôi cũng nhẹ nhàng để đón nhận mọi thứ... nên Sự Tham, sân, si cũng được muối lược.

**** Đức Phật tuyên thuyết Bốn Chân đế (bốn sự thật) làm rung động 10.000 thế giới, thật may mắn được HT. Minh Châu dịch lại chi tiết. Đức Phật định nghĩa Danh từ hay nội dung nào đó rất cụ thể và rõ ràng, những bài kinh liên hệ có ví dụ rất dễ hiểu. Toàn bộ Chân lý thoát khổ nằm trọn trong 5 bộ Kinh Nikaya. Vì diệu thay Thầy Hòa Võ đã mất 11 năm học - suy tư - chứng nghiệm nội dung của 5 bộ Kinh. Thầy đã liên kết được những điều cốt lõi nhất mà Thế Tôn Gotama muốn thuyết dạy cho chúng sanh, để Thầy đưa vào quyển sách "Tứ Thánh Đế là tối thượng" nhằm giúp người hữu duyên học đạo gặp được Chân lý diệt khổ. Con nguyện trọn đời quy y Tam Bảo, trọn đời nhớ ơn Cha - Mẹ cho con thân và xin được trọn đời tri ân HT. Minh Châu cùng Thầy Võ Thế Hòa !!! Lành Thay.

C. Xin chân thành trao đổi với những đạo hữu hữu duyên đọc được quyển sách này cũng như 5 bộ Kinh Nikaya.

Quý vị hãy Học - suy tư - chứng nghiệm những bài kinh sau đây và các định nghĩa trong Kinh cũng như những gì ghi trong cuốn Sách này (Thầy Hòa Võ đã Học - suy tư - chứng nghiệm là đúng như lời Phật thuyết) cho đến khi nào Quý vị thấy đúng, hoặc không đúng, chứ đừng vội tin và chấp chặt vào văn tự (Hãy đạt ý quên lời).

Chân lý chỉ có một (Quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai cũng đúng). Thử hỏi Chân lý " Lý duyên khởi, Lý duyên diệt (12 Nhân duyên) trong quá khứ đúng, vậy thời điểm này có đúng không? " Tôi Xác quyết là đúng, nếu Lý duyên khởi - Lý duyên diệt mà sai là do Chúng ta dùng sự tưởng tri của bản thân, văn hóa truyền thừa... rồi giải thích cho phù hợp với cuộc sống hiện tại mà không y cứ vào lời Kinh của Phật thuyết, vô tình hay cố ý đã xuyên tạc Thế Tôn Gotama và phải đọa trong Địa Ngục một kiếp. Trích tạng chi 10 Pháp - Tội Phá hòa hợp tăng). Sadhu sadhu sadhu!!!

- "Kinh tương ứng 5: Phẩm chuyển Pháp Luân. Đức Phật thuyết Tứ Thánh Đế rung động mười ngàn thế giới; Phẩm Rừng Simsapa; 8. VIII. Phân tích (Định nghĩa Bát Thánh Đạo)".

- " Kinh tương ứng 2: Chương I (II. Phân Biệt - Định nghĩa 12 Nhân duyên); III. Con đường (Lý duyên khởi là Tà đạo và Lý duyên diệt là Chánh Đạo); VII. Đại phẩm thứ bảy - Thành Ấp (Con đường xưa cũ)".

- " Kinh tạng chi bộ tập 1: Chương 3 - Ba pháp. Phẩm Lớn (Xác quyết 12 nhân duyên là nguyên nhân sanh ra khổ); 12. Ba chỗ (Ba pháp phải trọn đời ghi nhớ)".

- " Kinh trung bộ tập 1: 12. Đại kinh Sur tử hống (10 ân đức Phật - 10 Như Lai lực). 22. Kinh ví dụ con rắn (mục Xuyên tạc Như Lai. Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ); 28. Đại kinh Dụ dấu chân voi (Tất cả Thiện pháp đều tập trung trong Bốn Thánh đế; Ai thấy lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi);

- "Kinh trung bộ tập 3: 107. Kinh Ganaka (Như Lai chỉ là người chỉ đường); 141. Kinh phân biệt sự thật (Định nghĩa chi tiết Bốn Thánh Đế);

- "Kinh trường bộ tập 2: 16. Đại niết bàn (Tụng phẩm II - Chính vì không giác ngộ Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm); (Tụng phẩm V - Trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo, ở đó có Bốn Sa - môn - Bốn bậc Thánh).

Câu chuyện thứ năm: Trần Thị Vân, sinh năm 1965.

Nghề nghiệp: Tu nữ - Tỳ kheo Ni Thông Luận.

Tôi tên Trần Thị Vân, sinh năm 1965, sinh ra và lớn lên nơi vùng núi Tây Nguyên Dak Lak. Tuổi thơ của tôi rất cơ cực, cuộc sống gia đình tôi không đầm ấm, mẹ tôi là một người phụ nữ nhân hậu đảm đang nhưng lại luôn bị ba tôi làm khổ, từ nhỏ tôi đã chứng kiến cảnh khổ của mẹ tôi nên tôi luôn có tâm niệm sẽ không bao giờ lấy chồng vì sợ sẽ khổ như mẹ... Rồi thời gian trôi qua gia đình tôi chuyển về Đồng nai sinh sống, cuộc sống cứ thế trôi qua, mẹ thì sức khỏe ngày

càng yếu, thấy thương mẹ nhưng tôi bất lực không thể nào làm cho ba tôi thay đổi để mẹ bớt khổ. Chuyện gì đến cũng sẽ đến, năm 1997 mẹ tôi bệnh nặng qua đời, lúc đó tôi đau khổ tột cùng vì đối với tôi không có gì quý hơn mẹ, mất mẹ là mất tất cả. Những ngày sau đó, lòng cứ buồn miên man, ngồi đâu cũng nghĩ về mẹ rồi rơi lệ, gặp ai tôi cũng hỏi làm sao để người ngoại được tôn trọng mất mát này thì lúc đó có một bà cụ khuyên tôi nên đi chùa làm công quả, tụng kinh, niệm phật... Quả thật tiếng mõ, hồi chuông cũng tạm làm vơi đi nỗi khổ đau âm ỉ trong lòng. Đến năm 1998, tôi đến một ngôi chùa ở Đồng Nai xin xuất gia và được thầy ở đây đặt cho pháp danh Thông Luận, được đắp chiếc y vàng thọ giới Tỳ Kheo Ni. Tại đây các thầy đã dạy tôi các nghi thức tụng niệm trong chùa, cầu siêu, cầu an, an táng người đã khuất, dạy cách ứng xử phù đạo tràng... Lúc đó tôi nào biết đâu giáo pháp chân chánh của Phật, cứ si mê tụng kinh, niệm Phật, cúng đám mà không hiểu rằng mình đang chìm đắm trong tà pháp, ngoại đạo, cứ luẩn quẩn qua lại trong thọ lạc, thọ khổ, bất lạc, bất khổ.

Cuộc sống xuất gia cứ như vậy tiếp diễn, đến một ngày tôi chợt nhận ra các sư ở đây cũng như chính tôi, cũng đầy rẫy những hi - lộ - ái - ó, tham - sân - si và phiền não. Tôi tự hỏi - mình đi xuất gia vì mục đích gì? Những tưởng nơi đây sẽ giúp bản thân thoát ra khỏi những bể khổ thế gian, nhưng càng tu, càng nuôi lớn tự ngã, càng thấy tham - sân - si chất chồng, thiết nghĩ nơi đây đã không còn phù hợp với bản thân nữa, phải ra đi tìm đến một lý tưởng giải thoát mới. Tôi ra đi, khoảng thời gian sau đó tôi đã đặt chân đến khá nhiều trú sở để tìm tòi học hỏi đạo giải thoát nhưng chẳng nơi nào giúp tôi hoàn thành ý nguyện, tôi cũng đã học giáo pháp tại trường Phật học, thú thật lúc ấy khi nghe các thầy giảng dạy lòng tôi cũng có chút gọi là an lạc tạm thời nhưng kết quả cũng chẳng được bao lâu, khổ đau vẫn hoàn khổ đau. Vì chán nản, tôi chọn từ bỏ cuộc sống tăng chúng và trở về độc cư, một mình tu tập. Tôi được giới thiệu và biết đến thầy Thông Lạc - một vị tu hành giữ giới khổ hạnh mà từ trước tới giờ tôi chưa từng thấy ai làm được như vậy, tôi đã nghĩ đây là bậc chân sư đáng để học tập, từ đây tôi đã tìm hiểu và theo học bộ kinh Nikaya. Tuy nhiên lúc ấy, kinh Nikaya đối với tôi rất mơ hồ, cứ nghĩ

rằng sự khổ hạnh hiếm có trong thời đại này của thầy Thông Lạc, nên tôi cũng không cần đọc kinh Nikaya để tư duy, kiểm chứng lại tất cả hư thực theo như những gì mà thầy Thông Lạc đã để lại trong kinh sách, cứ nghĩ rằng có thể giữ "Tâm bất động, thanh thân, an lạc, vô sự" là tối thượng.

Thời gian thấm thoát trôi qua, sự tu học của tôi vẫn không khả quan hơn được, sự an lạc giải thoát mà tôi luôn tìm kiếm vẫn mơ hồ, mỏng manh như sương khói, tham-sân-si không thể đoạn diệt. Tôi nhận ra khá nhiều điều mâu thuẫn, cảm thấy bao nhiêu năm tu hành vẫn bị vô minh che lấp, dường như các thầy đã dẫn tôi chìm vào biển mê hồn trận, càng ngày càng ngập lặn trong biển khổ tối tăm, mờ mịt, khó thấy ánh sáng để trôi lên được....

Đang mãi chìm đắm dưới đại dương khổ ải, thất vọng, chán nản, bản thân gần như mất hết niềm tin vào giáo pháp... thật may thay, cơ duyên đã dẫn dắt cho tôi một vị đạo hữu, cũng từ chính vị đạo hữu ấy tôi đã được nghe một số bài giảng chuyên sâu về Tứ Thánh Đế, 12 nhân duyên, Bát Chánh Đạo... của thầy Võ Thế Hòa. Nghe những bài giảng của thầy, tôi như con rùa mù vớ được cành củi khô ngoi lên được với ánh sáng. Tất cả những nghi ngờ về giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong lòng tôi cuối cùng cũng có lời giải đáp, bây giờ tôi mới thật sự tìm hiểu rõ hơn về bộ kinh Nikaya - đây mới chính là tất cả nắm lá "Tứ Thánh Đế" tối thượng mà đức Phật đã truyền trao đưa chúng sinh vượt qua bể khổ.

Từ khi nghe được những lời giảng của thầy, tôi đã ứng dụng vào thực tế cho việc tu tập, thật không ngờ nó mang đến cho tôi một kết quả thiết thực, hài lòng. Tôi hiểu rõ hơn tất cả mọi sự vật, hiện tượng xảy ra trong cuộc đời này đều do duyên sanh, duyên diệt, hiểu rõ con đường tu tập để chấm dứt luân hồi khổ não. Hiện tại, mọi sự trôi buộc, dính mắc trong lòng đang dần được tháo gỡ, mọi ưu phiền lo lắng sợ hãi, thất vọng đều biến mất, tôi cảm nhận được sự thanh thản, nhẹ nhàng hơn khi đối diện với cuộc sống, tham - sân - si cũng từ đó mà đoạn giảm được nhiều.

Để tỏ lòng tri ân người thầy đã soi đường dẫn bước, đưa tôi thoát khỏi đáy sông tăm tối tìm đến bến bờ chánh pháp. Tôi sẽ không

ngừng quyết tâm tu học để sớm tìm đến sự giải thoát vĩnh cửu mong đền đáp công ơn thầy, xin nguyện thầy luôn khỏe mạnh, mãi là cội tùng bóng mát cho đàn con quay về nương tựa, dịu dặt đàn hậu học cùng đến bến bờ tri thức giác ngộ.

"Thầy ơi con đã hiểu

Con đã hiểu rồi thầy ơi

Thầy vào đời bằng sự hy sinh thầm lặng

Trên chuyến đò thầy chở nặng yêu thương"

THÔNG LUẬN

Kính thư !

Câu chuyện thứ sáu: Dương Văn Dứt. Sinh năm 1978.

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do. Quê quán: Sài gòn.

Nickname facebook của tôi là Thienha, sinh 1978 (43 tuổi). Tôi sinh ra và lớn lên tại tphcm. Tôi sống trong 1 gia đình có 4 anh em (mẹ tôi kết hôn lần 1, có 3 người con và ly thân. Mẹ tôi đi thêm bước nữa nên có tôi và ly thân lần 2). Mẹ tôi tuổi cao nên 3 người anh là lao động chính trong gia đình.

Nhà tôi gần ngôi chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy và đối diện chùa là 1 nghĩa địa gần 5000 ngôi mộ. Hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi tự chăm sóc và biết kiếm tiền từ lúc 12, 13 tuổi. Vì nhỏ nhất trong gia đình nên tôi buộc phải làm những việc của người nội trợ, luôn bị "cắm đoán" và thường xuyên bị đòn roi rất dã man từ 3 người anh là lao động chính ở trên.

Tôi hay đến chùa để nghe các sư kể chuyện về Phật Bản Sư Thích Ca và nghe pháp vào ngày rằm. Do nghịch duyên nên tôi không còn đến chùa được nữa. Tôi lao động vào ngày nghỉ học và bán nước giải khát khi có đám tang để kiếm tiền đi học. Tôi nhận biết ở tuổi tôi "không học đến nơi đến chốn là phải đi học nghề hoặc đi làm mướn".

Tôi tốt nghiệp ngành QTKD năm 2000 rồi đi làm nhiều cơ quan khác nhau. Thù lao kiếm được, tôi dùng vào việc bố thí và bắt đầu

học Đạo. Tôi nghiên cứu về Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Hòa Hảo, Cao Đài.

Năm 2005. Tôi được 2 người anh (con riêng của ba tôi) hướng dẫn về sự vi diệu của mật tông, thành tựu, lợi ích và thần thông khi hành thiền - chỉ dạy cách nhập và xuất thiền của bộ Mật tông. Tôi chuyên tâm hành thiền - thực hiện hạnh bố thí liên tục 19 năm.

Tôi lập gia đình năm 30 tuổi. Ở tuổi 30 nhưng tôi vẫn bị bạo hành từ 3 người con riêng của mẹ tôi, vô số lần mẹ tôi đuổi vợ chồng tôi ra khỏi nhà và hình ảnh người cha trong lòng tôi là "ngược đãi và bỏ rơi". Tuy chưa biết chánh pháp là gì nhưng Đạo làm người thôi thúc tôi phải làm tròn trách nhiệm của 1 người con đối với mẹ và công lao nuôi nấng của 3 người anh cùng mẹ khác cha. Tuy thực hiện đạo làm con, phận làm em nhưng trong lòng tôi mang đầy thù hận, phần nộ và canh cánh trong lòng sự bất công và đau khổ.

Nhận định cá nhân: về Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Hòa Hảo là tự tu, tự độ, dùng thi văn - giáo lý - sấm giảng của giáo chủ là tông chỉ nên tôi không thấy được cứu cánh. Về Cao Đài giáo thì thực hiện tam lập, hạnh bố thí và bộ luật của đạo là chính và tôi cũng không giải quyết được khó khăn của tôi. Mật tông thì dùng đàn, ấn, chú làm tông chỉ nhưng tham, sân của tôi vẫn còn nguyên.

Năm 2019. Tôi bị mất tài sản, bị xua đuổi khỏi nhà, bản thân học đạo không kết quả nên lần nữa tôi quyết tâm tìm đường giải thoát. Tôi đến vài ngôi chùa hướng tây tp HCM để tìm tâm đạo nhưng vẫn vô duyên. Tháng 01/2019 tôi vào facebook trang NHÓM HỌC HỎI VÀ NGHIÊN CỨU KINH NIKAYA admin là thầy Hoa Vô nay trang có tên TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG. Tôi lần theo và vào trang Tanhthay để nghe các bài giảng của thầy. Bài giảng đầu tiên tôi nghe là bài "CON ĐƯỜNG CHẤM DỨT KHỔ ĐAU".

Tôi thường xuyên mở mạng để nghe các bài giảng. Khoảng 1 tháng sau tôi gửi tin nhắn đến thầy Hoà Vô để xin thầy chỉ dạy Đạo và được thầy gửi bài:

1. Tứ Thánh Đế (Phẩm chuyển pháp luân).

2. Bát Thánh Đạo.

3. 12 Nhân duyên.

4. 44 căn bản trí.

Thầy bảo phải học thuộc lòng vì đây là Pháp bảo quan trọng. Nếu thầy kiểm tra thuộc thì thầy cho vào lớp meeting để học online.

Lòng khát khao tìm đường giải thoát nhưng vì nhận định không đúng nên tôi đã đi 1 đoạn đường hơn 20 năm để tìm Đạo để không có kết quả. Nay, Tôi được nghe bài pháp nói chính xác về những đau khổ mà tôi đang gánh chịu và hướng đi để chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Tôi cùng vợ con nhanh chóng học thuộc 4 bài học mà thầy gửi. Vì sai lầm 1 lần tôi đã đi 1 đoạn đường gần nửa đời người nên tôi sợ lầm đường lần 2. Tôi chưa muốn nhận thầy là vị lãnh đạo, vị đạo sư cho mình.

Tôi nói dối thầy là chưa thuộc bài vì tôi muốn theo dõi thầy thêm 1 thời gian nữa xem thực hư thế nào, "trước như thế nào và sau như thế ấy" tất cả các bài giảng thầy vẫn trích dẫn kinh từ bộ kinh Nikaya ra giảng dạy, thầy luôn tuyên thuyết về TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG, thầy tuyên thuyết không 1 bài kinh nào hơn bài kinh mà thế Tôn Gotama đã thuyết giảng và là bài kinh duy nhất mà không có bất cứ ngoại đạo nào có được. Nếu nương theo Bát Thánh Đạo sẽ chấm dứt khổ vĩnh viễn.

Trước đây, mỗi lần khát nước tôi tự múc "nước biển" để giải khát và rồi lại khát thêm. Nhờ thầy Hoà Võ chỉ ra nguyên nhân nên tôi đã ngừng dùng "nước biển". Tôi quyết định tham gia lớp học. Sau 1 năm nhờ thầy giảng dạy. Tôi học, suy tư rồi chứng nghiệm được và thành tựu của bản thân. Tôi nhận ra mình đã đi đúng con đường. Tôi không còn oán trách bản thân, than vãn về số phận. Mọi bất công đến với tôi như một món nợ tôi phải trả, trả 1 cách vui vẻ và không gây thêm nợ.

Cuộc sống của tôi có quá nhiều bất công, quá nhiều bi thương nên, quá nhiều thất bại nên tôi luôn phẫn nộ, luôn nhìn mọi vấn đề ở tư thế tiêu cực. Sự sân hận như luôn hiện hữu trong con người của tôi. Thầy Hoà Võ đã cho tôi 1 hướng đi mới, 1 cuộc đời mới, một hành

trình để chấm dứt khổ đau thực sự. Tôi đã chứng nghiệm được trạng thái thoát khổ khi nhận ra tất cả bất công, bị thương, thất bại và phần nộ là do mình tạo tác từ kiếp trước. Thêm nữa là tôi đã nhận ra sự trói buộc tình cảm giữa cha mẹ, anh em, vợ chồng là rào cản quá lớn để bản thân không thể nào tìm ra chân lý.

Niềm tin tăng dần từ những bài pháp mà tôi đã được nghe - được giảng dạy và chứng nghiệm. Chỉ sau 1 năm học tập. Tôi đã dần mất đi sự phần nộ, hiềm khích. Tôi biết lắng nghe, biết chia sẻ và đồng cảm với người có hoàn cảnh như tôi trước đây. Vì hơn ai hết họ là người rất đau khổ, họ cũng muốn thoát ra khỏi sự đau khổ ấy "trong đau thương thấy được tình người".

Nếu ai đó vô tình đọc qua những dòng bút này của tôi. Tôi khuyên các học giả, những người có khát khao tìm ra nguyên nhân của khổ đau và chấm dứt nó thì hãy quay lại kinh tạng Pali Việt (kinh Nikaya) bản dịch của hòa thượng Thích Minh Châu để học, suy tư và chứng nghiệm. Khi học có thành tựu rồi hãy chia sẻ cho người khác.

Đừng tin, đừng tín nhiệm 1 cách mù quáng. Vì hơn hết trên thế gian này không ai hơn được thế Tôn Gotama. Điều đáng ghi lòng là các vị Phật quá khứ, hiện tại và vị lai cũng sẽ phải tuyên thuyết TỨ THÁNH ĐẾ và cơ hội chúng ta làm người rất mong manh.

Câu chuyện thứ bảy: Lương Thị Sen. Sinh năm 1975.

Nghề nghiệp: Buôn bán Cafe. Quê quán: Thái Bình, sống Kiên Giang.

Email: luongthisen6677@gmail.com

Không tham-không sân-không si là gì?

Có giới-có định-có tuệ là gì?

Nghe biết nhưng hiểu thấu đáo về nó thì hôm nay con mới chạm đến được.

Như có một la bàn, định vị đúng cho hướng đi của mình, như trong luân hồi mãi nổi trôi, lặn hụp nay mới tìm được bậc chân nhân được nghe Diệu Pháp, cái phao, để giải thoát khổ đau cho chính mình.

Ánh sáng cuối đường hầm.

Cốt lõi 5 bộ kinh Nikaya, Tứ Thánh Đế, Bát Thánh Đạo, 12 nhân duyên mà thầy luôn cho nó là 12 tên cướp phá làng, ngôi nhà trống này do lục nhập theo năm tháng quá nhiều nhiễm ô.

Xâu chuỗi trích lục, thầy chỉ dẫn những chi tiết từ lớn đến nhỏ, từng ví dụ cụ thể mà thầy gửi đến những người trí thức hay yếu kém luôn muốn tìm hiểu về Giáo Lý, tin tưởng tuyệt đối về 10 ân đức của Đức Phật. Một bậc ứng cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Để tự tu sửa, chứng nghiệm đừng tin vào bất cứ điều gì, ở lớp Tứ Thánh Đế này, đúng là những người bạn đồng hành hữu duyên thiên lý, năng tương ngộ, từ nhiều vùng miền khác nhau ở Việt Nam, trực tiếp thầy giảng giải mỗi ngày qua thiết bị điện tử từ những câu kinh khó hiểu mà hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Hán qua Việt.

Vời duyên, lục nhập, xúc, thọ, ái này tạo nghiệp tốt cho tài sản quý báu, ở kiếp sống hiện tại.

Pháp của Đức Phật: "...Đến để mà thấy, có khả năng hưởng thụ, được người trí tự mình giác hiểu"

Đại dịch Covid này cũng là nhân quả của nhiều đời nhiều kiếp của thế giới loài người.

Nhưng đổi lại quyền sách Tứ Thánh Đế tối thượng này ra đời như một công thức, chân lý tóm gọn lưu lại cho hậu thế.

Con sinh năm 1975, tại Thái Bình miền Bắc di cư vào Nam năm 1980. Một gia đình cách mạng mà bố mẹ sinh quá nhiều con, sinh sống nơi xứ lạ quê người, nhà nghèo, chị em đông nên chỉ học đến

lớp 9, học nghề may theo thời rồi lấy chồng sinh con, bây giờ buồn bán cà phê sống qua ngày.

Cuộc sống cứ vui buồn, lạc rồi khổ, rồi lại không khổ không lạc, cứ trong cái vòng luẩn quẩn cho dù tìm đến chùa, núi non, nơi mà cho là an lạc nhất nhưng nó vẫn là nó.

Nhàm chán thế gian, đi xuất gia gieo duyên tại chùa Thiên Chúc phật giáo nguyên thủy Hà Tiên khi tuổi xé chiều 45, mong rằng có hạt giống sau này, tuy chỉ có 8 ngày nhưng đây là cơ duyên cho con được tiếp cận đến kinh Nikaya. Đủ duyên lành, con vào học lớp Tứ Thánh Đế, hiểu rõ hơn về đạo đế là chân lý mà đức phật Gotama thuyết giảng khi vừa chứng ngộ hay giây phút sắp nhập diệt.

Vào lớp học con hiểu ra bao nhiêu điều nằm gọn trong 12 nhân duyên (vòng tròn khép kín) của khổ uẩn này tập khởi cái này sanh cái kia sanh. Lại chính là Ái hỏi sao thầy không nhắc đi nhắc lại với các học viên trong lớp đây là thủ phạm, đây là nguyên nhân. Kiết sử, dính mắc, sai khiến, khó đoạn trừ, nên cần phải tu tập thấy niết bàn ngay phút hiện tại này.

Phải thực hành mỗi giờ, mỗi ngày, con cũng nhìn vào duyên xúc thấy rõ tâm mình cảm thọ sanh diệt, sống chậm lại chánh niệm tỉnh giác, ghi nhận biết rõ chúng sanh chúng diệt. An nhiên tự tại giảm xúc khi có thể. Học pháp, ái pháp nhiều hơn vì biết thân thức này là vô thường.

Sanh, trụ, hoại, diệt.

Cảm ơn cha mẹ đã cho con một thân người hoàn thiện.

Tri ân thầy Võ Thế Hoà (Úc Châu).

Chân thành cảm ơn thầy!

Hoà thượng Thích Minh Châu dịch kinh Pali sang Việt.

Cùng toàn thể bạn hữu trong lớp học nhất là bạn Võ Thị Hoàng Yến - cán sự lớp và anh Đoàn Trung Dũng đã trợ duyên tìm giúp Hồng Sen một vị cư sĩ tại gia chứng ngộ giữa đời thường, giác hiểu chỉ dẫn cho các bậc thánh quả tương lai hiện hữu này.

Câu chuyện thứ tám: Nguyễn Lệ Hằng. Sinh năm 1969.

Nghề nghiệp: Nội trợ. Quê quán: Thái Nguyên.

Nguyễn Lệ Hằng - Con là người mến mộ Đạo Phật Thích Ca Mâu Ni ; đã từ lâu nay cơ duyên đã đến và hữu duyên được gặp Thầy; khi vào học (ngày 16/4/2020) con cảm thấy hoang mang không biết mình đã chọn đúng Thầy để học chưa? Bởi vì khi đó học Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni con thấy có nhiều trường phái (ví dụ: Vi diệu Pháp ; Nam tông ; Bắc tông vv) và con nghĩ cứ tạm thời theo học ; trong quá trình học con thấy Thầy giảng hoàn toàn y cứ vào 5 bộ kinh Nikaya (mà Thầy HT Thích minh Châu dịch) Thầy có hơn 10 năm đọc và nghiên cứu tìm tòi suy tư ; chứng nghiệm trong cuộc sống của Thầy;

Thầy đã dạy và con đã thấm dần từng câu từng chữ và thấy ánh sáng của Đức Phật đang dần hiện ra trong con; Đó là: Tứ Thánh Đế ; 12 nhân duyên ; Bát Thánh Đạo là chân lý về diệt khổ mà xuyên suốt hành trình thuyết pháp Đức Phật đều nói đến.

Khi chưa biết về Giáo Pháp con còn tham lam và sân hận ; chưa có tâm lòng từ bi ; có suy nghĩ tà kiến.

Nay gặp được Thầy dạy cho con biết Tứ Thánh Đế là cốt lõi của Đạo Phật ; Thầy đã làm con thay đổi nhiều ; con biết Chánh niệm hàng ngày giảm được Tham Sân Si ; biết giữ giới để không rơi xuống vực ; hạn chế nhập 6 cảnh: sắc ; thanh ; hương ; vị ; xúc ; pháp.

Con chứng nghiệm được rằng: Nhập nhiều sẽ bị hại nhiều ; thất bại nhiều ; kéo dài sự luân hồi.

Con cố gắng tu tập: Chánh ngữ ; chánh nghiệp ; chánh mạng cho tinh tấn.

Con vui vẻ chấp nhận cả những quả xấu xảy ra trong đời mà không sân hận; không tham đắm vào quả tốt; thản nhiên giải thoát những vui buồn trong cuộc sống.

Con tập dần sống cuộc sống đơn giản; không còn tìm cầu hỷ lạc để thấy mình thanh thản nhẹ nhàng hơn.

Con thành tâm tri ân công đức của Thầy đã dạy cho con chân lý của Đức Phật: Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng để con tu tập và được giải thoát trong kiếp sống này.

Và còn đã tin tưởng tuyệt đối vào Giáo Pháp Thầy dạy.

Kính Thầy.

Câu chuyện thứ chín: Vũ Thị Thuý Bình. Sinh năm 1954.

Chuyện của tôi - Vũ Thị Thuý Bình Tuổi: 66 tuổi.

Quê quán: Gia Lộc - Hải Dương.

Thật bù nhìn khi kể lại những gì là quá khứ của bản thân mình! Tôi sinh ra trong một gia đình cách mạng, cả mẹ và cha đều tham gia kháng chiến chống Pháp. Cha tôi mất khi tôi còn nằm trong bụng mẹ. Mẹ mới 29 tuổi phải nghỉ công tác phụ nữ huyện để nuôi dạy trông nom con cái. Mẹ sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp trên nên không biết lao động, không biết làm ruộng. Mẹ, con phải sống trong cảnh nghèo khó nhưng vẫn nuôi các con khôn lớn, ăn học. Học hết cấp 2 trường làng tôi lên cấp 3. Trường ở tận phố huyện cách nhà mười cây số. Tôi phải đi bộ tới trường suốt một năm học. Khó khăn là thế nhưng tôi vẫn quyết tâm theo học đến cùng bởi trong tôi luôn có suy nghĩ phải học hết cấp 3, phải đi công tác thì mới hết đói nghèo. Lên lớp 9 tôi phải trọ học. Mỗi tuần chỉ mang theo hai ống gạo mà không có tiền ăn. Bệnh tật bắt đầu ập đến với tôi, đau cột sống không thể đi lại được nữa. Nửa ngày vào lớp học nửa ngày phải đi bệnh viện châm cứu. Bệnh tật cũng qua đi, hết lớp 10 tôi thi vào Sư Phạm 10+3. Sau đó tôi lại tiếp tục học lên Cao Đẳng Sư Phạm. Năm 1976 tôi xây dựng gia đình, chồng tôi cũng có hoàn cảnh éo le như tôi. Bố hy sinh, mẹ đi bước nữa phải ở với người bác dẫu. Vợ chồng tôi sinh được ba đứa con. Cuộc sống gia đình êm ấm và hạnh phúc. Năm 1987 chồng tôi đột ngột qua đời vì bệnh viêm não Nhật Bản. Tôi hoàn toàn mất hết chỗ dựa, một mình nuôi con từ trong trứng nước cực khổ đến tận cùng, tưởng như không vượt qua được. Bao ngày bao đêm mà vẫn không vui nước

mắt khóc cho mình rồi lại khóc cả cho con. Để làm tròn bốn phận thay chồng nuôi con tôi đã cứng rắn hơn với một suy nghĩ đúng đắn: "Khổ tận cam lai". Lòng tin và sự quyết tâm đúng đắn đã giúp tôi mạnh dạn vay 30 nghìn đồng tiền ngân hàng để mở được quán nhỏ bán nước trước cổng nhà rồi ba năm sau tôi tiếp tục mở quán bán cà phê vườn. Đói khổ cũng vui đi chút ít. Bất ngờ vụ kiện tranh chấp đất ở của gia đình lại diễn ra kéo dài hơn 8 năm liên tục. Mỗi một vì tổn kém tiền của theo kiện, có lúc tôi đã nghĩ quẩn mong cho mình không còn trên cõi đời này hoặc điên dại để khỏi phải theo đuổi chứng kiến sự việc này nhưng suy nghĩ đó không tồn tại trong tôi quá 5 phút. Tôi quyết định phải tiếp tục "chiến đấu" để giành lại mảnh đất cho con và kết quả đạt như ý. Mừng vui khi thấy các con đã khôn lớn, cả 3 đứa đều khỏe mạnh ngoan ngoãn, học hết chương trình đại học. Tưởng cái khổ đã chấm dứt thủy chung với mình nhưng 2001 đứa con trai đầu lòng vừa nhận quyết định đi làm thì bị tai nạn xe máy "thập tử nhất sinh". Bao nhiêu khổ đau tuyệt vọng đè lên đôi vai mảnh khiến tôi hoảng sợ. Và cái khổ vẫn không chịu buông tha con người của tôi. Năm 2008 tôi bị trượt đốt sống do thoát vị đĩa đệm phải mổ cấp cứu... Trong tôi không biết bao nhiêu câu hỏi tại sao, tại sao mình lại khổ như vậy, lúc đó tôi cũng có nghĩ về nhân quả nhưng không cắt nghĩa được bởi từ khi sinh ra tôi luôn là một đứa trẻ ngoan, một cô gái giản dị hiền lành, cần cù chịu khó giúp mẹ, trong chuyên môn thì năng động sáng tạo. Là giáo viên giỏi chiến sĩ thi đua nhiều năm, được bạn bè đồng nghiệp yêu quý, phụ huynh và học sinh tin tưởng. Tôi không làm điều ác vậy thì tại sao lại có quả khổ lớn như vậy. Một câu hỏi không có lời giải đáp.

Năm 2008 tôi được nghỉ hưu, tôi dành thời gian nhiều đến chùa trước là bố thí sau là giúp các phật tử, những người có hoàn cảnh khó khăn. Tôi dành nhiều thời gian cho tụng niệm, mỗi sáng đọc Chú Đại Bi từ 6 biến tăng lên 9 biến rồi cao hơn là 12 biến mỗi buổi để cầu xin Bồ Tát ban phước nhưng làm mãi cũng chẳng thấy có kết quả gì. Trong lòng tôi đã có những hoài nghi về những mong ước hào huyền vô lý. Tâm tôi luôn hướng về Đức Phật Thích Ca cùng với kinh của Người nhưng các vùng quê đi đâu cũng chỉ thấy có tượng Thích Ca mà không thấy kinh sách của người. Các chùa chỉ đọc kinh

A Di Đà, Phẩm Phổ Môn, Kinh Địa Tạng. Trong lúc đang cháy bỏng ước muốn được học kinh Nguyên Thủy của Đức Phật Thích Ca, tôi được người cháu sống ở Miền Nam đến chơi và gợi ý mời tôi vào lớp " Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng" do thầy -Võ Thế Hòa dạy tại Úc Châu. Được cháu giải thích sơ qua về Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng trong năm bộ kinh Nikaya của Đức Phật Thích Ca cháu còn nhấn mạnh đây là tu giải thoát không còn luân hồi. Ước muốn của tôi như đã được Thiên Sứ biết, tôi phấn khởi tự tin nhờ cháu giúp xin vào lớp học từ ngày 1/8/2020.

Khi được vào lớp học rồi, tôi nhận ra mình quá chênh lệch tuổi tác so với các bạn đồng tu, thời gian vào lớp chậm so với lớp từ 6 đến 7 tháng. Giọng thầy giảng bài và các bạn trong lớp nghe rất hay nhưng âm không rõ vì toàn người Miền Nam. Học trực tuyến nhưng điện thoại là không rành. Đặc biệt là nội dung Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng hoặc kinh Nikaya, tôi hoàn toàn không biết rồi một trở ngại lớn nhất với tôi lúc này hai trong ba đứa con không muốn cho tôi học. Tôi suy nghĩ và quyết định không thể dừng lại vì đây là cơ hội cuối cùng khi tuổi đời đã gần 70.

Khó khăn rồi cũng qua đi tôi chuyên tâm vào công việc học hành được lớp trưởng Võ Thị Hoàng Yến ân cần chu đáo hướng dẫn tỉ mỉ, cung cấp những tài liệu cách học bài. Đặc biệt là sự giảng dạy của thầy Võ Thế Hòa. Kiến thức của thầy thật thâm sâu uyên bác, say mê nhiệt tình bất chấp mọi thời gian để truyền thụ kiến thức rèn phương pháp học cho học viên trong lớp " Văn, Tu, Tư" phải trình tự đủ 3 bước: Thuộc Kinh, Suy tư để kiểm chứng rồi thực hành. Thêm nữa lại được nghe nhóm thảo luận kiến thức mau chóng thấm dần trong tâm trí tôi. Kết quả có được sau 6 tháng tu tập, tuy chưa sâu, chưa nhiều nhưng cũng đủ để tôi giác ngộ được tất cả những gì mà tôi mong cầu...

Trước hết tôi xin được kể về những giác ngộ của mình khi tìm hiểu về Đức Phật Thích Ca và một số quan điểm về pháp của Đức Phật.

Được tìm hiểu bài kinh Trung Bộ cho tôi hiểu hoàn cảnh xuất gia, mục đích xuất gia cùng quá trình tu tập của Người hiểu rõ Pháp của Đức Phật qua lời Đức Phật tuyên bố: "Pháp này do ta chứng được

thật là sâu kín khó thấy khó chứng, tịch tịnh cao thượng siêu lí luận vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu".

Đức Phật đã khẳng định chân lí giáo pháp của mình là Tối Thượng. Pháp là thiết thực hiện tại có quả tức thời...Điều này tôi đã chứng nghiệm và rất thành công. Ví dụ như phần trên tôi đã kể về mình vì quá khổ nên tôi tìm cầu tới chùa xin phật cầu may hay việc trì chú Đại Bi mỗi ngày đều là tà kiến. Được biết những tà kiến này là do chính mình đã nhập từ khi mới sinh ra và những tà kiến ấy cứ dày lên theo năm tháng mãi cho đến khi vào đây học tôi mới biết thế nào là tà kiến. Biết được tính chất nguy hiểm của tà kiến cũng đem đến kết quả, luân hồi. Do giác hiểu về vấn đề này tôi đã buông tất cả và luôn luôn sống trong trạng thái bình an tự tin trong cuộc sống. Chính pháp của Đức Phật đã phá tan những quan điểm sai lệch như không có địa ngục, không có cõi trời nhưng trong kinh tạng chi mưòi pháp chính Đức Phật đã tuyên bố về tội phá hòa hợp tăng: "Tội ác kéo dài một kiếp. Bị nung nấu trong địa ngục một kiếp". Rồi Đức Phật lại khuyên chúng ta "chớ có tin vì được nghe kinh điển truyền tụng" trích kinh (các vị ở Kesaputta) .Đức Phật đã khuyên những người dân ở đây biết phân biệt những quan điểm đúng sai. Cũng từ mưòi ân đức...và mưòi Như Lai lực đã giúp tôi hiểu sâu sắc hơn về vị Phật toàn giác. Người và kinh điển chân lí của người mãi mãi là một di sản văn hóa vô giá của nhân loại đây cũng chính là động lực tăng thêm lòng tin khiến tôi say mê tập tữ thánh đế là tối thượng của người.

Vấn đề giác ngộ về Tứ thánh đế tôi xin được trình bày những hiểu biết của mình về 12 nhân duyên. Trong kinh tạng chi ba pháp Đức Phật đã thuyết: Vô Minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi khổ, ưu, não...Tôi hiểu rõ đây là thánh đế về khổ tập một vòng tròn khép kín từ khi sinh ra đến khi mất đi của con người và đây cũng chính là 12 tên tướng cướp. Với 12 duyên này ta tìm hiểu sâu kĩ những khái niệm những tính chất thì mới tiếp thu được nội dung của Tứ Thánh Đế.

Trong 12 nhân duyên tôi xin dừng lại trình bày ở 2 duyên: Duyên lục nhập, duyên ái.

Với duyên lục nhập từ nhận thức được quả khổ hiện tại này do nhân trong quá khứ (vô minh-hành-thức mà có) và do chấp chủ 6 giới nên có nhập thai. Do có nhập thai nên có danh sắc, do có danh sắc nên có lục nhập, do có lục nhập nên có xúc (trích kinh tạng tri 3 pháp) tôi đã nhận đc nhân gần sinh ra THỌ là XÚC và sau là lục nhập và danh sắc vậy nếu ko có danh sắc thì không có lục nhập, nếu không có lục nhập thì không có xúc, nếu không có xúc thì không có thọ. Lục nhập là một duyên rất quan trọng vì khi ra đời 6 nội xứ sẽ thu tất cả các sắc thanh hương vị xúc vào tâm đây là 6 cái tên phá làng. Hiểu như vậy biết như vậy nếu lục nhập ko có định hướng thì rất nguy hiểm. Để tránh được những đau khổ tôi chỉ lục nhập những cái cần thiết đặc biệt là những kinh sách ko phải là kinh Nikaya. Giác ngộ về vấn đề này cuộc sống thường nhật hàng ngày lúc này tôi chỉ nhập tứ thánh đế. 12 nhân duyên. Bát chánh đạo, bởi đây là hạt giống đưa tôi đến bến bờ giải thoát.

Một nội dung thứ 2 tôi đã hiểu và chứng nghiệm chính là duyên ái là duyên thứ 7 trong 12 nhân duyên. Tôi xin tóm tắt kể lại. Tôi đã hiểu được ái là gì? Có mấy ái? Đó là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Tôi hiểu được ái là sự dính lấp vào một đối tượng nào đó và bị ái sai khiến, cụ thể như: Như mắt dính vào sắc, tai dính vào thanh mũi dính vào hương...và từ sự dính mắc này do sự xúc chạm giữa 6 nội xứ và 6 ngoại xứ đã sinh ra sự cảm thọ khác nhau. Có 3 trạng thái cảm thọ: Nếu mắt thấy sắc khả ái khả lạc thì tham ái sanh. Nếu mắt thấy sắc không khả ái khả lạc thì sân ái sanh. Nếu mắt thấy sắc không khổ không lạc thọ thì si ái sanh. Như vậy ái chính là thủ phạm đầy nguy hiểm bởi dù lạc thọ hay khổ thọ hay không khổ không lạc thọ đều đem lại những khổ đau cho con người vì mọi cảm thọ đều là vô thường. Biết ái là kẻ thù tôi đã truy tìm thủ phạm sinh ra ái và biết mình phải làm gì? Nguyên nhân sinh ra ái là do lục nhập, do xúc và duyên gần nhất là thọ vì từ lạc thọ sanh khởi ngay tức thì có ái và đã ái là dẫn đến khổ ngay trong hiện tại và cả trong tương lai. Biết vậy thấy vậy không có con đường nào khác là phải diệt nguyên nhân sinh ra ái. Áp dụng vào bản thân tôi đã giảm

và cắt hẳn những lục nhập không cần thiết như ham muốn sắc thanh hương vị xúc và đã giảm lục nhập thì giảm xúc mà giảm xúc thì giảm thọ. Trong tôi đã được trang bị tránh chánh kiến tức là mình sanh đã khởi lên. Tôi đã hiểu rõ khổ, biết nguyên nhân khổ, biết diệt khổ bởi vậy đối mặt với sắc thanh hương vị xúc mà tôi không khởi lên khả ý khả lạc. Theo lý duyên khởi cái này diệt cái kia diệt nếu không có ái thì không có thủ, không có thủ thì không có hữu, không có sanh không có già chết và không có luân hồi. Không có ái là giải thoát. Biết như vậy và làm như vậy nên đã từ lâu tôi không còn ái tiền bạc, nhà cửa, tài sản, ăn, ngủ, nghỉ, hội hè đình đám, luôn chánh niệm tỉnh giác để ái không khởi lên, quán năm triền cái để phòng hộ 6 căn nên ái trong tôi đã giảm khá nhiều. Trong hiện tại lúc này, trong tôi chỉ còn duy nhất 1 ái đó là Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng, 12 Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo tôi sẽ chăm sóc tốt để hạt giống này được đem hoa kết trái.

Kết luận: Câu chuyện của tôi vừa kể gồm 3 phần:

Phần 1: Là những câu chuyện chứng nghiệm về cái khổ của bản thân trong khổ Thánh Đế. Nhiều cái khổ đã giúp tôi nhận ra chính là cái quả mà trong quá khứ mình đã tạo ra. Những cái khổ đó như lời dạy của thầy ta chỉ biết đón nhận mà không có cách nào khác được và nó là vô thường rồi cũng qua đi. Hiểu được như vậy lòng tôi thật nhẹ nhàng thanh thản. Cũng từ những cái khổ này tôi thấy được kiết sử được sinh ra trong sự ràng buộc của các thành viên trong gia đình càng làm cho ta khổ thêm. Cũng từ những cái khổ này là động lực giúp tôi học tập tốt hơn.

Phần 2: Của câu chuyện là những giác ngộ của tôi về Đức Phật Thích Ca và kinh sách của Ngài.

Từ những rõ biết về vị Phật toàn giác: Có 10 ân đức và 10 Như Lai lực và các pháp trong 5 bộ kinh Nikaya của Ngài đã đập tan những quan điểm xấu phá hòa hợp tăng phải nhận những quả khổ. Nó khẳng định được chân lý duy nhất đúng về Đức Phật về Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng giúp tôi ổn định tư tưởng và càng học tốt hơn.

Phần 3: Lời kể của tôi về những hiểu biết, Giác ngộ được 2 trong: duyên lục nhập, duyên ái trong 12 Nhân Duyên qua quá trình học tập. Từ hiểu biết về bản chất 2 duyên lục nhập của duyên ái tôi đã biết thực hành, biết chứng nghiệm và có quả tức thì trong cuộc sống hiện tại. Vì có chánh kiến nên đã kiểm chứng được việc làm đúng sai của mình về những người xung quanh, thân kiến được diệt trừ, tham ái tiền bạc không còn dính mắc tâm trạng sống thanh thản thoải mái hơn tự tin hơn. Có được những kết quả này tôi xin được tri ân tới thầy Thích Minh Châu. Thầy Võ Thế Hòa cùng các bạn đồng tu trong lớp Tứ Thánh Đế...

Rất mong được các độc giả hoan hỉ. Mong các bạn hãy đến với Lớp học Tứ Thánh Đế là Tối Thượng - con đường chấm dứt khổ đau.

Câu chuyện thứ mười: Nguyễn Bá Chiến sinh năm 1997.

Nghề nghiệp: Thiết kế website.

Quê quán: Ninh Bình

Email: chiennguyenpre1@gmail.com

Sinh ra trong 1 gia đình nghèo, nên từ nhỏ tới lớn tôi đã có khát vọng kiếm tiền, làm giàu và luôn nỗ lực vì điều đó. Vào năm 18 tuổi, tôi mới ý thức được sự tồn tại của bản thân mình, và suy ngẫm về cuộc đời với 1 câu hỏi lớn: Sống để làm gì? và mình làm gì với mấy mươi năm cuộc đời này? thay vì suốt ngày lo cơm, áo, gạo, tiền. Cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác so với những đứa bạn cùng tuổi.

Và với vốn sống ít ỏi, nhìn cuộc đời toàn màu hồng, cộng với một vài luồng tư tưởng từ vài cuốn sách tôi đọc, tôi cho rằng: cuộc đời là bể sướng và cuộc đời này là đáng sống. Mục đích sống là sống có mục đích. Phải sống một cuộc đời có ý nghĩa.

(còn bây giờ tôi biết Đức Phật thì dạy là: Khổ Thánh Đế cần phải liễu tri!)

Khi đó tôi cũng đã biết đến câu chuyện "con rùa mù" trong Phật giáo do nhiều người chia sẻ.

(Có được thân người khó như con rùa mù ngoi lên gặp bông cây giữa biển.)

Và có 1 tiến sĩ Harvard tính xác suất 1 người được sinh ra và xác suất con rùa mù gặp bông cây là bằng nhau. Do dựa trên khoa học nên tôi khá tin tưởng ví dụ này. Sau này tôi mới biết Đức Phật là Thế Gian Giải.

Và tôi có suy tư là: phải sống cho thật hạnh phúc, vì kiếp người khó có được. Cuộc đời này là của mình và mình có toàn quyền với nó. Và để làm điều đó tôi sẽ cố gắng kiếm thật nhiều tiền, để tận hưởng hết những hạnh phúc cuộc đời này trước khi chết.

(Giờ đây 23 tuổi nhớ lại thời đó của mình thật nực cười. Câu chuyện "con rùa mù" là có thật do Đức Phật dạy. Nhưng nó thiếu sót khiến tôi đi sai đường. Nguyên văn bài kinh đó ở: 48. VIII. Lỗ Khóa (3) (S.v456) -- Tương Ưng Bộ. Đại ý là: sau khi "mất thân người để có được thân người trở lại" khó như con rùa mù trăm năm nổi lên một lần chui cổ vào cái lỗ trên một khúc cây giữa biển. Hay hiểu theo cách khác là: ai làm ác, phạm 5 giới, rơi xuống 3 đường ác thì không biết khi nào mới có cơ hội quay trở lại làm người được,...vì vậy cần phải tu tập Tứ Thánh Đế để không phí phạm cơ hội làm người này.)

Sau một thời gian tầm 1.5 năm mang tư tưởng đời là bể sướng bên mình, tôi đau khổ vô cùng, tự lừa dối bản thân mình, phiền não bủa vây, đến mức không chịu được, với đức tin vào câu chuyện "con rùa mù" theo một cách nào đấy xui khiến tôi khiến tôi tìm hiểu sâu hơn về Phật pháp. Tôi nghe bài giảng của các thầy trên mạng và vô tình gặp thầy Thích Thông Lạc. Do thấy người này tu rất khắc khổ, phạm hạnh, ngộ là chân sư. Tôi tìm sách và bài giảng của thầy này rồi đọc và thực hành theo.

Tôi tập giữ giới. Như lý tác ý để diệt dục và đuổi bệnh. Tu ăn, ngủ, độc cư. Lúc nào cũng tác ý tâm bất động, thanh thản, an lạc, vô sự. Rồi một thời gian sau hiểu sâu hơn: tôi tu tứ chánh cần, định chánh niệm tỉnh giác, định niệm hơi thở, định thư giãn hay định sáng suốt, chế ngự 5 căn.

Tu hoài thoảng chốc đã 2.5 năm trôi qua, thì tu đúng hay sai cũng có kết quả nhất định nhưng tôi cảm thấy có nhiều điều thiếu sót, phiền não không hết, không thể nào mà 1 vị a la hán lại có những thiếu sót như vậy được. (Tôi có cảm giác như mình không có chánh ngữ, hay chính xác hơn là không thể có chánh ngữ nổi.)

Học thầy xong tôi ôm một đồng tà kiến trong người. Tôi không tin có địa ngục. Tôi cảm giác như chết là hết. Tôi cho rằng 4 tầng thiên là 4 bậc thánh. Thầy nói 33 cõi trời là cõi tướng trong kinh trung bộ số 1 nhưng tôi tìm hoài không thấy. Tứ Thánh Đế thì thầy copy từ sách người khác thay vì lấy lời Đức Phật trong kinh. Thầy cũng không tin Phật là Thiên Nhân Sư. Phật từ cõi trời tái sinh xuống nơi đây 2600 năm trước. Phật nhớ được trăm nghìn kiếp sống quá khứ và kể lại trong tiểu bộ, trong đấy có nhiều kiếp Phật là chư Thiên. Có lẽ do vậy mà tôi không nhìn thấy chân lý nơi đâu cả.

May mắn được học tư duy phản biện từ một người thầy giáo tiếng anh, nên khi học đủ sâu thầy Thông Lạc, tôi mở não, tiếp thu 1 vài luồng thông tin khác để làm rõ những điểm thiếu sót khi đọc sách và nghe bài giảng của thầy, tôi nghĩ rằng vàng thật thì không sợ lửa mà. Tôi quay ra học Nikaya vì thầy Thông Lạc nói bản thân mình nhờ đọc Nikaya mà giác ngộ, nhưng kinh cũng rất nhiều, tôi có tham khảo cô Chon Tin Toàn nghiên cứu Nikaya gần 20 năm, tôi cũng học thử một thời gian, hiểu hơn một vài danh từ Phật học nhưng vẫn còn nhiều thắc mắc. Rồi tham khảo bài giảng của một vài thầy khác cũng có những luồng quan điểm tu tập mới, hữu ích nhất định và cực kỳ hay.

(Mặc dù vậy, giờ đây tôi tự mình đọc Nikaya thấy nhiều người giảng dù hay đến đâu nhưng nếu không phải lời Đức Phật, không đem đến giác ngộ).

Ví dụ nhiều vị thầy thường giảng về vô ngã nhưng sau khi tôi đọc kinh và tự suy tư thì thấy như sau:

Một người không tác ý về kiếp trước, kiếp sau; không tác ý suy tư về lý duyên khởi thì 1 trong 6 tà kiến sau đây sẽ khởi lên: ta có tự ngã,

ta không có tự ngã, tưởng rằng ta có tự ngã, tưởng rằng ta không có tự ngã,...Trung bộ.

- *"ta không có tự ngã" là một cực đoan.*
- *"ta có tự ngã" là cực đoan thứ hai.*

Từ bỏ 2 cực đoan đấy Đức Phật thuyết con đường trung đạo chính là lý duyên khởi: vô minh sinh hành, hành sinh thức,...và lý duyên diệt đưa đến giác ngộ, niết bàn...)

Trong suốt khoảng thời gian học thầy Thông Lạc tôi luôn tự hỏi mình: Nếu chỉ còn 1 ngày để sống, thì hôm nay mình sẽ làm gì? Đọc Kinh tôi mới biết Đức Phật dạy đó là Niệm chết. Có lẽ là nhiều kiếp tôi đã tu tập niệm chết nên khi nhìn thấy ông bà nội, bà ngoại, em của ông ngoại mất, nghĩ đến cha mẹ, bác bá, em gái của mình tương lai cũng phải chết làm tôi chấn động mạnh. Điều đó khiến tôi phải hy sinh rất nhiều thứ của mình để dành thời gian cho câu hỏi: Chết đi về đâu? có kiếp trước, kiếp sau hay không?

Và tôi tu tập niệm chết hoài cho đến một ngày, tình cờ nhờ một đạo hữu chia sẻ bài giảng của thầy Võ Thế Hòa tôi nghe qua rồi vào trang Tanhtay, tôi nghe những bài giảng ở đây và giải đáp được vô số những thắc mắc bao lâu nay. Tôi biết được rõ ràng chết đi về đâu, có kiếp trước kiếp sau hay không. Tôi suy nghĩ rất nhiều về những lời thầy nói. Đủ duyên tôi đăng ký vào học lớp meet do thầy tổ chức. Trải qua mấy năm liền nghiền ngẫm Phật pháp trong bể tắc giờ đây nhờ có thầy Hòa mà tôi đã nhìn thấy ánh sáng trong màn đêm đen tối.

Trước khi học tôi có rất nhiều tà kiến, nhiều thắc mắc không giải đáp được, có rất nhiều phiền não, lo lắng, sợ hãi, thất vọng. Mong muốn nhiều về tương lai, muốn đạt được nhiều thành tựu trong cuộc sống. Luôn đi tìm cầu hỷ lạc ở một đối tượng nào đó. Tu tập chiến đấu với bản thân mình rất vất vả.

Sau khi học thầy tôi hiểu rõ mọi sự về cuộc đời. Tâm rảnh rang thoải mái, không còn phiền não, lo lắng, sợ hãi, thất vọng vào chuyện đời thường. Có nhiều lúc tôi có tâm giải thoát. Tôi không còn mong muốn làm giàu, kiếm nhiều tiền, không còn mong muốn lấy vợ, lập

gia đình, sinh con. Mặc dù rất nghèo, tiền không đủ sống nhưng tôi cảm thấy thoải mái vô cùng. Tiền bạc, thành công, tương lai, sự nghiệp khi trước tôi cho là tất cả giờ đây đối với tôi không còn là vấn đề quan trọng. Mà quan trọng nhất là sự tu tập, giác ngộ chân lý Tứ Thánh Đế và hạnh nghiệp của mình, tôi cảm thấy mình giải thoát được nhất định. Tâm tôi bây giờ khá đơn giản và có lắm lúc nó automatic dừng lại thay vì trước đó là automatic đi tìm hoài một thứ gì đó không biết chán. Tôi biết mình đang đi đúng hướng và học đúng Pháp của Phật.

Câu hỏi mà tôi hỏi năm 18 tuổi giờ đây tôi đã trả lời được nhờ học lớp của thầy và nó làm tôi tự hào. Nếu ai hữu duyên có cùng câu hỏi như tôi đã từng hỏi: sống để làm gì? bạn làm gì với mấy mươi năm cuộc đời này? và sẵn sàng trả một cái giá cho đáp án thì có thể liên hệ để chúng ta cùng trao đổi.

Câu chuyện thứ mười một: Nguyễn Thị Minh Nguyệt, sinh năm 1965.

Nghề nghiệp: công nhân viên chức đã nghỉ hưu.

Quê quán: Thành Phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định.

Email: Mnguyet6879@gmail.com.

Tôi sinh ra và lớn lên tại tp hải phòng, trong gia đình có 5 chị em. Ba mẹ tôi đều là cán bộ nhà nước. Ba tôi là quê gốc Bình Định ra Bắc tập kết nên sau ngày giải phóng miền Nam, gia đình tôi chuyển vào Nam tại Thành Phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định để sinh sống. Cuộc sống khá ổn định nhưng chỉ sau 1 năm thì mẹ tôi bị tai nạn giao thông đã qua đời.

Sau biến cố đó 1 thời gian, chị em tôi đều dần bỏ học dang dở để đi học nghề rồi đi làm. Cuộc đời thăng trầm cứ vậy diễn ra suốt mấy chục năm, vui ít khổ nhiều.

Cho đến năm 2012, tôi phát tâm về chùa, sau đó quy y tam bảo tại chùa liên hoa phú tài quy nhơn. Và tôi thường xuyên về chùa vào ngày rằm mùng 1 để tụng kinh niệm phật, ăn chay tại chùa, với sự

hiểu biết lúc đó là chỉ mong được tịnh tâm, bình an trong cuộc sống, rồi cầu mong phật ban phước lành.

Đến năm 2017, nhân dịp vào tp Hồ Chí Minh, tôi được người em trai chỉ dẫn, tôi chuyển sang tìm hiểu và tu theo phật giáo nguyên thủy. Tôi bắt đầu tìm đọc về lịch sử của đức phật là người có thật và có lòng tin mãnh liệt hơn về phật pháp.

Tôi tìm trên mạng nghe giảng pháp của 1 vài sư ở trong và ngoài nước. Sau đó vào tháng 4-2020, hữu duyên khi về chùa, tôi được 1 đạo hữu giới thiệu tôi vào học lớp tứ thánh để do thầy Hòa Võ - Úc Châu giảng y cứ vào 5 bộ kinh nikaya do hòa thượng Thích Minh Châu dịch, và đã được thầy truyền dạy những kinh nghiệm học kinh, cách suy tư để chứng nghiệm, thấy được sự thật về chân lý.

Sau 1 thời gian được sự giảng dạy của thầy Võ Thế Hòa, được nghe nhiều bài kinh trong 5 bộ kinh nikaya do đạo hữu Võ Thị Hoàng Yến tặng thẻ nhớ. Rồi được thầy cho tập trung học về Tứ Thánh Đế, 12 nhân duyên, Bát Chánh Đạo, 44 căn bản trí.

Giờ đây tôi đã có lòng tin tuyệt đối về 10 ân đức của Phật, hiểu rõ được do nhân gì dẫn đến quả khổ trong hiện tại, biết lý do tại sao có người sinh ra trong hoàn cảnh khó khăn, còn có người lại sinh ra trong gia đình khá giả, diện mạo sáng sủa.

Khi có sự hiểu biết đúng sẽ giúp cho mình thực hành đúng theo chánh pháp. Kết quả là bản thân biết điều chỉnh mình, khi gặp chuyện đau khổ đến cũng bình tĩnh chấp nhận vì biết do mình đã gieo nhân nên giờ trở quả thôi.

Tôi thấy sau khi học mình có giảm được tham, sân, si, thực hành nghiêm túc 5 giới, thấy rõ được pháp đúng là thiết thực hiện tại ngay trong kiếp sống này.

Trong quá trình học, bản thân cũng có lúc vì chưa hiểu vững vàng về giáo lý, tôi đã loay hoay tìm đọc thêm 1 số kinh sách khác. Cuối cùng tôi nhận ra pháp mà Đức Phật đã giáo truyền thì luôn đúng trong quá khứ hiện tại vị lai và dù ở đâu thì chân lý cũng giống như vậy.

Đó chính là 4 chân lý trong bài kinh Chuyển Pháp Luân: Tứ Thánh Đế.

Cuối cùng tôi xin chân thành chia sẻ với những ai hữu duyên đọc cuốn sách này. Đây là cuốn sách đã được thầy Hòa Vô đưa ra cốt lõi của 5 bộ kinh nikaya do đức phật thuyết. Rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu và tu tập từng bước từ thấp đến cao, giúp chúng ta thấy rõ sự khổ, nguyên nhân của khổ và phương pháp để chấm dứt khổ hoàn toàn.

Học trò xin kính tri ân thầy Võ Thế Hòa.

Câu chuyện thứ mười hai: Như Ái Liên.

Tôi pháp danh là Như Ái Liên, sinh năm 1982. Là một người nông dân bình thường ở một huyện vùng biên giới của tỉnh Long An. Khi tôi bước vào con đường tu tập theo đạo Phật. Tôi nghĩ tu là phải đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, trì chú, lễ lạy, ăn chay, phóng sanh, bố thí, cúng dường,... là đã đúng rồi và rất là hoan hỷ vì nghĩ mình đã có chánh kiến, nhưng không sai hoàn toàn vì chánh kiến không phải vậy. Ngay khi niềm tin tam bảo bất động tôi cũng không hiểu đúng và nghĩ tu là việc rất dễ dàng. Nhưng sự thật tu theo lời Phật dạy không dễ chút nào, vì nếu không biết tu theo sơ thiện, trung thiện, hậu thiện thì sẽ tu mù thôi. Lúc gieo nhân thì không sợ, khi quả khổ đến thì đầm ngực kêu trời cúng lạy cầu xin Phật hay Bồ Tát cứu khổ. Tôi đã tu như thế hằng 8 năm mà tham, sân, si của tôi vẫn không giảm. Vì tôi không biết rõ tham là sao? sân là sao? si là như thế nào? và nguyên nhân của tham sân si là gì?

Đến khi tôi vào lớp học Tứ Thánh Đế là tối thượng vào tháng 4 năm 2020 do thầy tôi là thầy Võ Thế Hoà giảng dạy. Phần nhiều là thầy lấy kinh Nikaya giảng dạy và tôi rất là kính trọng thầy vì câu nói của thầy: "Quý vị đừng có tin tôi quý vị hãy tự mình chứng nghiệm lấy kinh ra dẫn chứng xem có phải như vậy không?" Nhờ vậy mà tôi đã biết tu nhưng không phải tin mù quáng vì tự mình kiểm chứng được và có kinh dẫn chứng, tôi sẽ tu từng bước từ thấp đến cao. Theo Sơ thiện là thành tựu 5 giới bố thí, có các cõi trời và địa ngục, Trung thiện là biết vị ngọt của dục nguy hiểm, của dục và xuất ly dục, cao

hơn là Tứ Thánh Đế, Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Tới lớp Trung Thiện và Hậu Thiện thì không dễ chút nào. Đầu tiên là phải có trí văn rồi tư rồi tu, Khổ Đế là quả khổ do vô minh hành quá khứ. Tập Đế là nguyên nhân của khổ. Nói ngắn là Ái, nói rõ là lý duyên khởi cái này sanh cái kia sanh. Diệt Đế chính là diệt ái nói rộng ra là lý duyên diệt. Diệt 12 nhân duyên là cái này diệt cái kia diệt, nói chung là phần Tập Đế và Diệt Đế thì cần phải thiện xảo về 12 nhân duyên và 44 căn bản trí thì mới diệt được tham sân si. Đạo Đế là con đường bắt buộc phải hành trì thì mới chấm dứt khổ, Chánh Tri Kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đến nay tôi đã biết thế nào là chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt và đang tu tập chánh tư duy. Để diệt những dục tham, khi vừa sanh khởi có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thì ngay trong hiện tại sẽ không gặp những phiền não mà mình có thể tránh được nhờ tu tập bát chánh đạo. Vậy Pháp là thiết thực hiện tại không có thời gian đến để mà thấy được người trí tự mình giác hiểu.

Vậy là tôi đã hiểu niềm tin tam bảo bất động là tin vào 10 ân đức Phật, Pháp là thiết thực hiện tại, tăng bảo là tin bốn đôi 8 vị là tám bậc thánh và những vị đang trên đường chứng thánh. Tôi đã biết quả khổ từ đâu đến và biết nguyên nhân của tham sân si là từ duyên thọ. Tuy chưa diệt được hoàn toàn nhưng tôi đang tu tập làm chúng giảm dần thì mới thấy pháp thiết thực hiện tại và còn rất nhiều điều hay mà tôi đã học được từ thầy và các cô chú anh chị em trong lớp học, con xin kính tri ân thầy đã nhiệt tâm giảng dạy và con sẽ cố gắng hành trì để phần nào đền đáp công ơn thầy và tri ân những vị đạo hữu trong lớp Tứ Thánh Đế là tối thượng con cũng đã học từ các vị rất nhiều.

Nam mô phật !!! Con Kính chào quý đạo hữu ạ.

Câu chuyện thứ mười ba: Kim Thị Thủy, quê quán Trà Vinh.

Con xin có đôi lời tự bạch về mình ạ.

Con biết về đạo Phật lâu rồi, nhưng con không hiểu gì về BÁT CHÁNH ĐẠO, hay TỨ THÁNH ĐẾ.

Nay con có đủ duyên được Sư Thích Giác Đăng Huy, giới thiệu cho con vào lớp học hỏi kinh Nikaya, nay là lớp TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG, học cùng SƯ PHỤ HÒA VÕ ở Úc Châu.

Khi con chưa học tâm con tham, sân, si và mê tín rất nhiều, khi con được học và nghe nhiều bài Sư phụ giảng, con hiểu được thế nào là lục nhập...thế nào là ái, thủ, hữu, con cũng đã chứng nghiệm được điều mình nhập mọi thứ hằng ngày đưa đến cho mình sự ái nhiễm và tham, sân, si, sinh ra đau khổ trong cuộc sống hiện tại...

Nay con được học TỨ THÁNH ĐẾ, con đã không còn cảm thấy đau khổ khi mọi thứ diễn ra hằng ngày với con.

Con hy vọng rằng quý đạo hữu gần xa sẽ có đủ duyên nhận được cuốn sách TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG do SƯ PHỤ HÒA VÕ, ở Úc Châu biên soạn.

Con luôn luôn tri ân SƯ PHỤ đã hoài công giảng dạy cho con cùng quý đạo hữu biết đến giáo pháp của ĐỨC PHẬT THÍCH CA.

Con kính chúc quý đạo hữu đều thành tựu mỹ mãn và giải thoát trong hiện tại cũng như tương lai !

Câu chuyện thứ mười bốn: Lâm Thị Duyên sinh năm 1981.

Tôi tên là Lâm Thị Duyên sinh năm 1981 quê quán An Giang. Hiện cư ngụ tại Vĩnh Hưng - Long An. Nhờ sự giới thiệu của một người bạn tôi mới biết đến Tứ Thánh Đế. Trước khi gặp thầy Võ Thế Hòa, tôi không theo môn phái nào hết nhưng tôi vẫn đi chùa và cầu xin, tôi mới học được 3 tháng nhưng chưa hiểu gì mấy và tôi học mới thuộc 12 nhân duyên. Cho đến một khi gia đình tôi gặp sự cố là chồng tôi mất, tôi buồn quá không vào lớp khoảng 10 ngày, trong lòng tôi không diễn tả được nỗi buồn khi mất chồng và 7 năm trước cũng mất 1 người con. Trong khi đó tôi có học 12 nhân duyên thành ra tôi mới biết là vì nghiệp quá khứ nên mới có thân người, nên mới có 8 cái khổ là sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, oán tắng hội. Tóm lại 5 thủ uẩn là khổ.

Và tôi mới biết cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt nếu muốn hết khổ thì lục nhập diệt, xúc diệt, thọ diệt thì ái diệt. Thầy dạy Bát Thánh Đạo trong đó có 8 con ngành cho tới bây giờ thì tôi làm theo được là chánh ngữ, chánh tư duy, và chánh niệm. Trước đó, tôi không chánh ngữ cho lắm và còn nói dối và bây giờ hạn chế không nói dối nữa, còn chánh niệm thì những chuyện gì mình làm thì tôi biết mình đang làm và biết rõ tuy tôi làm không 100% nhưng cũng đạt được 50 %, còn chánh tư duy thì tôi làm những chuyện gì cũng phải suy tư: tư duy về lý dục, tư duy về lý hại và tư duy về lý sân cũng đang có trong người. Con cảm ơn thầy Võ Thế Hòa đã dạy con biết được 12 nhân duyên, bát thánh đạo, tứ thánh đế kể từ lúc con học thầy tới giờ thì trong lòng con biết được vì đâu con khổ, vì đâu mà chồng con và con của con đã ra đi và con đang giảm tham, sân, si và sẽ thực hành bát thánh đạo, tứ thánh đế mà Đức Phật đã dạy trong kinh đó là Lá Rừng Simsapa mà Đức Phật nói là Tứ Thánh Đế, Bát Thánh Đạo, 12 nhân duyên, sẽ mang lại an tịnh giác ngộ thắng trí niết bàn. Con tâm đắc nhất câu của thầy nói là: "Quý vị đừng tin tôi mà hãy làm theo những gì trong kinh nói có đúng hay không chớ đừng tin tôi và tin ai hết". Một lần nữa con cảm ơn thầy rất nhiều.

Câu chuyện thứ mười lăm: Nguyễn Hương Trầm (Pháp danh Hạnh Liên), được sinh ra và lớn lên ở Kiên Giang, Việt Nam.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa

KHI BẠN ĐỌC NHỮNG DÒNG CHỮ NÀY, NGHĨA LÀ BẠN ĐANG CẢM TRÊN TAY QUYỀN SÁCH "TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG" - SOẠN GIẢ: VÕ THẾ HÒA

Tôi Tên Nguyễn Hương Trầm (Pháp danh Hạnh Liên), được sinh ra và lớn lên ở Kiên Giang, Việt Nam.

* Từ khi tôi 19 tuổi tôi đã tìm hiểu về Đức Phật. Tôi đọc - nghe Kinh Nikaya rất nhiều (2-4 năm). Mọi thứ chỉ dừng lại với tôi ở chỗ, Cái nào cũng có nghe, cái nào cũng biết... nhưng chưa nắm bắt được cốt lõi của lời Phật thuyết. Nguyên nhân do Tôi chưa Xác quyết được

"Tứ Thánh Đế là tối thượng", 12 Nhân duyên - Lý duyên khởi là nguyên nhân sanh ra khổ.

* Duyên tháng 11/2020 Tôi nghe được các bài giảng của Thầy Võ Thế Hòa qua USB như: " Học - suy tư và hành; 12 Nhân duyên - là 12 tên tướng cướp; 44 Căn bản trí; Tứ Thánh đế là tối thượng và Bát Thánh đạo". Thầy tổng hợp được Cốt lõi trong 45 năm hoàng pháp của Thế Tôn. Thầy giúp học viên làm sáng tỏ: Khổ - Nguyên nhân sinh ra khổ - Diệt nguyên nhân sinh ra khổ - Con đường diệt khổ.

* Tôi tham gia lớp học "Tứ Thánh Đế là tối thượng" do Thầy Võ Thế Hòa giảng thuyết (Nội dung các bài giảng y cứ vào 5 Bộ Kinh Nikaya (tạng Kinh) do cố Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. Mọi thứ trở nên rõ ràng khi gặp Thầy.

* Tôi xin gửi Thầy sự biết ơn của Tôi sau khi được tham dự lớp học do Thầy giảng thuyết và xin chia sẻ với những ai hữu duyên đọc được quyển Sách "Tứ Thánh Đế là tối thượng"

1. Khổ đế: Sanh, già, bệnh, chết, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán gặp nhau. Tóm lại Ngũ Uẩn là khổ. Phải liễu tri - biết rõ;

2. Nguyên nhân sanh khổ: Vô minh ► Hành ► Thức ► Danh Sắc ► lục nhập ► Xúc ► Thọ ► Ái ► Thủ ► Hữu ► Sanh ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não. Phải đoạn diệt;

3. Khổ diệt đế: Do ly tham Vô minh diệt ► Hành diệt ► Thức diệt ► Danh Sắc diệt ► Lục nhập diệt ► Xúc diệt ► Thọ diệt ► Ái diệt ► Thủ diệt ► Hữu diệt ► Sanh diệt ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não diệt . Thủ uẩn diệt. Cần chứng nghiệm.

4. Con đường diệt khổ: Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Cần phải tu tập.

" Nay các Tỷ - kheo, hãy tu tập định (Thiền định). Nay các Tỷ - kheo, Tỷ - kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, các Tỷ - kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ". Một cố gắng cần phải

làm để rõ biết: "Đây là khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Trích tương ưng 5. Tương ưng sự thật.

"Này các Tỳ - kheo, hãy tu tập Thiền định. Này các Tỳ - kheo, một Tỳ kheo được Thiền định, hiểu rõ như thật và hiểu rõ như thật cái gì? Như thật hiểu rõ Mắt là vô thường, như thật hiểu rõ các Sắc là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn Thức là vô thường, như thật hiểu rõ nhãn Xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, Lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường... Tai... Mũi... Lưỡi... Thân...

Như thật rõ biết Ý là vô thường.... là vô thường. Phàm duyên Ý xúc khởi lên cảm thọ gì, Lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; như thật hiểu rõ cảm thọ ấy là vô thường." Trích tương ưng 4.

** Tôi hiểu rằng Hành giả phải nắm rõ từng Đế trên theo trình tự (Khổ - Tập - Diệt - Đạo).*

- Phải hiểu rõ - liễu tri "Khổ đế"; rồi sẽ có nhu cầu tìm nguyên nhân khổ "Tập đế" (12 Nhân duyên - Lý duyên khởi là Tà Đạo. Đây là chân lý duyên khởi mà quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai đúng); rồi có nhu cầu diệt khổ "Diệt đế" (Lý duyên diệt là diệt 12 Nhân duyên là Chánh đạo); rồi vận dụng "Con đường đưa đến khổ diệt" Tu tập để diệt 12 Nhân duyên.

** Bốn Chân đế có sự logic chặt chẽ và không thể tách rời nhau. Hành giả phải dựa theo những định nghĩa chi tiết của Bốn Đế để tu tập mà không nên y cứ vào bất kỳ một vị đạo sư nào khác, vì rằng các vị đạo sư nào muốn thuyết giảng Chánh pháp cũng phải Y cứ vào lời Kinh của Thế Tôn.*

** Lúc trước Tôi hiểu "Hành thiền" là Pháp hành, còn học kinh chỉ là Pháp học thôi. Sự Thật khi được Thầy Hoa Vĩ chỉ ra rất đơn giản là chúng ta học lời Phật dạy từ Kinh Nikaya rồi áp dụng trong cuộc sống hàng ngày thì đó là "Hành" theo Pháp của Phật. Ví dụ như: Phật dạy 5 giới, Chúng ta được học qua rồi hàng ngày giữ giới thì gọi là "Hành" theo Pháp của Phật đó. Sadhu sadhu sadhu Thầy Hoa*

Võ. Trong Kinh Nikaya không chỗ nào có nói Pháp học và Pháp hành là hai pháp khác nhau.

" Vô minh là không rõ biết Tứ Thánh đế". Trích Tương ưng 5. Điều này xác quyết rằng ngôi thiên đâu có hết vô minh, muốn hết vô minh là chỉ có học và hành theo Tứ Thánh đế (Tứ Thánh Đế là ít lá Simsapa trên tay của Thế Tôn, ít nhưng đưa đến giải thoát Niết Bàn).

* Con thành kính tri ân Thầy Võ Thế Hòa!

* CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ CÓ SÁCH

MỜI BẠN TỪ TỪ HỌC VÀ TỪ TỪ CHÚNG NGHIỆM.

Câu chuyện thứ mười sáu: Huỳnh Thị Lệ Phở, sinh năm: 1967.

Sinh sống: Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tôi tên: Huỳnh Thị Lệ Phở, sinh năm: 1967, sinh ra và lớn lên trong một gia đình đạo thờ ông bà, không biết gì đến Phật Pháp cả, cuộc sống bình yên, hạnh phúc.

Nhưng đến khi lấy chồng sinh con rồi đi lập nghiệp tôi mới nếm trải mùi vị đắng cay, bất hạnh, đau khổ cuộc đời, tôi được người chị hàng xóm rủ đi chùa, lúc đó tôi chưa biết chùa để làm gì, nhưng có người rủ thì đi, đi một thời gian chị ấy bảo tôi quy y, tôi quy y tại tịnh xá Ngọc Long theo hệ phái khất sĩ vào rằm tháng giêng năm 2012, từ đó tôi gia nhập đạo tràng đi tụng kinh, hộ niệm, lễ lạy, cầu xin nhiều thứ, và tôi được biết là làm những việc ấy để sau này chết được vãng sanh tây phương cực lạc.

Đến cuối năm 2017 tôi vào TPHCM mới biết được đạo Phật còn có hệ phái Nguyên thủy, có tạng kinh Nikaya mới đúng lời Phật dạy nên tôi đã lên mạng tìm kiếm đọc và nghe rất nhiều lúc đó tôi mới biết được tu là để giải thoát khỏi luân hồi tái sanh, chứ không phải vãng sanh tây phương cực lạc như bên đại thừa, nhưng làm gì? tu như thế nào? để được giải thoát, tôi chưa tìm ra câu trả lời, tôi lang thang trên mạng tìm kiếm, tình cờ tôi nghe được video của thầy Hoà Võ thấy hay quá tôi nghe được mấy lần rồi bình luận thầy thấy vậy cho

tôi vào học lớp chứng ngộ Tứ Thánh Đế vào ngày 04 tháng 4 năm 2020.

Lúc đầu mới vào học thầy cho bài kinh Chuyển Pháp luân, tổng thuyết và biệt thuyết 12 nhân duyên, 44 căn bản trí, thầy bắt học thuộc, vào trả bài, thầy dò bài đến khi nào thuộc mới thôi, lúc đầu học khó khăn khổ vô cùng với áp lực dò bài, mặc dầu công việc bận rộn tôi vẫn cố gắng, khi vào vẫn cứ bị chê liệt tuệ, nhờ vậy mà trải qua thời gian học tập vất vả gần một năm tôi đã có được lợi ích lớn, đã thông hiểu được bốn Thánh đế, đế thứ nhất tôi đã liễu tri được khổ, và đế thứ hai là nguyên nhân sinh ra khổ đó là 12 nhân duyên, do kiếp quá khứ vô minh mới sinh ra hành, mới có thức đi tái sanh, nên mới có quả hiện tại là danh sắc, lục nhập rồi xúc rồi thọ, ngay từ duyên thọ ta có minh sanh biết được thọ lạc nào cũng vô thường rồi đến khổ nên không tham, thọ khổ nào vô thường cũng sẽ hết nên kham nhẫn không sân, thọ không khổ không lạc là do tham trước đây bây giờ xuống không khổ không lạc là tâm si chờ đủ duyên cắt là xong.

Còn nghiệp hiện tại là ái, thủ hữu, từ duyên thọ có minh sanh không ái, vậy ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, không sanh lại thì quả tương lai không có, không có sanh thì làm gì có già chết sầu bi khổ ưu não như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt, đó là đế thứ ba diệt khổ, đế thứ tư là con đường diệt khổ hằng ngày tu tập theo Bát Chánh Đạo có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thì sẽ không có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định phát sinh.

Như vậy tôi đã thông hiểu được bốn Thánh Đế, đã thấy được tia sáng cuối đường hầm.

Con thành kính tri ân thầy Hoà Võ đã tận tình dạy cho con cùng các đạo hữu trong lớp có được thành tựu được lợi ích lớn.

NAMO BUDDHAYA.

Câu chuyện thứ mười bảy: Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1981.

Tôi tên Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1981 (40 tuổi), tôi sinh ra và lớn lên tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi có duyên biết đến Phật pháp khá sớm. Năm khoảng 7, 8 tuổi, tôi thường được anh chị ruột và hàng xóm dẫn đi chùa lễ Phật, tụng kinh vào mỗi buổi tối. Thời điểm đó, tôi được người lớn chỉ dạy là "có đi chùa, bố thí, tụng kinh, niệm Phật là bản thân sẽ được trời Phật phù hộ, cầu xin điều gì thì sẽ được điều đó, có tội thì sẽ được giảm tội...". Suy nghĩ đó đã luôn hiện hữu trong tâm tôi cho đến lúc tôi lập gia đình - sinh con và đến nay đã 39 năm.

Hơn 30 năm trải qua bao thăng trầm. Tôi luôn tâm niệm "tu là để kiếp sau sẽ được trở lại làm người, sẽ không bị đọa lạc vào ác thú, đọa sứ, địa ngục ". Nếu thực hiện hạnh bố thí thì kiếp sau sẽ được hưởng phước rồi trở thành người giàu sang, quyền thế. Nếu vô tình hay cố ý phạm tội thì cầu xin trời, Phật sẽ được tha thứ, ân xá.

Trong tâm tôi, hình ảnh ngôi chùa, Phật tượng, Phật cốt đã trở thành một tường thành, một nơi mà tôi sẽ nương tựa về mặt tinh thần lẫn tâm linh. Tương lai lâu xa hay vị lai, tôi tin là tôi sẽ trở lại làm người, sẽ tiếp tục hành trình như cuộc sống mà tôi đang sống.

Cơ duyên đến, tháng 6/2020. Tôi tham gia lớp học Sơ Thiện - Trung Thiện - Hậu Thiện nay là Tứ Thánh Đế, do thầy Võ Thế Hòa trực tiếp giảng dạy. Kể từ ngày tham gia lớp học; Tôi đã nhận ra "tu là để giải thoát, mà giải thoát là đạt được Niết bàn, mà Niết bàn là tâm không còn tham, sân, si" chứ không phải Niết bàn là địa điểm hay cõi Tây phương cực lạc hay sẽ mãi đi trong luân hồi như tư duy của tôi trước đây.

Trước khi tham gia khóa học. Tham - Sân trong con người tôi cứ xuất hiện liên tục không thể nào kiềm chế được. Ví dụ như khi gặp cái gì hợp mắt, hợp tai... thì sinh ra yêu thích và muốn có được chúng như: thấy đôi giày, cái áo hay lọ nước hoa..... Ngược lại, nếu

thấy người mình không ưa hay bị ai đó nói xấu, chửi mắng mình thì mình sinh lòng căm ghét, thù hận...

Tôi nhận ra. Vạn vật luôn biến đổi và không có gì là vĩnh cửu. Mọi tham ái trong đời là thú vui giả tạo. Tuy nhận ra điều đó, nhưng tâm Tham - Sân cứ sinh liên tục mà tôi không sao kiểm soát được chúng. Tôi thấy vô cùng mệt mỏi nhưng không có cách nào để thoát ra hay ít nhất là ngừng chúng lại.

Gần 6 tháng, tôi vừa học vừa thực hành chứng nghiệm về 12 nhân duyên. Tôi đã biết con đường mà tôi sẽ đi là sẽ diệt hết 12 nhân duyên, sẽ đi bằng phương tiện Thánh Đạo Tám ngành và đích đến sẽ là Niết bàn mà chính tôi là người cảm nhận được nó thực sự chứ không y cứ vào việc cầu, cúng, tụng, niệm hay tin vào truyền thống, truyền thuyết, hay Đạo sư hay nơi có uy quyền.... truyền lại, rồi làm theo một cách mù quáng. Tôi đã kiểm soát được cảm thọ trong tôi như tâm tôi sân tôi biết tâm tôi đang sân; tâm tôi tham tôi biết tâm tôi đang tham và tôi không còn chạy theo nó. Tôi quyết không để nó "dụ dỗ" tôi vào vô thi lần nữa. Tôi đã chánh niệm - tỉnh giác, tôi thấy trong người tôi một cảm giác nhẹ nhõm, một cảm giác an lạc thật sự.

Như trước đây, tôi đã tin tưởng vào lời chỉ dạy của cha mẹ, anh chị họ hàng... rồi vô tư thực hiện theo mà không có cơ sở chứng nghiệm vào lời họ chỉ dạy. Tôi nhận ra là mình đã đi sai con đường, mình đã đi trong luân hồi mà hoàn toàn không biết.

"Có ít người tắm sông và vớt được nhẫn kim cương" tôi là người may mắn đó. Tôi đã rất may mắn khi gặp được thầy Võ Thế Hòa. Thầy đã nhiệt tâm, vô tư giảng dạy cho tôi về Tứ Thánh Đế là tối thượng, là bài kinh duy nhất làm rung chuyển 10.000 thế giới. Điều tôi luôn ghi lòng tạc dạ là thầy đã chỉ rõ cho tôi đâu là cứu cánh, đâu là Niết bàn, đâu là con đường chấm dứt khổ đau và đâu là con đường để chấm dứt sinh tử luân hồi thực sự.

Kinh Nikaya là cảnh sắc, cảnh thanh diễn tả lại sự thật mà Thế tôn Gotama đã tìm ra rồi chỉ dạy lại cho hậu thế. Thầy Võ Thế Hòa đã cật công hơn nửa đời người (47 năm) tìm cầu chân lý và liên tục hơn

11 năm suy tư không ngừng để tìm ra cốt lõi của 5 Bộ kinh Nikaya (Pali Việt do hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt) rồi giảng dạy lại cho chúng ta. Lần nữa tôi Nguyễn Thị Ngọc Hạnh xin tri ân thầy Võ Thế Hòa.

Câu chuyện thứ mười tám: Phạm Thị Hạnh - Sinh năm 1973

Sinh sống: Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảm tác về thầy Hòa Võ – vị Thầy tôi quý kính.

Tôi là một học giả từng học pháp thầy Hòa Võ mà trước đây tôi cũng đã nghiên cứu nhiều giảng sư giảng dạy bộ kinh Nikaya. Trong đó, Thầy Hòa Võ là Thầy đầu tiên giảng dạy bộ kinh này tôi tâm đắc nhất, người giúp tôi sáng tỏ con đường Tứ thánh đế. Hiểu rõ nỗi khổ của kiếp người. Thông suốt lộ trình 12 nhân duyên và Bát chánh đạo.

Chính là Thầy Hòa Võ – Người mà tôi đáng trân trọng và quý kính. Thầy Hòa Võ không những là một người yêu thương và là người thầy hết lòng vì học trò cũng như tất cả mọi người trên hành tinh này.

Đã từ lâu nay Bộ kinh Nikaya được Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt, ngoài thầy ra không có 1 vị thầy nào phân tích giảng giải rõ ràng cụ thể và thông suốt như thầy Hòa Võ mà tôi đang học hiện nay. Thầy dạy pháp học pháp hành giúp tôi áp dụng vào đời sống rất hữu ích và an lạc cho bản thân chính mình, gia đình và xã hội.

Tôi vô cùng biết ơn thầy Hòa Võ người thầy đã dìu dắt tôi từ bến mê trở về bờ giác. Thầy chính là ánh sáng từ bi, là ngọn hải đăng soi đường, giúp tôi rõ thông trí tuệ, khai sáng tri kiến giải thoát.

- Xin tri ân thầy Hòa Võ – vị thầy kính yêu của nhân loại.

Với sự nhiệt huyết của chính mình tôi cố gắng tu hành tinh tấn để đền đáp công ơn thầy trong muôn một.

Kính bút học trò của thầy.

Phạm Hạnh

Tri ân Thầy và các Đạo Hữu

Thanh Ngọc kính Tri ân Thầy, cảm ơn Đạo Hữu trong lớp học và những lời nhắn gửi.

Cuộc sống ngày nay đã làm không ít người trở nên lo sợ, chán nản và mất lòng tin vào cuộc đời, vào những người xung quanh và thậm chí mất lòng tin vào chính mình. Nhưng may mắn thay, Phật pháp vẫn đang hiện hữu trên thế gian này. Có thể nói, khi người ta trở nên bế tắc trong cuộc sống, khi người vô minh sẽ có những quyết định không đúng đắn. Nhưng cũng có người do phước duyên lớn được gần gũi Phật pháp, đã tịnh tâm lại và tìm đến Chánh pháp để được nghe những lời khuyên và được hướng dẫn tu tập, giải thoát.

Và chúng con cũng thế, chúng con thường nghĩ rằng ân huệ lớn nhất mà cuộc đời dành tặng cho chúng con, đó là được gặp được bậc Chân nhân để được nghe Diệu pháp. Như vậy, có thể nói, 5 Bộ Kinh Tạng Nikaya, mà Thầy Hòa Vô là người có công lớn nghiên cứu, đúc kết, xâu chuỗi lại những lời dạy Cốt lõi của Đức Bổn Sư để truyền dạy, hướng dẫn chúng con. Mỗi người chúng ta đến với Phật pháp bằng muôn hình vạn trạng lý do của riêng mình. Suy cho cùng, dù bằng bất cứ lý do nào, thì cũng xin khẳng định Giáo pháp của Đức Phật là chỗ dựa tâm linh vững chắc nhất của tất cả mọi người.

Trước khi vào lớp học chúng con nhớ đến câu nói của Thầy Hòa Vô thường chia sẻ:

"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ

Vô duyên đối diện bất tương phùng".

Chúng con biết mình chỉ là những kẻ lầm đường lạc lối. Bản tính tham, sân, si trong chúng con vẫn còn rất nhiều. Nhưng chúng con tin rằng với ánh sáng chân lý, đưa chúng con thoát khỏi bóng tối vô minh của cuộc đời.

Hôm nay, tập thể lớp Sơ thiện và Trung Thiện (thành lập ngày 04.4.2020) và đặc biệt Lớp Tứ Thánh Đế (thành tập ngày 01.01.2021). Chúng con xin được tổng kết lại danh sách những người bạn đồng tu trong thời gian qua. Để có tài liệu hướng dẫn cho lớp chúng con, Thầy Hòa Vô đã ngày đêm miệt mài soạn giảng và đúc kết thành công quyển sách: "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng".

Con là Võ Thị Hoàng Yến, pháp danh Thanh Ngọc, sinh ngày 6/7/1979, quê ở Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hiện sinh sống tại Thành Phố Cần Thơ. Con được nhân duyên làm Admin của lớp học Online trong suốt thời gian hơn một năm qua.

Nay, Con xin đại diện tập thể lớp để kính lời Tri Ân đến Thầy Hòa Vô, Thầy đã giúp cho chúng con hiểu biết đến Chánh pháp, rút ngắn bớt thời gian tìm kiếm, tìm hiểu và liễu nghĩa Kinh, thâm thấu được dễ dàng hơn Lời dạy Đức Phật Gotama thông qua 5 bộ Kinh Tạng Nikaya.

Cuộc sống là một hành trình rất dài, và những lời dạy dỗ, hướng dẫn rất quý báu của Thầy trong những ngày tháng qua sẽ mãi là hành trang để chúng con vững bước tiến về phía trước. Thông điệp con muốn gửi gắm đến tất cả lớp chúng ta, hãy luôn cố gắng tinh tấn, kiên trì tu tập để đạt được mục đích giác ngộ giải thoát ngay trong đời này.

Con Kính lời cảm ơn chân thành tất cả quý vị đạo hữu có mặt trong lớp thời gian qua, chúng ta là nguồn động viên, là chất xúc tác để thôi thúc, hình thành nên quyển sách "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng".

Thanh Ngọc xin được gửi lời chúc đến tất cả quý đạo hữu luôn kiên định, nhất tâm, tinh tấn, "tận nhân lực mới tri thiên mệnh" gieo hạt giống Tứ Thánh Đế sớm ngày có thành tựu đạo quả.

Võ Thị Hoàng Yến là Admin của Lớp học online Sơ Thiện và Trung Thiện, Lớp Tứ Thánh Đế. (Thành lập Ngày 04.4.2020).

Và Hoàng Yến cũng là Đại diện Admin trên Facebook của Nhóm Tứ Thánh Đế là Tối Thượng.

Thanh Ngọc xin Tri Ân công lao Cha Mẹ đã nuôi dạy cho con nên người.

Thanh Ngọc xin Tri Ân thầy Võ Thế Hòa đã truyền dạy Giáo pháp của Thế Tôn Gotama.

Thanh Ngọc xin thành kính đánh Lễ, Đức Thế Tôn, Bạc A-La-Hán, Đấng Chánh Biến Tri. 🙏🙏🙏.

Cần thơ ngày 18, tháng 2 năm 2021. Trân trọng kính chào.

Danh Sách Lớp Học online : 27 học viên.

1- An Thúy; 2- Bình Vũ Thúy; 3- Châm Huyền; 4- Châu Út; 5- Chiến Nguyễn; 6- Chúc Tâm; 7- Đoàn Tuấn; 8- Hang Nguyen Le; 9- Hạnh Ngọc; 10- Hoa Vo; 11- Hồng Sen; 12- Hữu Lê; 13- Lâm Duyên; 14- Minh Nguyệt; 15- Ngọc Trâm 16- Nguyễn Mận; 17- Như Ái Liên; 18- Như Liên Quỳnh; 19- Phạm Hạnh; 20- Pho Huỳnh Thi Le; 21- Phương Châu; 22- Thiên Hạ; 23- Thụy Kim; 24- Trung Dũng Đoàn; 25- Uyên Nguyễn; 26- Võ Thị Hoàng Yến; 27- Vũ Thúy Bình.

Danh Sách lớp học online Sơ Thiện - Trung Thiện: gồm 61 học viên.

1- Anna Tran; 2- Bình Thi; 3- Bình Vũ Thúy; 4- Bò Đi Nắng; 5- Cẩm Danh; 6- Châu Út; 7- Chơn Tín Diệu; 8- Chúc Tâm; 9- Đỗ Văn Thịnh; 10- Đoàn Tuấn; 11- Hang Nguyen Le; 12- Hạnh Ngọc; 13- Henry Sparrow; 14- Hoa Bất Tử; 15- Hoa Vo; 16- Hồng Sen; 17-

Hữu Lê; 18- Huỳnh Văn Long; 19- Lâm Duyên; 20- Lan Nguyen; 21- Lenh Vovan; 22- Luan Vu; 23- Mai Huynh; 24- Maithao Nguyen; 25- Minh Nghiêm; 26- Minh Nguyệt; 27- My Le; 28- My Linh Nguyen Thi; 29- Ngọc Huyền Phương; 30- Ngọc Lạc; 31- Nguyễn Hoa Đậu Biếc; 32- Nguyen Loc Bao; 33- Nguyễn Mận; 34- Nguyễn Phước Toàn; 35- Nguyễn Phương; 36- Như Ái Liên; 37- Như Liên Quỳnh; 38- Niem Thanh; 39- Ốc Sên; 40- Phạm Hạnh; 41- Pháp Giác; 42- Pho Huynh Thi Le; 43- Phương Châu; 44- Phương Huynh; 45- Phương Nguyên; 46- Pororo Child; 47- Quang Tiến; 48- Thiên Hạ; 49- Thu TA; 50- Tiểu Dao; 51- Trần Kim Chung; 52- Trần Quốc Thắng; 53- Trần Thị Thanh Thúy; 54- Trieu Kim Phu; 55- Trúc Thành; 56- Trung Dũng Đoàn; 57- Tuyen Vo; 58- Uyên Nguyễn; 59- Võ Thị Hoàng Yến; 60- Vũ Thúy Bình; 61- Vui Vẻ.

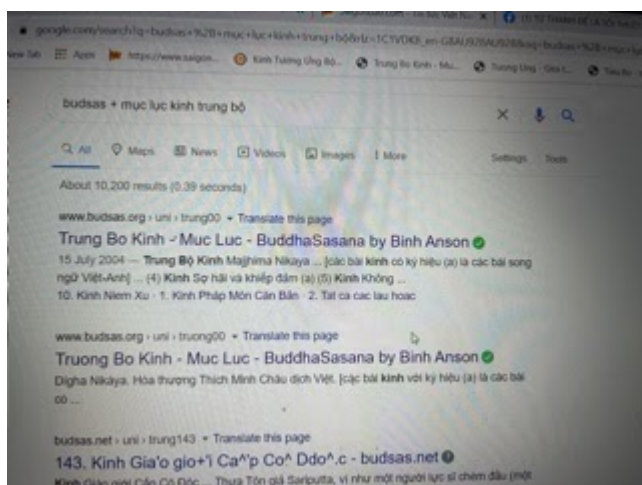
Thư Mục

Sách Tham khảo: Kinh Trung bộ, Kinh Trường bộ, Kinh Tương ưng, Kinh Tăng chi, Kinh Tiểu bộ.

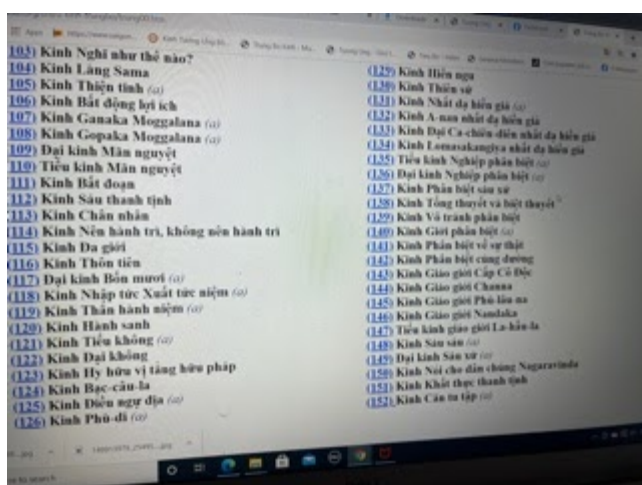
do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali ra Việt ngữ.

Tất cả những bài kinh đã trích dẫn trong cuốn sách Tứ Thánh đế từ năm bộ kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch từ Pali ra Việt ngữ. Tuy nhiên đã copy từ Website BUDSAS.

Nếu những vị muốn biết bài kinh Trung bộ và kinh Trường bộ trong BUDSAS. Vào Google Search đánh như sau:

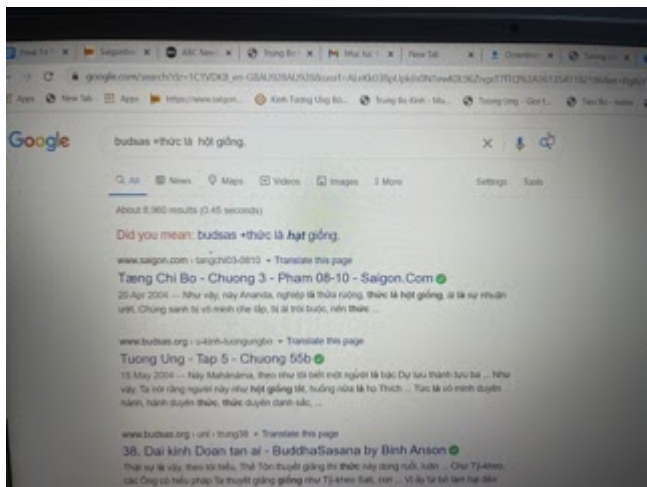


Quý vị bấm vào Trung bộ mục lục có kết quả như sau:



Xong bấm vào kinh số 148 Tương tự đánh mục lục kinh Trường bộ cũng sẽ liệt kê tất cả bài kinh Trường bộ.

Nếu những bài kinh nào thuộc kinh Tăng chi và kinh Tương ưng, quý vị đánh vào vài chữ như tìm đoạn kinh có từ "Thức là hột giống" đánh vào Google search như sau:



Quý vị bấm vào sẽ thấy bài kinh nói về tức là hột giống.

Danh sách những Mạnh Thường Quân

Đã đóng góp ấn tống tập sách này.

Cảm ơn quý vị đã đóng góp chút tài chánh để tập sách được xuất bản vào 4/2021. Hy vọng những học viên trong lớp Chứng ngộ Tứ Thánh để vào học ngày 4/2020 có tài liệu tham khảo và học tập thường xuyên chứng Dự Lưu trong khoảng thời gian 10 năm. Nếu không được thì chờ vị lai không mất mát gì cả.

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	TP. QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	3,000,000 VNĐ
THIÊN HẠ + HẠNH NGỌC	QUẬN 2, TP. HỒ CHÍ MINH	40,000,000 VNĐ

NGUYỄN BÁ CHIẾN	NAM TỪ LIÊM, HÀ NỘI	500,000 VNĐ
PHẬT TỬ THANH NGỌC	Q.NINH KIỀU, TP CẦN THƠ	10,000,000 VNĐ
HUỖNH VĂN LONG	H.TRI TÔN, AN GIANG	1,000,000 VNĐ
NGUYỄN LÊ HẰNG	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN	500,000 VNĐ
TÂM NHƯ HẠNH	QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	3,000,000 VNĐ
THẦY VÕ THẾ HÒA - ÚC	RICHMOND VIC3121, AUSTRALIA	1.250.00 AUD
ĐOÀN TUẤN	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	10,000,000 VNĐ
CÔ VŨ THÚY BÌNH	HUYỆN GIA LỘC, TỈNH GIA LỘC	4,000,000 VNĐ
NHÓM CHÚ ĐOÀN TRUNG DŨNG (Chú	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	10,000,000 VNĐ

Dũng, Hồng Sen, Út Châu, Văn Thịnh - Kiên Giang).		
HUỖNH THỊ PHƯƠNG	QUẬN NINH KIỀU, TP CẦN THƠ	500,000 VNĐ
NHƯ ÁI LIÊN	VĨNH HƯNG, LONG AN	1,000,000 VNĐ
LÂM DUYÊN	VĨNH HƯNG, LONG AN	1,000,000 VNĐ
KIM THỊ THỦY	TRÀ CÚ, TRÀ VINH	1,000,000 VNĐ
MẸ NHƯ ÁI LIÊN	VĨNH HƯNG, LONG AN	1,000,000 VNĐ
ĐOÀN VĂN ĐIỀN (70 Tuổi)	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	5,000,000 VNĐ
BÉ ĐOÀN TỊNH (10 tuổi)	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	500,000 VNĐ
NGUYỄN THỊ LAN	QUẬN NINH KIỀU, TP CẦN THƠ	1,500,000 VNĐ

PHƯƠNG CHÂU	LỚP HỌC TỨ THÁNH ĐỀ	500,000 VNĐ

TỔNG KẾT DANH SÁCH	Số tiền Tổng Cộng	116,000,000 VNĐ

Hình tác giả qua các năm tháng.



Hình 1.

Hình tác giả chụp tại Đà Lạt, Việt nam vào khoảng tháng 4/1995, khoảng 41 tuổi.

Hình 2 : Hình tác giả chụp tại Tu viện Nguyên Thiều, Bình Định, Việt nam vào năm 2005 khoảng 51 tuổi.





Hình 3.

Hình tác giả chụp Đà Nẵng ở Việt nam vào 11/2017, khoảng 63 tuổi.



Hình 4.

Hình mới nhất chụp ở Fitzroy Garden, Melbourne ngày 16/02/2021 lúc tác giả trên 66 tuổi.



Hình 1: minh họa về Kiết Sử giữa 6 nội xứ và sáu nội xứ.



Hình 2 : Minh họa về nắm lá trong tay của Như Lai.

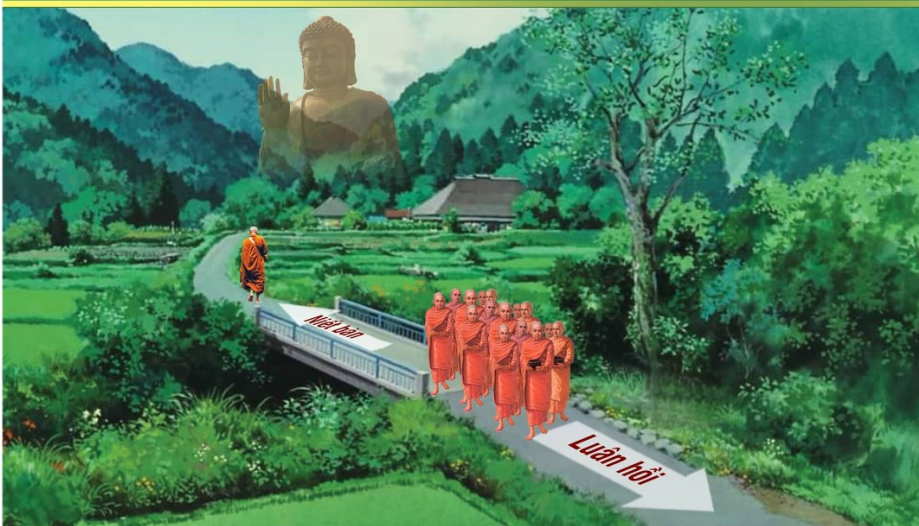


Hình 3 : Khúc gỗ trôi trên sông đang ra Biển = Niết Bàn.

“... này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn,
 trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn,
 và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường.
 Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy,
 giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn,
 một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn,
 Ta làm gì được?

Như Lai chỉ là người chỉ đường.”

*Trích 107. Kinh Moggallāna
 (Gaṇakamoggallāna Sutta) - Kinh Trung Bộ.*



ẤN TỔNG

Hình 4: Minh hoạ về Niết Bàn (Chánh đạo) và Luân hồi (Tà đạo)

MỤC LỤC.

Lời Giới Thiệu.	7
Bởi Hòa Thượng Thích Bửu Chánh.	7
Lời Giới Thiệu.	8
Bởi Tỳ Kheo Thích Giác Tâm.	8
Sư Toại Khanh có một nhận xét lý thú về cuốn sách này.	9
Lời Nhấn Nhủ	10
Lời phi lộ	13
Giới thiệu	17
Những khó khăn học Phật pháp.	17
Những bài kinh liên hệ Tứ Thánh đế.	21
1-Kinh Chuyển Pháp Luân.	21
2-Bốn Thánh đế	27
3-Không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế.	29
4-Con Đường Xưa Cũ.	32
5-Rừng Simsapà	37
Phá Hòa Hợp Tăng	44
Quả Của Phá Hòa Hợp Tăng.	45
Tóm tắt nội dung cuốn sách.	50
Phần I: Bồ thí, Trì giới, Các cõi trời dục giới.	53
Đại cương	53
Chương một: Bồ thí	55

Đại cương	55
C1.1: Căn bản bố thí	57
C1.2 Người được nhận cúng dường như thừa ruộng.	58
C1.3: Bố thí Pháp.	62
C1.3.1: Nhiếp phục Tham, Sân, Si.	62
C1.3.2: Lợi ích cho mình	63
C1.3.3: Lợi cho mình - Những Học Pháp	65
C1.3.4 Kết luận về bố thí	68
Chương hai: Trì giới	69
Đại cương	69
C2.1: Năm giới	70
C2.2: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. (Thánh dự lưu)	71
C2.3: Cư sĩ chứng Thánh dự lưu.	73
C2.4: Bát quan trai (tám giới)	75
C2.5: Thập Giới (Dasasikkhàpada) (10 Giới).	80
C2.6 Kết luận về giới	82
Chương ba: Các cõi trời	83
Đại cương	83
C3.1: Cõi trời Tứ Thiên Vương	84
C3.2: Cõi trời Ba mươi ba	84
C3.3: Cõi trời Dạ ma	85
C3.4: Cõi trời Đâu-Xuất	85
C3.5: Cõi trời Hoá lạc	86
C3.6: Cõi trời Tha hoá Tự tại	86
C3.7 Kết luận về các cõi trời dục giới	89

Chương kết luận cho phần I	91
Phần II: Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục	92
Đại cương	92
Chương bốn: Vị ngọt, Sự nguy hiểm, Sự xuất ly dục.	93
Bài kinh 1- Chánh Giác	93
Bài kinh 2 - Chánh giác	94
Bài kinh 3 - Đại kinh Khổ uẩn	99
Chương năm: Cõi trời sắc giới	108
Tuổi thọ sơ thiên,	110
Tuổi thọ Nhị thiên,	111
Tuổi thọ Tam thiên,	111
Tuổi thọ Tứ thiên,	112
Cõi Tịnh cư Thiên dành cho bậc Thánh Bất Lai.	113
Chương kết luận cho phần II	114
Phần III: Khổ Thánh đế và Khổ Tập Thánh đế	115
Đại cương	115
Tổng thuyết về Lý duyên khởi	117
Biệt thuyết về Lý duyên khởi	118
Nhóm 1: Vô minh ► Hành ► Thức	121
Nhóm 2: Danh Sắc ► Lục nhập ► Xúc ► Thọ	121
Nhóm 3: Ái ► Thủ ► Hữu.	121
Nhóm 4: Sanh ► Già chết, sầu bi, khổ ưu não.	121
Chương sáu: Nghiệp cũ	124
Đại cương	124
C6.1: Vô minh.	131
C6.1.1: Thức ăn Vô minh.	131

C6.1.2: Thế nào là Vô minh?	134
C6.1.3 Kết luận	135
C6.2: Duyên Hành	135
Đại cương	135
C6.2.1: Ý hành.	136
C6.2.1.1: Ý hành thiện.	136
C6.2.1.2: Ý hành ác.	137
C6.2.1.3: Ý hành bất động.	138
C6.2.2: Khẩu hành.	138
C6.2.2.1: Khẩu hành thiện.	138
C6.2.2.2: Khẩu hành ác.	139
C6.2.3: Thân hành.	140
C6.2.3.1: Thân hành thiện.	140
C6.2.3.2: Thân hành ác.	141
C6.2.4 Kết luận	142
C6.3: Thức quá khứ.	142
Đại cương	142
Kết luận về duyên Thức.	143
C6.4 Kết luận về Chương sáu	144
Chương bảy: Quả khổ hiện tại	146
Đại cương	146
C7.0: Khổ Thánh để cần phải liễu tri.	147
C7.0.1: Chuyện mất thân người rồi để có được thân người cực kỳ khó khăn.	148
C7.0.2: Chuyện đau khổ khi sanh vào địa ngục.	149
C7.0.3: Chuyện đau khổ vô cùng trong vòng luân hồi.	152

C7.1: Danh sắc.	154
Đại cương	154
Bài kinh 1 - Nhập thai	154
Đoạn kinh về Bồ tát nhập thai.	154
C7.1.1: Danh.	156
C7.1.2: Sắc (vật chất).	156
Tuần thứ 2: Thụ thai	156
Tuần thứ 6	157
Tuần thứ 19	157
Tuần thứ 40	157
Kết luận về Danh sắc.	157
C7.2: Lục nhập	158
Đại cương	158
C7.2.1: Mắt & Sắc	160
C7.2.2: Tai & Thanh	161
C7.2.3: Mũi & Hương	161
C7.2.4: Lưỡi & Vị	162
C7.2.5: Thân & Xúc	162
C7.2.6: Ý & Pháp	163
C7.2.7: Tà kiến và Chánh kiến	163
C7.2.7.1: Tà kiến	164
C7.2.7.2: Chánh kiến	165
C7.2.8 Kết luận về duyên Lục nhập.	169
C7.3: Thức hiện tại.	171
Đại cương	171
C7.3.1: Nhãn thức.	172

C7.3.2: Nhĩ thức.	173
C7.3.3: Tỷ thức.	174
C7.3.4: Thiệt thức.	175
C7.3.5: Thân thức.	176
C7.3.6: Ý thức.	177
C7.3.8 Kết luận về duyên Thức.	178
C7.3.8 Nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt.	179
C7.3.8.1 Văn tự kinh không giải thoát.	181
C7.3.8.2 Văn tự kinh đưa đến giải thoát.	181
C7.3.8.3 Suy tư là nghiệp.	182
C7.3.8.4 Ái là nhuận ướt.	182
C7.4 Duyên Xúc	183
Đại cương	183
Đoạn kinh về duyên Xúc trích từ Trung bộ 148.	183
C7.4.1: Nhãn xúc.	185
C7.4.2: Nhĩ xúc.	186
C7.4.3: Tỷ xúc.	186
C7.4.4: Thiệt xúc.	187
C7.4.5: Thân xúc.	188
C7.4.6: Ý xúc.	189
C7.4.7 Kết luận về duyên Xúc.	189
C7.5: Thọ do duyên Xúc sanh	190
Đại cương	190
C7.5.0: Vô minh hay Minh sanh.	192
C7.5.1: Nhãn thọ do nhãn xúc sanh.	192

C7.5.2: Nhĩ thọ do nhĩ xúc sanh.	195
C7.5.3: Tỷ thọ do tỷ xúc sanh.	196
C7.5.4: Thiết thọ do thiết xúc sanh.	196
C7.5.5: Thân thọ do thân xúc sanh.	197
C7.5.6: Ý thọ do ý xúc sanh.	198
C7.5.7 Kết luận về duyên Thọ	200
C7.5.8 Vượt khỏi bộc lưu.	203
C7.6: Hành, Tưởng, Dục do duyên xúc sanh.	204
C7.6.1: Dục do duyên Xúc sanh.	204
C7.6.2: Hành do duyên Xúc sanh.	205
C7.6.3: Tưởng do duyên Xúc sanh.	206
C7.6.4: Thọ sai biệt.	208
C7.7 Kết luận Chương bảy.	210
Chương Tám: Nghiệp mới	213
1-Đại cương	213
2-Khở Tập Thánh để cần phải đoạn tận.	215
C8.1: Sáu Ái	216
a-Đại cương.	216
b-Tham, Sân, Si sanh khởi.	218
C8.1.1: Sắc ái.	220
C8.1.2: Thanh ái	222
C8.1.3: Hương ái.	223
C8.1.4: Vị ái.	223
C8.1.5: Xúc ái.	224
C8.1.6: Pháp ái.	224
C8.1.7 Mười kiết sử.	225

C8.1.7.0	Kiệt sử.	225
C8.1.7.1	Năm hạ phần kiết sử.	228
	Thân kiến.	228
	Nghi.	229
	Giới cấm thủ.	230
	Tham.	230
	Sân.	230
C8.1.7.2	Năm thượng phần kiết sử.	231
	Ái sắc (giới).	231
	Ái vô sắc (giới).	231
	Mạn.	231
	Trạo cử.	231
	Vô Minh.	231
C8.2:	Thủ.	231
C8.2.1:	Dục thủ.	232
C8.2.2:	Kiến thủ.	232
C8.2.3:	Ngã luận thủ.	233
C8.2.4:	Giới cấm thủ.	233
C8.3:	Hữu	234
	Dục hữu	234
	Sắc hữu.	234
	Vô sắc hữu.	234
C8.4:	Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng.	235
C8.4.1:	Khổ, Lậu hoặc.	235
C8.4.1.1:	Lậu hoặc.	235

C8.4.1.2: Khổ.	237
C8.4.2: Thức, Tưởng.	237
C8.4.2.1: Thức.	237
C8.4.2.2: Tưởng.	238
C8.4.3: Dục, Nghiệp (hành), Ái.	238
C8.4.3.1: Dục	239
C8.4.3.2: Nghiệp (hành)	239
C8.4.3.3: Ái.	239
C8.5 Kết luận Chương tám.	240
Chương Chín: Quả khổ tương lai	242
C9.1: Sanh	242
C9.1.0 Đại cương	242
C9.1.1: Loài trời.	242
Chuyện thứ nhất - Lâu Đài Của Nữ Tỳ.	243
C9.1.2: Loài người.	247
C9.1.3: Loài ngạ quỷ.	249
Chuyện Con Lợn Rừng (Sukàra)	249
C9.1.4: Loài bàng sanh.	251
C9.1.5: Loài địa ngục.	253
C9.2 Kết Luận Chương chín.	254
Chương mười: 44 Căn bản trí.	256
I-Đại cương	256
II-Bốn mươi bốn căn bản trí.	256
Khổ đế	259
Khổ Tập đế	259
Khổ Diệt đế	260

Khổ diệt Đạo đế	260
C10.1: Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, già chết diệt đạo trí.	261
C10.2: Sanh trí, Sanh tập trí, Sanh diệt trí, Sanh diệt đạo trí.	261
C10.3: Hữu trí, Hữu tập trí, Hữu diệt trí, Hữu diệt đạo trí.	261
C10.4: Thủ trí, Thủ tập trí, Thủ diệt trí, Thủ diệt đạo trí.	262
C10.5: Ái trí, Ái tập trí, Ái diệt trí, Ái diệt đạo trí.	262
C10.6: Thọ trí, Thọ tập trí, Thọ diệt trí, Thọ diệt đạo trí.	262
C10.7: Xúc trí, Xúc tập trí, Xúc diệt trí, Xúc diệt đạo trí.	263
C10.8: Lục nhập trí, Lục nhập tập trí, Lục nhập diệt trí, Lục nhập diệt đạo trí.	263
C10.9: Danh sắc trí, Danh sắc tập trí, Danh sắc diệt trí, Danh sắc diệt đạo trí.	263
C10.10: Thức trí, Thức tập trí, Thức diệt trí, Thức diệt đạo trí.	264
C10.11: Hành trí, Hành tập trí, Hành diệt trí, Hành diệt đạo trí.	264
III- Áp dụng Tứ đế vào năm uẩn.	265
Bài kinh Thủ Chuyển	265
1-Bốn trí về Sắc.	268
2-Bốn trí về Thọ.	269
3-Bốn trí về Tưởng.	269
4-Bốn trí về Hành.	270
5-Bốn trí về Thức.	270

IV- Áp dụng Tứ đế và Sai biệt trí, Dị thực trí .	271
1- Bài kinh một Pháp Quyết Trạch	271
2-Tóm lược bài kinh.	279
Kết luận chương mười.	280
Kết Luận phần III.	281
PHẦN IV: Diệt khổ & Con đường diệt khổ.	283
Đại cương	283
Bài kinh về A-Tu-La Pahàràda	283
Chương 11: Diệt khổ.	290
Đại cương.	290
Niết Bàn như Khúc Gỗ đã trôi đến biển.	291
Pháp Thiết thực hiện tại chính là Niết bàn.	295
C11.0: Khổ Diệt Thánh để cần phải chứng ngộ.	297
C11.1 Bậc Thánh thứ nhất (Dự lưu).	298
C11.1.1 Thế nào là không thân kiến?	298
Bài kinh 1	298
Bài kinh 2.	300
C11.1.2 Thế nào là không nghi?	304
C11.1.3 Thế nào là không giới cấm thủ?	306
Thành tựu giới.	307
C11.1.4 Có một phương pháp khác chứng bậc Thánh Dự lưu.	308
Theo kinh Trung bộ số 2 - Các lậu hoặc.	308
Núi Sineru (1) (Tu Di) (S.v,457)	308
C11.2 Bậc Thánh thứ hai (bậc Thánh nhất lai)	310
C11.3 Bậc Thánh thứ ba (bậc Thánh bất lai)	310

C11.3.1 Không thân kiến, không nghi, không giới cấm thủ.	310
C11.3.2 Thế nào tham, sân đoạn tận hoàn toàn?	311
C11.4 Bạc Thánh A la hán	311
C11.4.1 Đoạn tận năm hạ phần kiết sử như bậc Thánh bất lai.	311
C11.4.2 Đoạn tận năm thượng phần kiết sử.	311
C11.5 Chứng bậc Thánh A La Hán đồng nghĩa Sanh đã tận.	312
C11.6 Kết luận về Chương 11.	318
Chương 12: Con đường diệt khổ.	319
a-Đại cương.	319
b-Tổng thuyết & biệt thuyết của bát chánh.	319
c-Chánh đạo và tà đạo	321
C12.1 Chánh tri kiến.	326
Đại cương	326
Thế nào là Chánh tri kiến ?	326
Thế nào là minh?	326
C12.1.1: Rõ biết khổ.	328
C12.1.2: Rõ biết nguyên nhân khổ.	329
C12.1.3: Rõ biết diệt khổ.	331
C12.1.4: Rõ biết con đường diệt khổ.	332
C12.1.5 Kết Luận về Chánh tri kiến.	332
C12.2 Chánh Tư duy.	332
Đại cương	332
Thế nào là chánh tư duy?	333
C12.2.1: Suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn.	335

C12.2.2: Suy nghĩ từ bỏ sự sân hận.	335
C12.2.3: Suy nghĩ từ bỏ sự tàn hại .	335
C12.3.4 Kết Luận về Chánh tư duy.	336
C12.3 Chánh ngữ.	336
Đại cương.	336
Thế nào là chánh ngữ?	336
C12.3.1: Không nói láo.	337
C12.3.2: Không nói hai lời.	338
C12.3.3: Không nói lời độc ác.	338
C12.3.4: Không nói lời phù phiếm.	338
C12.3.5 Kết luận về chánh ngữ.	339
C12.4 Chánh nghiệp.	339
Đại cương	339
Thế nào là chánh nghiệp?	340
C12.4.1: Không sát sanh.	340
C12.4.2 Không lấy của không cho.	340
C12.4.3 Không tà dâm.	340
C12.4.4 Kết luận về chánh nghiệp.	341
C12.5 Chánh mạng.	341
Đại cương	341
Thế nào là chánh mạng?	342
Kết luận về chánh mạng.	342
C12.6 Chánh tinh tấn.	343
Đại cương	343
Thế nào là chánh tinh tấn?	343
Căn bản Thiện và căn bản Bất Thiện.	344

C12.7 Chánh niệm.	346
Đại cương	346
Thế nào là chánh niệm?	347
C12.7.1 Quán thân trên thân	347
C12.7.2 Quán thọ trên thọ.	355
C12.7.3 Quán tâm trên tâm.	356
C12.7.4 Quán pháp trên pháp.	358
Quán năm triền cái.	358
Quán năm thủ uẩn.	359
Quán sáu nội ngoại xứ.	360
Quán Bảy Giác chi.	361
Quán Tứ Thánh đế	362
Bài kinh Thân hành niệm	363
C12.7.5 Kết luận về chánh niệm.	366
C12.8: Chánh định.	367
Tổng thuyết.	368
Thế nào là chánh định?	368
C12.8.A Năm dục trưởng dưỡng	369
C12.8.B Năm triền cái phải đoạn tận.	371
C12.8.1: Sơ thiền.	372
C12.8.2: Nhị thiền.	372
C12.8.3: Tam thiền.	372
C12.8.4: Tứ thiền.	373
Biệt thuyết - Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất.	
373	
Kết Luận về Chánh định.	376

C12.9 Chánh trí	377
C12.10 Chánh giải thoát.	377
C12.11 Kết Luận về Chương 12	378
kinh Tượng pháp	380
Kết Luận Phần IV.	383
Phần Kết Luận Tập sách.	385
Phần Giới thiệu	385
Phần I: Bồ thí, Trì giới, Cõi trời dục giới	387
Phần II: Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục	387
Phần III trình bày Lý Duyên khởi tức Luật Nhân quả	388
Phần IV trình bày Diệt Khổ và Con đường dẫn đến diệt khổ	389
Phụ Lục	393
Nghiệp là thừa ruộng, thức là hột giống, ái là sự nhuận ướt.	393
Mười Ân đức của Đức Phật.	396
Phương pháp học hiệu quả	398
Lòng Biết Ơn	404
Giới thiệu về tác giả.	405
Những câu chuyện có thật của các học viên.	411
Câu chuyện thứ nhất: Võ Thị Hoàng Yến, sinh năm 1979.	411
Câu chuyện thứ hai: Nguyễn công Uyên. Sinh năm 1987.	423
Câu chuyện thứ ba: Đoàn Trung Dũng. Sinh năm 1961.	425
Câu chuyện thứ tư: Đoàn Tuấn. Sinh năm 1978.	427

Câu chuyện thứ năm: Trần Thị Vân, sinh năm 1965.	
431	
Câu chuyện thứ sáu: Dương Văn Dứt. Sinh năm 1978.	
434	
Câu chuyện thứ bảy: Lương Thị Sen. Sinh năm 1975.	
437	
Câu chuyện thứ tám: Nguyễn Lệ Hằng. Sinh năm 1969.	440
Câu chuyện thứ chín: Vũ Thị Thuý Bình. Sinh năm 1954.	441
Câu chuyện thứ mười: Nguyễn Bá Chiến sinh năm 1997.	447
Câu chuyện thứ mười một: Nguyễn Thị Minh Nguyệt, sinh năm 1965.	451
Câu chuyện thứ mười hai: Như Ái Liên.	453
Câu chuyện thứ mười ba: Kim Thị Thủy, quê quán Trà Vinh.	454
Câu chuyện thứ mười lăm: Nguyễn Hương Trâm (Pháp danh Hạnh Liên), được sinh ra và lớn lên ở Kiên Giang, Việt Nam.	456
Câu chuyện thứ mười sáu: Huỳnh Thị Lệ Phố, sinh năm: 1967.	459
Câu chuyện thứ mười bảy: Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1981.	461
Câu chuyện thứ mười tám: Phạm Thị Hạnh - Sinh năm 1973	463
Tri ân Thầy và các Đạo Hữu	464
Danh Sách Lớp Học online : 27 học viên.	466
Thư Mục	467

Danh sách những Mạnh Thường Quân	469
Hình tác giả qua các năm tháng.	473
Hình 1.	473
Hình 2 : Hình tác giả chụp tại Tu viện Nguyên Thiều, Bình Định, Việt nam vào năm 2005 khoảng 51 tuổi.	474
Hình 3.	475
Hình 4.	476
Hình 1: minh họa về Kiết Sử giữa 6 nội xứ và sáu nội xứ.	477
Hình 2 : Minh họa về năm lá trong tay của Như Lai.	478
Hình 3 : Khúc gỗ trôi trên sông đang ra Biển = Niết Bàn.	479
Hình 4: Minh họa về Niết Bàn (Chánh đạo) và Luân hồi (Tà đạo)	481